

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Thu Nguyệt

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO
- NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

Hà Nội - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Thu Nguyệt

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO
- NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ

Chuyên ngành: Hồ Chí Minh học
Mã số: 9310204.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- GS.TS. Trần Thị Minh Tuyết
- TS. Trần Thị Điều

Hà Nội - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các kết quả nghiên cứu và dữ liệu được trình bày trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ.

Tác giả Luận án

Lê Thu Nguyệt

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận án với đề tài “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị*”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn và hỗ trợ quý báu từ nhiều tập thể và cá nhân.

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu, Ban Chủ nhiệm cùng toàn thể giảng viên, cán bộ Khoa Chính trị và Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội; Ban Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội đã tận tình giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới hai nhà giáo hướng dẫn khoa học là GS.TS. Trần Thị Minh Tuyết và TS. Trần Thị Diệu. Hai cô đã dành nhiều thời gian và tâm huyết để chỉ bảo, định hướng, giúp tôi hoàn thiện công trình nghiên cứu này.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp tại Đại học Bách khoa Hà Nội đã luôn là nguồn động viên, khích lệ to lớn, giúp tôi vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành luận án.

Tác giả Luận án

Lê Thu Nguyệt

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC 1

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT 4

MỞ ĐẦU 5

1. Tính cấp thiết của đề tài 5

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 7

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu 8

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu 8

5. Đóng góp mới của luận án 10

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án 11

7. Kết cấu của đề tài 11

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN

ĐẾN ĐỀ TÀI 12

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án 12

1.1.1. Những công trình nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh
về nhà giáo 12

1.1.2. Những công trình nghiên cứu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh
về nhà giáo 20

1.1.3. Những công trình nghiên cứu giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh
về nhà giáo 28

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề cần
tiếp tục nghiên cứu 43

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài 43

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu 45

Tiểu kết chương 1 48

Chương 2. KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG

HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO 49

2.1. Một số khái niệm cơ bản 49

2.1.1. Khái niệm “Nhà giáo”	49
2.1.2. Khái niệm “ <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo</i> ”	55
2.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo	58
2.2.1. <i>Cơ sở thực tiễn</i>	58
2.2.2. <i>Cơ sở lý luận</i>	71
2.2.3. <i>Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</i>	83
Tiểu kết chương 2	89
Chương 3. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO	91
3.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của nhà giáo	91
3.1.1. <i>Nhà giáo là nhân tố quyết định sự thành, bại của hoạt động giáo dục</i> ...	91
3.1.2. <i>Nhà giáo góp phần đào tạo ra lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng và gánh vác tương lai của nước nhà</i>	94
3.1.3. <i>Nhà giáo là những người chiến sĩ trên mặt trận giáo dục góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam</i>	96
3.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về yêu cầu đối với nhà giáo	99
3.2.1. <i>Về phẩm chất, năng lực của nhà giáo</i>	99
3.2.2. <i>Về nội dung giảng dạy</i>	104
3.2.3. <i>Về phương pháp giảng dạy</i>	113
3.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo	122
3.3.1. <i>Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, đồng thời nâng cao ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi người</i>	122
3.3.2. <i>Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong các nhà trường và nhân rộng các điển hình tiên tiến</i>	125
3.3.3. <i>Chú trọng việc nêu gương, thực hiện sự tôn vinh các nhà giáo tiêu biểu trong ngành giáo dục</i>	127
3.3.4. <i>Thực hành dân chủ trong nhà trường và tăng cường đoàn kết</i>	130
3.3.5. <i>Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với đội ngũ nhà giáo</i>	133
Tiểu kết chương 3	135

Chương 4. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO.....	137
4.1. Giá trị lý luận	137
4.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã tiếp thu, phát triển và nâng lên tầm cao mới truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc	137
4.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo tinh hoa giáo dục phương Đông, phương Tây và chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam.....	140
4.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo trong thời kỳ đổi mới.....	146
4.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo gợi mở những nội dung căn cốt để xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại.....	154
4.2. Giá trị thực tiễn	157
4.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần thực hiện thành công công cuộc xóa nạn mù chữ, từng bước nâng cao dân trí	157
4.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã đưa ra định hướng và góp phần thực hiện thành công các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam	162
4.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo gợi mở giải pháp cho công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong kỷ nguyên phát triển mới.....	169
Tiểu kết chương 4	186
KẾT LUẬN.....	187
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ	
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	190
TÀI LIỆU THAM KHẢO	191

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Diễn giải
C. Mác	Các Mác
ILO	International Labour Organization (Tổ chức Lao động Quốc tế)
Nxb	Nhà xuất bản
Ph. Ăngghen	Phri-đơ-rích Ăng-ghen
UNESCO	United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization (Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc)
V.A. XuKhômlinxki	Vasyl Oleksandrovykh Sukhomlynsky
V.I. Lênin	Voladimira Ilich Lênin

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, hiếm có vĩ nhân nào có sự cống hiến đa dạng và to lớn như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người không chỉ là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất mà còn là nhà tư tưởng lớn với hệ thống quan điểm toàn diện về cách mạng Việt Nam, trong đó có tư tưởng sâu sắc về giáo dục. Với tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh là người đặt nền móng cho nền giáo dục mới của nước Việt Nam độc lập, hướng tới mục tiêu cao cả là “ai cũng được học hành” [99, tr.156]. Tuy nhiên, theo Người, để mục tiêu ấy trở thành hiện thực thì đội ngũ nhà giáo giữ vai trò quyết định, bởi “không có thầy giáo thì không có giáo dục” [105, tr.345]. Vì thế, tư tưởng về nhà giáo đã chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng về giáo dục nói riêng. Đến nay, tư tưởng đó vẫn giữ nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, tiếp tục là cơ sở định hướng cho việc xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới. Chính vì vậy, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận thức đầy đủ hơn những giá trị bền vững trong tư tưởng của Người, đồng thời góp phần vận dụng sáng tạo vào thực tiễn giáo dục hiện nay.

Xu thế phát triển chung của thế giới hiện nay cũng cho thấy sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài, bởi nguồn nhân lực ngày càng trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh kinh tế tri thức, cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, lợi thế phát triển không còn chủ yếu dựa vào tài nguyên thiên nhiên hay nguồn vốn mà ngày càng phụ thuộc vào chất lượng nguồn nhân lực. Với tư cách là lực lượng trực tiếp thực hiện sự nghiệp “trồng người”, đội ngũ nhà giáo giữ vai trò quyết định trong việc hình thành tri thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực sáng tạo của các thế hệ công dân. Do đó, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn góp phần làm rõ những yêu cầu mà thực tiễn đang đặt ra đối với đội ngũ nhà giáo trong việc đào tạo nguồn nhân lực

chất lượng cao và “lớp công dân toàn cầu” để đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế ngày càng mạnh mẽ của đất nước.

Đối với Việt Nam, việc nghiên cứu đề tài càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh đất nước đang đứng trước vận hội lịch sử để bước vào “kỷ nguyên vươn mình” của dân tộc, với khát vọng xây dựng quốc gia hùng cường, thịnh vượng và từng bước hiện thực hóa tầm nhìn đến năm 2045. Để đạt được khát vọng đó, Đảng và Nhà nước xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới, đồng thời coi giáo dục, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một trong những đột phá chiến lược giữ vai trò then chốt đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Gần đây nhất, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ: “Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới” [33, tr.100]. Để hiện thực hóa định hướng chiến lược đó, nhà giáo được xác định “là động lực, quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo” [6] theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo mà Bộ Chính trị đã ban hành. Lúc này, đội ngũ nhà giáo không chỉ thực hiện chức năng truyền thụ tri thức mà còn đảm nhiệm sứ mệnh đào tạo nên những con người có khát vọng vươn lên, có bản lĩnh, trí tuệ và năng lực sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển bứt tốc của đất nước trong thời đại mới. Chính những yêu cầu mới đó càng đòi hỏi cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ và vận dụng những giá trị trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo nhằm góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Sau cùng, thực tiễn phát triển giáo dục hiện nay cũng đang đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết đối với đội ngũ nhà giáo. Đơn cử như theo Luật Nhà giáo (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026), tiền lương của nhà giáo trong khu vực công lập được xác định ở mức cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp, kèm theo các khoản phụ cấp ưu đãi nghề, song trên thực tế mức thu nhập của đội ngũ nhà giáo hiện nay vẫn chưa thực sự đạt được vị trí tương xứng. Với cơ chế tiền lương đang áp dụng (tính theo mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2024), dù đã có phụ cấp, thu nhập của giáo viên, đặc biệt là giáo viên mới vào nghề, vẫn còn ở mức thấp và chưa phản ánh đầy đủ tính chất đặc thù cũng như yêu cầu của nghề

nghiệp. Thực tế đó cho thấy khoảng cách nhất định giữa quy định chính sách và thực tiễn triển khai, đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiền lương đối với nhà giáo trong thời gian tới. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và các công nghệ số đang làm thay đổi sâu sắc phương thức dạy học, tiếp cận tri thức và tổ chức hoạt động giáo dục. Điều này vừa mở ra những cơ hội mới, vừa đặt ra không ít thách thức đối với vị thế, vai trò và năng lực nghề nghiệp của nhà giáo trong thời đại số. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ góp phần khẳng định những giá trị bền vững của nghề dạy học mà còn cung cấp những luận cứ lý luận quan trọng để định hướng quá trình xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo có đủ phẩm chất, năng lực và khả năng thích ứng với những yêu cầu mới của thời đại.

Như vậy, chiều sâu trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, thực trạng đội ngũ nhà giáo, xu thế mới của thời đại và mục tiêu phát triển của đất nước đang đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, khai thác từ đó các giá trị to lớn nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo Việt Nam để phục vụ cho công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nói riêng và mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước nói chung. Vì những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề ***“Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị”*** làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Hồ Chí Minh học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích

Luận án làm rõ cơ sở hình thành và nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, qua đó khẳng định giá trị to lớn, bền vững trong tư tưởng của Người trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn.

2.2. Nhiệm vụ

Để thực hiện mục đích trên, luận án giải quyết một số nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, khái quát những kết quả đã đạt được và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Thứ hai, làm rõ các khái niệm công cụ có liên quan đến đề tài như “Nhà giáo”, “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo”; đồng thời, luận giải cơ sở hình thành

tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo từ các góc độ như thực tiễn, lý luận và vai trò chủ quan của Người.

Thứ ba, nghiên cứu và làm sáng tỏ những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, bao gồm vai trò của nhà giáo, yêu cầu đặt ra đối với nhà giáo và biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

Thứ tư, phân tích giá trị lý luận, thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đối với nền giáo dục Việt Nam trong các chặng đường cách mạng của đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, bao gồm cơ sở hình thành, nội dung và các giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Người.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án nghiên cứu các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh về nhà giáo và hoạt động thực tiễn của Người liên quan đến đội ngũ nhà giáo

Phạm vi thời gian: Thời gian nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: Khảo sát toàn bộ tiến trình cuộc đời hoạt động của Người, trọng tâm là từ năm 1945 đến 1969. Thời gian nghiên cứu giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: Gắn với việc hình thành nền giáo dục mới ở Việt Nam, trong đó tập trung vào giai đoạn đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục từ Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) đến nay.

Phạm vi không gian: Luận án chủ yếu đánh giá giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo ở Việt Nam

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Về cơ sở lý luận, luận án được thực hiện dựa trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam như sau:

Trước hết, chủ nghĩa Mác - Lênin cung cấp cơ sở phương pháp luận để luận án nhận thức và lý giải vai trò của nhà giáo trong tiến trình phát triển xã hội. Theo quan điểm của C. Mác và V.I. Lênin, giáo dục là công cụ để giải phóng con người, xây dựng xã hội mới, trong đó nhà giáo giữ vị trí trung tâm trong việc hình thành nhân cách và tri thức của con người xã hội chủ nghĩa.

Cùng với đó, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giáo dục nói chung và nhà giáo nói riêng là căn cứ chính trị - thực tiễn quan trọng để luận án đối chiếu, làm rõ giá trị soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin, tác giả lựa chọn các phương pháp chuyên ngành và liên ngành của khoa học xã hội và nhân văn để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ mà đề tài đã đặt ra. Cụ thể:

Trước hết, *phương pháp văn bản học* được sử dụng nhằm hệ thống hóa, xử lý các nguồn tư liệu gốc như các bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng, Nhà nước và các công trình nghiên cứu có liên quan đến tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Đây là phương pháp quan trọng để nghiên cứu sinh khai thác, luận giải và khái quát nội dung, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Phương pháp phân tích - tổng hợp được vận dụng nhằm tách biệt, làm rõ từng khía cạnh cụ thể trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, sau đó tổng hợp lại thành một chỉnh thể nhằm phản ánh tính toàn diện, hệ thống trong tư tưởng của Người về nhà giáo.

Phương pháp trừu tượng hóa và khái quát hóa giúp luận án xây dựng các khái niệm “công cụ”, rút ra những luận điểm có tính bản chất, khái quát từ các hiện tượng và dữ liệu cụ thể, qua đó xác định rõ nội hàm, cấu trúc và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Phương pháp kết hợp logic và lịch sử được sử dụng nhằm tái hiện quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong mối liên hệ biện chứng giữa bối cảnh lịch sử - xã hội với tiến trình phát triển tư duy lý luận của Người và thực trạng đội ngũ nhà giáo Việt Nam hiện nay.

Phương pháp quy nạp và diễn dịch được sử dụng khi nghiên cứu sinh viết luận án dưới dạng đưa ra các luận điểm lớn và sau đó làm rõ nó bằng cách luận cứ, luận chứng cụ thể.

Đặc biệt, *phương pháp so sánh* được sử dụng khi tiến hành so sánh tư tưởng của Hồ Chí Minh với truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa phương Đông, phương Tây, chủ nghĩa Mác - Lênin; so sánh quan điểm của Đảng ở các thời điểm khác nhau; so sánh giữa lý luận và thực tiễn để chứng minh giá trị, sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Việc kết hợp đồng bộ các phương pháp trên giúp luận án bảo đảm tính logic, khách quan và khoa học trong toàn bộ quá trình nghiên cứu, đồng thời làm sáng tỏ chiều sâu lý luận và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

5. Đóng góp mới của luận án

Từ hướng tiếp cận ngành Chính trị học, chuyên ngành Hồ Chí Minh học, luận án có một số đóng góp mới như sau:

Thứ nhất, luận án góp phần làm sáng tỏ khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo”, xác định rõ cơ sở hình thành tư tưởng ấy trong mối quan hệ biện chứng giữa bối cảnh lịch sử - xã hội, truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa nhân loại và nhân cách Hồ Chí Minh. Qua đó, luận án bổ sung và hoàn thiện thêm hệ thống khái niệm nghiên cứu trong lĩnh vực Hồ Chí Minh học.

Thứ hai, luận án đã hệ thống hóa và phân tích các nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, bao gồm quan điểm về vai trò của nhà giáo trong sự nghiệp “trồng người”; yêu cầu về phẩm chất, năng lực của nhà giáo và biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Việc luận giải sâu các nội dung này góp phần khẳng định tầm nhìn, triết lý và giá trị nhân văn sâu sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung và về người thầy nói riêng.

Thứ ba, luận án làm rõ giá trị lý luận và giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong bối cảnh hiện nay, chỉ ra ý nghĩa định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ đội ngũ nhà giáo trong thời kỳ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, cũng như trong quá trình xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện trong sự tương thích với mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới và tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của đất nước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị ”* góp phần hoàn thiện hệ thống lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Kết quả nghiên cứu giúp làm rõ vị trí, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong chỉnh thể tư tưởng của Người, khẳng định mối quan hệ thống nhất giữa giáo dục, con người và sự nghiệp cách mạng. Việc luận giải nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc nhận thức sâu sắc hơn bản chất cách mạng, nhân văn và hiện đại trong tư tưởng giáo dục của Người. Đồng thời, luận án khẳng định vai trò của nhà giáo với tư cách là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp “trồng người”, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Trên nền tảng đó, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần phát triển lý luận về con người, giáo dục và đội ngũ nhà giáo trong hệ thống lý luận chính trị của Đảng, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học phục vụ công tác nghiên cứu và giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án *“ Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị ”* góp phần định hướng cho việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong công tác giáo dục, đào tạo và phát triển đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận án giúp nhận thức rõ hơn vai trò, trách nhiệm và phẩm chất của người thầy trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; qua đó khẳng định nhà giáo là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp “trồng người”, giữ vai trò quyết định đối với chất lượng nguồn nhân lực và sự phát triển bền vững của đất nước.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các cá nhân, cơ sở đào tạo, nghiên cứu, giảng dạy hay quan tâm đến các môn *Tư tưởng Hồ Chí Minh* hay *Khoa học giáo dục*.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình nghiên cứu tác giả đã công bố có liên quan đến nội dung của luận án, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của đề tài luận án bao gồm bao gồm 04 chương, 09 tiết.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo

Thực tế đã chứng minh, “tư tưởng càng vĩ đại khi nguồn gốc của nó càng sâu xa, cơ sở của nó càng rộng lớn” [10, tr.56]. Ở chiều ngược lại, việc tìm hiểu cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo sẽ góp phần quan trọng trong việc làm sáng tỏ nội dung cơ bản và giá trị minh triết trong tư tưởng của Người. Vì thế, chủ đề này đã thu hút sự chú ý của không ít nhà nghiên cứu.

Công trình *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp chống nạn thất học, nâng cao dân trí* của Vương Kiệm Toàn, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1986 [135] gồm hai phần lớn, tái hiện sinh động tư tưởng và chỉ đạo thực tiễn của Hồ Chí Minh đối với công cuộc xóa mù chữ, nâng cao dân trí ở Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám. Bám sát tiến trình lịch sử, phần I cuốn sách đã làm rõ vai trò lãnh đạo và định hướng chiến lược của Hồ Chí Minh trong công cuộc xóa nạn mù chữ, phát triển dân trí và xây dựng nền văn hóa mới với tinh thần “giáo dục là quốc sách hàng đầu”. Phần II đã tuyển chọn các thư, điện, bài nói và bài viết của Hồ Chí Minh về chống nạn thất học - những tư liệu gốc phản ánh trực tiếp tư tưởng của Người về giáo dục, tri thức và vai trò người dạy học. Công trình này đã cung cấp cho nghiên cứu sinh một lượng tư liệu hữu ích để thấu hiểu cơ sở thực tiễn đã hình thành nên quan điểm của Hồ Chí Minh về nhà giáo với tư cách là người chiến sỹ tuyên chiến với “giặc dốt” và góp phần phát huy, giải phóng năng lực con người, đưa dân tộc tới ánh sáng của tri thức và đạo đức.

Tác giả Nguyễn Lân với cuốn sách *Hồ Chủ tịch - Nhà giáo dục vĩ đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990 [77] đã hệ thống hóa các bài viết, bài nói, thư từ và chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ sau Cách mạng Tháng Tám đến cuối đời, qua đó làm rõ quan điểm của Người về giáo dục - đào tạo như một nhiệm vụ chiến lược của cách mạng, trong đó con người và đội ngũ nhà giáo giữ vị trí quan trọng. Công trình khẳng định Hồ Chí Minh vừa là lãnh tụ cách mạng, vừa là nhà giáo dục với

tầm nhìn nhân văn và toàn diện, coi giáo dục là một bộ phận trọng yếu trong chiến lược phát triển đất nước. Với hệ thống tư liệu xác thực, phong phú, với cách tiếp cận đa chiều, công trình đã đi đến kết luận: “Tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh được hình thành từ sự kế thừa truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc; đồng thời tiếp thu những tư tưởng giáo dục tiến bộ của nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin” [77, tr.17]. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là một bộ phận của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nên quan điểm của tác giả về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đã giúp nghiên cứu sinh định hình các yếu tố cơ bản hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một sự nghiệp, một thời đại* của tác giả Phạm Văn Đồng, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990 [38] đã không chỉ tái hiện tầm vóc tư tưởng, đạo đức và nhân cách vĩ đại của Hồ Chí Minh, mà còn nhấn mạnh đến di sản tinh thần mà Người để lại cho dân tộc, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo con người. Ở đó, ông khẳng định: “Hồ Chí Minh là tấm gương sáng nhất về người thầy của dân tộc, thầy của mọi thế hệ Việt Nam” [38, tr.76]. Quan điểm của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng về hình tượng “người thầy Hồ Chí Minh” giúp nghiên cứu sinh nhận ra tầm quan trọng của nhân tố chủ quan trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - nơi hội tụ giữa tư tưởng và hoạt động thực tiễn phong phú thông qua nhân cách cao cả của Người. Dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh sự kính trọng đặc biệt và tình yêu vô hạn, năm 1991 Phạm Văn Đồng viết tiếp công trình *Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb Sự thật, Hà Nội [39]. Ở công trình này, Phạm Văn Đồng không chỉ khắc họa Hồ Chí Minh như một lãnh tụ kiệt xuất, người mở ra thời đại độc lập - tự do cho dân tộc Việt Nam, mà còn là một nhà tư tưởng lớn về giáo dục, về con người và về văn hóa. Phạm Văn Đồng khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục chính là nền tảng cho sự nghiệp “trồng người” của đất nước: “Di sản tinh thần mà Bác Hồ để lại là một kho tàng vô giá, trong đó tư tưởng giáo dục con người chiếm vị trí trung tâm” [39, tr.89]. Tác giả đã không tiếp cận Hồ Chí Minh như một nhân vật của quá khứ mà như hình tượng bất hủ, có giá trị soi sáng tương lai. Việc khẳng định sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh từ một nhà văn hóa lớn, một cộng sự thân thiết của Chủ tịch Hồ

Chí Minh thúc đẩy nghiên cứu sinh tìm hiểu những cội nguồn đã làm nên nội dung và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển* của Võ Nguyên Giáp, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991 [45] đã khái quát tiến trình hình thành, phát triển và hoàn thiện hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Tác giả khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh được kết tinh từ truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và thực tiễn cách mạng Việt Nam; trong đó, tư tưởng về giáo dục và “trồng người” giữ vị trí quan trọng. Võ Nguyên Giáp viết: “Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn coi giáo dục là nền tảng để xây dựng con người mới và xã hội mới” [45, tr.114]. Theo ông, chính từ nhận thức đó, Hồ Chí Minh đã phát triển quan niệm toàn diện về người thầy - người giữ vai trò bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức và trí tuệ cho thế hệ mai sau. Như vậy, sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã xuất phát từ yêu cầu thực tiễn là công cuộc kháng chiến, kiến quốc và nhiệm vụ xây dựng nền giáo dục mới, con người mới ở Việt Nam.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới* được viết bởi tác giả Furuta Motoo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997 [43] là một công trình nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh từ góc nhìn của một học giả quốc tế. Tác phẩm không chỉ phân tích Hồ Chí Minh như một nhà lãnh đạo cách mạng, mà còn nhìn nhận Người trong tư cách một nhà tư tưởng về con người và phát triển. Theo Furuta Motoo, cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa mục tiêu giải phóng dân tộc và giải phóng con người; trong đó, giáo dục và đào tạo đóng vai trò trung tâm để hiện thực hóa lý tưởng ấy. Ông khẳng định: Giáo dục trong tư tưởng Hồ Chí Minh là con đường để tạo nên sự đổi mới sâu sắc nhất - đổi mới con người, từ đó đổi mới xã hội. Giá trị của công trình không chỉ ở việc làm sáng tỏ tầm vóc tư tưởng Hồ Chí Minh trong phạm vi toàn cầu, mà còn giúp nhìn nhận quá trình hình thành, phát triển tư tưởng của Người về văn hóa và nhân văn. Điều này giúp nghiên cứu sinh nhận ra một trong những cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo chính là phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh mà nổi bật nhất là tình yêu con người, tình yêu Tổ quốc và khát vọng khai sáng, giải phóng con người.

Phan Hiền với sách *Bác Hồ với sự nghiệp trồng người*, Nxb Trẻ, Hà Nội, 2000 [60] đã tái hiện tư tưởng, tấm lòng và hành động nhất quán của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giáo dục con người Việt Nam. Tác phẩm tập hợp nhiều tư liệu, bài viết và hồi ức quý, qua đó làm nổi bật quan điểm của Hồ Chí Minh về “trồng người” - coi đây là chiến lược cơ bản, lâu dài của cách mạng Việt Nam, gắn liền với vận mệnh dân tộc. Là một cán bộ lão thành cách mạng, nguyên Thứ trưởng Bộ Văn hóa thông tin, tác giả đã ghi lại một số hồi ức về Bác Hồ - một Hồ Chí Minh vừa là nhà tư tưởng lớn, vừa là người thầy mẫu mực, hết lòng vì thế hệ trẻ và tương lai dân tộc. Qua công trình này, nghiên cứu sinh thấy rõ, sứ mệnh “lập quốc” nói chung và thiết lập nền giáo dục mới nói riêng của Hồ Chí Minh đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Cuốn sách *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh* của Đinh Xuân Lâm, do Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005 [74] trình bày quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trên nhiều lĩnh vực, trong đó có vấn đề giáo dục và con người. Với cách tiếp cận biện chứng giữa tiểu sử và tư tưởng, tác giả đã làm rõ mối quan hệ giữa môi trường gia đình, truyền thống dân tộc, ảnh hưởng của Nho giáo, Phật giáo, văn hóa phương Tây và quá trình hoạt động cách mạng thực tiễn trong việc hình thành tư tưởng mang tính nhân văn, cách mạng và khai phóng của Hồ Chí Minh. Khi người thầy đóng vai trò trực tiếp trong việc khai phóng năng lực con người thì những cội nguồn đã hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh với các đặc tính mà tác giả đã phân tích ở trên cũng gợi mở cho nghiên cứu cách tiếp cận cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau* của Trần Qui Nhơn, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2006 [115] tập trung nghiên cứu một nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh là chiến lược “trồng người” nhằm xây dựng lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng. Tác giả phân tích quá trình hình thành và phát triển tư tưởng của Hồ Chí Minh về giáo dục thế hệ trẻ, từ đó làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của thế hệ trẻ cho đến vai trò của giáo dục thế hệ trẻ. Với cách tiếp cận gắn lý luận với thực tiễn, công trình làm nổi bật sự thống nhất giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, thanh niên và người thầy. Công trình này

có giá trị tham khảo thiết thực với nghiên cứu sinh vì giữa tư tưởng “trồng người” và tư tưởng về “người trồng” có sự “giao thoa” mạnh mẽ. Cách tiếp cận nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau thông qua sự kế thừa tinh hoa truyền thống và tiếp thu tư tưởng tiến bộ của nhân loại của tác giả cũng gợi mở cho nghiên cứu sinh hướng đi để luận giải cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Hồ Chí Minh Tiểu sử do Song Thành (Chủ biên), Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006 [128] là một trong những công trình biên soạn có tính hệ thống, cung cấp cái nhìn toàn diện về cuộc đời, sự nghiệp và tiến trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên nền tảng các sự kiện lịch sử, tác phẩm tái hiện sinh động hành trình tư tưởng của Người từ thời niên thiếu, quá trình bôn ba tìm đường cứu nước đến giai đoạn lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Giá trị của công trình không chỉ ở chỗ tái hiện đầy đủ và xác thực tiểu sử Hồ Chí Minh, mà còn ở khả năng giúp người đọc nhận diện rõ bối cảnh, điều kiện và sự phát triển nội hàm tư tưởng của Người qua từng giai đoạn. Đối với luận án, đây là nguồn tư liệu nền tảng, bởi từ tiến trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, luận án có thể lý giải được sự ra đời, phát triển và hoàn thiện tư tưởng của Người về giáo dục và người thầy. Qua đó, công trình góp phần giúp luận án khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là kết quả tất yếu của quá trình phát triển tư tưởng nhân văn và cách mạng của Người, thấm đẫm tinh thần “vì con người, do con người và của con người”.

Tác giả Mạch Quang Thắng trong công trình *Hồ Chí Minh - con người của sự sống*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010 [130] đã đưa ra quan niệm về cội nguồn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Đó không chỉ là thực tiễn làm thầy mà Người đã trải qua ở trường Dục Thanh, ở Quảng Châu (Trung Quốc) với những phương pháp giảng dạy rất tích cực như gắn lý luận với thực tế, coi trọng việc thảo luận, tranh luận, thực hành diễn thuyết trong giảng dạy mà chủ yếu là do ở “Người có một chiến lược “trồng người” “phù hợp với yêu cầu phát triển và hoàn cảnh của đất nước Việt Nam cũng như hoàn cảnh của thế giới” [130, tr.404]. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo nằm trong tư tưởng giáo dục, tư tưởng “trồng người”. Sự khẳng định của tác giả, rằng “Hồ Chí Minh vừa có tư chất của

một nhà sư phạm theo nghĩa đen, nghĩa hẹp, vừa hội tụ tư chất của một chiến lược gia của nền giáo dục Việt Nam mới” [130, tr.404] đã nói lên vai trò quyết định của nhân tố chủ quan - Hồ Chí Minh người thầy, Hồ Chí Minh người kiến tạo nền giáo dục mới ở Việt Nam trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Bài viết của Thu Hằng “Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và lớp huấn luyện chính trị trước khi về nước”, tạp chí *Thanh tra*, số 2/2021, tr.6-8 [58], là công trình nghiên cứu tập trung vào một dấu mốc đặc biệt quan trọng trong hành trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh: việc tổ chức các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ Việt Nam ở nước ngoài trước khi Người về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tác giả đã đi sâu phân tích ý nghĩa chiến lược của hoạt động này, coi đây là minh chứng rõ nét cho tư duy giáo dục - đào tạo cán bộ cách mạng của Hồ Chí Minh. Quan điểm nổi bật nhất của công trình là sự khẳng định: “Nguyễn Ái Quốc không chỉ truyền bá lý luận cách mạng giải phóng dân tộc vào Việt Nam, mà còn trực tiếp đào tạo, huấn luyện cán bộ, chuẩn bị đội ngũ cho sự nghiệp cách mạng lâu dài” [58, tr.8]. Bài viết đã gợi mở cho nghiên cứu sinh một yếu tố quan trọng của việc hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: Trải nghiệm thực tiễn là thầy và làm thầy trong công tác đào tạo thế hệ cán bộ cách mạng của Hồ Chí Minh với những minh chứng rất sinh động.

Phạm Thị Thanh Huyền với bài viết “Tìm hiểu tư tưởng triết học giáo dục của Hồ Chí Minh”, tạp chí *Dạy và học ngày nay*, số 11/2021, tr.15-16 [66] đã làm rõ cơ sở triết học trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. Tác giả phân tích một cách khái quát nhưng có hệ thống những yếu tố hình thành nên tư tưởng triết học giáo dục của Người, từ chủ nghĩa Mác - Lênin, truyền thống hiếu học của dân tộc, đến tinh hoa văn hóa nhân loại. Từ đó, tác giả đã khái quát lên: “Tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh không chỉ là những chỉ dẫn thực tiễn, mà còn chứa đựng nền tảng triết học sâu sắc, phản ánh tầm nhìn chiến lược về xây dựng con người và xã hội mới” [66, tr.16]. Công trình này tuy không dài nhưng đã bổ sung cách tiếp cận triết học đối với tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, giúp làm sáng rõ chiều sâu lý luận trong các quan điểm của Người. Đối với nghiên cứu sinh, bài viết gợi mở cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ ở bình diện chính trị - thực tiễn,

mà còn ở đặc tính triết học Hồ Chí Minh là mức độ quan tâm đến con người - đối tượng trực tiếp của người thầy.

Bên cạnh công trình của các nhà nghiên cứu uy tín của Việt Nam, nội dung cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo cũng nhận được sự quan tâm của một số học giả nước ngoài dưới những chiều cạnh tiếp cận khác nhau

Cuốn tiểu sử *Ho* của David Halberstam, Random House, New York, 1971 [150] khắc họa cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ những năm tháng đầu đời, quá trình hoạt động cách mạng ở nhiều quốc gia cho đến các giai đoạn quan trọng trong sự nghiệp chính trị của Người. Trong hành trình đó, Halberstam không chỉ miêu tả cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh mà còn làm nổi bật khát vọng của Người về một nền giáo dục mới cho nhân dân Việt Nam. Hồ Chí Minh nhận thức rằng giáo dục không chỉ là công cụ giúp nhân dân thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, mà còn là chìa khóa để phát triển một xã hội công bằng, tiến bộ. Halberstam qua tác phẩm này đã mang đến một góc nhìn toàn diện, sâu sắc về tầm nhìn giáo dục của Hồ Chí Minh mà nhà giáo là một bộ phận không thể thiếu trong đó.

Marr, David George với cuốn sách *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*, University of California Press, Berkeley, California, 1981 [155] là một công trình nghiên cứu quốc tế về lịch sử và tư tưởng Việt Nam giai đoạn cận hiện đại. Bằng cách tiếp cận lịch sử - xã hội, Marr phân tích quá trình giao thoa và chuyển biến giữa truyền thống Nho giáo với làn sóng tư tưởng dân chủ, tiến bộ phương Tây đầu thế kỷ XX, đồng thời làm nổi bật vai trò của những nhà cách mạng, trí thức - trong đó có Hồ Chí Minh trong việc định hình con đường đổi mới tư tưởng và giáo dục của dân tộc. Công trình khắc họa sâu sắc bối cảnh tư tưởng, văn hóa - chính trị mà ở đó tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh được hình thành và phát triển, đặt nó vào dòng chảy lịch sử cải cách dân tộc. Đối với luận án, nghiên cứu của Marr mang giá trị định vị về mặt lịch sử và phương pháp luận. Từ việc lý giải tiến trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh giao thoa Đông - Tây, công trình giúp luận án hiểu rõ hơn nguồn gốc, động lực và chiều sâu văn hóa của tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và người thầy. Nhờ đó, luận án có thể khẳng định rằng tư tưởng

Hồ Chí Minh về nhà giáo không phải là sự kế thừa giản đơn truyền thống Nho học, mà là kết quả của một quá trình cách mạng hóa và nhân văn hóa toàn diện, phù hợp với khát vọng giải phóng con người và phát triển đất nước trong thời đại mới.

Cuốn tiểu sử *Ho Chi Minh: A Life* của William Joseph Duiker, Hyperion, New York, 2000 [151] đã nghiên cứu toàn diện về cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Duiker đã dựa vào nhiều nguồn tư liệu quý giá, bao gồm các tài liệu lịch sử, hồi ký và nhiều tư liệu khác, để phác họa một bức chân dung sống động về Hồ Chí Minh từ thuở thiếu thời, quá trình tìm đường cứu nước, đến vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tác giả cũng khắc họa giai đoạn khi Hồ Chí Minh, dưới tên Nguyễn Tất Thành, từng làm thầy giáo - một bước ngoặt không chỉ trong cuộc đời ông mà còn là dấu mốc trong hành trình ươm mầm cho nền giáo dục cách mạng ở Việt Nam. Giai đoạn này cho thấy tầm nhìn của Hồ Chí Minh trong việc xây dựng một nền giáo dục dân tộc, độc lập, lấy việc đào tạo con người làm gốc. Qua tác phẩm, Duiker không chỉ mang đến cho độc giả quốc tế một cái nhìn rõ ràng, khách quan về tiểu sử, sự nghiệp Hồ Chí Minh mà còn làm nổi bật khát vọng giải phóng dân tộc, giải phóng con người, làm cho con người thoát khỏi ách cai trị không chỉ của “giặc ngoại xâm” mà cả “giặc đói” với sứ mệnh, nghĩa vụ chống “giặc đói” của những người thầy. Như vậy, phẩm chất cá nhân mà cụ thể là động cơ giải phóng con người của Hồ Chí Minh là một trong các yếu tố để hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Ho Chi Minh: the Missing Years 1919 - 1941 của Sophie Quinn-Judge, University of California Press, Berkeley Los Angeles, 2002 [156] đã mang đến một góc nhìn mới về giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung. Đây là khoảng thời gian mà nhiều tài liệu lịch sử còn thiếu sót và Sophie Quinn-Judge đã góp phần lấp đầy những khoảng trống đó bằng cách khai thác những nguồn tài liệu mới, đặc biệt là từ các kho lưu trữ của Quốc tế Cộng sản và các cơ quan mật thám Pháp. Tác giả đã đi sâu phân tích 8 điểm yếu sách mà Hồ Chí Minh gửi hội nghị Vécxây, trong đó có yêu cầu về tự do học tập. Điều này giúp nghiên cứu sinh nhận ra điểm khởi nguồn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo vì giữa giáo dục và nhà giáo là mối quan hệ không thể tách rời.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo

Trong quá trình tìm hiểu về tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của Người về nhà giáo, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện nhằm làm rõ những nội dung cốt lõi và giá trị bền vững của tư tưởng này. Các công trình không chỉ phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo mà còn đặt các quan điểm của Người trong bối cảnh ra đời và trong sự đối sánh với các quan điểm của các nhà giáo dục khác để thấy được tính kế thừa và sáng tạo trong tư tưởng của Người. Việc tổng hợp và đánh giá những công trình nghiên cứu liên quan tiêu biểu sẽ giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, từ đó rút ra những bài học quan trọng cho công tác nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam hiện nay.

Công trình *Bách khoa thư Hồ Chí Minh, Tập 1: Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo* do Phan Ngọc Liên và Nguyễn An (Biên soạn), Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2003 [82] đã tập hợp và hệ thống hóa một cách toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo. Tác phẩm gồm ba phần lớn: Phần thứ nhất “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục”, trong đó giới thiệu những trích đoạn tiêu biểu trong các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh về mục tiêu, nội dung, tính chất và phương pháp giáo dục; Phần thứ hai “Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục” đã tuyển chọn các công trình nghiên cứu của nhiều học giả nhằm luận giải, khẳng định giá trị và sự vận dụng tư tưởng của Người trong thực tiễn giáo dục Việt Nam - trong đó có những bài viết phân tích trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo; Phần thứ ba “Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh trong nhà trường” làm rõ việc đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào giảng dạy trong nhà trường, đặc biệt qua các môn văn học và lịch sử. Với phạm vi bao quát và nguồn tư liệu phong phú, công trình này trở thành nền tảng quan trọng giúp luận án có cơ sở đối chiếu, kế thừa và phát triển. Không chỉ cung cấp tư liệu gốc và cách lý giải đa chiều, tác phẩm còn gợi mở cho luận án một hướng tiếp cận toàn diện hơn - kết hợp giữa phân tích tư tưởng, nghiên cứu giáo dục và vận dụng trong thực tiễn, qua đó giúp luận án làm rõ chiều sâu cũng như sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy trong đời sống giáo dục Việt Nam hiện nay.

Cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển giáo dục* của Vũ Văn Gầu - Nguyễn Anh Quốc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005 [44] góp phần lý giải một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong mối quan hệ biện chứng với sự nghiệp cách mạng. Tác phẩm đã phân tích toàn diện các nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Người về giáo dục như mục tiêu, nội dung, phương pháp, vai trò của người học và đặc biệt là vị trí, trách nhiệm của người thầy. Khi bàn về quan điểm của Hồ Chí Minh về người thầy, công trình đặc biệt nhấn mạnh yêu cầu của Hồ Chí Minh về phẩm chất của nhà giáo như: “Làm nhà giáo phải có “chí khí cao thượng”, phải “tiên ưu hậu lạc”, coi đó là sự nghiệp cao quý của mình” [44, tr.75]... Công trình đã gợi mở cho nghiên cứu sinh một khía cạnh quan trọng trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: phẩm hạnh của nhà giáo; nếu không có lòng yêu nghề nghiệp và lý tưởng phụng sự nhân dân, nhà giáo không thể hoàn thành vai trò, sứ mệnh cao cả của mình.

Tác giả Trần Đường với công trình *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008 [42] đã tập trung vào nghiên cứu mối quan hệ giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhân sĩ, trí thức trong quá trình cách mạng và xây dựng đất nước. Cuốn sách tập trung làm rõ quá trình Chủ tịch Hồ Chí Minh vận động, thuyết phục và quy tụ giới trí thức, nhân sĩ Việt Nam trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Trên cơ sở tư liệu lịch sử, hồi ký và lời kể của nhiều nhân chứng, tác phẩm cho thấy sức hút đặc biệt từ nhân cách, tư tưởng và phương pháp vận động quần chúng của Hồ Chí Minh - điều đã giúp Người cảm hóa được nhiều trí thức từ các xu hướng khác nhau, kể cả những người từng phục vụ chế độ cũ hoặc sinh sống ở nước ngoài. Quan điểm nổi bật xuyên suốt công trình là khẳng định tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, mà trong đó, trí thức được coi là lực lượng đặc biệt quan trọng trong xây dựng đất nước nói chung và trong hoạt động giáo dục nói riêng. Tác giả nhấn mạnh: “Với sức hấp dẫn diệu kỳ, Bác Hồ đã cảm hóa và tập hợp được giới trí thức, khơi dậy trong họ lòng yêu nước và ý chí cống hiến tài năng cho đất nước và cách mạng” [42, tr.14]. Nhờ đó, nhiều người trong số họ đã trở thành những người thầy, hết lòng cống hiến cho sự nghiệp “Trồng người”. Công trình này gợi mở cho luận án cách tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, rằng nhà giáo là bộ phận

quan trọng của đội ngũ trí thức và tài năng, cống hiến của họ phụ thuộc không nhỏ vào các lực lượng lãnh đạo, rộng hơn là xã hội đối xử với họ. Đồng thời, phương pháp tiếp cận lịch sử trong công trình cũng gợi ý cho luận án cách khai thác tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo từ thực tiễn hành động và phong cách lãnh đạo của Người.

Cuốn sách *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục* của Võ Văn Lộc, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011 [86] đi vào việc phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục từ góc độ dân chủ trong môi trường giáo dục. Trên cơ sở khảo cứu thực tiễn hoạt động giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ khi còn là thầy giáo Nguyễn Tất Thành cho đến khi trở thành nguyên thủ quốc gia, người kiến tạo, lãnh đạo nền giáo dục dân chủ ở Việt Nam, tác giả đã khẳng định: tư tưởng dân chủ là nền tảng xuyên suốt trong cách nhìn, cách làm giáo dục của Hồ Chí Minh. Theo tác giả, tính dân chủ trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nổi bật ở quan hệ thầy - trò, về việc người thầy phải “cùng thảo luận với học trò của mình, người thầy dạy đã đi từ quan hệ giao tiếp thân mật đến phương pháp làm việc, phương pháp dạy học tương tác, chủ động giúp người học phát hiện chân lý. Người thầy dạy như thế không chỉ vững về kiến thức mà còn đủ bản lĩnh và kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động, điều khiển để dẫn dắt người học tìm ra tri thức” [86, tr.207-208]. Công trình giúp nghiên cứu sinh nhận thức rõ mối quan hệ giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ nói chung và dân chủ trong nhà trường dưới chế độ dân chủ nhân dân nói riêng. Đây chính là sự gợi mở cho nghiên cứu sinh về biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo: Phát huy dân chủ trong nhà trường.

Tác giả Ngô Văn Hà với cuốn sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy và việc xây dựng đội ngũ giảng viên đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013 [50] nghiên cứu một cách hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người thầy trong mối liên hệ với nhiệm vụ phát triển đội ngũ giảng viên đại học ở Việt Nam hiện nay. Tác giả đi sâu phân tích các khía cạnh cơ bản trong nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy, từ vai trò, trách nhiệm, đến yêu cầu về phẩm chất, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy, đồng thời khảo sát thực trạng đội ngũ giảng viên hiện nay và đề xuất giải pháp phát triển theo tư tưởng của Người. Quan điểm

xuyên suốt được công trình khẳng định là: Hồ Chí Minh luôn xem đức và tài là hai mặt thống nhất, không thể tách rời trong nhân cách người thầy và trách nhiệm của người thầy phải trở thành tấm gương về tư tưởng, đạo đức, tác phong và trình độ chuyên môn. Tác giả nhấn mạnh: “Người thầy đảm nhận tốt nhiệm vụ được giao là sự khẳng định vị trí, vai trò của họ trong xã hội” [50, tr.11]. Chủ đề của công trình này rất gần với nội dung của luận án nên công trình là tài liệu tham khảo hữu ích cho nghiên cứu sinh, đặc biệt là về nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy.

Sách *Bác Hồ với sự nghiệp giáo dục đào tạo* của Nguyễn Thị Kim Dung, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2013 [14] là công trình hợp thành bởi việc tuyển chọn các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh về giáo dục và các bài viết phân tích tư tưởng của Người, trong đó có sự phân tích vai trò của đội ngũ nhà giáo trong sự nghiệp cách mạng. Tác phẩm đã làm rõ nhận thức của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tầm quan trọng của chiến lược giáo dục - đào tạo đối với sự phát triển dân tộc, đồng thời khẳng định sự quan tâm đặc biệt của Người dành cho đội ngũ nhà giáo - những “chiến sĩ trên mặt trận văn hóa giáo dục”. Công trình đã khẳng định quan điểm: Giáo dục là động lực quan trọng nhất để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và người thầy luôn luôn giữ vị trí trung tâm trong việc hiện thực hóa tư tưởng “trồng người” của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong công trình này, một số bài viết như “*Phải đặc biệt coi trọng nghề thầy giáo và chăm lo củng cố hệ thống trường sư phạm*”; “*Đổi mới đội ngũ chất lượng nhà giáo - khâu then chốt của chất lượng giáo dục phổ thông*”... đã gợi mở cho nghiên cứu sinh sự nhận thức rõ hơn về giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay* do Lý Việt Quang (Chủ biên), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017 [121] đã góp phần làm rõ vai trò nền tảng và sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay khi đưa ra kết luận: “Một nền giáo dục hiện đại của một nước độc lập, tự do, không chỉ phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh dân tộc mà còn mang dấu ấn sâu sắc của một nền giáo dục tiên tiến, văn minh. Thực sự đó là một triết lý giáo dục

mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục được hình thành ở Việt Nam từ những ngày đầu của sự nghiệp cách mạng cho đến hôm nay” [121, tr.273-274]. Khi bàn về tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, tác giả đã dành dung lượng không nhỏ cho việc phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về cách thức xây dựng đội ngũ giáo viên và chứng minh rằng, “Hồ Chí Minh - tấm gương nhà giáo dục vĩ đại mang tầm vóc thế giới”. Từ đó, cuốn sách giúp nghiên cứu sinh nhìn nhận mối quan hệ biện chứng giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và tầm vóc, dấu ấn của nhà giáo Hồ Chí Minh. Đồng thời, việc tác giả thông qua tấm gương của nhà giáo Hồ Chí Minh để khẳng định các yêu cầu về phẩm chất, năng lực của đội nhà giáo đã giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn toàn diện hơn về sứ mệnh, nhân cách của người thầy trong chế độ mới và xác định giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo là đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục về tấm gương nhà giáo Hồ Chí Minh.

Tác giả Lê Thị Thùy Linh trong bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy trong sự nghiệp giáo dục”, tạp chí *Lý luận Chính trị và Truyền thông* số 4/2018, tr.12-15 [85] đã đi sâu phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của người thầy trong sự nghiệp giáo dục, từ đó làm rõ tầm quan trọng và những yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo theo quan điểm của Người. Công trình này tập trung vào vấn đề vai trò quyết định của người thầy đối với sự thành công của sự nghiệp “trồng người” khi khẳng định: “Triết lý giáo dục của dân tộc Việt Nam đặc biệt đề cao vai trò của người thầy, coi đó là yếu tố quyết định sự nghiệp giáo dục” [85, tr.12]. Những phân tích và dẫn chứng trong bài viết giúp nghiên cứu sinh có thêm cái nhìn đa diện về các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và mối quan hệ không thể tách rời giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục.

Bài viết “Quan niệm Hồ Chí Minh về giáo dục sức khỏe cho thanh niên”, tạp chí *Lý luận Chính trị và Truyền thông* số 9/2018, tr.41-44 của Đoàn Nam Đàn [34] đã tập trung luận giải tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của sức khỏe trong đời sống, đặc biệt đối với thanh niên - lực lượng xung kích của cách mạng. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa sức khỏe, thể lực và khả năng hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của thế hệ trẻ, tác giả khẳng định: Hồ Chí Minh là người luôn coi sức khỏe là nền tảng quan trọng để thanh niên cống hiến và trưởng thành. Tác giả nhấn mạnh: “Hồ

Chí Minh đặc biệt quan tâm đến giáo dục sức khỏe cho thanh niên, coi đó là điều kiện không thể thiếu để họ thực hiện tốt vai trò là lực lượng xung kích trong sự nghiệp cách mạng” [34, tr.42]. Qua công trình này, nghiên cứu sinh nhận thức rõ hơn *tính toàn diện trong nội dung giảng dạy* của nhà giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh, rằng người thầy không chỉ cần giáo dục đạo đức, tri thức mà còn phải chú trọng việc giáo dục tinh thần, kỹ năng rèn luyện sức khỏe cho người học để họ trở thành những con người phát triển toàn diện về Đức - Trí - Thể - Mỹ.

Bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo” của tác giả Lý Việt Quang, Đỗ Văn Trung đăng trên tạp chí *Khoa học chính trị*, số 3/2019, tr.23-27 [122] là một công trình có nội dung rất sát với đề tài luận án. Hồ Chí Minh là người rất đề cao vai trò của người thầy nên các tác giả đã có nhận xét xác đáng rằng: “Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người thầy là lực lượng quyết định thành bại của sự nghiệp giáo dục, bởi giáo dục không thể tách rời khỏi người thầy” [122, tr.24]. Vị thế lớn đòi hỏi nhân cách lớn nên tác giả đã phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực và trách nhiệm xã hội của nhà giáo. Qua công trình này, các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã được xem xét, gợi mở, qua đó, giúp nghiên cứu sinh có cái nhìn toàn diện về vấn đề này.

Nhóm tác giả Trần Thị Minh Tuyết và Nguyễn Thị Phương Thảo với bài viết “Tầm nhìn thời đại của Hồ Chí Minh về giáo dục”, tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9/2020, tr.106-113 [141] đã phân tích một cách hệ thống những luận điểm cốt lõi thể hiện tầm nhìn vượt thời gian của Hồ Chí Minh, từ quan niệm về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đến yêu cầu gắn giáo dục với sự phát triển xã hội, dân tộc và nhân loại. Trong đó, khi đề cập tới đội ngũ nhà giáo, nhóm tác giả đã làm sáng rõ nội dung: “Bắt tay vào việc xây dựng nền giáo dục dân chủ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự khác biệt về lý tưởng nghề nghiệp giữa người thầy nhân dân và “thầy đồ” thời phong kiến: ngày trước, dạy học là kẻ “sinh nhai”; ngày nay, nhà giáo là người chiến sỹ trên mặt trận giáo dục với trọng trách đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa” [141, tr.111]. Bài viết này giúp nghiên cứu sinh nhận thức rõ hơn vai trò của nhà giáo trong chế độ mới và tính hiện đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung, nhà giáo nói riêng.

Bài viết của Nguyễn Thị Ngọc (2021), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về một nền giáo dục công bằng”, tạp chí *Dạy và học ngày nay*, số 11/2021, tr.13-14 [116] tập trung làm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về tính công bằng, bình đẳng trong giáo dục. Tác giả đi vào phân tích cơ sở tư tưởng và thực tiễn từ quan điểm của Người, nhấn mạnh rằng công bằng trong giáo dục là điều kiện tiên quyết để phát huy quyền học tập của mọi người dân, không phân biệt giàu nghèo, nam nữ, dân tộc. Trong đó, bài viết đã khẳng định: “Hồ Chí Minh luôn chủ trương xây dựng một nền giáo dục công bằng, tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, coi đó là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân” [116, tr.13]. Công trình có dung lượng không lớn nhưng đã làm rõ thêm một phương diện có tính nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, qua đó, gợi mở cho nghiên cứu sinh nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của nhà giáo trong việc thực thi một nền giáo dục công bằng, tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người.

Tác giả Trần Đình Tuấn với bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy giáo”, tạp chí điện tử *Giáo chức Việt Nam*, số 11/2022 [136], đã đề cập đến một số nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: từ tầm quan trọng của người thầy trong sự nghiệp “trồng người”, đến yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, trách nhiệm xã hội của đội ngũ giáo viên. Từ quan điểm, “trong tư tưởng Hồ Chí Minh, người thầy giáo là lực lượng trực tiếp đào tạo nên những con người mới, quyết định sự thành bại của sự nghiệp giáo dục” [136], tác giả đã làm rõ yêu cầu mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với người thầy như phải gương mẫu về nhân cách, không ngừng học tập, nâng cao tri thức, đồng thời tận tụy trong công tác giáo dục để góp phần xây dựng một nền giáo dục cách mạng. Việc gắn kết giữa vai trò và trách nhiệm của người thầy ở công trình này giúp nghiên cứu sinh nhận ra sự phong phú và tính logic giữa các nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo” của Vũ Quang Vinh, tạp chí *Chính trị và phát triển*, số 01/2023, tr.38-43 [144] nghiên cứu những luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo như mục tiêu, nội dung, phương pháp và nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa giáo dục và sự phát triển đất nước. Bài viết còn khẳng định vai trò, trách nhiệm của nhà giáo, rằng họ không chỉ là người truyền thụ tri thức, mà còn là người góp phần xây dựng nhân cách, đào

tạo lớp người vừa “hồng” vừa “chuyên” để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Khi cho rằng, “mỗi giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cần thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo, từ đó vận dụng sáng tạo trong quá trình công tác, tổ chức tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức của Người, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp “trồng người”, vì một nền giáo dục Việt Nam hiện đại, hôm nay và mai sau” [144, tr.43] thì tác giả đã gián tiếp khẳng định: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ có phần lý luận về nhà giáo mà còn bao hàm tấm gương của người thầy Hồ Chí Minh và noi gương là một trong những giải pháp quan trọng để đội ngũ nhà giáo hoàn thiện mình.

Tác giả Bùi Văn Mạnh với nghiên cứu “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, nhiệm vụ và những yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo trong xã hội mới ở Việt Nam”, tạp chí điện tử *Quản lý nhà nước*, số 6/2024 [93] đã tập trung làm rõ vị trí, vai trò và phẩm chất của người thầy trong sự nghiệp giáo dục và cách mạng, đồng thời chỉ ra những yêu cầu cơ bản đối với đội ngũ nhà giáo trong xã hội mới. Khi tác giả đưa ra nhận định, rằng “sự nghiệp “trăm năm trồng người” để đưa nước ta từng bước tiến tới “sánh với với các cường quốc, năm châu” phụ thuộc không chỉ ở lớp học trò, mà trước hết là lực lượng có tính quyết định nhất - đội ngũ nhà giáo” [93] thì đó là sự khẳng định vai trò quyết định của nhà giáo trong xã hội mới đối với việc tạo lập tương lai tươi sáng cho dân tộc.

Bài viết “Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và những người làm công tác giáo dục” của Doãn Thị Chín, tạp chí điện tử *Thanh tra*, số 8/2024 [12] đã nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò then chốt của người thầy trong sự nghiệp cách mạng nói chung, trong sự thành bại của nền giáo dục nói riêng và những yêu cầu mọi mặt đặt ra cho đội ngũ nhà giáo, từ đạo đức, trình độ chuyên môn đến trách nhiệm xã hội. Quan điểm nổi bật nhất của bài viết là sự khẳng định: “Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đội ngũ nhà giáo phải thực sự là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, vừa giỏi chuyên môn, vừa gương mẫu về nhân cách” [12]. Điểm đáng chú ý của bài viết này là không dừng ở vai trò, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo mà còn đề cập đến vai trò, trách nhiệm các cán bộ quản lý, phục vụ giáo dục; cho dù không trực tiếp đứng lớp thì họ vẫn có vai trò,

trách nhiệm của người thầy. Điều này giúp nghiên cứu sinh mở rộng nhận thức về khái niệm nhà giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Công trình “Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo” của Trần Văn Lực, tạp chí điện tử *Lịch sử Đảng*, số 9/2025 [87] đã tập trung vào khía cạnh đạo đức của nhà giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Trên cơ sở khai thác các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh, tác giả làm rõ vị trí của nhà giáo như một chủ thể giữ vai trò quan trọng trong quá trình “trồng người”, gắn với mục tiêu phát triển con người và xã hội. Từ đó, tác giả trình bày các nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo, trong đó đề cập đến mối quan hệ giữa đức - tài và khẳng định đạo đức là nền tảng của người thầy. Theo đó, nhà giáo cần có các phẩm chất như: lòng yêu nước, tinh thần phụng sự Tổ quốc và nhân dân; tình yêu nghề và tình yêu thương học trò; tinh thần đoàn kết, dân chủ, đổi mới, sáng tạo; đồng thời phải là tấm gương về đạo đức và lối sống, không ngừng tu dưỡng, rèn luyện để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục. Công trình đi đến kết luận: “Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo đến nay vẫn nguyên giá trị, là kim chỉ nam cho sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam” [87]. Những phân tích này đã góp phần làm rõ một nội dung quan trọng trong luận án, đó là yêu cầu của Hồ Chí Minh về phẩm chất đạo đức của người thầy.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ thể hiện tầm nhìn sâu sắc của Người đối với riêng đội ngũ nhà giáo mà còn mang giá trị to lớn, có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp trồng người. Những quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò, đạo đức và trách nhiệm của nhà giáo đã trở thành kim chỉ nam cho nền giáo dục Việt Nam, góp phần định hướng và phát triển đội ngũ nhà giáo trong mọi giai đoạn lịch sử. Nhận thức được tầm quan trọng đó, nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung làm rõ những giá trị cốt lõi trong tư tưởng của Người, từ giá trị lý luận đến giá trị thực tiễn. Những nghiên cứu này không chỉ khẳng định sức ảnh hưởng của tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn gợi mở hướng đi cho giáo dục hiện nay. Dưới đây là các công trình tiêu biểu.

Cuốn sách *Công tác giáo dục và người thầy xã hội chủ nghĩa* Phạm Văn Đồng, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970 [37] là một trong những công trình ra đời sớm, góp phần luận giải tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và người thầy trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Với tư duy sắc sảo và trải nghiệm thực tiễn sâu rộng, tác giả đã phân tích vai trò, phẩm chất và sứ mệnh của người thầy trong xã hội mới, coi đó là yếu tố then chốt quyết định thành công của công cuộc “trồng người”. Ông viết: “Sự nghiệp giáo dục của chúng ta cố nhiên là do ông thầy làm nên... Ông thầy là những người trực tiếp làm chủ việc giáo dục, là những người được nhân dân giao cho việc trực tiếp dạy dỗ con em chúng ta” [37, tr.16]. Từ quan điểm này, Phạm Văn Đồng đã cụ thể hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong điều kiện lịch sử mới, nhấn mạnh trách nhiệm của người thầy không chỉ là dạy chữ mà còn là dạy người, bồi dưỡng lý tưởng, đạo đức và tinh thần cách mạng cho thế hệ trẻ. Công trình cung cấp cho luận án những nguồn tham chiếu trực tiếp giúp luận án nhận diện sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn giáo dục xã hội chủ nghĩa. Qua cách lý giải giàu tính thời đại của Phạm Văn Đồng, luận án có thể làm rõ thêm rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn có sức sống thực tiễn trong quá trình xây dựng con người mới - nền tảng của nền giáo dục Việt Nam hiện nay.

Công trình *Phát triển sự nghiệp giáo dục dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh* của Đặng Quốc Bảo, Nxb Thanh niên, Hà Nội, 2011 [7] trình bày một cách có hệ thống những luận điểm cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp giáo dục. Tác giả tiếp cận tư tưởng của Người như một nền tảng tư tưởng - chính trị định hướng cho việc phát triển nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ mới, nhấn mạnh rằng giáo dục phải hướng đến mục tiêu hình thành con người toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ và lao động. Ông khẳng định: “Tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho phát triển giáo dục Việt Nam, đặc biệt trong việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục có tâm, có tầm và có tài” [7, tr.78]. Với lập luận rõ ràng và cách trình bày giàu tính gợi mở, tác phẩm cho thấy vai trò then chốt của đội ngũ nhà giáo trong việc hiện thực hóa lý tưởng “trồng người” mà Hồ Chí Minh từng khởi xướng. Đồng thời, công trình cũng đưa ra thêm cho nghiên cứu sinh một hướng tiếp cận giá

trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, cụ thể là khả năng gợi mở các giải pháp cho công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo hiện nay.

Sách *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo Đại học hiện nay* của tác giả Hoàng Anh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013 [1] là một công trình vừa mang tính lý luận, vừa gắn liền với thực tiễn phát triển giáo dục đại học Việt Nam. Khi phân tích lý luận, tác giả tập trung làm rõ những quan điểm cốt lõi của Hồ Chí Minh về giáo dục mà nổi bật là mục tiêu đào tạo con người toàn diện, có đức, có tài, phục vụ cho sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước. Khi phân tích sự vận dụng vào thực tiễn đào tạo đại học hiện nay, tác giả nhấn mạnh yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn lý luận với thực tiễn, coi trọng giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội của sinh viên. Với việc khẳng định, “xây dựng đội ngũ giảng viên đại học đủ đức - tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên” theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo đại học hiện nay” [1, tr.207], tác giả đã nhấn mạnh giá trị soi đường của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng chuẩn mực nhà giáo. Đối với nghiên cứu sinh, công trình này đã cung cấp thêm các luận cứ, luận chứng về việc tư tưởng Hồ Chí Minh đã gợi mở các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Bài viết “Những giải pháp chủ yếu để nâng cao đạo đức nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh” của Nguyễn Thị Thu Hà, tạp chí *Giáo dục*, tháng 3 - số đặc biệt/2016, tr.123-125 [49] là công trình nghiên cứu trực diện về vấn đề đạo đức nhà giáo - một nội dung cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Tác giả đã hệ thống hóa những yêu cầu cơ bản mà Hồ Chí Minh đặt ra cho đội ngũ thầy cô giáo, trong đó nhấn mạnh tính mẫu mực, sự tận tụy và tinh thần trách nhiệm xã hội với nhận định: “Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức của nhà giáo là nền tảng bảo đảm uy tín và hiệu quả của sự nghiệp giáo dục” [49, tr.123]. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp thiết thực như đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng chính trị; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và đạo đức cho đội ngũ giáo viên; khai thác có hiệu quả phương pháp nêu gương, khuyến khích, tôn vinh những nhà giáo có phẩm chất đạo đức tốt, để họ trở thành tấm gương cho toàn ngành giáo

dục noi theo. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh, cần cải thiện môi trường làm việc thuận lợi và chính sách đãi ngộ đối với nhà giáo để họ có thể toàn tâm toàn ý trau dồi đạo đức và năng lực nghề nghiệp. Công trình gợi mở cho luận án hướng vận dụng tư tưởng của Hồ Chí Minh vào việc đề xuất các giải pháp nâng cao phẩm chất nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo hiện nay.

Tác giả Hoàng Chí Bảo với bài viết “Vấn đề cốt yếu của triết lý giáo dục Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế và các khuyến nghị”, tạp chí *Lý luận chính trị và truyền thông*, số 2/2016, tr.3-7 [8] đã tập trung phân tích sự cần thiết phải kế thừa và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại nhằm phục vụ mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện Việt Nam. Quan điểm nổi bật nhất của công trình là khẳng định: “Triết lý giáo dục Việt Nam cần được xác lập trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn chặt với mục tiêu đào tạo con người toàn diện, phát triển cả trí tuệ, đạo đức, thể chất và thẩm mỹ” [8, tr.4]. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh: “Trong thời đại hội nhập quốc tế, giáo dục Việt Nam càng phải kiên định định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại để phát triển” [8, tr.6]. Bài viết còn đưa ra các khuyến nghị cụ thể nhằm gắn kết đổi mới giáo dục với phát triển xã hội, khẳng định đội ngũ nhà giáo là lực lượng trung tâm trong quá trình hiện thực hóa triết lý giáo dục. Đối với luận án, công trình này đã bổ sung một luận điểm quan trọng rằng, mọi sự đổi mới giáo dục đều phải dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh và người thầy giữ vai trò trụ cột quyết định thành bại của tiến trình đổi mới giáo dục. Qua đó, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã được làm sáng rõ cả trên phương diện lý luận và thực tiễn khi cung cấp cho Đảng và Nhà nước không chỉ nền tảng lý luận mà còn cả định hướng vận dụng trong xây dựng nền giáo dục Việt Nam thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.

Công trình *Đội ngũ trí thức ở các trường Đại học trong quá trình xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay* của Vũ Thị Hằng, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2017 [59] đã tập trung phân tích vai trò của đội ngũ trí thức, đặc biệt là giảng viên đại học, trong việc hình thành và phát triển một triết lý giáo dục mang tính dân tộc, hiện đại và hội nhập quốc tế. Quan điểm nổi bật nhất của công trình là việc khẳng định: “Đội ngũ trí thức, mà hạt nhân là giảng viên các trường đại học, là lực lượng then

chốt trực tiếp góp phần xây dựng và hiện thực hóa triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay” [59, tr.87]. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh: “Người thầy ở bậc đại học không chỉ gắn bó với hoạt động giảng dạy, mà còn tham gia nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, tạo nên ảnh hưởng xã hội rộng lớn” [59, tr.118]. Công trình đã làm rõ vai trò đa chiều của đội ngũ trí thức trong môi trường đại học, không giới hạn ở truyền đạt kiến thức mà còn bao hàm chức năng khai sáng, định hướng tư tưởng và xây dựng môi trường học thuật lành mạnh. Từ đó, công trình này cung cấp thêm cơ sở khoa học giúp luận án khẳng định giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng đội ngũ nhà giáo các trường đại học hiện nay và rộng hơn là trong việc hình thành triết lý giáo dục Việt Nam trong giai đoạn mới.

Bài viết “Vận dụng tư tưởng “trồng người” của Hồ Chí Minh vào việc giáo dục đào tạo” của tác giả Trần Thị Minh Tuyết, tạp chí *Khoa học chính trị*, số 2/2018, tr.14-18 [139] đã đi sâu nghiên cứu làm rõ giá trị trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh về “trồng người” và sự vận dụng trong công tác giáo dục, đào tạo ở Việt Nam hiện nay. Tác giả nhấn mạnh rằng, quan niệm “trồng người” không chỉ là một khẩu hiệu mang tính biểu tượng, mà là một triết lý giáo dục sâu sắc, toàn diện, định hướng chiến lược cho sự nghiệp phát triển đất nước. Bên cạnh đó, công trình cũng phân tích các giải pháp vận dụng tư tưởng “trồng người” trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó nhấn mạnh vai trò then chốt của đội ngũ nhà giáo trong việc nuôi dưỡng lý tưởng, bồi dưỡng năng lực và xây dựng nhân cách thế hệ trẻ. Từ đó, tác giả đã đưa ra một kết luận: “Tư tưởng “trồng người” của Hồ Chí Minh luôn mang tính thời sự sâu sắc nên vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người luôn là yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam” [139, tr.18]. Bài viết này là một nguồn tham khảo quan trọng, giúp khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, đặc biệt là triết lý “trồng người”, luôn gắn liền với trách nhiệm và sứ mệnh cao cả của người thầy. Từ đó, luận án có thêm cơ sở để phân tích giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo và gợi mở cách vận dụng trong xây dựng đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay.

Tiếp tục mạch nghiên cứu của mình, cũng như cùng trăn trở đi “tìm” triết lý giáo dục Việt Nam, tác giả Trần Thị Minh Tuyết đã có bài viết “Triết lý giáo dục Hồ

Chí Minh - cơ sở lý luận của việc cải cách giáo dục Đại học ở Việt Nam”, số 9/2018, tạp chí *Triết học*, tr.10-17 [140]. Trong bài viết này, song song với việc phân tích nội dung cơ bản trong triết lý giáo dục Hồ Chí Minh thông qua các quan điểm về mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục của Người, tác giả đã chỉ ra sự tương thích của triết lý này với triết lý giáo dục hiện đại của UNESCO và yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Quan điểm nổi bật nhất của công trình là khẳng định: Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh với đặc trưng toàn diện, nhân văn và thiết thực là nền tảng khoa học cho việc xây dựng và thực hiện các giải pháp cải cách giáo dục đại học ở nước ta. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh, Đại học Việt Nam muốn đổi mới thành công phải kế thừa tinh thần gắn lý luận với thực tiễn, học đi đôi với hành mà Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Công trình đã chỉ rõ vai trò then chốt của đội ngũ giảng viên - lực lượng trực tiếp triển khai triết lý giáo dục Hồ Chí Minh trong giảng dạy và nghiên cứu, coi đây là yếu tố quyết định chất lượng cải cách đại học. Công trình này là nguồn tư liệu quan trọng, giúp nghiên cứu sinh nhận thức rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong định hình triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại nói chung và xây dựng đội ngũ nhà giáo ở các trường đại học nói riêng để đào tạo thế hệ trí thức trẻ đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập.

Công trình *Xây dựng đội ngũ giảng viên trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh* của Đinh Quang Thành, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2018 [127] đã đặt trọng tâm vào việc phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức, chuyên môn và tư duy sáng tạo, phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục tại Việt Nam. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, người giảng viên phải có lòng yêu nước, trách nhiệm, gương mẫu về đạo đức và luôn tự học để nâng cao trình độ. Đề tài đề xuất các giải pháp cụ thể như nâng cao phẩm chất chính trị và đạo đức thông qua việc học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tăng cường năng lực chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy bằng cách ứng dụng công nghệ, đồng thời xây dựng môi trường làm việc tích cực và gắn bó lâu dài. Nhà nước và các cơ quan quản lý giáo dục cũng cần hỗ trợ phát triển giảng viên qua các chính sách khuyến khích đào tạo, nghiên cứu khoa học và cơ chế động viên. Các giải pháp này chính là sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà

giáo nhằm tạo ra một đội ngũ giảng viên vừa giỏi chuyên môn vừa có đạo đức tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Nguyễn Minh Hải với công trình *Xây dựng đội ngũ giảng viên các trường Đại học Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 2019 [56] hướng tới việc khẳng định giá trị vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào các trường đại học ở địa bàn cụ thể là Tây Nguyên. Tác giả luận án nhấn mạnh, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đội ngũ giảng viên cần có phẩm chất đạo đức tốt, lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm và khát vọng tự học, sáng tạo. Khi phân tích thực trạng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đội ngũ nhà giáo của các trường đại học ở Tây Nguyên, luận án đã chỉ ra các khó khăn như thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng và điều kiện phát triển chuyên môn hạn chế. Để khắc phục các hạn chế đó, luận án đề xuất giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh như nâng cao phẩm chất chính trị và đạo đức, phát triển năng lực chuyên môn, đổi mới phương pháp giảng dạy và tạo môi trường làm việc tích cực để giảng viên gắn bó lâu dài với các cơ sở giáo dục đại học ở đó. Cũng từ quan điểm của Hồ Chí Minh về trách nhiệm chăm sóc nhà giáo, luận án nhấn mạnh vai trò của chính quyền và các cơ quan quản lý giáo dục trong việc hỗ trợ chính sách, khen thưởng và động viên đội ngũ giáo viên. Tựu chung, luận án đã khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xác lập các nội dung khảo sát, đánh giá thực trạng xây dựng đội ngũ nhà giáo và gợi mở hệ thống giải pháp nhằm xây dựng đội ngũ giảng viên không chỉ có chuyên môn vững vàng mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của khu vực Tây Nguyên.

Bài viết “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò người thầy vào việc bồi dưỡng đội ngũ giảng viên Đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo hiện nay” của Phạm Thị Thúy Vân, tạp chí *Lý luận - Khoa học giáo dục - Bộ Giáo dục và đào tạo* số 450/2019, tr.1-5 [143], không đi vào toàn bộ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo mà chỉ tập trung vào một khía cạnh trong đó là vai trò của người thầy. Công trình đã tập trung làm rõ sự cần thiết phải bồi dưỡng, phát triển đội ngũ

giảng viên trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tác giả khẳng định, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò người thầy chính là nền tảng lý luận định hướng cho công tác này, bởi Người luôn coi thầy giáo là lực lượng giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục. Bài viết đã nhấn mạnh: “Muốn nâng cao chất lượng đào tạo, phải đặc biệt coi trọng việc xây dựng đội ngũ giảng viên vừa có tri thức khoa học vững vàng, vừa có phẩm chất đạo đức trong sáng” [143, tr.4]. Trên cơ sở đó, công trình đưa ra những giải pháp thiết thực như: nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường bồi dưỡng lý luận chính trị, khuyến khích tự học, tự rèn luyện, và xây dựng môi trường giáo dục nhân văn. Đối với luận án “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị”, bài viết này mang giá trị tham khảo trực tiếp, bởi nó gợi mở hướng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên đại học - một bộ phận trong đội ngũ nhà giáo hiện nay.

Bài viết “Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh” của tác giả Trần Thị Điều, tạp chí *Cộng sản*, số 945 (tháng 7/2020), tr.30-34 [36] đã phân tích một phương diện đặc biệt quan trọng trong nội dung giảng dạy mà Hồ Chí Minh đặt ra đối với nhà giáo: giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ. Tác giả tập trung làm rõ giá trị cốt lõi trong *Di chúc* của Người về việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, coi đó là nền tảng để thế hệ trẻ tiếp nối sự nghiệp cách mạng. Đồng thời, công trình đã phân tích, luận giải rõ ràng tính cấp thiết của việc giáo dục đạo đức cho thanh niên trong bối cảnh mới, coi đó vừa là sự kế thừa trung thành tư tưởng Hồ Chí Minh, vừa là yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp đổi mới. Đối với luận án “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - Nội dung và giá trị”, bài viết này có giá trị tham khảo bởi một trong những nhiệm vụ cốt lõi của nhà giáo chính là giáo dục đạo đức, hình thành nhân cách đạo đức cho thế hệ trẻ.

Đỗ Thanh Hải trong công trình “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với việc xây dựng đội ngũ nhà giáo Việt Nam giai đoạn hiện nay”, tạp chí *Cộng sản* số 948 (8/2020), tr.32-36 [55] đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa việc học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với nhiệm vụ xây dựng đội ngũ nhà giáo - lực lượng nòng cốt của sự nghiệp giáo dục hiện nay. Khi tác giả khẳng định rằng, “việc học tập và làm theo tấm

gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chính là con đường căn bản để xây dựng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất trong sáng, tâm huyết với nghề, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục” [55, tr.36] thì giá trị soi đường, định hướng của di sản Hồ Chí Minh đã được khẳng định. Cụ thể ở đây là công trình đã thiết lập nên những tiêu chuẩn quan trọng để hình thành đội ngũ nhà giáo trong giai đoạn mới, bao gồm: bản lĩnh chính trị vững vàng, tri thức khoa học hiện đại, phong cách giản dị, gần gũi và tinh thần tận tụy với học sinh, sinh viên.

Nguyễn Thị Mai Anh với bài viết “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào quản lý giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, tạp chí *Cộng sản điện tử*, số 12/2020 [3] đã làm rõ giá trị chỉ đạo của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với công tác quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới. Tác giả nhìn nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục từ quan điểm của Người về công tác quản lý giáo dục. Theo tác giả: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý giáo dục là tư tưởng xây dựng một nền giáo dục mang tính nhân dân. Đó là nền giáo dục quốc dân có mục đích tu dưỡng nhân cách con người từ ngay trong quá trình trưởng thành và với tất cả mọi đối tượng” [3]. Công trình đã khẳng định, người thầy không chỉ là người trực tiếp giảng dạy học mà có thể là người lãnh đạo, người quản lý giáo dục với vai trò định hướng và kiến tạo môi trường học tập nhân văn, sáng tạo để các đồng nghiệp có điều kiện phát huy hết năng lực của mình. Vì thế, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo có giá trị định hướng cho công tác quản lý giáo dục sao cho phù hợp với sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

Trịnh Thị Phương Oanh với công trình “Phong cách Hồ Chí Minh và định hướng xây dựng phong cách cho giảng viên trẻ hiện nay”, tạp chí *Sinh hoạt lý luận*, số 2/2021, tr.11-15 [117] đã đi sâu khai thác giá trị thực tiễn của phong cách Hồ Chí Minh đối với việc hình thành và phát triển phong cách giảng dạy, nghiên cứu của đội ngũ giảng viên trẻ. Tác giả phân tích sâu sắc những nét đặc trưng nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh như: giản dị, gần gũi, gần bó mật thiết với nhân dân; nói đi đôi với làm; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn. Trong bài viết, tác giả đã nhấn mạnh: “Phong cách Hồ Chí Minh là tấm gương sáng để giảng viên trẻ học tập, qua đó xây dựng phong cách nghề nghiệp vừa mang tính khoa học, vừa giàu tính nhân văn” [117, tr.11]. Từ đó, khẳng định: “Xây dựng phong cách cho giảng viên trẻ hiện nay phải đặt trên nền tảng học tập và vận dụng tư tưởng, đạo

đức, phong cách Hồ Chí Minh” [117, tr.15]. Bên cạnh đó, công trình đã chỉ ra rằng phong cách của giảng viên không chỉ là phương thức giảng dạy, mà còn là biểu hiện sinh động của nhân cách, ảnh hưởng trực tiếp đến việc hình thành giá trị, thái độ và năng lực của sinh viên. Bài viết này bổ sung một góc nhìn quan trọng cho luận án, bởi nó nhấn mạnh đến vai trò của phong cách - một yếu tố tạo nên sức thuyết phục và hiệu quả trong hoạt động giáo dục của nhà giáo. Từ đó, luận án có thể kế thừa để khẳng định rằng, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà giáo không chỉ cần tri thức và đạo đức, mà còn phải xây dựng phong cách mẫu mực từ tư duy, đến làm việc, diễn đạt, ứng xử để thu hút, thu phục người học.

Bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục khai phóng và vận dụng trong đổi mới giáo dục” của Nguyễn Hồng Điệp, tạp chí *Lý luận Chính trị*, số 3/2021, tr.73-78 [35] đã làm nổi bật một khía cạnh quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh: quan điểm về giáo dục khai phóng, rằng “giáo dục khai phóng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là thông qua giáo dục để giải phóng nhân dân về mặt tư tưởng, giúp họ thoát khỏi những tối tăm, mê muội do chính sách ngu dân của thực dân Pháp và những lệch lạc, thiếu toàn diện của nền giáo dục phong kiến, đánh thức và khai thông mọi tiềm năng của con người vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc” [35, tr.73]. Bài viết đã phân tích phương hướng vận dụng quan điểm này của Hồ Chí Minh khi Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển đổi từ việc người thầy truyền thụ kiến thức sang giáo dục lấy người học làm trung tâm và hướng tới mục tiêu phát triển năng lực, khuyến khích tự học, tư duy phản biện và sáng tạo của người học. Công trình giúp nghiên cứu sinh nhận ra vai trò của nhà giáo không dừng ở việc giảng dạy kiến thức, mà còn là người khơi dậy tiềm năng, nuôi dưỡng năng lực tự chủ, sáng tạo và tinh thần trách nhiệm xã hội của người học.

Bài viết “Xây dựng đội ngũ giáo viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay” của Lê Đình Năm, tạp chí *Lý luận Chính trị và Truyền thông*, số 11/2021, tr.27-30 [113] là công trình tập trung luận giải trực tiếp giá trị và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng đội ngũ nhà giáo. Tác giả nhấn mạnh rằng đội ngũ giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu quả của sự nghiệp giáo dục, do đó việc xây dựng lực lượng này theo tư tưởng Hồ Chí Minh mang ý nghĩa cấp thiết trong bối cảnh đổi

mới căn bản, toàn diện giáo dục. Qua đó khẳng định: “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ giáo viên bao quát các vấn đề từ mục tiêu, nội dung, phương pháp, nhiệm vụ cho đến tổ chức, quản lý... Đây là những chỉ dẫn quan trọng giúp chúng ta đổi mới căn bản, toàn diện xây dựng đội ngũ giáo viên ở nước ta hiện nay” [113, tr.27]. Bài viết cũng đề xuất các giải pháp như tăng cường giáo dục lý tưởng nghề nghiệp, nâng cao năng lực chuyên môn, cải thiện chính sách đãi ngộ và xây dựng môi trường sư phạm trong sạch, nhân văn theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Công trình này có ý nghĩa tham khảo trực tiếp đối với nội dung gợi mở giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo hiện nay đối với luận án.

Tiếp tục “mạch” nghiên cứu về nhà giáo, tác giả Ngô Văn Hà còn có bài viết “Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay”, tạp chí *Cộng sản*, số 976/2021, tr.65-71 [51]. Xuất phát từ thực trạng chất lượng đội ngũ nhà giáo cũng như cán bộ quản lý giáo dục hiện nay, tác giả chỉ ra ưu, khuyết điểm của đội ngũ nhà giáo cũng như của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và sự tác động của họ tới chất lượng giáo dục của Việt Nam. Bám chắc vào chủ trương của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) về yêu cầu phải tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tác giả đã đề xuất năm giải pháp chính nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Trong đó, “hoàn thiện tiêu chí về phẩm chất, năng lực nhà giáo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” [51, tr.70] vừa là xu thế của thời đại vừa là sự kế thừa sâu sắc quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo. Đối với luận án mà nghiên cứu sinh thực hiện, công trình này đã cung cấp dẫn chứng sinh động về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề đang đặt ra trong đội ngũ nhà giáo hiện nay. Đồng thời, công trình còn gợi mở cho nghiên cứu sinh cách tiếp cận toàn diện: xem xét nhà giáo không tách rời hệ thống quản lý giáo dục, qua đó làm sáng rõ hơn vai trò định hướng của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục nước ta.

Công trình “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền giáo dục nhân bản, phát huy cao nhất mọi năng lực, phẩm chất vốn có của con người - Vận dụng cho đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam hiện nay” của Vũ Trọng Lâm, tạp

chí *Cộng sản*, số 983/2022, tr.28-35 [76] đã khai thác một khía cạnh khá mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đó là xây dựng một nền giáo dục nhân bản, tức là nền giáo dục công bằng, bình đẳng, lấy người học làm trung tâm, chú trọng việc phát huy những đặc tính “người”, những năng lực tiềm ẩn của người học để họ biết “làm người”, “làm việc” và “chung sống” với người khác. Tác giả cho rằng, giai đoạn mới của tiến trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, của cách mạng 4.0 cũng như những biến động to lớn về địa - chính trị, sự bùng phát của xung đột quân sự, biến đổi khí hậu... đã tác động không nhỏ tới sự nghiệp đổi mới giáo dục Việt Nam. Khi xác định những vấn đề đặt ra mà ngành giáo dục cần kịp thời giải quyết, tác giả đặc biệt nhấn mạnh thực trạng: “Chất lượng đào tạo của một số trường sư phạm còn hạn chế, đào tạo giáo viên chưa gắn với nhu cầu của xã hội; công tác quy hoạch, phát triển cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ nhà giáo ở nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức” [76, tr.32]. Từ đó, tác giả khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục vận dụng sáng tạo tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh. Việc tiếp cận tư tưởng giáo dục Hồ Chí Minh từ góc độ nhân bản của tác giả đã giúp nghiên cứu sinh nhận thức rõ trách nhiệm to lớn của đội ngũ nhà giáo trong việc khơi dậy tiềm năng của người học, nuôi dưỡng nhân cách và định hướng giá trị cho người học.

Tiếp nối chủ đề về triết lý giáo dục, tác giả Đinh Văn Thụy, trong bài viết “Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh với đổi mới giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay”, tạp chí *Triết học*, số 371/2022, tr.22-29 [131] đã tập trung khai thác triết lý giáo dục Hồ Chí Minh như nền tảng chỉ đạo cho sự nghiệp đổi mới giáo dục hiện nay. Tác giả nhấn mạnh, triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh không chỉ định hướng mục tiêu hình thành con người phát triển toàn diện mà còn chỉ ra đặc trưng của nó, khi khẳng định: “Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh vừa có tính dân tộc, vừa mang tính thời đại, kết hợp nhuần nhuyễn giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và nhân loại” [131, tr.24]. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích sự vận dụng trong đổi mới giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay, rằng nhà giáo phải hướng tới mục tiêu phát triển năng lực người học, gắn lý luận với thực tiễn, và coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống. Thông qua việc khẳng định, triết lý giáo dục Hồ Chí Minh là kim chỉ nam cho đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam và nhà giáo là người hiện thực

hóa triết lý này thông qua hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và giáo dục nhân cách cho thế hệ trẻ, giá trị soi đường và vận dụng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới đã được nhấn mạnh.

Nguyễn Thái Bình với công trình “Quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ trong giảng dạy và học tập - Định hướng đối với công tác giảng dạy và học tập ở các nhà trường hiện nay”, tạp chí *Chính trị và phát triển*, số 4/2023, tr.61-65 [9] đã tập trung vào phân tích một nội dung hết sức quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo: *Yêu cầu với hoạt động dạy và học*. Hồ Chí Minh là người thiết lập nền cộng hòa dân chủ ở Việt Nam mà ở đó, người dân là chủ và làm chủ. Vì thế, mọi hoạt động trong xã hội phải dựa trên nguyên tắc dân chủ và dân chủ trong hoạt động dạy và học cũng không là ngoại lệ. Bài viết đã phân tích quan điểm này của Hồ Chí Minh trên hai phương diện là dân chủ trong phương pháp giảng dạy và dân chủ trong phương pháp học tập. Từ đó, khẳng định giá trị tư tưởng của Người trong giai đoạn hiện nay. Đồng thời, tác giả cũng nhấn mạnh, để hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ trong hoạt động dạy và học ở các nhà trường cần thực hiện đồng bộ các nội dung sau: Một là, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; hai là, phát huy dân chủ trong sinh hoạt học thuật, thảo luận, trao đổi; ba là phát huy dân chủ, tinh thần tự giác trong việc tự học của người học [9, tr.64-65]. Công trình này cung cấp cho luận án một minh chứng cụ thể cho giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp khẳng định nhà giáo vừa là người dẫn dắt, vừa là người bạn đồng hành với học trò trong môi trường dân chủ, từ đó tạo dựng sự gắn kết, khơi dậy tinh thần tự học, sáng tạo và nâng cao chất lượng giáo dục.

Bài viết “Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay” của tác giả Lại Quốc Khánh, tạp chí *Cộng sản chuyên đề*, số 8/2023, tr.109-117 [69] đã tập trung phân tích vai trò, thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức trong giáo dục, đào tạo. Trong đó, tác giả khẳng định rằng: “Trí thức trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp hiện thực hóa “khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”” [69, tr.117]. Bài viết đã không chỉ dừng lại ở việc phân tích thực trạng, như sự mất cân đối về cơ cấu ngành nghề, trình độ chuyên môn còn chênh lệch, chính sách đãi ngộ

chưa đồng bộ, mà còn đề xuất nhiều giải pháp: đổi mới chính sách thu hút, trọng dụng trí thức; nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên; cải thiện môi trường làm việc trong các cơ sở giáo dục; chú trọng đào tạo gắn với nhu cầu xã hội. Một trong những giải pháp được tác giả đưa ra là “phát triển là tự phát triển” - đây chính là sự quay trở lại với quan điểm của Hồ Chí Minh về người đi giáo dục cũng phải được giáo dục. Đối với nghiên cứu sinh, công trình này gợi mở giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo thông qua việc thôi thúc họ phải không ngừng “tự soi”, tự nâng cấp và hoàn thiện bản thân.

Nguyễn Xuân Hùng với bài viết “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy trong xây dựng đội ngũ nhà giáo quân đội”, tạp chí *Lý luận chính trị* chuyên đề, số 11/2023, tr.36-42 [64] đi sâu nghiên cứu về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc xây dựng đội ngũ nhà giáo làm việc trong môi trường đặc thù là quân đội. Tác giả khẳng định rằng, nhà giáo trong quân đội cùng lúc đóng ba vai: nhà giáo dục, nhà khoa học, nhà chỉ huy. Họ có trách nhiệm trao truyền không chỉ tri thức chuẩn mực mà còn góp phần hình thành ở người học phẩm chất, phong cách của anh bộ đội Cụ Hồ. Do đó, theo tác giả, “xây dựng đội ngũ nhà giáo quân đội theo tư tưởng Hồ Chí Minh phải coi trọng cả phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và phong cách sư phạm quân sự” [64, tr.39]. Đồng thời, công trình cũng phân tích những yêu cầu mới đặt ra cho nhà giáo quân đội trong giai đoạn hiện nay, như: nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, kết hợp giáo dục tri thức quân sự với giáo dục lý tưởng, đạo đức; xây dựng môi trường học tập kỷ luật, chính quy và hiện đại. Đối với luận án, công trình này là nguồn tham khảo quan trọng, bởi nó cung cấp minh chứng cụ thể về sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh đặc thù, qua đó mở rộng phạm vi phân tích giá trị tư tưởng của Người. Quan điểm của tác giả giúp nghiên cứu sinh đi đến sự khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo có tính phổ quát rất lớn khi có thể soi chiếu cho việc xây dựng đội ngũ nhà giáo ở bất cứ môi trường nào, kể cả môi trường có tính đặc thù là quân đội.

Bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay” của tác giả Nguyễn Thị Thu Huyền - Lại Sơn Tùng, tạp chí *Cộng sản điện tử*, số 12/2025 [65] tập trung phân tích tư tưởng

Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo trong mối liên hệ với yêu cầu phát triển giáo dục của đất nước. Trên cơ sở khai thác các quan điểm của Hồ Chí Minh, bài viết làm rõ các nội dung như: vị trí, vai trò của đội ngũ nhà giáo; yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn của người thầy; cũng như trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng. Những nội dung này góp phần làm rõ giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong điều kiện hiện nay, qua đó giúp luận án có thêm cách tiếp cận và luận giải vai trò, yêu cầu và phương hướng xây dựng đội ngũ nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Bên cạnh các công trình nghiên cứu chuyên sâu trong nước, các nghiên cứu của các tác giả nước ngoài về giáo dục hiện đại cũng giúp nghiên cứu sinh nhận ra sự tương thích giữa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo với các quan điểm giáo dục thời nay, qua đó, có thể khẳng định tính thời đại trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Anderson, Mark E, *Principal: How to train, recruit, select, induct and evaluate leaders for America's schools*, ERIC Clearinghouse on Educational Management, College of Education, University of Oregon, 1991 [148] là một nghiên cứu về công tác đào tạo, tuyển chọn và bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo giáo dục - trong đó người hiệu trưởng và giáo viên được xem là trung tâm của quá trình phát triển nhà trường. Tác giả tiếp cận vấn đề từ góc độ quản lý giáo dục hiện đại, nhấn mạnh rằng người thầy và người lãnh đạo giáo dục không chỉ cần kiến thức chuyên môn, mà phải được rèn luyện năng lực tư duy chiến lược, khả năng dẫn dắt và tạo môi trường học tập nhân văn, sáng tạo. Nghiên cứu của Anderson mang lại một góc nhìn so sánh bổ ích. Từ quan niệm phương Tây về chuẩn mực đào tạo, tuyển chọn và đánh giá nhà giáo, luận án có thể đối chiếu để làm nổi bật tính ưu việt và đặc sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh - khi Người không chỉ nhấn mạnh đến năng lực chuyên môn, mà còn đề cao đạo đức, trách nhiệm xã hội và lý tưởng phụng sự Tổ quốc. Nhờ đó, công trình của Anderson giúp luận án mở rộng phương thức tiếp cận, hướng đến sự hài hòa giữa giá trị phổ quát của giáo dục hiện đại và chiều sâu nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hargreaves, Andy, *Teaching in the knowledge society: Education in the age of insecurity*, Teachers College Press, New York, 2006 [154] đã tập trung phân tích

vai trò, vị thế và thách thức của người thầy trong bối cảnh xã hội tri thức toàn cầu hóa. Hargreaves cho rằng người giáo viên không còn chỉ là người truyền đạt kiến thức, mà trở thành “nhà kiến tạo tri thức”, “người đổi mới xã hội” - trung tâm của tiến trình phát triển con người và văn hóa học tập. Công trình cũng chỉ ra tình trạng bất an nghề nghiệp, áp lực cải cách và yêu cầu tái định nghĩa vai trò của nhà giáo trong thời đại mới. Nghiên cứu sinh sau khi đối chiếu một số quan điểm về nhà giáo của Hồ Chí Minh và quan điểm của Hargreaves thì nhận ra giá trị thời đại trong tư tưởng giáo dục toàn diện, “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau” của Hồ Chí Minh. Đồng thời, cách tiếp cận của Hargreaves về “giáo viên như người sáng tạo tri thức” giúp luận án có thêm cơ sở để lý giải vai trò chủ động, sáng tạo của nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục hiện nay - khi tri thức, đạo đức và tinh thần nhân văn phải được thống nhất trong hành động sư phạm.

Goh, Chor Boon, & Tan, Jason, *Education leadership in Singapore*, Springer, Singapore, 2019 [153] là công trình về lý luận và thực tiễn phát triển đội ngũ nhà giáo trong hệ thống giáo dục định hướng tri thức. Các tác giả phân tích toàn diện mô hình lãnh đạo giáo dục Singapore, trong đó người thầy được xác định là “trụ cột của đổi mới giáo dục” và là “tác nhân lan tỏa văn hóa học tập suốt đời”. Đồng thời, công trình cũng làm rõ triết lý “phát triển con người trước, phát triển kinh tế sau”, coi giáo viên là trung tâm của mọi cải cách, đồng thời đề xuất mô hình lãnh đạo nhân văn - lấy người học làm trung tâm, người dạy làm nền tảng. Qua trường hợp Singapore, luận án có thể đối chiếu để thấy sự tương đồng trong tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh - Người luôn khẳng định giáo dục là quốc sách hàng đầu và nhà giáo là nhân tố quyết định vận mệnh dân tộc.

1.2. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hồ Chí Minh là vĩ nhân của dân tộc và thời đại. Người đồng thời là nhà giáo và dạy học là một hoạt động mà Người đã trực tiếp trải nghiệm trong thực tiễn. Bên cạnh đó, với tư cách là nhà lập quốc, Hồ Chí Minh mang sứ mệnh thiết lập một nền giáo dục mới - nền giáo dục dân chủ ở Việt Nam. Khi nhà giáo là yếu tố then chốt

quyết định tới chất lượng giáo dục thì Hồ Chí Minh đã có những kiến giải sâu sắc về chủ đề này. Xuất phát từ tầm nhìn, vai trò dẫn dắt của tư tưởng Hồ Chí Minh và tầm quan trọng của giáo dục, của đổi mới giáo dục trong đời sống đất nước mà vai trò trung tâm thuộc về đội ngũ nhà giáo, chủ đề tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục nói chung và về nhà giáo nói riêng đã thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà khoa học cả trong và ngoài nước. Các công trình bao gồm sách, kỷ yếu hội thảo và đề tài khoa học, bài báo khoa học của các nhà nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Nguồn tư liệu phong phú như vậy đã giúp nghiên cứu sinh kế thừa được những thành tựu hết sức quan trọng. Bước đầu, có thể thấy giá trị của các công trình thể hiện như sau:

Thứ nhất, các tác giả thống nhất ở quan điểm: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo được hình thành trên nền tảng thực tiễn sâu sắc, không chỉ từ thực tiễn cách mạng Việt Nam mà còn từ thực tiễn các nền giáo dục trên thế giới. Bên cạnh đó, tư tưởng của Người còn được nuôi dưỡng bởi truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo - những giá trị văn hóa giáo dục bền vững của dân tộc, cũng như được soi sáng bởi tinh hoa giáo dục nhân loại - điều mà Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc trong quá trình hoạt động quốc tế. Cùng với cơ sở khách quan, nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh như phẩm chất, nhân cách và sự trải nghiệm thực tiễn làm thầy của Người cũng được đề cập. Nhìn chung, cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tiếp cận ở nhiều góc độ và với sự “đậm nhạt” khác nhau.

Thứ hai, trong các công trình nghiên cứu đã có, nhiều học giả đã bước đầu xây dựng và làm rõ các khái niệm liên quan như “nhà giáo”, “người thầy”, “thầy giáo”, qua đó góp phần định hình cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Cùng với đó, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo cũng được tiếp cận, lý giải từ nhiều góc độ khác nhau, phản ánh tính phong phú và chiều sâu của di sản tư tưởng Người. Các nhà nghiên cứu đã tập trung làm rõ các vấn đề như: vai trò của nhà giáo trong sự nghiệp cách mạng; các quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung, phương pháp dạy học; phẩm chất, đạo đức, nhân cách của người thầy; hình tượng Hồ Chí Minh - một nhà giáo cách mạng mẫu mực, suốt đời cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”.

Thứ ba, trong phạm vi nghiên cứu của mình, các tác giả cũng đã chỉ ra những điểm sáng tạo, nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong sự đối sánh với hình ảnh người thầy trong giáo dục phong kiến và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nếu như trong xã hội phong kiến, người thầy chủ yếu gắn với vị thế truyền đạt tri thức và duy trì trật tự đạo đức, thì trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà giáo được nâng lên thành lực lượng nòng cốt của sự nghiệp văn hóa, đóng vai trò trực tiếp trong việc bồi dưỡng thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước. So với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã có sự vận dụng và phát triển sáng tạo khi đặc biệt nhấn mạnh đến yếu tố đạo đức, nhân cách, tinh thần phục vụ nhân dân của người thầy và coi đó là tiêu chuẩn hàng đầu làm nên giá trị và uy tín của đội ngũ nhà giáo trong xã hội mới.

Thứ tư, các nhà nghiên cứu đều có sự thống nhất trong nhận định và khẳng định về vai trò to lớn, không thể thay thế của đội ngũ nhà giáo đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Đồng thời, trước những vấn đề mới đang đặt ra đối với đội ngũ nhà giáo hiện nay, các học giả đều nhận thấy giá trị bền vững và tính thời sự sâu sắc của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Chính những quan điểm của Người về vị trí, phẩm chất, đạo đức, năng lực và sứ mệnh của nhà giáo đã và đang trở thành cơ sở lý luận quan trọng để Đảng và Nhà nước xây dựng chiến lược đổi mới giáo dục và các thể chế liên quan đến giáo dục nhằm phát huy sức mạnh, vai trò của đội ngũ nhà giáo Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Những kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích để nghiên cứu sinh tiến hành và hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu

Hồ Chí Minh trở thành nhà tư tưởng là do yêu cầu của thực tiễn cách mạng nên tư tưởng của Người không dừng ở trang sách mà “lặn” vào hoạt động thực tiễn. Hồ Chí Minh lại là mẫu người “nói ít làm nhiều”, thậm chí chỉ “làm” mà không “nói”. Do đó, giáo sư Trần Văn Giàu đã đúc kết: “lấy hành động để xét tư tưởng là một phương pháp để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh” [46, tr.71]. Suốt đời, Hồ Chí Minh không có một cuốn chuyên khảo để luận bàn về một vấn đề nào đó và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo cũng không ngoại lệ. Tư tưởng của Người thể hiện trong các tác phẩm trải dài trong suốt cuộc đời cách mạng của Người và không

“nhất thành, bất biến” do luôn được bổ sung để giải quyết các vấn đề thực tiễn mới nảy sinh. Giá trị, sức sống của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo được kiểm chứng bởi thời gian nên ở những thời điểm khác nhau thì việc nhận thức giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng khác nhau. Do đó, với các công trình đã có, bên cạnh các kết quả đã đạt được thì vẫn tồn tại một số vấn đề cần phải làm rõ. Cụ thể như sau:

Một là, có thể nhận thấy rằng, số lượng các chuyên khảo, các công trình nghiên cứu chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhà giáo hiện nay chưa nhiều. Phần lớn các công trình mới chỉ đề cập đến nội dung này như một bộ phận trong nghiên cứu tổng thể về tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục hoặc trong mối liên hệ với tư tưởng của Người về đội ngũ trí thức, nhân sĩ. Điều đó cho thấy, hướng nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với nhà giáo vẫn còn nhiều khoảng trống cần tiếp tục được khai thác, làm rõ cả về nội hàm lý luận lẫn giá trị thực tiễn trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Hai là, cho đến nay, chưa có công trình nào tiến hành nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, từ cơ sở hình thành, nội dung đến giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng ấy. Nói cách khác, các nghiên cứu hiện có mới chủ yếu tập trung vào việc phân tích sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn giáo dục và đào tạo, mà chưa đi sâu vào việc tìm ra đặc tính và giá trị mọi mặt của tư tưởng này. Chính vì vậy, việc tiếp cận vấn đề theo hướng nghiên cứu cơ bản, chuyên sâu là yêu cầu cần thiết, góp phần làm sáng tỏ hơn giá trị và sức sống lâu bền của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong giai đoạn hiện nay, qua đó, khẳng định sức sống bất hủ của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung.

Ba là, đổi mới giáo dục và xây dựng đội ngũ nhà giáo là một quá trình liên tục, gắn bó hữu cơ với đường lối, chủ trương của Đảng, với sự phát triển của đất nước và những biến động của thời đại. Tuy nhiên, có thể nhận thấy rằng, không ít công trình nghiên cứu được công bố đã khá lâu, trong khi bối cảnh kinh tế - xã hội và định hướng phát triển giáo dục của Việt Nam không ngừng thay đổi, nhất là trong thời gian gần đây. Do đó, tất yếu một số dữ liệu, sự kiện và chủ trương của Đảng được nêu trong các công trình trước đây không thể cập nhật thực tiễn của nền giáo dục Việt Nam ở thời điểm hiện nay. Điều đó đòi hỏi cần có những nghiên cứu mới mang tính thời sự hơn, thích ứng hơn với giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Với tinh thần trân trọng, kế thừa những giá trị, thành tựu của những người đi trước và mong muốn bổ sung những điều còn thiếu vắng, nghiên cứu sinh tập trung giải quyết một số vấn đề cơ bản sau đây:

Thứ nhất, làm rõ một số khái niệm có liên quan như “nhà giáo” và “tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo”. Đây là những khái niệm công cụ có tính nền tảng, giữ vai trò định hướng cho toàn bộ quá trình nghiên cứu. Việc xác định rõ nội hàm, phạm vi và mối quan hệ giữa các khái niệm này không chỉ giúp nghiên cứu sinh xây dựng được cơ sở lý luận vững chắc, mà còn tạo tiền đề cho việc triển khai các nội dung tiếp theo của luận án một cách khoa học, thống nhất và logic.

Thứ hai, bảo đảm tính hệ thống trong nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo thông qua cách tiếp cận toàn diện, đi từ cơ sở hình thành đến nội dung và cuối cùng là giá trị của tư tưởng ấy. Trình tự nghiên cứu theo hướng cơ bản với việc phân tích cội nguồn hình thành tư tưởng, các nội dung phong phú, sâu sắc của tư tưởng và giá trị của tư tưởng qua sự đối sánh với các tư tưởng khác và những kết quả thực tiễn mà tư tưởng mang lại sẽ làm sáng tỏ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo ở hình thức tổng quát.

Thứ ba, để làm rõ giá trị thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay dưới góc độ sự gợi mở các giải pháp, phương hướng hành động, việc phân tích thực trạng và những vấn đề đang đặt ra đối với đội ngũ nhà giáo hiện nay là cần thiết. Nó sẽ được tiến hành trên cơ sở các số liệu, tư liệu chính thức được tổng kết trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, cùng với những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn phát triển của đất nước trong thời gian gần đây. Điều đó sẽ góp phần khẳng định giá trị đương đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đối với yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và phát triển con người Việt Nam toàn diện trong giai đoạn hiện nay.

Tóm lại, việc bám sát ba hướng nghiên cứu trên chính là định hướng xuyên suốt sẽ tạo nên dấu ấn riêng của luận án. Trên cơ sở tiếp cận tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo một cách hệ thống, tác giả luận án mong muốn không chỉ khắc phục khoảng trống trong nghiên cứu trước đây mà còn khẳng định sức sống bất hủ của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên “vươn mình” của dân tộc Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là một chủ đề quan trọng, không chỉ phản ánh tầm nhìn sâu sắc của Người đối với giáo dục mà còn mang giá trị thực tiễn to lớn trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo hiện nay. Vì thế, chủ đề này đã thu hút sự chú ý của đông đảo các nhà nghiên cứu với các cách tiếp cận khác nhau nhưng nghiên cứu sinh đã chia các tác phẩm có liên quan ấy thành ba nhóm công trình trong sự tương thích với kết cấu của luận án là cơ sở hình thành, nội dung tư tưởng và giá trị.

Việc phân tích tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài đã tạo cơ sở để nghiên cứu sinh rút ra những nhận định khái quát về kết quả đạt được của các công trình có liên quan và rút ra kết luận: Đến nay, vẫn chưa có công trình nào hệ thống hóa đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo, từ cơ sở hình thành đến nội dung và giá trị của tư tưởng. Ngoài ra, sự thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội và những yêu cầu mới đặt ra cho giáo dục hiện nay đòi hỏi cần có những nghiên cứu cập nhật hơn, sát với thực tiễn hơn. Vì thế, đây chính là lý do khoa học để nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài này làm đối tượng nghiên cứu trong luận án của mình.

Trên cơ sở kế thừa thành tựu của những người đi trước và nhận thức rõ những yêu cầu mới đang đặt ra đối với đội ngũ nhà giáo hiện nay, nghiên cứu sinh đã xác định rõ ba vấn đề mà luận án cần đi sâu, làm rõ để từ đó tạo ra một công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong hình thức tổng thể và đi theo hướng nghiên cứu cơ bản.

Việc đúc rút kết quả của các công trình đi trước và nhiệm vụ cần thực hiện ở chương này sẽ giúp nghiên cứu sinh triển khai công trình của mình một cách trọng tâm và đúng hướng, ngõ hầu mang lại đóng góp nhỏ trong nghiên cứu kho tàng tư tưởng Hồ Chí Minh mà tư tưởng về nhà giáo là một nội dung đặc sắc.

Chương 2. KHÁI NIỆM, CƠ SỞ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Khái niệm “Nhà giáo”

Việt Nam có thể tự hào là một dân tộc “vốn xưng nền văn hiến đã lâu” chính là nhờ truyền thống hiếu học, coi trọng tri thức và tinh thần “tôn sư trọng đạo”. Trong suốt hàng nghìn năm lịch sử, từ thời Hùng Vương dựng nước đến các triều đại phong kiến và thời đại Hồ Chí Minh, tinh thần ấy không những không mai một mà còn được bồi đắp và phát triển. Người Việt Nam ở mọi thời đại đều nuôi dưỡng khát vọng tiếp cận, lĩnh hội và phát triển tri thức, bởi tri thức không chỉ là công cụ mưu sinh mà còn là thước đo bản lĩnh văn hóa dân tộc và nhân cách con người. Chính vì vậy, học tập trở thành một nhu cầu văn hóa sâu sắc, gắn với ý thức dân tộc và khát vọng phát triển bền vững. Với tinh thần đó, nhà giáo - người truyền bá tri thức luôn được xã hội trân trọng và tôn vinh. Trong tâm thức người Việt, người thầy không chỉ dạy chữ mà còn dạy làm người, là biểu tượng của tri thức và đạo đức, đồng thời gìn giữ và lan tỏa các giá trị nhân văn của dân tộc. Cũng chính vì thế, đã có nhiều cách để nhận diện khái niệm “nhà giáo” và mỗi cách tiếp cận phản ánh một khía cạnh quan trọng, từ góc nhìn pháp lý, xã hội, đến văn hóa, đạo đức và chuyên môn nghề nghiệp.

Từ góc độ pháp lý - hành chính, nhà giáo được xác định là người được tuyển dụng để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong các cơ sở thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Đây là cách hiểu phổ biến trong các văn bản quy phạm pháp luật như *Luật Giáo dục* (2019), *Luật Nhà giáo* (2025), *Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT*, qua đó xác định địa vị pháp lý, nghĩa vụ và quyền lợi của nhà giáo trong hệ thống công vụ. Cách tiếp cận này tạo cơ sở để Nhà nước quản lý đội ngũ nhà giáo chặt chẽ và bảo đảm sự thống nhất với các bộ phận công chức, viên chức khác.

Nếu tiếp cận theo chức năng - nhiệm vụ, nhà giáo không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là người giáo dục nhân cách, hướng dẫn học sinh phát triển toàn diện, xây dựng môi trường học tập tích cực và hỗ trợ người học trưởng thành về tư duy, phẩm chất và kỹ năng. Đây là quan điểm phổ biến trong lý luận sư phạm, đồng thời phù hợp với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay.

Từ góc độ văn hóa - xã hội, nhà giáo là biểu tượng của tri thức, đạo đức và chuẩn mực xã hội. Trong truyền thống “tôn sư trọng đạo” của dân tộc Việt Nam, người thầy luôn giữ vị trí cao quý, được cộng đồng kính trọng, không chỉ vì tri thức mà còn bởi nhân cách và cống hiến thầm lặng cho sự nghiệp trồng người. Từ đó, hình ảnh nhà giáo không chỉ tồn tại trên bục giảng mà còn lan tỏa trong đời sống văn hóa và tâm thức cộng đồng.

Cách tiếp cận nghề nghiệp - chuyên môn lại đặt nhà giáo trong tư thế của một nghề nghiệp chuyên sâu, đòi hỏi năng lực chuyên môn vững vàng, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực, năng lực đổi mới sáng tạo và tinh thần trách nhiệm cao đối với xã hội. Trong thời đại chuyển đổi số và toàn cầu hóa, nhà giáo còn được nhìn nhận như người thiết kế học tập, dẫn dắt năng lực tự học, thúc đẩy tư duy phản biện và sáng tạo cho người học - đó là nội dung của cách tiếp cận hiện đại phù hợp với giáo dục mở, học tập suốt đời và phát triển công dân số.

Như vậy, việc tiếp cận nhà giáo từ nhiều chiều cạnh không chỉ giúp nhận diện đầy đủ hơn bản chất của nghề dạy học, mà còn đặt nền tảng cho việc xây dựng chính sách giáo dục công bằng, hiệu quả và nhân văn. Đó cũng là điều kiện để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng đội ngũ nhà giáo vừa “hồng” vừa “chuyên” - những người có tri thức, có đạo đức, và có lý tưởng phụng sự dân tộc trong thời kỳ mới.

Từ những cách tiếp cận đa chiều về nhà giáo, trên thực tế, đã hình thành nên nhiều cách gọi khác nhau như: giáo viên, giảng viên, người thầy, “người lái đò”, sư phụ... Mỗi cách gọi không chỉ phản ánh môi trường giáo dục cụ thể hay cấp học khác nhau, mà còn thể hiện những sắc thái văn hóa, đạo lý và kỳ vọng xã hội đối với người làm nghề dạy học. Tuy nhiên, trong các thuật ngữ được sử dụng để chỉ những người thực hiện hoạt động giáo dục, “nhà giáo” là khái niệm có phạm vi bao quát và tính khái quát khoa học cao nhất. Thuật ngữ này không chỉ phản ánh chức năng giảng dạy đơn thuần mà còn thể hiện vị thế của một chủ thể nghề nghiệp đặc thù. Đồng thời, đây cũng là thuật ngữ được sử dụng phổ biến trong các văn bản pháp luật, chính sách giáo dục và các nghiên cứu khoa học, phản ánh sự ghi nhận của Nhà nước và xã hội đối với một lực lượng giữ vai trò trung tâm trong quá trình phát triển con người và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Xuất phát từ

thực tế này, trong nghiên cứu và hoạch định chính sách, đã xuất hiện nhiều quan niệm và định nghĩa khác nhau về nhà giáo, được đưa ra bởi các tổ chức quốc tế, cơ quan quản lý giáo dục và giới học giả trong và ngoài nước.

Theo khuyến nghị của UNESCO và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), thuật ngữ “nhà giáo” được hiểu là bao gồm tất cả những người làm việc trong các nhà trường, chịu trách nhiệm về việc giáo dục học sinh; đồng thời mở rộng đến những người giảng dạy trong các cơ sở đào tạo giáo viên, kỹ thuật viên, hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nghệ thuật” [158, p.4].

Theo UNESCO và Education International: “Nhà giáo là những người hành nghề chuyên nghiệp, sở hữu hệ thống tri thức, kỹ năng và giá trị đạo đức cho phép họ nuôi dưỡng quá trình học tập và phát triển của người học; nghề dạy học là hoạt động mang tính trí tuệ và đạo đức, đòi hỏi năng lực phán đoán, phản tư và học tập suốt đời, đồng thời gắn với trách nhiệm xã hội” [152, pp.4-5].

Bên cạnh các tổ chức uy tín thì đề tài về nhà giáo cũng nhận được sự quan tâm của không ít học giả quốc tế với những góc nhìn hết sức đa dạng, phong phú:

Trong tác phẩm *What the Best College Teachers Do*, Bain, Kenneth (2004) không định nghĩa trực tiếp “nhà giáo là ai” nhưng thông qua chương “*Defining the Best*”, ông mô tả người thầy xuất sắc như một chủ thể có năng lực nhận thức sâu sắc về việc học. Bain cho rằng nhà giáo giỏi “hiểu cách con người học, và kiến tạo môi trường nuôi dưỡng tư duy phản biện”, xem giảng dạy như một hoạt động trí tuệ và sáng tạo hơn là sự truyền đạt thông tin [149, pp.5-9].

Trong công trình *Teacher Education, Teacher Professionalism and Research: International Perspectives*, Tatto, Maria Teresa (2020) cho rằng: Tính chuyên nghiệp của nhà giáo không chỉ là vấn đề phẩm chất hay năng lực cá nhân. Đó là một khái niệm được kiến tạo trong bối cảnh xã hội và chính trị, phản ánh vai trò của giáo viên như những người trung gian giữa chính sách giáo dục và thực tiễn lớp học. Nhà giáo là những chủ thể mang tính đạo đức và trí tuệ, làm việc vì sự tiến bộ của từng cá nhân và sự phát triển của xã hội [157, pp.550-551].

Về phía Việt Nam, trong từ điển tiếng Việt đã nêu rõ: “Nhà giáo là người làm nghề dạy học” [118, tr.700].

Trên cơ sở, gắn “nhà giáo” với nền tảng tâm lý học giáo dục, xem người thầy như chủ thể điều phối hoạt động sư phạm và quá trình hình thành nhân cách, đồng thời khẳng định vị thế trung tâm của họ trong hệ thống các mối quan hệ giáo dục, nhà nghiên cứu Nguyễn Kỳ (2008) đưa ra khái niệm nhà giáo như sau: “Nhà giáo là người tổ chức và điều khiển quá trình giáo dục - dạy học nhằm phát triển nhân cách người học; là trung tâm của các mối quan hệ sư phạm trong nhà trường. Trong quá trình đó, nhà giáo giữ vai trò chủ đạo, vừa là người hướng dẫn, vừa là người điều phối, kích thích tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh” [72, tr.22-23].

Dưới góc nhìn của mình, tác giả Đinh Quang Thành cho rằng: “Nhà giáo là những người làm nghề dạy học, làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở giáo dục, là những trí thức trong xã hội, luôn được xã hội tôn vinh. Nhà giáo đòi hỏi yêu cầu cao về đạo đức nghề nghiệp, về năng lực chuyên môn, tầm hiểu biết sâu sắc, phong phú, về lối sống trong sáng, mẫu mực” [127, tr.39].

Tác giả Nguyễn Minh Hải (2019) thì nhìn nhận: “Nhà giáo là những người làm nghề dạy học ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo (bao gồm giảng viên), có nhân thân cụ thể và có đầy đủ tiêu chuẩn về chính trị, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe” [56, tr.37].

Công trình nghiên cứu của Nguyễn Thị Bình Minh (2021) đã định nghĩa: “Nhà giáo là chủ thể giáo dục có ảnh hưởng mạnh mẽ tới sự phát triển toàn diện của học sinh, vừa là người dạy học, vừa là người dạy làm người, với tư cách là một nhà mô phạm. Nhà giáo không chỉ truyền đạt tri thức, mà còn truyền cảm hứng, định hướng giá trị, hình thành nhân cách và lý tưởng sống cho học sinh” [111, tr.15].

Luật Nhà giáo - một bộ luật độc lập với những quy định cụ thể về hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế đối với nhà giáo; tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo; quản lý nhà giáo đã cụ thể hoá khái niệm nhà giáo thành các danh từ khác nhau để phân biệt vị trí, chức phận của họ trong hệ thống giáo dục quốc dân. *Luật Nhà giáo* ghi rõ: (i). Giáo viên là nhà giáo giảng dạy, giáo dục chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông, chương trình

giáo dục thường xuyên, chương trình dự bị đại học, chương trình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật; giảng dạy, giáo dục chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; (ii). Giảng viên là nhà giáo giảng dạy chương trình đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên; chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; chương trình đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh trong trường của lực lượng vũ trang nhân dân; (iii). Cán bộ quản lý giáo dục là người thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo phạm vi thẩm quyền được giao trong cơ quan quản lý giáo dục [123].

Hồ Chí Minh là bậc thầy về ngôn ngữ nên để nói về nhà giáo thì Người thường diễn đạt bằng các khái niệm khác nhau như “người thầy”, “nghề thầy giáo”, “cô giáo”, “thầy giáo”, “thầy cô giáo”, “giáo viên”, “thầy dạy học”, “nhà giáo dục”... Người không đưa ra một khái niệm cụ thể nào về nhà giáo mà thường định nghĩa thông qua vị trí, vai trò, nhiệm vụ, sứ mệnh của họ trong sự nghiệp giáo dục nói riêng và trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc nói chung. Điều này đã tạo nên sự khác biệt trong quan niệm của Hồ Chí Minh về nhà giáo. Dưới góc độ quản lý hành chính, nhà giáo là người được Nhà nước giao thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục và đào tạo theo những quy định, chuẩn mực và yêu cầu của ngành giáo dục. Với Hồ Chí Minh, Người tiếp cận nhà giáo từ trách nhiệm của họ đối với sự nghiệp cách mạng và chiến lược phát triển con người. Hồ Chí Minh không chỉ xem nhà giáo là người truyền thụ tri thức mà còn là lực lượng trực tiếp thực hiện sự nghiệp “trồng người”, là chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, góp phần đào tạo những công dân có đức, có tài, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Vì vậy, giá trị của nhà giáo không chỉ được đánh giá thông qua trình độ chuyên môn hay vị trí nghề nghiệp mà còn được thể hiện ở phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, năng lực cảm hóa và khả năng nêu gương trước người học. Như vậy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà giáo được nâng lên tầm một chủ thể văn hóa, đạo đức và cách mạng, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng thế hệ tương lai của dân

tộc. Đây chính là điểm khác biệt căn bản, phản ánh chiều sâu nhân văn và tầm nhìn chiến lược của Hồ Chí Minh đối với đội ngũ nhà giáo và sự nghiệp giáo dục.

Từ những định nghĩa khác nhau về nhà giáo, đặc biệt từ quy định của *Luật Nhà giáo năm 2025* và phạm vi nghiên cứu của luận án, có thể hiểu: *Nhà giáo là chủ thể thực hiện hoạt động giảng dạy và giáo dục trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật; giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ người học hình thành tri thức, phát triển năng lực, phẩm chất, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của quốc gia.*

Thông qua các cách tiếp cận và quan niệm khác nhau về nhà giáo đã phản ánh được tính chất đa chiều của nghề dạy học - không chỉ là một nghề nghiệp đặc thù, mà còn là một sứ mệnh mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc và có vai trò chiến lược đối với sự phát triển của quốc gia - dân tộc. Trên cơ sở đó, việc khái quát những đặc điểm, vai trò, phẩm chất và năng lực của nhà giáo là yêu cầu mang tính lý luận và thực tiễn cấp thiết, nhằm định hướng việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo trong thời kỳ mới, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo mà Đảng đã xác định.

Trước hết, xét về *đặc điểm*, hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo gắn liền với quá trình dạy học và giáo dục, trong đó người thầy trực tiếp tổ chức, hướng dẫn và điều chỉnh hoạt động nhận thức của người học. Lao động của nhà giáo mang tính trí tuệ và tính sư phạm rõ nét, đòi hỏi sự kết hợp giữa tri thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức. Đồng thời, đây là loại hình lao động có tính tương tác xã hội cao, diễn ra trong môi trường giáo dục đặc thù với sự giao tiếp thường xuyên giữa nhà giáo và người học. Chính đặc điểm này khiến hoạt động của nhà giáo không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức mà còn gắn liền với quá trình hình thành thái độ, hành vi và nhân cách của người học.

Với những đặc điểm đó, *vai trò* của nhà giáo được thể hiện trên nhiều phương diện quan trọng. Trước hết, nhà giáo là người chuyên giao tri thức và phát triển năng lực cho người học, trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng dạy - học và góp phần hình thành nguồn nhân lực cho đất nước. Họ không chỉ dạy chữ mà còn dạy

người, góp phần giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm công dân cho học sinh, sinh viên. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, nhà giáo đồng thời là chủ thể tổ chức và định hướng hoạt động học tập, xây dựng môi trường giáo dục tích cực theo định hướng lấy người học làm trung tâm, qua đó thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học. Bên cạnh đó, nhà giáo còn giữ vai trò kết nối các lực lượng giáo dục trong xã hội, là cầu nối giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm tạo nên môi trường giáo dục thống nhất và hiệu quả.

Các vai trò đặc biệt quan trọng đó đặt ra những *yêu cầu ngày càng cao đối với phẩm chất và năng lực của nhà giáo*. Về phẩm chất, nhà giáo cần có lập trường chính trị vững vàng, trung thành với Tổ quốc, với Đảng và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, qua đó giữ vững định hướng tư tưởng trong hoạt động giáo dục. Đồng thời, nhà giáo phải có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, thể hiện ở lòng yêu nghề, tinh thần tận tụy, công tâm và trách nhiệm trong giảng dạy; tôn trọng người học, giữ gìn danh dự và phẩm giá của nghề dạy học. Bên cạnh đó, nhà giáo cần có lối sống mẫu mực, văn hóa ứng xử chuẩn mực, biết lắng nghe, chia sẻ và đồng hành với người học, góp phần xây dựng môi trường sư phạm tích cực và nhân văn. Về năng lực, nhà giáo trước hết phải có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, am hiểu tâm lý người học và có khả năng tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, nhà giáo cần có năng lực đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế và đánh giá hoạt động học tập theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đồng thời, nhà giáo cần có năng lực giao tiếp sư phạm, phối hợp với gia đình và xã hội trong giáo dục, cũng như năng lực tự học, tự bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn. Đặc biệt, trong điều kiện hội nhập quốc tế, nhà giáo cần có khả năng tiếp cận các xu hướng giáo dục tiên tiến, thích ứng với môi trường giáo dục hiện đại và góp phần đào tạo thế hệ công dân có năng lực hội nhập.

2.1.2. Khái niệm “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo*”

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất đã để lại cho dân tộc Việt Nam một di sản tư tưởng sâu sắc, trong đó giáo dục giữ vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của đất nước và con người.

Trong tư tưởng của Người, giáo dục không chỉ là con đường nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài mà còn là nền tảng xây dựng xã hội mới. Vì vậy, nhà giáo - lực lượng trực tiếp thực hiện sứ mệnh trồng người luôn được Hồ Chí Minh đánh giá cao và coi là nhân tố giữ vai trò quyết định đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và văn hóa của dân tộc.

Nhận thức sâu sắc ấy không chỉ bắt nguồn từ tầm nhìn của một nhà cách mạng mà còn từ chính hoàn cảnh xuất thân và trải nghiệm nghề nghiệp của Hồ Chí Minh. Người sinh ra trong một gia đình nhà nho hiếu học, có truyền thống dạy học lâu đời. Ông ngoại là cụ Hoàng Xuân Đường - một nhà nho dạy học có uy tín ở Nam Đàn; cha của Người, cụ Nguyễn Sinh Sắc, là Phó bảng nổi tiếng uyên thâm, từng dạy học và truyền bá tri thức cho nhân dân ở nhiều địa phương. Lớn lên trong môi trường ấy, Hồ Chí Minh sớm thấm nhuần các giá trị giáo dục truyền thống như “tôn sư trọng đạo”, “tiên học lễ, hậu học văn”... Bản thân Người trước khi ra đi tìm đường cứu nước cũng từng dạy học tại trường Dục Thanh (Phan Thiết). Từ nền tảng truyền thống gia đình và thực tiễn nghề giáo ấy, Người đã hình thành hệ thống quan điểm sâu sắc về nhà giáo.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không tách rời khỏi quan niệm tổng thể của Người về giáo dục, văn hóa và con người. Đó là tư tưởng nhất quán coi con người là trung tâm, giáo dục là công cụ phát triển con người và nhà giáo là lực lượng then chốt để thực hiện nhiệm vụ ấy. Ngày nay, trong quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng để Đảng và Nhà nước ta hoạch định chính sách, đặc biệt là trong xây dựng đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị, có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là một bộ phận hợp thành quan trọng trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Nội dung này gắn bó chặt chẽ với các quan điểm cốt lõi khác của Người như phát triển con người toàn diện, xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng, hình thành nền văn hóa mới và bồi dưỡng đạo đức cách mạng... Vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh

về nhà giáo không chỉ mang giá trị lý luận sâu sắc mà còn có ý nghĩa thực tiễn to lớn, trở thành kim chỉ nam cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo, bồi dưỡng nhân tài và phát triển con người toàn diện trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Từ những nhận định trên ta có thể đưa ra khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo như sau: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là hệ thống quan điểm toàn diện, nhất quán và sâu sắc của Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò, phẩm chất, năng lực, trách nhiệm, phương pháp giáo dục và xây dựng đội ngũ nhà giáo; được hình thành trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục, kế thừa các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tư tưởng giáo dục của nhân loại; nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo có đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực sư phạm, đủ khả năng thực hiện sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người mới, phục vụ sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước.*

Nhìn chung, khái niệm “Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo” là một phạm trù có tính khái quát cao, phản ánh hệ thống quan điểm lý luận và thực tiễn của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vai trò, phẩm chất, năng lực và sứ mệnh của người làm công tác giáo dục trong cách mạng Việt Nam. Nội hàm khái niệm này bao hàm một cấu trúc chặt chẽ về vị trí, nguồn gốc, nội dung và giá trị định hướng đối với nền giáo dục dân tộc.

Trước hết, khái niệm xác định rõ *vị trí* của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, với tư cách là một bộ phận hợp thành, tức là một yếu tố cấu trúc không thể tách rời trong toàn bộ hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, gắn liền với tư tưởng về con người, giáo dục và phát triển văn hóa...

Tiếp theo, về *nguồn gốc*, đó là kết quả của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của giáo dục và người thầy, gắn với thực tiễn lịch sử - xã hội của cách mạng Việt Nam, đồng thời kế thừa truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu tinh hoa giáo dục nhân loại thông qua bản lĩnh văn hóa Hồ Chí Minh.

Về *nội dung*, đây là hệ thống các quan điểm sâu sắc, toàn diện về vai trò; yêu cầu về phẩm chất, năng lực nhà giáo và biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong sự nghiệp “trồng người”.

Cuối cùng, về *giá trị*, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ mang ý nghĩa lý luận sâu sắc mà còn có tác dụng định hướng, soi đường cho quá trình xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, đặc biệt trong việc phát triển đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên”, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới.

2.2. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo

2.2.1. Cơ sở thực tiễn

2.2.1.1. Thực tiễn gia đình và quê hương

Ảnh hưởng từ gia đình

Giáo dục trong gia đình là một hình thức giáo dục quan trọng và phổ biến, phù hợp với mọi người, đặc biệt là ở Việt Nam - nơi luôn coi trọng vai trò của gia đình trong việc định hình nhân cách con người và đóng vai trò cốt lõi, mang tính quyết định. Qua mỗi thế hệ, giáo dục gia đình không chỉ là cách thức giáo dục, mà còn là cách lưu giữ những giá trị truyền thống, “nếp nhà” của mỗi gia đình Việt Nam.

Nguyễn Sinh Cung, người sau này trở thành Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, được sinh ra và trưởng thành trong một gia đình Nho giáo có truyền thống yêu nước và giàu lòng nhân ái. Gia đình của Người không chỉ nổi tiếng với những giá trị văn hóa truyền thống mà còn gắn bó chặt chẽ với tư tưởng yêu nước, từ đó ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình phát triển nhân cách và tư tưởng của Nguyễn Sinh Cung từ thuở nhỏ. Ông ngoại của Nguyễn Sinh Cung - Cụ Hoàng Xuân Đường là một nhà Nho có uy tín trong cộng đồng, được nhiều người kính trọng. Cụ không chỉ là một người có học thức cao thời đó mà còn là người “khai tâm, khai trí” cho nhiều thế hệ trẻ trong làng. Với tinh thần yêu thương và mong muốn truyền đạt tri thức, ông đã mở lớp dạy chữ Hán ngay tại nhà để dìu dắt trẻ em trong làng. Đây là một hình thức giáo dục phổ biến ở thời phong kiến, đặc biệt là trong các gia đình có truyền thống Nho học. Lớp học không chỉ đơn thuần là nơi truyền thụ kiến thức chữ nghĩa, mà còn là nơi các giá trị đạo đức, truyền thống văn hóa của dân tộc được giữ gìn và phát huy. Nhờ sự tận tâm của Cụ, nhiều con em trong làng đã được tiếp cận với giáo dục, học hỏi được nhiều điều từ chữ nghĩa đến đạo đức, nhân cách sống. Sự kính trọng mà người dân trong làng dành cho ông ngoại của Nguyễn Sinh Cung không chỉ đến từ việc Cụ là người có học thức mà còn từ nhân cách cao quý và lòng yêu

thương con người, luôn sẵn lòng giúp đỡ người khác. Bằng chứng là Cụ đã nhận nuôi, dạy cậu bé mồ côi Nguyễn Sinh Sắc và sau này còn gả con gái cho. Đối với Nguyễn Sinh Sắc, Cụ Hoàng Xuân Đường vừa là dưỡng phụ, vừa là Sư phụ và sau này còn là nhạc phụ. Quan hệ đầy ân tình đó đã hình thành trong Nguyễn Sinh Cung - Hồ Chí Minh sau này quan điểm về tình yêu với người, với nghề của thầy cô giáo. Người luôn nhắc nhở các thầy, cô giáo rằng: “Các thầy giáo, các cô giáo phải gần gũi dân chúng. Các thầy giáo cũng như các trí thức khác là lao động trí óc. Lao động trí óc phải biết sinh hoạt của nhân dân, nếu chỉ giở sách đọc thì không đủ. Phải yêu dân, yêu học trò, gần gũi nhau, gần gũi cha mẹ học trò” [105, tr.389].

Như nhà văn T. Thore từng nói: “Người cha chính là người thầy đầu tiên của đứa trẻ” [15] và Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là hiện thân tiêu biểu cho sự khẳng định này. Ông không chỉ là một người cha gương mẫu mà còn là một người thầy đầu tiên trong cuộc đời của con trai mình. Với vai trò là người cha, ông Nguyễn Sinh Sắc đã nuôi dạy con mình trong một môi trường gia đình đầy ắp tình yêu thương nhưng cũng vô cùng kỷ luật. Với vai trò là người thầy, ông đã dạy dỗ, uốn nắn những bước đi đầu đời của con trai mình. Ông đã viết lên xà nhà tám chữ “Vật di quan gia vi ngô phong dạng”, nghĩa là “đừng lấy phong cách của nhà quan làm phong cách nhà mình” để răn dạy các con [61, tr.10]. Ông dạy con cái không chỉ thông qua lời lẽ mà chủ yếu qua những gì ông đã trải nghiệm và vượt qua. Trong số đó, trước hết là bài học về tinh thần hiếu học, khả năng tự học và sự kiên trì rút ra từ hành trình học tập và thi cử đầy chông gai của ông. Bắt đầu con đường thi cử của mình từ rất sớm nhưng trong kỳ thi Hương năm 1891, ông chỉ đỗ “nhị trường”. Không nản chí, ông tiếp tục trui rèn nghiệp đèn sách và đến năm 1894, ông đã đỗ Cử nhân trong kỳ thi Hương - một dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp học hành của ông. Tuy nhiên, với tinh thần hiếu học và khát vọng tiến bộ, ông Nguyễn Sinh Sắc không dừng lại ở đó. Ông tiếp tục dấn thân vào con đường thi Hội, một kỳ thi cao hơn và khó khăn hơn rất nhiều. Ông đã phải trải qua ba lần thi Hội (các năm 1895, 1898, 1901) thì mới đỗ Phó bảng vào lần thi thứ ba. Thành công của ông không chỉ là kết quả của sự thông minh và học vấn, mà còn là minh chứng cho sự kiên trì, quyết tâm vượt qua mọi khó khăn. Qua tấm gương kiên trì học tập và ý chí vượt qua thử thách của cha mình,

Nguyễn Sinh Cung đã dần thấu hiểu tầm quan trọng của sự tự học và sự nhẫn nại trong việc thực hiện mục tiêu. Những bài học về tinh thần hiếu học, không từ bỏ trước khó khăn, đã trở thành nền tảng cho sự phát triển của Người. Sau này, khi xây dựng đội ngũ nhà giáo mới ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã luôn nhắc nhở đội ngũ nhà giáo việc “dạy cách tự học” và xem đó như một trong những nguyên tắc giáo dục quan trọng nhất. Điều này cho thấy sự ảnh hưởng sâu sắc của ông Nguyễn Sinh Sắc đến tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà giáo, khi mà tự học, tự rèn luyện trở thành một trong những giá trị cốt lõi mà Hồ Chí Minh truyền đạt lại cho rất nhiều thế hệ thầy, cô giáo.

Không chỉ là thầy giáo của các con, Nguyễn Sinh Sắc cũng là thầy dạy của không ít lứa học trò. Vào gần cuối năm 1898, theo lời mời của ông Nguyễn Sĩ Độ, ông Nguyễn Sinh Sắc về dạy học cho một số học sinh ở làng Dương Nỗ, tại ngôi nhà của ông Nguyễn Sĩ Khuyến và đầu năm 1903, ông Nguyễn Sinh Sắc được mời lên dạy học ở Võ Liệt, huyện Thanh Chương. Ông đã luôn sẵn lòng dạy học, truyền đạt kiến thức cho mọi người, đặc biệt là những người có hoàn cảnh khó khăn. Những bài học mà ông truyền dạy không chỉ gói gọn trong phạm vi kiến thức học thuật, mà còn là những bài học về đạo đức, về tinh thần yêu nước và nghĩa vụ với quê hương. Sau này, Hồ Chí Minh cũng coi giáo dục lòng yêu nước, đạo đức công dân cho người học là trách nhiệm của các thầy cô giáo.

Sự mẫu mực của người cha - người thầy đầu tiên trong cuộc đời mình đã hình thành trong Hồ Chí Minh quan điểm về trách nhiệm nêu gương của thầy cô giáo, rằng “trẻ em hay bắt chước, cho nên thầy giáo, cán bộ phụ trách, v.v., phải gương mẫu từ lời nói đến việc làm. Nếu các cô các chú bảo: “Các em phải siêng làm” nhưng các cô các chú lại đi ngủ, hoặc dạy “các em phải thật thà”, nhưng các cô các chú lại nói sai, hay bảo “các em phải giữ vệ sinh chung”, nhưng các cô các chú bẩn, như thế là không được” [107, tr.77].

Nguyễn Sinh Cung không chỉ có một người cha là “Danh sư” với các phẩm chất kiên trì học hỏi, giản dị, nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, có chí “giúp đời” mà còn một người mẹ xứng danh là “Tù mẫu” - bà Hoàng Thị Loan (1868 - 1901) với đức tính hiền lành, tận tụy, chăm chỉ và đầy lòng nhân ái. Bà Hoàng Thị Loan

không chỉ đơn thuần là một người vợ đảm đang, một người mẹ thương con hết mực, mà còn là hiện thân của hình ảnh người phụ nữ Việt Nam truyền thống, hiền hậu, biết sống cho gia đình và luôn nghĩ đến hạnh phúc của những người xung quanh. Hơn thế, bà còn là con gái của một cụ đồ Nho, vì vậy, bà Hoàng Thị Loan được hưởng một nền giáo dục cơ bản hơn so với nhiều người phụ nữ cùng thời. Bà biết đọc, biết viết và còn am hiểu nhiều về văn hóa dân gian, những câu ca dao, dân ca truyền thống của dân tộc. Những câu thơ đầy xúc cảm, những mẩu chuyện đầy tình yêu thương, gắn bó với quê hương đất nước mà bà truyền dạy đã gieo vào lòng các con, đặc biệt là Nguyễn Sinh Cung, những cảm xúc sâu lắng và tình yêu tha thiết với quê hương, đất nước. Bà cũng luôn dạy con về cách sống chan hòa, biết yêu thương và quan tâm đến người khác. Từ hình mẫu người mẹ của mình đã hình thành trong Hồ Chí Minh quan điểm, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em phải lấy tình thương làm trọng, “cô giáo phải như mẹ hiền”. Người từng căn dặn giáo viên mẫu giáo: “Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được thế thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quấy, phải bền bỉ, chịu khó mới nuôi dạy được các cháu” [107, tr.286].

Như vậy, “cái nôi” gia đình đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc hình thành trong Hồ Chí Minh một số quan điểm trọng yếu về nhà giáo. Trong quan điểm về nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy cũng như phẩm chất nhà giáo của Hồ Chí Minh đều có hình bóng của ông ngoại, của cha mẹ Người - những người không chỉ là bậc sinh thành mà còn là “người thầy” đầu tiên có công sức tạo dựng nên nhân cách của một con người sẽ trở thành vĩ nhân, nhà tư tưởng lớn của dân tộc và thời đại.

Ảnh hưởng từ quê hương

Ông cha ta đã nói: “Người ta là hoa của đất”. Hồ Chí Minh được sinh ra tại làng Hoàng Trù (làng Chùa), quê mẹ. Quê cha ở làng Kim Liên (làng Sen). Hai làng giáp nhau, cùng trong một xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An [4, tr.7].

Nam Đàn, Nghệ An là một vùng đất có phong thủy hữu tình nhưng điều kiện địa lý, không gian sinh tồn lại rất khắc nghiệt khi đất đai ít, khô cằn, nắng lắm, mưa

nhiều. Vì thế, đây là một vùng quê nghèo và nó càng nghèo hơn khi nước mất, nhà tan. Bên cạnh làm ruộng, người dân nơi đây còn làm nhiều nghề khác để kiếm sống như dệt vải, đan lát, sơn tràng, kiếm củi, đốt than. Ngay cả các nhà Nho vốn được mệnh danh là người “lao trí” thì cũng phải “lao lực” để kiếm sống. Vì thế, ở đây có câu thơ: “Xưa nay nổi tiếng làng Sen/ Nho buôn, đồ nhủi¹ đã quen đi rồi”. Cuộc sống lam lũ, khó khăn về vật chất của nơi “chân rau, cát rốn” góp phần hình thành trong Hồ Chí Minh quan điểm về trách nhiệm của thầy cô giáo trong việc giáo dục cho người học lòng yêu lao động và trách nhiệm phải lao động. Lòng yêu lao động phải được nuôi dưỡng từ bé nên trong *Di chúc* để lại, Người căn dặn phải “sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động” [110, tr.617].

Nam Đàn còn được mệnh danh là “đất học”, là “đất văn vật, chôn thi thư”, có truyền thống khoa bảng. Nơi đây, không chỉ có những người thành danh trên bảng vàng như các cử nhân, tiến sĩ, mà còn là nơi sản sinh ra nhiều nhà trí thức, dù không ra làm quan nhưng vẫn được dân chúng kính trọng và ngưỡng mộ. Những ông đồ, anh Nho, dù không thi đỗ, không làm quan, vẫn được xem như những người thầy, những trí thức đóng góp quan trọng cho xã hội. Chính vì lẽ đó mà sĩ tử Nam Đàn luôn được các sĩ tử ở các vùng khác tôn trọng và kính nể, bởi họ không chỉ học vì danh vọng mà học vì tinh thần cống hiến. Truyền thống khoa bảng nơi đây đã hun đúc lên truyền thống hiếu học; truyền thống hiếu học lại bồi đắp truyền thống khoa bảng, tạo nên một thế hệ những trí thức uyên thâm, có tầm nhìn vượt ra khỏi khuôn khổ của thi cử. Họ học không chỉ để lấy danh vị mà còn để thấu hiểu đạo lý làm người, để phụng sự cho quê hương và đất nước. Mỗi gia đình ở Nam Đàn đều có tinh thần trọng tri thức, coi giáo dục là con đường quan trọng để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội. Cuối thế kỷ XIX, Nam Đàn được biết đến với “tứ hổ”, gồm những nhân vật kiệt xuất như Phan Văn San (Phan Bội Châu), Vương Thúc Quý, Trần Văn Lương, và Nguyễn Sinh Sắc [126, tr.22]. Những người này không chỉ nổi bật về học vấn mà còn mang trong mình lòng yêu nước sâu sắc, tinh thần đấu tranh

¹ Dụng cụ đan bằng tre dùng để xù tép

cho tự do và độc lập của dân tộc. Họ là những trí thức tài năng, nhưng điều đáng quý ở họ còn là tinh thần dân thân vì nghĩa lớn. Họ không chỉ học để làm quan, mà học để chiến đấu, để giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của thực dân phong kiến. Từ những con người xuất chúng ấy, Nam Đàn trở thành một biểu tượng của trí tuệ và lòng yêu nước.

Ngay từ nhỏ, Hồ Chí Minh đã được tiếp xúc với những người thầy là các nhà Nho yêu nước như Hoàng Phan Quỳnh, Vương Thúc Quý và Trần Thân. Những thầy giáo này không chỉ dạy chữ mà còn truyền đạt những bài học sâu sắc về đạo đức và tinh thần yêu nước. Thầy Hoàng Phan Quỳnh, dù thời gian dạy Nguyễn Tất Thành không dài, nhưng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn cậu bé bởi tinh thần yêu nước và sự thanh liêm của mình. Thầy đã từ bỏ việc làm quan để trở về quê hương dạy học, góp phần lan tỏa tinh thần yêu nước đến các thế hệ học trò. Thầy Vương Thúc Quý cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng của Nguyễn Tất Thành. Là con trai của lãnh tụ Cần Vương Vương Thúc Mậu, thầy mang trong mình nỗi niềm “thù nhà, nợ nước”. Thầy Quý tuy đỗ cử nhân nhưng không ra làm quan, thầy chọn cách mở trường dạy học và cùng Phan Bội Châu bàn mưu chống Pháp, tiếp tục sự nghiệp yêu nước của cha mình. Dù phải sống trong sự kiểm soát của bộ máy cai trị từ làng đến tỉnh, nhưng thầy không hề ngần ngại dạy cho học trò tư tưởng yêu nước, thương dân và chí làm trai phải giúp ích cho đời. Những bài học mà thầy Quý truyền dạy cho Nguyễn Tất Thành không chỉ là về kiến thức, mà còn là bài học về nghĩa khí, về lòng dũng cảm và trách nhiệm đối với dân tộc. Tinh thần ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh chọn sau này. Thầy Trần Thân cũng là một người thầy đặc biệt với Hồ Chí Minh. Thầy là một nhà nho sống thanh bạch, trọng nghĩa khinh tài. Thầy không dạy theo lối tầm chương trích cú, mà luôn hướng học trò của mình tới những giá trị lớn lao hơn, như lòng tự trọng, tinh thần vì dân vì nước. Với thầy, việc dạy học không chỉ đơn thuần là truyền đạt kiến thức mà còn là truyền đạt đạo đức, phẩm hạnh cho thế hệ trẻ. Từ hình mẫu của những người Thầy của mình, Hồ Chí Minh đã hình thành nên quan điểm về chuẩn mực của người Thầy: Yêu nước, yêu lao động, yêu học trò, tận tụy trong nghề nghiệp, trong sáng trong đời tư.

Mảnh đất Nam Đàn khắc nghiệt nhưng giàu tri thức, tình người đã nuôi dưỡng và bồi đắp trong Nguyễn Sinh Cung tư tưởng yêu nước, khát vọng giải phóng dân tộc và xây dựng một chế độ mới, một nền giáo dục mới với những thầy cô giáo phải là những tấm gương sáng về mọi mặt để học trò noi theo. Đồng thời, cũng chính từ truyền thống khoa bảng và tinh thần hiếu học nơi đây, Hồ Chí Minh đã hình thành nên tư tưởng “tự học và học tập suốt đời” và coi đó là phương châm trong dạy và học của nhà giáo. Bên cạnh đó, từ những người thầy của mình từ thuở thiếu thời, đã để lại dấu ấn sâu sắc trong tư tưởng và phương pháp giáo dục của Người sau này, khi định hình trong Hồ Chí Minh tiêu chuẩn về một người thầy giáo thực thụ là như thế nào.

2.2.1.2. Thực tiễn giáo dục Việt Nam cuối thế kỷ XIX - nửa đầu thế kỷ XX

Sự xâm lược của thực dân Pháp đã làm xã hội Việt Nam biến đổi sâu sắc, từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước thuộc địa và phong kiến dưới sự thống trị của thực dân Pháp và một trong những đặc điểm nổi bật của thời kỳ này là chính sách ngu dân mà thực dân Pháp áp đặt lên người dân Việt Nam. Đây là một chiến lược chính trị tinh vi nhằm kiểm soát triệt để dân tộc Việt Nam, kìm hãm sự phát triển về mặt tri thức và tư duy, từ đó dễ dàng duy trì sự thống trị lâu dài. Thực dân Pháp đã thực hiện chính sách này bằng cách hạn chế tối đa việc xây dựng hệ thống giáo dục cho người bản xứ, đặc biệt là giáo dục phổ thông. Kết quả là nhà tù nhiều hơn trường học, số lượng trường học được xây dựng vô cùng ít ỏi, không đủ để đáp ứng nhu cầu học tập của hàng triệu người dân. Thậm chí trường học được mở ra cũng là để phục vụ mục đích đồng hóa văn hóa, nhồi sọ cho người học những tư tưởng chống lại chính đất nước của mình. Thêm vào đó, số lượng giáo viên đào tạo cũng vô cùng hạn chế, bởi chính quyền thực dân không đầu tư đúng mức vào việc đào tạo giáo viên hoặc mở các trường sư phạm. Mục đích sâu xa của chính sách này là để giữ cho người dân Việt Nam trong tình trạng mù chữ, thiếu hiểu biết, từ đó họ không thể phát triển được tinh thần phản kháng hay ý thức về tự do, dân chủ. Thực dân Pháp lo sợ rằng một dân tộc có tri thức sẽ dễ dàng nhận ra sự bất công của chế độ cai trị và có khả năng tổ chức các phong trào đòi độc lập. Do đó, việc hạn chế giáo dục trở thành công cụ đắc lực để chính quyền thực dân bảo toàn quyền cai trị của mình.

Chính vì vậy, trong suốt thời kỳ thuộc địa, hệ thống giáo dục ở Việt Nam không chỉ thiếu trường, thiếu thầy mà còn thiếu cả tinh thần giáo dục thực sự. Những trường học ít ỏi tồn tại chỉ phục vụ cho con cái của tầng lớp thống trị hoặc một số ít người may mắn, trong khi phần lớn người dân phải chịu cảnh mù chữ hoặc chỉ được giáo dục ở mức độ cơ bản. Chính sách ngu dân đã để lại những hậu quả sâu sắc, làm cho xã hội Việt Nam rơi vào tình trạng lạc hậu và lệ thuộc, tạo ra những rào cản lớn trong quá trình phát triển của dân tộc sau này. Lúc này, người thầy bị bó hẹp vai trò trong khuôn khổ của một nền giáo dục thực dân nô dịch, chỉ nhằm đào tạo những “người thừa hành biết vâng lời” hơn là những con người tự do và sáng tạo. Nhiều thầy giáo, do vậy, không cam chịu làm công cụ cho chế độ mà đã dấn thân vào con đường yêu nước và cách mạng. Thực tiễn diễn ra tại Nam Kỳ, dưới sự kiểm soát chặt chẽ của thực dân, bất kỳ lớp học nào mở ra cũng phải có giấy phép của chính quyền. Nhiều nơi, người dân muốn mời thầy về dạy cho con em phải làm đơn “xin phép mở lớp” gửi lên tổng đốc hoặc chủ tỉnh. Có nơi chờ cả năm không được phê chuẩn. Các thầy đồ nếu không có “chứng chỉ sư phạm” do Pháp cấp thì không được giảng dạy chính thức. Có thầy nhưng không được dạy, có trò nhưng không được mở lớp chính là thực trạng oái oăm của nền giáo dục thuộc địa. Bản thân Hồ Chí Minh cũng đã từng trải qua những điều đó. Vào năm 1906, khi Người theo cha của mình vào Huế, dù có tư chất, Nguyễn Tất Thành vẫn không dễ dàng được nhận vào hệ thống trường học Pháp - Việt vốn dành cho tầng lớp khá giả hoặc con em quan lại. Chính từ những thực tế của đất nước, từ sự thiếu thốn của bản thân trong quá khứ đã thôi thúc Hồ Chí Minh, khi đất nước có được độc lập rồi thì “ai cũng phải được học hành”. Hồ Chí Minh cũng nhận ra những hạn chế của nền giáo dục phong kiến như tư duy khoa cử hẹp hòi, tính thủ cựu, thiếu thực tiễn. Từ đó, Người chủ trương xây dựng một nền giáo dục mới, trong đó người thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải giáo dục đạo đức, ý thức công dân và tinh thần phục vụ nhân dân.

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp đô hộ, nền giáo dục phong kiến Việt Nam bộc lộ nhiều hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu phát triển xã hội thì cũng là thời điểm xuất hiện nhiều trí thức với tư tưởng canh tân đất nước mà tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Phan Bội Châu với chủ trương đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật du học đã gọi

mở cho Hồ Chí Minh chủ trương đào tạo thanh niên Việt Nam trong môi trường quốc tế. Phan Chu Trinh với chủ trương khai dân trí, mở rộng tri thức giáo dục theo lối phương Tây, coi trọng kiến thức khoa học tự nhiên đã góp phần hình thành trong Hồ Chí Minh quan điểm về giáo dục tri thức toàn diện.

Trở về nước lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ để giành, bảo vệ độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh nhận thức rõ, thầy cô giáo trong chế độ mới phải giáo dục cho học trò phẩm chất quan trọng nhất là tinh thần dân tộc, ý chí tự lực tự cường, quyết không chịu thua kém ai, quyết không chịu làm nô lệ. Thầy cô giáo có trách nhiệm hình thành trong người học “một chí khí kiên quyết quật cường, một tâm lý quả cảm xung phong, tin tưởng vào tương lai của Tổ quốc, vào lực lượng của nhân dân, hy sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung của dân tộc, ra sức đấu tranh để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn nước Việt Nam ta” [104, tr.135-136]. Từ năm 1960, miền Bắc Việt Nam bước vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nên yêu nước phải gắn với yêu chủ nghĩa xã hội và tinh thần làm chủ tập thể. Do đó, thầy cô giáo phải giáo dục cho người học, “bất kỳ ở cương vị nào, bất kỳ làm công việc gì, đều không sợ khó, không sợ khổ, đều một lòng một dạ phục vụ lợi ích chung của giai cấp, của nhân dân, đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội” [108, tr.90]. Bồi dưỡng những tình cảm, phẩm chất phù hợp với yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam trong mỗi thời kỳ là trách nhiệm của thầy, cô giáo.

2.2.1.3. Thực tiễn giáo dục thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Trong các nước thuộc địa, giáo dục không chỉ là công cụ truyền bá tri thức mà còn bị biến thành phương tiện duy trì sự thống trị của chế độ thực dân. Hệ thống giáo dục tại đây thường mang tính phân biệt, hạn chế cơ hội học tập của người dân bản địa, khiến họ không thể tiếp cận tri thức một cách bình đẳng. Điều này không chỉ kìm hãm sự phát triển của cá nhân mà còn tạo ra khoảng cách xã hội sâu sắc, ảnh hưởng đến tiến trình giành độc lập và phát triển sau này. Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhiều dân tộc trên thế giới phải đối mặt với sự thống trị của các đế quốc phương Tây, dẫn đến những thay đổi sâu rộng về xã hội, văn hóa và đặc biệt là giáo dục. Dưới ách cai trị của thực dân, hệ thống giáo dục truyền thống tại

các quốc gia thuộc địa dần bị đẩy lùi và thay thế bởi nền giáo dục phương Tây với mục tiêu phục vụ lợi ích của cường quốc xâm lược. Tuy nhiên, giáo dục thực dân thường bị giới hạn về quy mô và chỉ dành cho một tầng lớp nhỏ trong xã hội, nhằm đào tạo những người có thể làm việc cho bộ máy cai trị, đồng thời truyền bá tư tưởng văn minh phương Tây để làm phai mờ giá trị văn hóa bản địa. Tại nhiều thuộc địa trên thế giới như Ấn Độ và châu Phi, các phong trào cải cách giáo dục bắt đầu nổi lên như một phản ứng chống lại hệ thống giáo dục áp đặt từ thực dân. Các nhà cải cách như Mahatma Gandhi và Rabindranath Tagore ở Ấn Độ, hay Kwame Nkrumah ở Ghana đều nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục trong việc nâng cao dân trí, khơi dậy tinh thần yêu nước và tạo ra tầng lớp trí thức có khả năng dẫn dắt cuộc đấu tranh giành độc lập. Phong trào cải cách giáo dục tại các quốc gia thuộc địa không chỉ là sự phản kháng với hệ thống giáo dục thực dân mà còn là biểu hiện của khát vọng tự do, độc lập và sự phát triển của dân tộc. Giáo dục, vì thế, trở thành công cụ không thể thiếu trong việc thức tỉnh ý thức dân tộc và thúc đẩy phong trào giải phóng khỏi ách thống trị thực dân.

Điển hình như ở Ấn Độ, trước thời kỳ thuộc địa, Ấn Độ có hệ thống giáo dục truyền thống phong phú, gắn liền với tôn giáo và triết học. Tuy nhiên, khi thực dân Anh áp đặt quyền cai trị, họ đã xây dựng một hệ thống giáo dục phương Tây nhằm đào tạo một tầng lớp nhỏ người Ấn Độ có khả năng phục vụ cho bộ máy hành chính thuộc địa. Chính sách giáo dục của Lord Macaulay năm 1835 đã thúc đẩy việc giảng dạy bằng tiếng Anh, tập trung vào các môn học văn hóa và luật pháp phương Tây, trong khi coi nhẹ giá trị văn hóa bản địa. Mặc dù hệ thống giáo dục này tạo ra một tầng lớp tinh hoa người Ấn hiểu biết về phương Tây, nó lại hạn chế ở việc không phổ cập đến đại đa số người dân, đặc biệt là tầng lớp nông dân và lao động. Giáo dục thực dân chủ yếu phục vụ lợi ích cai trị của Anh, thiếu sự khuyến khích tư duy sáng tạo và độc lập. Tuy nhiên, chính từ tầng lớp trí thức được đào tạo theo phương Tây, các phong trào đấu tranh dân tộc đã trỗi dậy, với các nhà lãnh đạo như Mahatma Gandhi, Rabindranath Tagore và Jawaharlal Nehru. Họ nhận thức được vai trò của giáo dục trong việc thức tỉnh ý thức dân tộc và thúc đẩy độc lập. Gandhi đề xuất mô hình giáo dục bản địa Nai Talim, trong khi Tagore thành lập trường

Shantiniketan với triết lý giáo dục tự do, sáng tạo. Suốt chặng đường hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã dành cho riêng cho Ấn Độ khoảng 55 bài viết, 03 chuyến viếng thăm [73], để thấy sự quan tâm của Người đối với đất nước này là hết sức đặc biệt, xuất phát không chỉ từ vấn đề chính trị mà còn là sức hút của văn hóa, giáo dục. Từ thực tiễn của Ấn Độ, Người rút ra ý tưởng kiên quyết loại bỏ tư tưởng ngu dân, thay nền giáo dục thuộc địa, nô dịch bằng nền giáo dục dân chủ nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ có tri thức và tinh thần dân tộc.

Ở các nước châu Phi thì phần lớn trẻ em không được đến trường. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc tố cáo: Ở Angiêri, thay vào việc đến trường thì nhiều em nhỏ mới sáu, bảy tuổi đã phải đi đánh giày hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn; chính phủ thuộc địa cho rằng các em kiếm được quá nhiều tiền nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hàng tháng từ 1 phrăng rưỡi đến 2 phrăng (!) [97, tr.116]. Thế lực thực dân mở trường lớp chủ yếu phục vụ lợi ích của các cường quốc thực dân, với mục tiêu đào tạo một tầng lớp nhỏ người bản địa để làm việc cho bộ máy cai trị và kinh tế của chính quyền thực dân. Hệ thống giáo dục này thường bị phân biệt rõ rệt, với chương trình chất lượng cao dành cho người châu Âu và các trường học nghèo nàn, giới hạn kiến thức cho người dân bản địa. Giáo dục thời kỳ này thường được giảng dạy bằng ngôn ngữ của thực dân như tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc tiếng Bồ Đào Nha và hầu như không đề cao giá trị văn hóa, ngôn ngữ bản địa, khiến cho sự kết nối giữa thế hệ trẻ và truyền thống văn hóa dân tộc bị suy giảm. Các tổ chức tôn giáo, đặc biệt là nhà thờ Thiên Chúa giáo, cũng đóng vai trò lớn trong việc phát triển giáo dục, nhưng thường với mục tiêu truyền đạo và áp đặt văn hóa phương Tây. Trên hành trình ra đi tìm đường cứu nước của mình, vào năm 1912, nhân có chuyến tàu hàng đi vòng quanh châu Phi, Nguyễn Tất Thành đã nhận lời ông chủ làm thuê trên tàu để có dịp được tiếp tục theo con tàu buôn cập các cảng của các nước ở châu Phi như: Angiêri, Tuynidi, Cônggô, Đahômây, Sênegan, Rêuniông... và tranh thủ tìm cách lên thăm các thành phố [61, tr.39] đó là quãng thời gian quý báu để Hồ Chí Minh thêm cơ hội được thấu hiểu về cuộc sống ở nơi đây. Từ thực tiễn việc dạy và học ở các nước thuộc địa trên thế giới diễn ra vào đầu thế kỷ XX như vậy đã tác động tới việc hình thành

quan điểm Hồ Chí Minh về nội dung dạy học, về chủ trương xây dựng những điều kiện giáo dục dân chủ, công bằng cho cả thầy và trò.

Thực tiễn giáo dục tại Liên Xô đã mở đầu cho nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, với nội dung và phương pháp giảng dạy mới, đồng thời đặt ra những yêu cầu và trách nhiệm mới cho đội ngũ nhà giáo. Giáo dục tại Liên Xô đầu thế kỷ XX là một “mảnh ghép” quan trọng trong lịch sử phát triển giáo dục của thế giới, với nhiều cải cách đột phá nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng xã hội chủ nghĩa và củng cố chủ nghĩa Mác - Lênin. Sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, chính quyền Xô Viết nhận thấy giáo dục là công cụ chiến lược để xoá bỏ bất công xã hội, xoá mù chữ và nâng cao dân trí, đặc biệt trong bối cảnh đất nước vừa thoát khỏi sự phân biệt giai cấp sâu sắc dưới thời Nga hoàng. Hệ thống giáo dục mới được thiết kế với mục tiêu phổ cập, miễn phí cho tất cả trẻ em và phục vụ mọi tầng lớp nhân dân. Chứng kiến nền giáo dục Xô viết dành cho trẻ nhỏ, Nguyễn Ái Quốc nhận thấy: ở đất nước này, “những gì tốt nhất đều dành cho trẻ em. Do đó, nếu nước Nga chưa phải là thiên đường cho tất cả mọi người thì nước Nga đã là một thiên đường cho trẻ em” [133, tr.85]. Đây là sự thay đổi lớn, khi trước đó, giáo dục chỉ phục vụ tầng lớp quý tộc và giới tư sản, khiến phần lớn dân số, đặc biệt là nông dân, không có cơ hội học hành. Trong hệ thống giáo dục Xô Viết, mỗi cấp học đều tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc như tính tập trung, thống nhất và kết hợp giáo dục học thuật với tư tưởng chính trị.

Một trong những đặc trưng nổi bật của hệ thống giáo dục Liên Xô là phong trào xoá mù chữ trên diện rộng, với sự triển khai hàng loạt chương trình học tập cơ bản cho người lớn, tập trung ở các khu vực nông thôn, nơi có tỷ lệ người mù chữ cao. Ngoài ra, các chương trình học của Liên Xô cũng nhấn mạnh vào các môn khoa học, kỹ thuật và lý thuyết cách mạng, nhằm đào tạo thế hệ trẻ thành những công nhân kỹ thuật, kỹ sư và nhà lãnh đạo có nhận thức sâu sắc về tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, các tổ chức thanh niên như Đoàn Thanh niên Cộng sản (Komsomol) đã trở thành cầu nối quan trọng trong việc giáo dục thanh thiếu niên về lý tưởng cách mạng, rèn luyện tinh thần đoàn kết và tinh thần phục vụ cộng đồng. Một điểm đáng chú ý khác là Liên Xô đã thúc đẩy bình đẳng giới trong giáo dục, tạo điều kiện cho phụ nữ và nam giới đều có cơ hội học tập bình đẳng - một điều tiên tiến so với nhiều quốc gia cùng thời.

Phương pháp giảng dạy tại Liên Xô cũng có nhiều đổi mới so với các mô hình giáo dục khác. Nhà nước khuyến khích mô hình “polytechnic education” (giáo dục đa ngành), nghĩa là kết hợp lý thuyết với thực hành lao động để phát triển kỹ năng thực tế. Mô hình này giúp học sinh, sinh viên vừa học được kiến thức lý thuyết vừa có khả năng ứng dụng vào sản xuất, nâng cao giá trị lao động và đáp ứng nhu cầu nhân lực của nền kinh tế Xô Viết. Ngoài ra, các phương pháp giảng dạy cũng được đổi mới liên tục, khuyến khích giáo viên áp dụng khoa học và sáng tạo vào bài giảng nhằm nâng cao chất lượng học tập. Sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cũng được cập nhật, chuẩn hóa để truyền tải các kiến thức khoa học, kỹ thuật mới nhất, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Khi nhắc đến nền giáo dục Xô viết, không thể bỏ qua hai nhà giáo vĩ đại: Vasily Alexandrovich Sukhomlinsky và Anton Semionovic Makarenko. Họ được coi như biểu tượng của nền giáo dục thời kỳ này, với những tư tưởng đã trở thành kim chỉ nam quan trọng cho giáo dục Xô viết. Quan điểm của Sukhomlinsky tập trung vào việc xây dựng những con người chân chính. Ông luôn nhấn nhủ trẻ em rằng: “Đừng quên rằng chúng ta là những con người. Hãy biết làm chủ lương tâm của mình, và giáo dục cho mình tính nghiêm túc” [146, tr.195]. Đồng thời, ông đặt ra yêu cầu cho các nhà giáo dục phải có tình cảm chân thành, chu đáo với người học và phương pháp giảng dạy cần phù hợp với từng đối tượng. Sukhomlinsky nhấn mạnh sự gắn kết giữa các nội dung giáo dục như đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, lao động, học tập và vui chơi để tạo nên một nền giáo dục toàn diện. Đây cũng là tư tưởng mà Hồ Chí Minh sau này đánh giá cao và tích cực áp dụng. Tiếp nối tư tưởng của Sukhomlinsky, Makarenko đưa ra những quan điểm cụ thể hơn về giáo dục. Ông coi trọng vai trò của giáo dục đến mức khẳng định: “Con cái chúng ta, đó là tuổi già của chúng ta. Một sự giáo dục đúng đắn là tuổi già hạnh phúc của chúng ta, một sự giáo dục xấu, đó là nỗi khổ của chúng ta, nước mắt của chúng ta, lỗi lầm của chúng ta đối với người khác trong tương lai” [15]. Ngoài việc đặt mục tiêu giáo dục con người với nhân cách đạo đức tốt đẹp, Makarenko còn hướng đến giáo dục chủ nghĩa nhân đạo và tinh thần lạc quan xã hội chủ nghĩa. Nội dung giáo dục mà ông đề xuất bao gồm: trí dục (phát huy khả năng sáng tạo), đức dục (rèn luyện ý thức kỷ luật, tự giác, tinh thần tập thể, yêu lao động), cùng việc phát triển

thể lực và thẩm mỹ. Đồng thời, ông xây dựng hệ thống các phương pháp giáo dục đa dạng như giáo dục thông qua cái đẹp, sinh hoạt tập thể, khen thưởng, trách phạt và nêu gương. Những tư duy tiên bộ này đã góp phần hình thành một hệ thống giáo dục độc đáo và hiệu quả trong xã hội Xô viết hậu cách mạng tháng Mười năm 1917.

Giáo dục tại Liên Xô đầu thế kỷ XX là một mô hình độc đáo và có nhiều điểm đột phá so với các quốc gia cùng thời. Đây chính là những gợi mở hết sức quan trọng cho Hồ Chí Minh trong định hướng về nội dung, phương pháp giảng dạy cho nhà giáo cũng như trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo trước yêu cầu thực tiễn mới đặt ra. Cũng vì lẽ đó, mà từ rất sớm Hồ Chí Minh đã có ý tưởng: “Muốn gửi 3 hay 4 em qua Nga để các em được tiếp thụ một nền giáo dục cộng sản chủ nghĩa tốt đẹp” [97, tr.242].

Trong hành trình bôn ba tìm đường cứu nước ở thập kỷ 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh còn có cơ hội chứng kiến tận mắt hiện thực xã hội tại nước Mỹ - nơi vẫn được ca ngợi là “thiên đường của dân chủ”. Ở đó có nền giáo dục hiện đại nhưng cũng mang rõ vắn nạn của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc sâu sắc. Người da đen, da vàng không được phép học chung trường với người da trắng. Phải đến năm 1964, nước Mỹ mới thông qua đạo luật “dân quyền”, cho phép người da đen được ngồi cùng xe, ăn cùng tiệm, học cùng trường với người da trắng - một quyền cơ bản mà trước đó họ bị tước đoạt. Từ những trải nghiệm thực tế đó, Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức sâu sắc về những bất bình đẳng đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục ở ngay một quốc gia tự nhận là dân chủ và văn minh nhất. Chính vì vậy, Người quyết tâm “thực hành giáo dục toàn dân” [98, tr.22], để mọi người đều được học tập nhằm tạo ra sự bình đẳng về cơ hội cho tất cả mọi người.

2.2.2. Cơ sở lý luận

2.2.2.1. Các truyền thống văn hóa tốt đẹp của Việt Nam

Các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc là một trong những cơ sở lý luận, là nguồn gốc sâu xa cho việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, dân tộc Việt Nam đã hun đúc nên những giá trị bền vững như chủ nghĩa yêu nước, ý chí đoàn kết, truyền thống hiếu học và đạo lý tôn sư trọng đạo, trọng dụng nhân tài. Những giá trị đó không chỉ góp phần giữ gìn

bản sắc văn hóa dân tộc, mà còn khẳng định vai trò thiết yếu của giáo dục và người thầy trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Thấm nhuần sâu sắc những truyền thống ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp nhận và phát triển thành những quan điểm toàn diện, sâu sắc về giáo dục và nhà giáo. Từ đó, Người đề ra những chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm và sứ mệnh của đội ngũ nhà giáo - không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là lực lượng tiên phong trong công cuộc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ sự nghiệp cách mạng và phát triển đất nước.

Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ, xuyên suốt tiến trình cách mạng của dân tộc Việt Nam, đã hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử, thể hiện qua ý chí kiên cường bảo vệ độc lập dân tộc, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích chung của đất nước. Lòng yêu nước của người Việt không chỉ dừng lại ở tình cảm với quê hương, mà còn là ý chí độc lập và tự chủ mãnh liệt, đã hun đúc qua bao cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm từ thời phong kiến đến thời hiện đại. Bên cạnh đó, chủ nghĩa yêu nước còn được thể hiện qua sự trân trọng, gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc, bao gồm ngôn ngữ, phong tục, tín ngưỡng và các giá trị truyền thống khác, giúp người Việt vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình trước nguy cơ bị đồng hóa. Với Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa yêu nước không chỉ thúc đẩy Người trong cuộc đấu tranh giành độc lập, mà còn là nền tảng cho tư tưởng giáo dục của Người, đặc biệt là trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo. Với tư duy kiệt xuất, Hồ Chí Minh sớm ý thức, rằng “đốt nát cũng là kẻ địch. Địch đốt nát giúp cho địch ngoại xâm” [100, tr.469]. Vì thế, Người xác định “văn hoá giáo dục là một mặt trận” [107, tr.647], thầy, cô giáo là chiến sĩ “diệt đốt” và “biết đọc, biết viết” trở thành một tiêu chí cho tinh thần yêu nước. Đồng thời, do kẻ thù đang tìm mọi cách “dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình” [96, tr.424] nên “nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng” [110, tr.507] là điều Hồ Chí Minh yêu cầu ở các nhà giáo.

Điều kiện sinh tồn khắc nghiệt đã tạo ra truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Các cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc với kẻ thù mạnh hơn đã thúc đẩy nhân dân Việt Nam biết “tướng sỹ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu

ngọt ngào” [137]. Nền văn minh lúa nước của Đại Việt đòi hỏi người dân phải chung sức đồng lòng làm tốt công tác thủy lợi, trị thủy sông Hồng. Quá trình mở nước với việc khai khẩn đất đai cũng đòi hỏi công sức của cộng đồng lớn. Tất cả đã thúc đẩy, nuôi dưỡng trong nhân dân tinh thần đoàn kết và chính nó đã tạo ra sức mạnh to lớn, giúp đất nước vượt qua vô vàn thử thách. Truyền thống đoàn kết tất yếu dẫn đến tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách trong cuộc sống hàng ngày. Sự đoàn kết không chỉ làm nên sức mạnh mà còn tạo ra môi trường lành mạnh, nhân văn. Ở đâu có đoàn kết, ở đó có thành công và hạnh phúc nên các nhà trường - môi trường văn hóa điển hình càng phải đoàn kết. Vì lẽ đó, khi nói chuyện với các thầy cô giáo, Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Các cháu phải đoàn kết, đoàn kết giữa thầy giáo với thầy giáo, giữa thầy giáo với học trò, giữa học trò với học trò, giữa nhà trường, thầy giáo, học trò với đồng bào địa phương” [108, tr.436]. Đoàn kết trong nhà trường trở thành một phương pháp nâng cao chất lượng giáo dục, đội ngũ nhà giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử, dân tộc Việt Nam luôn đề cao truyền thống hiếu học, tôn trọng đạo và trách nhiệm của người thầy trong việc rèn luyện nhân cách, bồi dưỡng tri thức cho thế hệ trẻ. Yêu và tự hào về giáo dục của dân tộc, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu này để hình thành tư tưởng về nhà giáo.

Truyền thống hiếu học ở Việt Nam được hình thành, phát triển qua nhiều thế hệ và nó đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một đất nước “vốn xưng nền văn hiến đã lâu”. Hiếu học nghĩa là ham học, kiên trì, nỗ lực vươn lên trong học tập để nâng cao tri thức và hoàn thiện nhân cách, góp phần phục vụ cộng đồng và đất nước. Từ thời phong kiến, người Việt đã xem trọng việc học như một con đường để phát triển bản thân và đạt đến đức hạnh, đóng góp cho xã hội. Tinh thần hiếu học thể hiện qua nhiều tấm gương sáng về học tập và đạo đức, từ các vị quan đại tài trong triều đình đến các bậc hiền triết nổi tiếng như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Lê Quý Đôn và Nguyễn Du... Họ không chỉ là những người tài hoa mà còn là biểu tượng của sự tận tụy, lòng yêu nước và đức hạnh cao cả, góp phần xây dựng nền giáo dục và văn hóa Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử, tinh thần hiếu học được duy trì và truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ thành thị đến

làng quê, trở thành niềm tự hào của mọi gia đình và dòng họ. Nhiều ngôi làng nổi tiếng với truyền thống hiếu học, như làng Hành Thiện (Nam Định), làng Đông Ngạc (Hà Nội) hay làng Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An) đã sinh ra nhiều nhân tài đất Việt. Người dân Việt Nam rất coi trọng việc học. Người Việt Nam vốn coi trọng các giá trị tinh thần. Với họ, học không chỉ là phương tiện để thành đạt mà học là để làm người có tri thức, có đạo đức, có đóng góp cho cộng đồng. Câu tục ngữ “Lấy chông hay chữ như soi gương vàng” đã thể hiện tinh thần trọng học của cha ông.

Truyền thống *tôn sư trọng đạo* là hệ quả tất yếu của truyền thống hiếu học. Là người trao truyền tri thức và các giá trị đạo đức, người thầy được coi là “khuôn vàng thước ngọc”. Tôn sư trọng đạo không chỉ là sự kính trọng mà còn là lòng biết ơn đối với những người có công dạy dỗ mình nên xã hội truyền thống luôn xem trọng đạo nghĩa thầy trò theo tinh thần “một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy”. Các nghi lễ tôn sư trọng đạo như lễ khai giảng, lễ tạ thầy và các buổi lễ bái sư trước kia thể hiện rõ sự kính trọng của học trò đối với thầy. Lễ khai giảng là nghi lễ long trọng để đánh dấu sự khởi đầu của một năm học mới, nơi học trò thể hiện lòng biết ơn và kính trọng đối với người thầy. Lễ tạ thầy vào cuối năm học là dịp để học trò tri ân công lao dạy dỗ của thầy cô. Đặc biệt, trong xã hội phong kiến, những buổi lễ bái sư là nghi thức không thể thiếu đối với học trò trước khi chính thức trở thành môn đệ của một thầy giáo. Trong các nghi lễ này, học trò sẽ cúi lạy thầy như một biểu hiện của lòng tôn kính, đồng thời cam kết tuân theo sự dạy dỗ và rèn luyện của thầy. Đây là một cách để nhắc nhở học trò về đạo lý làm người, cũng như về trách nhiệm của mình đối với tri thức và phẩm chất được truyền dạy.

Dân tộc Việt Nam còn có truyền thống *trọng dụng hiền tài*. Trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam luôn coi trọng hiền tài, xem đây là yếu tố quyết định sự thịnh suy của quốc gia. Những thời kỳ mà nhân tài được phát hiện, đào tạo và trọng dụng là những giai đoạn đất nước phát triển hưng thịnh, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được nâng cao. Trong những thời kỳ này, những người có tài năng và phẩm chất cao đẹp, như các bậc hiền tài, nho sĩ, tướng tài, đã không chỉ góp phần xây dựng và củng cố hệ thống triều chính mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của toàn xã hội. Ngược lại, khi nhân tài bị xem nhẹ, hoặc không còn cơ hội

để đóng góp cho đất nước, hay khi những kẻ bất tài, tham lam chiếm lĩnh chốn quan trường, sự suy thoái của vương triều là điều không thể tránh khỏi. Sự suy yếu của một triều đại trong hoàn cảnh đó thường đi kèm với tình trạng bất ổn xã hội, người dân mất niềm tin vào lãnh đạo và dần dần quốc gia rơi vào tình cảnh trì trệ, lạc hậu. Lời dạy của vua Quang Trung trong Chiếu lập học - “Xây dựng đất nước phải lấy việc dạy học làm đầu, tìm lễ trị binh, lấy tuyển nhân tài làm gốc” - thể hiện một tầm nhìn chiến lược đối với sự phát triển của quốc gia. Câu nói “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” của Thân Nhân Trung đã trở thành một phương châm xuyên suốt trong chính sách cai trị và quản lý đất nước của nhiều triều đại phong kiến tiến bộ. Quan điểm coi trọng nhân tài không chỉ phản ánh sự thấu hiểu về tầm quan trọng của tri thức và năng lực trong việc xây dựng đất nước, mà còn thể hiện lòng tin của ông cha ta vào giá trị con người. Nhà bác học Lê Quý Đôn đúc kết: “Phi trí bất hưng”. Vì thế, Hồ Chí Minh đã có chiến lược trọng dụng nhân tài để xây dựng nền giáo dục mới ở Việt Nam, đào tạo ra các thế hệ thầy cô giáo vì “Thầy giỏi ắt có trò hay”.

Có thể khẳng định rằng, các truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam chính là một trong những cơ sở lý luận quan trọng góp phần hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Những giá trị như lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, truyền thống giáo dục tốt đẹp của con người Việt Nam không chỉ là biểu hiện của bản sắc văn hóa dân tộc, mà còn là nền tảng tư tưởng - tinh thần bền vững được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, tiếp biến và nâng tầm.

2.2.2.2. Tinh hoa văn hóa nhân loại

Tinh hoa văn hóa phương Đông

Nho giáo là hệ thống các nguyên tắc đạo đức, chính trị do Khổng Tử sáng lập nhằm xây dựng xã hội phong kiến thịnh trị. Một trong những điểm sáng của Nho giáo chính là đề cao việc học hành. Khác với các học thuyết cùng thời, Nho giáo là một trong số ít học thuyết cổ đại phương Đông đặt giáo dục vào vị trí trung tâm của sự phát triển xã hội và nhân cách con người, coi việc học là con đường để trở thành người quân tử - tức là người có đức, có trí, phụng sự cộng đồng. Trái lại, nhiều học thuyết khác trong lịch sử triết học - như Pháp gia thường xem giáo dục như công cụ kiểm soát, chứ không phải giải phóng con người. Pháp gia đề cao luật pháp hà khắc,

đặt niềm tin vào hình phạt hơn là giáo hóa, từ đó coi nhẹ vai trò của người thầy và tri thức. Hay chủ nghĩa vị lợi phương Tây, đặc biệt trong tư tưởng Machiavelli, cũng cho thấy khuynh hướng coi thường giáo dục đại chúng, nhấn mạnh đến thao túng và hiệu quả quyền lực thay vì khai sáng nhận thức. Sự đối sánh đó càng làm nổi bật tính nhân văn sâu sắc và tư tưởng tiến bộ trong Nho giáo giáo - nơi người thầy được kính trọng, tri thức được lan tỏa và giáo dục trở thành nền tảng bền vững của đạo lý và trật tự xã hội.

Bên cạnh đó, tinh thần đề cao giáo dục còn được thể hiện qua chính hình ảnh của Khổng Tử - người sáng lập Nho giáo, người được tôn vinh là “vạn thế sư biểu” vì những đóng góp to lớn trong tư tưởng và sự nghiệp giáo dục của ông. Trong đó, phải nhắc đến tư tưởng “Hữu giáo vô loại” của Khổng Tử - nghĩa là “ai cũng có thể được dạy dỗ, không phân biệt loại người”. Trong bối cảnh xã hội phong kiến phân tầng khắt khe, khi quyền học chỉ thuộc về tầng lớp quý tộc, phát biểu này của Khổng Tử mang tính cách mạng, mở ra cánh cửa tri thức cho mọi giai tầng trong xã hội. Theo đó, con người sinh ra tuy khác nhau về hoàn cảnh, địa vị, nhưng đều có khả năng tiếp thu tri thức, tu dưỡng đạo đức và trở thành người quân tử thông qua quá trình học tập. Tư tưởng này khẳng định quyền được học là quyền phổ quát, phản ánh sâu sắc niềm tin vào khả năng giáo dục và chuyển hóa con người. Đồng thời, nó cũng thể hiện vai trò trung tâm của giáo dục trong việc xây dựng một xã hội hài hòa, công bằng, nơi đạo đức và trí tuệ được đề cao hơn xuất thân hay địa vị. Tư tưởng sâu sắc về giáo dục của Khổng Tử đã có sức ảnh hưởng mạnh mẽ và lâu dài, đặc biệt là đối với tư tưởng về nhà giáo của Hồ Chí Minh khi Người luôn nhắc nhở thầy cô giáo hướng tới một xã hội ai cũng có cơ hội được học tập.

Một trong những biểu hiện sâu sắc nhất của truyền thống hiếu học trong Nho giáo chính là sự đề cao vị trí, vai trò của người thầy trong xã hội. Trong hệ thống tư tưởng và thiết chế luân lý của Khổng giáo, mối quan hệ Quân - Sư - Phụ (vua - thầy - cha) được coi là trụ cột đạo lý, định hình nền tảng văn hóa chính trị - xã hội ở các quốc gia Á Đông, trong đó có Việt Nam. Theo trật tự ấy, người thầy (Sư) được xếp ngang hàng với vua (Quân) và cha (Phụ), cho thấy vai trò đặc biệt cao quý và ảnh hưởng sâu rộng của nhà giáo không chỉ trong giáo dục, mà còn trong việc định

hướng đạo đức và trị quốc an dân. Nếu như vua là người điều hành quốc gia, cha là người sinh thành, thì thầy là người khai sáng trí tuệ, hun đúc nhân cách và định hình lý tưởng sống cho con người. Vai trò của người thầy không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức, mà còn là người hướng đạo tinh thần, uốn nắn hành vi, bồi dưỡng phẩm chất và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ. Trong quan niệm của Khổng giáo, con người lý tưởng phải là những quân tử (quân tử nghĩa dĩ vi chất, lễ dĩ hành chi, tôn dĩ xuất chi, tín dĩ thành chi. Quân tử tai!; tạm dịch: Người quân tử lấy nghĩa làm gốc, dùng lễ để thực hành, lấy sự khiêm nhường để thể hiện, dùng chữ tín để thành tựu. Đó chính là người quân tử vậy!) và thầy giáo là người đóng vai trò then chốt trong quá trình hình thành lớp người ưu tú ấy. Điều đó lý giải vì sao truyền thống Nho học luôn gắn bó chặt chẽ với truyền thống tôn sư trọng đạo; “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” - một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy - là tư tưởng đã ăn sâu trong tâm thức văn hóa Á Đông hàng ngàn năm qua. Mỗi quan hệ Quân - Sư - Phụ còn phản ánh một triết lý chính trị sâu sắc: sự ổn định và bền vững của một quốc gia không thể chỉ dựa vào quyền lực hành chính hay huyết thống gia đình, mà phải được kiến tạo trên nền tảng tri thức, đạo đức và sự giáo hóa. Nhà giáo, trong ý niệm đó, chính là người góp phần định hình tương lai dân tộc thông qua công cuộc trồng người. Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc câu nói của Khổng Tử, rằng “học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện” (Học không biết chán, dạy không biết mệt) để giáo dục đội ngũ những người làm thầy và rộng hơn là toàn thể nhân dân ý thức học tập suốt đời.

Như vậy, với một người đã sớm được tiếp thu và thụ hưởng nền giáo dục Nho giáo, thì đề cao vị trí, vai trò của nhà giáo luôn là nội dung nhất quán, xuyên suốt trong tư tưởng của Hồ Chí Minh. Đồng thời, chính hình mẫu của người thầy Nho xưa đã luôn ảnh hưởng không nhỏ tới quan điểm Hồ Chí Minh về yêu cầu đặt ra đối với một người thầy giáo.

Tiếp cận văn hóa Trung Hoa cổ đại, Hồ Chí Minh đã ghi nhớ và học hỏi từ kế sách phát triển của Quản Trọng (725 - 645 TCN) với tư tưởng: “Nhất niên chi kế, mạc như thụ cốc; Thập niên chi kế, mạc như thụ mộc; Bách niên chi kế, mạc như thụ nhân” (Kế sách một năm, không gì bằng trồng lúa; Kế sách mười năm, không gì bằng trồng cây; Kế sách trăm năm, không gì bằng trồng người). Hơn hai thế kỷ sau

Quản Trọng, nhà tư tưởng Mặc Tử (476 - 390 TCN) tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của “lợi ích” trong chính trị với quan điểm “Lợi vi bản” tức là “lợi là cái gốc của chính trị”. Kết hợp những tư tưởng sâu sắc của hai nhà tư tưởng, Hồ Chí Minh đã để lại lời dạy nổi tiếng: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây/ Vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” [106, tr.528]. Đây chính là nhiệm vụ mà Người đã vạch rõ đối với đội ngũ nhà giáo - đào tạo nên những thế hệ kế tục cho sự nghiệp cách mạng của nước nhà.

Trong văn hóa phương Đông, Phật giáo - một hệ thống tư tưởng và tôn giáo lớn, xuất phát từ Ấn Độ cổ đại lại luôn đề cao trí tuệ, từ bi và con đường giải thoát khổ đau thông qua tu tập và giác ngộ. Tư tưởng Phật giáo với những giá trị nổi bật đã có tác động đáng kể tới việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Trước hết, tư tưởng từ bi, hỉ xả, cứu khổ cứu nạn và yêu thương con người như chính bản thân mình - nền tảng trong triết lý Phật giáo, nhấn mạnh lòng nhân ái và sự đồng cảm sâu sắc đối với mọi chúng sinh. Những tư tưởng này của Phật giáo đã ảnh hưởng sâu sắc đến Hồ Chí Minh trong việc xác định nội dung giảng dạy cho học trò là tình yêu thương con người, sự nhân hậu, khoan dung, cũng như nhấn mạnh một trong những phẩm chất đạo đức của đội ngũ nhà giáo là “phải yêu dân, yêu học trò” [105, tr.389]. Bên cạnh đó, chống lười biếng, đề cao lao động, kẻ cả lao động chân tay cũng là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Phật giáo. Đức Phật không chỉ kêu gọi tu tâm, dưỡng tính mà còn nhấn mạnh vai trò của lao động như một phương tiện rèn luyện thân tâm và góp phần xây dựng cuộc sống an lạc, tự lực. Tư tưởng tiến bộ này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và vận dụng sáng tạo trong sự nghiệp giáo dục cách mạng. Trong quan điểm của Người, giáo dục đạo đức không thể tách rời giáo dục tinh thần lao động, học tập phải gắn liền với lao động sản xuất, chống tư tưởng coi nhẹ lao động chân tay trong đội ngũ trí thức. Đây là nội dung giáo dục quan trọng góp phần hình thành lớp người mới, giàu lý tưởng, có đạo đức, có trách nhiệm với đất nước. Vì thế, “Cần, kiệm” là phẩm chất mà người thầy nhất thiết phải giáo dục cho học trò mình và tự mình rèn luyện.

Tinh hoa văn hóa phương Tây

Điều đầu tiên mà Hồ Chí Minh tiếp nhận ở phương Tây chính là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái ngay khi còn theo tại Trường tiểu học Pháp - bản xứ ở thành

phổ Vinh. Người đã từng bộc bạch: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy” [97, tr.461]. Điều 4 của bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng tư sản Pháp đưa ra định nghĩa về *Tự do*: “Tự do bao gồm quyền có thể làm mọi điều không gây hại cho người khác”. Tư tưởng về tự do từ các triết gia thời *Khai sáng* như Rousseau và Montesquieu đã giúp Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc về vai trò của tự do trong giáo dục, trong học tập. *Bản Yêu sách 8 điểm* gửi Hội nghị Vécxây tiếp tục thể hiện điều ấy. Cũng từ giá trị *tự do*, Hồ Chí Minh quan niệm rằng, nhà giáo cần tạo điều kiện cho học sinh phát triển tư duy độc lập và tự do sáng tạo, không áp đặt và không rập khuôn. Học sinh phải được khuyến khích phát triển khả năng tư duy của mình để trở thành những cá nhân tự chủ và có trách nhiệm. Tư tưởng *bình đẳng* cũng là một giá trị phương Tây có ảnh hưởng lớn đến quan điểm của Hồ Chí Minh. Phong trào Khai sáng đề cao bình đẳng giữa con người, nhấn mạnh rằng ai cũng có quyền được tiếp cận giáo dục. Hồ Chí Minh mong muốn xây dựng một nền giáo dục công bằng, nơi mọi người không phân biệt xuất thân hay điều kiện kinh tế, đều có quyền được học hành và phát triển. Người thầy trong tư tưởng của Hồ Chí Minh cần có tinh thần trách nhiệm và không phân biệt đối xử, sẵn sàng giúp đỡ và đồng hành cùng học sinh, đặc biệt là các em có hoàn cảnh khó khăn. Khái niệm *bác ái* trong khẩu hiệu của cách mạng tư sản phương Tây cũng tác động đến Hồ Chí Minh, giúp hình thành nên hình ảnh người thầy giàu lòng nhân ái, biết yêu thương và sẻ chia với học sinh.

Tư tưởng dân chủ là một trong những đặc trưng nổi bật của hệ thống triết lý chính trị - xã hội phương Tây, được bắt nguồn từ triết lý của các nhà tư tưởng lớn như John Locke, Rousseau và Montesquieu từ thời kỳ Khai sáng. Tư tưởng này thể hiện rõ qua việc đề cao quyền con người, quyền tự do cá nhân và nhấn mạnh vai trò của công dân trong việc tham gia quản lý xã hội. Bên cạnh đó, tư tưởng dân chủ phương Tây cũng nhấn mạnh đến giáo dục, coi đây là công cụ để tạo ra những công dân có hiểu biết và trách nhiệm. Khi làm thầy giáo ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết (1910), lần đầu tiên Nguyễn Tất Thành được tiếp cận với tư tưởng của những văn hào và triết gia Pháp đã khởi xướng các thuyết nhân quyền, dân quyền, tự do, bình đẳng,

bác ái như Rousseau, Montesquieu, Voltaire... Lúc tới Pháp, Hồ Chí Minh lại tiếp tục có cơ hội nghiên cứu thêm về các tư tưởng tiến bộ này. Vì lẽ đó, sau này chúng ta bắt gặp được khá nhiều điểm tương đồng trong tư tưởng về nhà giáo của Hồ Chí Minh khi Người chủ trương xây dựng một nền giáo dục toàn dân. Đồng thời, Người cũng hướng tới xây dựng môi trường làm việc dân chủ cho đội ngũ giáo viên.

Bên cạnh đó, tư duy phản biện và phong cách làm việc khoa học, kỷ luật cũng là những đặc tính của văn hóa phương Tây. Tư duy khoa học của người phương Tây dựa trên nền tảng của sự quan sát, thử nghiệm, đúc rút thành lý luận và tôn trọng sự phản biện. Điều này tạo nên một nền văn hóa khoa học coi trọng sự minh bạch và logic, luôn thúc đẩy đổi mới và cải tiến. Lối sản xuất công nghiệp theo dây chuyền cũng tạo nên cách làm việc có kỷ luật, có kế hoạch của người phương Tây. Họ thường chú trọng đến sự chuẩn bị kỹ lưỡng, lập kế hoạch chi tiết và thực hiện công việc theo các quy trình chặt chẽ. Họ coi trọng trách nhiệm cá nhân, luôn tuân thủ các nguyên tắc đã đề ra và đặt mục tiêu rõ ràng trong công việc. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả công việc mà còn tạo ra một môi trường làm việc tin cậy để đạt được kết quả cao nhất. Hồ Chí Minh đã có một thời gian không ngắn sống, học tập, làm việc tại Pháp, Liên Xô và các nước phương Tây khác. Vì thế, Hồ Chí Minh luôn làm mọi việc theo kế hoạch rõ ràng, nghiêm túc và có tính kiểm tra, tổng kết thường xuyên. Người tự đặt ra chế độ sinh hoạt và lao động khắt khe cho chính mình: dậy sớm, đọc báo, viết bài, rèn luyện thể chất, tiếp khách, làm việc đúng giờ, không để ai phải chờ đợi. Vậy nên, khi xây dựng đội ngũ nhà giáo Hồ Chí Minh cũng đã xác định làm việc khoa học, có kỷ luật là một trong những yêu cầu đặt ra nhằm nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ nhà giáo và đó cũng là nội dung mà các thầy cô giáo phải dạy cho học trò của mình để trở thành những công dân hữu ích của đất nước.

Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin

Trước hết, trong quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin luôn đề cao *vai trò của nhà giáo*, nhà giáo đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong công cuộc phát triển xã hội, đặc biệt trong việc xây dựng con người mới, những người có phẩm chất đạo đức và ý thức xã hội cao. V.I. Lênin đã chỉ ra rằng: “Chúng ta phải nâng người giáo viên nhân dân ở nước ta lên một vị trí mà trước đây họ chưa từng có, hiện nay vẫn không có và không thể có được trong xã hội tư sản” [80, tr.418]. Trong chế độ mới, họ

không chỉ có trách nhiệm bồi dưỡng tri thức khoa học mà còn xây dựng nền tảng ý thức xã hội chủ nghĩa, một yếu tố căn bản giúp thúc đẩy quá trình phát triển toàn diện của xã hội. Nhà giáo chính là những người đóng vai trò cầu nối, truyền bá lý tưởng cách mạng và tinh thần yêu nước, góp phần hình thành nên hệ tư tưởng và hệ giá trị của xã hội mới. Sau này khi xây dựng đội ngũ nhà giáo mới ở Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn nhất quán khẳng định: “Một phần tương lai của dân tộc nước nhà nằm trong sự cố gắng của anh chị em... đồng bào ta ai cũng biết đọc, biết viết. Cái vinh dự đó thì tượng đồng bia đá nào cũng không bằng” [99, tr.556].

Thêm vào đó, nhà giáo còn được xem là một trong những yếu tố trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lênin coi giáo dục là một lĩnh vực đầu tư chiến lược, bởi nó không chỉ đơn thuần tạo ra những cá nhân có tri thức mà còn là nền tảng cho sự phát triển kinh tế và văn hóa bền vững. Nhà giáo là những người cung cấp tri thức và kỹ năng cần thiết cho người học - những người sẽ trở thành lực lượng lao động chủ chốt, đóng góp trực tiếp vào các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học, và công nghệ trong tương lai. V.I. Lênin đã từng nói: “Đội quân giáo viên phải đề ra cho mình những nhiệm vụ giáo dục to lớn và trước hết họ phải trở thành đội quân chủ yếu trong sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa” [79, tr.523]. Việc đầu tư vào giáo dục, vào đội ngũ nhà giáo, vì thế được xem là nhiệm vụ mang tính chiến lược để đảm bảo rằng xã hội sẽ luôn có nguồn nhân lực có chất lượng, đủ năng lực để thích ứng và phát triển trong bối cảnh mới. Kế thừa quan điểm này của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã luôn nhắc nhở: “Trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy dạy là: chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà” [103, tr.448].

Trong hệ thống tư tưởng của chủ nghĩa Mác, khi bàn về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển con người và xã hội, C. Mác đã đưa ra luận điểm nổi tiếng: “Bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” [90, tr.10]. Luận điểm này phản ánh quan niệm duy vật lịch sử về con người, theo đó con người vừa là sản phẩm của hoàn cảnh xã hội vừa là chủ thể cải tạo hoàn cảnh. Vì vậy, người làm công tác giáo dục không thể đứng ngoài quá trình tự giáo dục và tự hoàn thiện mình. Nhà giáo muốn giáo dục người khác thì trước hết phải không ngừng học tập,

rèn luyện để nâng cao trình độ nhận thức, phẩm chất và năng lực của bản thân. Trên cơ sở kế thừa quan điểm đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo vào thực tiễn giáo dục ở Việt Nam. Người nhiều lần nhấn mạnh rằng người thầy phải thường xuyên học tập, tự bồi dưỡng và rèn luyện đạo đức để làm gương cho học trò.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đề cập đến *nguyên lý, phương pháp, hình thức và nội dung giảng dạy* cho nhà giáo. Các nhà kinh điển mácxít đều thống nhất khi đề ra những nguyên lý, phương pháp, hình thức và nội dung giảng dạy. C. Mác đã khẳng định “việc kết hợp lao động sản xuất với giáo dục là một trong những biện pháp mạnh nhất để cải biến xã hội hiện nay” [92, tr.52]. Đây là phương châm giáo dục kết hợp lý thuyết với thực hành, gắn việc học với thực tế; giáo dục cần phục vụ cho sản xuất và đáp ứng các nhu cầu của xã hội; nhấn mạnh rằng yêu cầu của giáo dục và sản xuất phải liên kết chặt chẽ, bổ trợ và tác động lẫn nhau một cách mật thiết. Ngoài ra, nền giáo dục mới cần đảm bảo phương châm phối hợp giữa giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy và học. Đồng thời, chủ nghĩa Mác - Lênin cũng chú ý đến việc đảm bảo công bằng trong giáo dục nên đã sớm chủ trương xây dựng một “nền giáo dục quốc dân phổ cập và ngang nhau với tất cả mọi người, do nhà nước đảm nhiệm. Giáo dục bắt buộc đối với tất cả mọi người. Học không phải mất tiền” [92, tr.49] và “nền giáo dục ấy thống nhất cho tất cả mọi người, tiến hành cho đến lứa tuổi mà người ta có thể trở thành một thành viên độc lập của xã hội” [89, tr.730]. Về phương pháp giảng dạy, đó phải là sự tổng hợp các phương pháp dạy và học. Việc giảng dạy cần tuân thủ nguyên tắc tiến dần từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp; đồng thời kết hợp học tập với vui chơi, và linh hoạt điều chỉnh phương pháp sao cho phù hợp với độ tuổi, cấp học và trình độ của mỗi người học bởi “các bài khóa ngày càng phức tạp dần về trí dục, thể dục và kỹ thuật bách khoa phải giải thích ứng với việc phân loại trẻ em công nhân theo các nhóm tuổi” [91, tr.263]. Vì thế, theo các ông “cần phải phân trẻ em nam nữ thành 3 nhóm để được đối xử khác nhau: nhóm thứ nhất phải gồm các trẻ em từ 9 đến 12 tuổi, nhóm thứ 2 - từ 13 đến 15 tuổi, nhóm thứ 3 - từ 16 đến 17 tuổi” [91, tr.262] để mang lại hiệu quả học tập tối ưu. Về hình thức giảng dạy, hoạt động dạy và học cần kết hợp hài hòa giữa phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại, diễn ra mọi lúc, mọi nơi: học tại trường, học qua sách vở, học hỏi lẫn nhau và học từ thực

tiền đời sống của nhân dân. Về nội dung giảng dạy, các nhà mácxít đã đưa ra nội dung giảng dạy bao gồm: đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục nhằm “phát triển *toàn diện* tài năng” [89, tr.730] của người học. Đặc biệt, các ông luôn chú trọng đến việc giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đạo đức cách mạng và nhất là giáo dục lý luận chính trị cho giai cấp công nhân và tầng lớp lao động. C. Mác từng nhấn mạnh: “Vũ khí của sự phê phán cố nhiên không thể thay thế sự phê phán bằng vũ khí; lực lượng vật chất chỉ có thể bị đánh đổ bằng lực lượng vật chất; nhưng lý luận cũng sẽ trở thành lực lượng vật chất một khi nó thâm nhập vào quần chúng” [88, tr.580]. Luận điểm này đã chỉ ra vai trò đặc biệt của giáo dục lý luận trong việc giác ngộ, tổ chức và định hướng hành động cách mạng của các lực lượng xã hội. Kế thừa và phát triển tư tưởng đó, V.I. Lênin đặc biệt đề cao công tác giáo dục lý luận chính trị đối với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân khi khẳng định: “Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng” [78, tr.575]. Theo V.I. Lênin, giáo dục lý luận không chỉ nhằm truyền bá tri thức mà còn góp phần hình thành thế giới quan khoa học, bản lĩnh chính trị và năng lực hành động cách mạng cho quần chúng. Hồ Chí Minh là một nhà mácxít sáng tạo nên tư tưởng của Người về giáo dục nói chung và về nhà giáo nói riêng sẽ có điểm tương đồng và điểm phát triển so với quan điểm của các nhà kinh điển, đặc biệt là khi bàn về vai trò, nội dung và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

2.2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh

2.2.3.1. Những phẩm chất cá nhân tốt đẹp

Hồ Chí Minh là một người yêu nước và thương dân sâu sắc. Suốt cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của mình, Người luôn đặt lợi ích của dân tộc và nhân dân lên hàng đầu. Tình yêu nước của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện qua khát vọng giành độc lập cho Tổ quốc mà còn là mong muốn xây dựng một đất nước hòa bình, tự do, hạnh phúc cho mọi người dân. Lòng thương dân của Người thể hiện qua sự quan tâm đến từng khía cạnh trong đời sống nhân dân, từ miếng ăn, cái mặc đến quyền tự do, bình đẳng và cơ hội phát triển. Với Người, cải thiện đời sống nhân dân, trong đó có đời sống của những người thầy chính là mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng. Trong trái tim rộng lớn ấy, đội ngũ nhà giáo cũng luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt. Không chỉ là một lãnh tụ vĩ đại, Hồ Chí

Minh còn từng là một nhà giáo, thấu hiểu sâu sắc những khó khăn, vất vả của người thầy. Chính vì vậy, Người luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo viên và chủ trương xây dựng các chính sách đãi ngộ hợp lý, tạo điều kiện để đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục nước nhà. Thậm chí ngay cả trong những thời điểm chiến tranh ác liệt nhất, Hồ Chí Minh cũng không quên nhắc nhở: “Chăm lo đến việc dạy và học và đảm bảo tốt phòng không an toàn cho các thầy giáo, cô giáo” [110, tr.315].

Bên cạnh lòng yêu nước và tinh thần thương dân, Hồ Chí Minh còn là một trí tuệ kiệt xuất với tầm nhìn chiến lược, tư duy sắc bén và khả năng ứng biến linh hoạt. Trên nền tảng tri thức sâu rộng về lịch sử, văn hóa, chính trị của nhiều quốc gia, Người đã chọn lọc, kết hợp tinh hoa văn hóa Đông - Tây để hình thành tư tưởng về nhà giáo trong sự phù hợp, tương thích với điều kiện Việt Nam. Người không chỉ nhận thức rõ hạn chế của đội ngũ nhà giáo dưới chế độ phong kiến, thực dân mà còn đề ra các chuẩn mực, yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo trong chế độ xã hội chủ nghĩa và đưa họ trở thành những người chiến sỹ tiên phong trên mặt trận văn hóa.

Hồ Chí Minh còn là biểu tượng của nghị lực, ý chí tự học. Sinh ra trong một đất nước mà nhà tù nhiều hơn trường học, Hồ Chí Minh không có điều kiện học thành tài ở nhà trường. Người từng nói: “Về văn hóa: Tôi chỉ học hết lớp tiểu học... Về hiểu biết phổ thông: Năm 17 tuổi, tôi mới thấy ngọn đèn điện lần đầu tiên, 29 tuổi mới nghe radiô lần đầu tiên” [108, tr.187]. Muốn cứu nước, ý chí “dời non, lấp bể” là chưa đủ mà phải có tri thức. Vì thế, dù phải kiếm sống vất vả và tham gia hoạt động cách mạng, ở đâu và lúc nào, Người cũng dành thời gian thích đáng để học tập. Người *chăm chỉ học ngoại ngữ* mà trước hết là tiếng Pháp vì đó là công cụ để Người tiếp cận tri thức và thâm nhập đời sống xã hội. Xét trên ba phương diện là điều kiện học tập khó khăn, số lượng ngoại ngữ nắm vững và mức độ thành thực khi sử dụng ngôn ngữ, thiết tưởng, ít ai sánh được với Hồ Chí Minh. Cứu nước là vấn đề “đại sự quốc gia” nên đương nhiên, người cách mạng *phải có tri thức chính trị*. Tuy nhiên, vốn hiểu biết của Nguyễn Tất Thành lúc đầu tương đối hạn hẹp. Người tự nói: Gia nhập Đảng Xã hội Pháp nhưng “tôi biết rất ít về các vấn đề chính trị... Tôi chưa biết đảng là gì, công đoàn là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào... Tôi biết rất ít về Cách mạng Tháng Mười và về Lênin;

về cảm tính tôi thấy mình có mối tình đoàn kết với cuộc cách mạng Nga và người lãnh đạo cuộc cách mạng ấy, nhưng tôi chưa hề đọc tác phẩm nào của Lênin” [110, tr.583]. Thực tiễn cách mạng đòi hỏi Nguyễn Ái Quốc phải tự nghiên cứu lý luận và thư viện trở thành nơi học tập của Người. Trong báo cáo của mật thám Pháp đề ngày 10/12/1919 có câu: “Ông ta (tức Nguyễn Ái Quốc - tác giả chú thích) dành cả ngày để học hỏi, đọc tất cả những sách bằng tiếng nước ngoài đã đề cập đến Đông Dương” [138, tr.78]. Một báo cáo khác của mật thám Pháp viết vào tháng 3/1920 còn khẳng định: “Hiện thời Quốc đang dịch một đoạn L’Esprit des Loix (*Tinh thần Luật pháp*) của Môngtexkiơ sang quốc ngữ” [138, tr.111]. Chỉ ở nước Nga, trong giai đoạn 1923-1924, Người mới được học lớp lý luận ngắn hạn tại trường *Đại học phương Đông*; trong giai đoạn 1934-1938, vì lý do chính trị mà Người được cử đi học ở *Trường Quốc tế Lênin* và cuối năm 1936, chuyển sang làm nghiên cứu sinh tại *Viện nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa*. Thời gian được học ở nhà trường chính quy không nhiều nên thực tiễn cách mạng chính là trường học lớn nhất của Người. Với bất cứ ai muốn sống hữu ích, học tập đều là việc suốt đời phải làm nhưng lãnh tụ cách mạng càng phải học bởi quyết định của họ trên nền tảng tri thức hiện hữu có liên quan đến số phận dân tộc và tiến trình cách mạng. Khi đã trở thành nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh vẫn không ngừng tự học. Người tâm sự: “Bác đã 76 tuổi nhưng vẫn cố gắng học thêm. Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời” [110, tr.113]. Tự học mà thành “Chí Minh” thì điều đó là nghị lực phi thường của Người. Chiêm nghiệm từ cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các thầy cô phải giáo dục học trò tinh thần, ý thức, kỹ năng tự học.

Quan trọng hơn cả, Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng ngời về đạo đức và lối sống. Suốt cuộc đời, Người luôn tận tụy vì dân, vì nước, kiên định với lý tưởng cách mạng, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. Lối sống giản dị của Người thể hiện qua từng chi tiết nhỏ trong sinh hoạt hằng ngày, từ trang phục đến nơi ở, tất cả đều thanh bạch, không màng vật chất. Người đề cao tinh thần tiết kiệm, khiêm tốn và luôn nhấn mạnh vai trò của việc học tập để không ngừng hoàn thiện bản thân. Không chỉ vậy, Hồ Chí Minh còn là biểu tượng của lòng khoan dung, gần gũi nhân dân, sẵn sàng lắng nghe, chia sẻ và đoàn kết mọi tầng lớp trong xã hội. Nguyên tắc “cần, kiệm, liêm, chính” không chỉ là kim chỉ nam trong công tác lãnh đạo mà còn

là tấm gương đạo đức để các thế hệ cán bộ, đảng viên noi theo. Xuất phát từ chính tư tưởng và lối sống ấy, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ nhà giáo “vừa hồng, vừa chuyên” - không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn phải có đạo đức trong sáng, tận tâm với sự nghiệp giáo dục và đất nước.

2.2.3.2. Sự trải nghiệm thực tiễn giáo dục

Hồ Chí Minh không chỉ là một nhà cách mạng vĩ đại mà còn từng đảm nhận vai trò của một người thầy giáo. Trước hết, Người xuất hiện với tư cách là thầy giáo Nguyễn Tất Thành tại trường Dục Thanh (Phan Thiết). Năm 1910, trên hành trình tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành dừng chân tại Phan Thiết và giảng dạy tại ngôi trường do các sĩ phu yêu nước sáng lập, nhằm truyền bá tư tưởng yêu nước và tri thức mới cho thanh niên Việt Nam. Tại đây, Người được tuyển làm trợ giáo môn thể dục, đồng thời phụ trách các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường. Phương pháp giảng dạy của thầy Nguyễn Tất Thành mang tính đổi mới, gần gũi, khuyến khích học sinh suy nghĩ độc lập, sáng tạo. Người đặc biệt coi trọng việc giáo dục đạo đức, lấy chính bản thân làm tấm gương mẫu mực để học trò noi theo. Dù thời gian giảng dạy tại Dục Thanh không dài, nhưng tấm lòng nhiệt huyết cùng tư tưởng khai phóng của thầy Nguyễn Tất Thành đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng học sinh và đồng nghiệp. Chính tại ngôi trường này, Người có những trải nghiệm đầu tiên về nghề giáo, từ đó dần hình thành nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của một người thầy đối với sự nghiệp khai trí cho dân tộc.

Không chỉ dừng lại ở Dục Thanh, Hồ Chí Minh tiếp tục đảm nhận vai trò người thầy khi đặt chân đến Quảng Châu (Trung Quốc) vào những năm 1924 - 1927. Dưới danh nghĩa thầy giáo Nguyễn Ái Quốc, Người tổ chức các lớp huấn luyện cách mạng, trực tiếp đào tạo lớp thanh niên yêu nước - những hạt nhân nòng cốt của phong trào đấu tranh giành độc lập. Không chỉ giảng dạy lý luận Mác - Lênin, Người còn trang bị cho học viên các kỹ năng thực tiễn quan trọng như tổ chức phong trào, tuyên truyền và đấu tranh chính trị. Đồng thời, Người nhấn mạnh đạo đức cách mạng, tinh thần đoàn kết và lòng trung thành với lý tưởng dân tộc. Phương pháp giảng dạy của thầy Nguyễn Ái Quốc không khô khan lý thuyết mà gắn chặt với thực tiễn, giúp học viên hiểu rõ giá trị của cách mạng và sứ mệnh của họ với đất nước. Nhờ đó, nhiều học trò của Người sau này đã trở thành những lãnh đạo kiệt xuất, đóng góp quan

trọng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Một lần nữa, khi trực tiếp đứng ở vị trí người thầy, Hồ Chí Minh có điều kiện thấu hiểu sâu sắc hơn vai trò của nhà giáo và tầm quan trọng của giáo dục đối với sự nghiệp cách mạng.

Mặt khác, trước khi trở thành một người thầy, Hồ Chí Minh cũng từng là một người học trò. Nguyễn Sinh Cung (tên thời niên thiếu của Hồ Chí Minh) đã sớm nhận thức về những bất công trong xã hội phong kiến và sự phiến diện của hệ thống giáo dục thuộc địa. Nền giáo dục dưới chế độ thực dân không nhằm phát triển con người một cách toàn diện, mà chủ yếu phục vụ lợi ích của chính quyền cai trị. Hệ thống này hạn chế tinh thần dân tộc, chỉ đào tạo một số ít người để làm quản lý trung gian trong bộ máy cai trị, đồng thời ngăn cản sự tiếp thu các tư tưởng tiến bộ về tự do, độc lập và công bằng xã hội. Chính từ thực tế đó, Hồ Chí Minh đã sớm hình thành tư tưởng cải cách giáo dục, hướng đến một nền giáo dục khai phóng, không còn tình trạng “thiếu thầy” hay “có thầy mà không được dạy”, từ đó phục vụ sự phát triển toàn diện của con người và đất nước.

Không chỉ tiếp xúc với nền giáo dục Việt Nam thời thuộc địa, Hồ Chí Minh còn có cơ hội trải nghiệm nền giáo dục Xô Viết trong những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước. Năm 1923, khi đặt chân đến Liên Xô và theo học tại Đại học Lao động Cộng sản Phương Đông, Người đã tiếp cận với một mô hình giáo dục tiên tiến, trong đó học viên được quyền tự quản, tham gia quản lý và đóng góp vào các hoạt động chung của nhà trường. Đây có thể chính là cơ sở để sau này Người đề ra những phương pháp giáo dục gắn liền lý luận với thực tiễn. Tại Trường Quốc tế Lênin, Hồ Chí Minh tiếp tục đào sâu nghiên cứu lý luận cách mạng vô sản, kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn để hoạch định con đường cách mạng cho Việt Nam, trong đó có định hướng về giáo dục và đào tạo đội ngũ nhà giáo. Những trải nghiệm học tập ở cả hai môi trường - nền giáo dục thuộc địa nửa phong kiến và nền giáo dục cách mạng Xô Viết - đã có tác động sâu sắc đến tư tưởng giáo dục của Hồ Chí Minh sau này.

Khi trở về lãnh đạo cách mạng Việt Nam và trở thành Chủ tịch nước đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt lớn cho giáo dục. Người từng nhấn mạnh: “Sau 80 năm giờ nô lệ làm cho nước nhà bị yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu” [99,

tr.34-35]. Để làm được điều đó, Người xác định rằng giáo dục phải là nền tảng, mà người thầy chính là nhân tố quyết định sự thành công của nền giáo dục mới. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò của đội ngũ nhà giáo, khẳng định trách nhiệm nặng nề nhưng cao quý của họ trong sự nghiệp khai sáng và phát triển đất nước. Trong những năm tháng cam go của hai cuộc kháng chiến, giữa muôn vàn khó khăn, nền giáo dục cách mạng vẫn từng bước trưởng thành. Dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu, Hồ Chí Minh vẫn không ngừng quan tâm và động viên đội ngũ nhà giáo, rằng trong bất kể hoàn cảnh nào cũng phải thực hiện phương châm “Dạy tốt và học tốt”. Công cuộc kháng chiến, kiến quốc càng cam go, gian khổ thì con người càng phải yêu nước, kiên cường và trí tuệ. Những con người ấy là sản phẩm của giáo dục mà những người thầy là lực lượng chủ công rèn giũa. Một minh chứng sinh động về tinh thần hợp tác trong giáo dục từ rất sớm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là việc, trong vòng bảy năm (1951-1958), theo đề nghị trực tiếp của Người và với sự đồng thuận của Chủ tịch Mao Trạch Đông, *Trường Dục Tài* ở Nam Ninh (Trung Quốc), *Khu Học xá Trung ương* ở Quế Lâm (Trung Quốc) đã tiếp nhận gần 7.000 học sinh Việt Nam sang học tập. Tên của trường học đã thể hiện mục tiêu đào tạo những người tài năng cho cách mạng và người thầy cũng phải là người có tài thì mới có thể khơi dậy, phát huy tài năng của người học. Thực tế đã chứng minh chủ trương của Hồ Chí Minh là đúng đắn khi không ít người được đào tạo ở các cơ sở ấy sau này trở thành những nhân vật có đóng góp quan trọng trong đời sống chính trị, khoa học và văn hóa của đất nước như nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Khoan, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Vũ Mão, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc Bùi Hồng Phúc... Từ góc độ tư tưởng giáo dục, việc chủ động gửi học sinh ra nước ngoài học tập không chỉ thể hiện sự quan tâm, tầm nhìn của Người đối với việc nâng cao trình độ tri thức cho thế hệ trẻ, chuẩn bị nguồn lực con người cho sự nghiệp kiến thiết đất nước sau này mà còn phản ánh quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác quốc tế trong công tác giáo dục, đào tạo.

Tựu trung, thực tiễn kiến tạo, dẫn dắt nền giáo dục dân chủ và nền giáo dục thời chiến trong một thời gian dài đã góp phần phát triển, hoàn thiện hệ thống quan điểm đặc sắc của Hồ Chí Minh về nhà giáo Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận án tập trung làm rõ hệ thống các khái niệm và cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - một nội dung có ý nghĩa đặc biệt trong việc xác định nền tảng lý luận, thực tiễn và giá trị kế thừa của tư tưởng Người đối với sự nghiệp giáo dục nước ta.

Từ việc khảo cứu những quan điểm khác nhau trong lý luận, pháp luật, cũng như trong thực tiễn xã hội, nghiên cứu sinh đã hệ thống hóa những nhận thức cơ bản về nhà giáo và vị trí, vai trò của họ trong tiến trình phát triển của giáo dục cách mạng Việt Nam. Các khái niệm được phân tích như những phạm trù mang tính hệ thống, phản ánh sự phát triển của nhận thức xã hội về giáo dục và người thầy. Từ những quan niệm đó, luận án chỉ ra rằng, hình ảnh người thầy không chỉ gắn với nghề dạy học đơn thuần mà còn là biểu tượng của trí tuệ, đạo đức, của sự tận hiến vì sự nghiệp “trồng người”. Với Hồ Chí Minh, thì nhà giáo còn là người lao động đặc biệt trong lĩnh vực tinh thần - họ không chỉ truyền đạt tri thức mà còn góp phần hình thành nhân cách, khơi dậy lý tưởng, hun đúc lòng yêu nước và tinh thần phục vụ nhân dân cho thế hệ trẻ.

Cũng trong chương 2, nghiên cứu sinh tiếp tục phân tích những điều kiện và tiền đề dẫn đến sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Đó là sự tổng hòa của ba yếu tố chủ đạo: cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và nhân tố chủ quan của Người. Từ truyền thống gia đình và quê hương giàu tinh thần hiếu học, nhân nghĩa, đến thực tiễn dân tộc dưới ách thuộc địa và tình hình thế giới đầy biến động cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã sớm hình thành nhận thức sâu sắc về vai trò của tri thức và giáo dục đối với vận mệnh dân tộc. Thực tiễn đó giúp Người nhìn thấy rõ mối quan hệ giữa giáo dục và giải phóng con người, giữa người thầy và sự phát triển của xã hội.

Về cơ sở lý luận, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo được hình thành trên nền tảng tiếp thu, kế thừa và phát triển những giá trị văn hóa - tư tưởng của nhân loại và dân tộc. Từ truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc đến tinh thần dân chủ, bình đẳng, bác ái của phương Tây; từ đạo lý nhân văn, từ bi, vị tha của Nho giáo, Phật giáo đến quan điểm tiến bộ của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của

giáo viên trong xã hội mới - tất cả đều được Hồ Chí Minh tiếp nhận một cách chọn lọc, sáng tạo để hình thành nên tư tưởng về nhà giáo Việt Nam với các đặc tính khoa học, cách mạng, nhân văn và mang sắc thái riêng của Hồ Chí Minh.

Nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh đóng vai trò then chốt trong sự hình thành hệ tư tưởng này. Với trí tuệ uyên bác, đạo đức trong sáng và lòng yêu nước, thương dân vô hạn, Hồ Chí Minh không chỉ là người nghiên cứu về giáo dục mà còn là người thầy, người tổ chức nền giáo dục mới. Trải nghiệm thực tiễn phong phú của Người - từ việc trực tiếp giảng dạy, tiếp xúc với nhiều nền giáo dục khác nhau đến vai trò lãnh đạo công cuộc xây dựng nền giáo dục cách mạng - giúp Hồ Chí Minh hình thành những quan điểm toàn diện, sâu sắc về người thầy, về chức năng xã hội và phẩm chất cần có của đội ngũ nhà giáo trong thời kỳ mới.

Tóm lại, trong cơ sở hình thành *tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo* có dấu ấn của thực tiễn giáo dục của dân tộc và thời đại, tinh hoa lý luận về giáo dục của truyền thống văn hóa dân tộc và nhân loại, kinh nghiệm dạy học của bản thân Hồ Chí Minh... Ngược lại, được chỉ đạo bởi hệ thống tư tưởng đúng đắn do Hồ Chí Minh tạo lập, nền giáo dục mới ở Việt Nam phát triển nhanh chóng; đội ngũ nhà giáo do Người dìu dắt trong bối cảnh kháng chiến, kiến quốc đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh “Trồng người” mà Hồ Chí Minh đã giao phó.

Chương 3. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO

3.1. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của nhà giáo

3.1.1. Nhà giáo là nhân tố quyết định sự thành, bại của hoạt động giáo dục

Đội ngũ nhà giáo giữ vai trò “người lái đò” trong sự nghiệp giáo dục. Vậy nên, nhà giáo chính là yếu tố quyết định thành bại của giáo dục, bởi dù chương trình giảng dạy có tiên tiến hay cơ sở vật chất có đầy đủ đến đâu, chất lượng giáo dục vẫn phụ thuộc vào tâm huyết, tài năng và đạo đức của người thầy. Họ không chỉ truyền đạt tri thức mà còn định hình nhân cách, khơi dậy tinh thần học tập và khát vọng cống hiến cho thế hệ trẻ.

Trước hết, *nhà giáo là người vận hành hoạt động giáo dục*. Hồ Chí Minh khẳng định: “Cần đào tạo cán bộ cho mọi ngành hoạt động, cho nên cần có thầy giáo” [102, tr.72]. Do hậu quả của chính sách ngu dân mà thực dân Pháp để lại, hầu hết nhân dân Việt Nam mù chữ nên trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo rất nặng nề. Giáo dục là một quá trình nâng cao tri thức, bắt đầu từ việc xóa mù, giáo dục tri thức phổ thông các cấp và đào tạo nghề nghiệp. Ở bất cứ giai đoạn nào, người thầy cũng đóng vai trò trọng yếu.

Với quan điểm “một dân tộc dốt là một dân tộc yếu” [99, tr.7], “dốt thì đại, đại thì hèn” [105, tr.125], ngày 03/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định “chống giặc dốt” là nhiệm vụ trọng yếu thứ hai. Để xóa nạn mù chữ, ngày 08/9/1945, Người ký ba sắc lệnh quan trọng: Sắc lệnh số 17/SL thành lập Bình dân học vụ, Sắc lệnh số 19/SL yêu cầu mỗi làng, mỗi thị trấn tổ chức lớp học trong 6 tháng và Sắc lệnh số 20/SL quy định toàn dân phải học chữ quốc ngữ miễn phí. Đến tháng 10/1945, Người ra lời kêu gọi toàn dân đi học và thúc đẩy phong trào “diệt giặc dốt” lan rộng với khẩu hiệu “Đi học là yêu nước”, “Dạy bình dân học vụ là yêu nước”, “Giúp đỡ bình dân học vụ là yêu nước”. Người đã từng động viên những trí thức đã từng hoạt động trong Hội truyền bá chữ Quốc ngữ tham gia phong trào bình dân học vụ. Trong cả nước đã tổ chức được trên 75.000 lớp học bình dân với hơn 96.000 giáo viên tình nguyện, không nhận thù lao dạy học. Các thầy cô giáo đã tìm mọi cách để người học nhớ mặt chữ, kể cả là miêu

tả mặt chữ bằng thơ. Các câu thơ như “I, tờ (i, t) có móc cả hai/ I ngắn có chấm, tờ dài có ngang”, “O tròn như quả trứng gà/ Ô thì đội mũ, Ơ là thêm râu”... đã đi vào tâm khảm hàng triệu người dân Việt Nam nhờ nhiệt huyết của các thầy cô giáo bình dân học vụ. Kết quả là từ tháng 8/1945 đến tháng 8/1946, trong cả nước đã có hơn 2.500.000 người được xóa mù chữ. Đây là một dấu son trong lịch sử giáo dục của dân tộc Việt Nam, đồng thời là một sáng tạo độc đáo chưa có tiền lệ trên thế giới. Công lao và nhiệt huyết của các thầy cô giáo Bình dân học vụ được nhân dân và lịch sử ghi nhận. Trong *Thư gửi anh chị em giáo viên bình dân học vụ*, Người viết: “Chương trình của Chính phủ ta là làm thế nào cho toàn quốc đồng bào ai cũng có ăn, có mặc, có học. Vậy nên khẩu hiệu của chúng ta là: 1. Tăng gia sản xuất. 2. Chống nạn mù chữ. Anh chị em là đội tiên phong trong sự nghiệp số 2 đó” [99, tr.556]. Như vậy, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ giáo viên là những chiến sĩ tiên phong trong sự nghiệp giáo dục, nhất là sự nghiệp chống nạn mù chữ cho nhân dân, đặc biệt là thanh thiếu niên nhi đồng.

“Xóa mù” chỉ là bước đi đầu tiên trên con đường giáo dục. Dù trong điều kiện “Thù trong giặc ngoài”, hệ thống giáo dục các bậc tiểu học, trung học và cao đẳng, đại học (các trường Y khoa, Dược khoa, Cao đẳng kỹ thuật, Cao đẳng Canh nông, Cao đẳng Công chính, Thú y, Văn khoa...) vẫn đã được khai giảng trở lại. Sau khi xóa mù chữ, ngày 10/8/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục ban hành Sắc lệnh số 146/SL, đặt nền móng cho nền giáo dục mới và Sắc lệnh số 147/SL, tổ chức bậc học cơ bản nhằm trang bị kiến thức thực tiễn. Trong điều kiện kháng chiến chống Pháp gian khổ, mục tiêu xóa nạn mù chữ tiếp tục được thực hiện và đến cuối năm 1950, có 10 triệu người biết đọc, biết viết. Năm 1950, Bộ Giáo dục thực hiện chương trình cải cách giáo dục. Từ Liên khu IV ra đến Việt Bắc đã có gần 1000 trường tiểu học và trung học. Sau khi miền Bắc được giải phóng, hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học được chuẩn hóa một bước. Công tác bồi dưỡng văn hóa được đẩy mạnh để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và nhân dân lao động. Việc phổ cập giáo dục không chỉ giúp dân biết chữ mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Điều này đòi hỏi đội ngũ nhà giáo không ngừng nâng cao chuyên môn, đổi mới

phương pháp giảng dạy để đáp ứng nhu cầu thời đại. Như vậy, thầy cô chính là “người gieo mầm” cho tương lai, góp phần xây dựng nền giáo dục Việt Nam vững chắc và bền vững. Có thể khẳng định: Một trong những thành tựu nổi bật của miền Bắc xã hội chủ nghĩa là công tác giáo dục đào tạo rất phát triển. Ngay trong điều kiện chiến tranh ác liệt, các lớp học vẫn được duy trì. Kết quả là trình độ văn hóa chung của xã hội đã được nâng lên một mức đáng kể. Khi “đốt nát cũng là kẻ địch” thì giáo viên chính là những người trực tiếp tuyên chiến với kẻ thù nguy hiểm đó. Trong thành tựu đưa dân tộc từ chỗ tăm tối ra ánh sáng, những người thầy đã đóng vai trò quyết định.

Nhà giáo còn là những người có tác động mạnh mẽ đến nhân cách người học - nhiệm vụ trọng yếu của giáo dục. Mục đích của giáo dục không chỉ là dạy chữ, dạy kiến thức, mà còn là dạy cách làm người. Hoạt động đó sẽ được thực hiện hiệu quả nhất trong môi trường học đường, với lực lượng trung tâm là đội ngũ nhà giáo - những kỹ sư tâm hồn, những người gieo vào người học các hạt mầm tri thức và đạo đức. Bất kỳ ai, từ thứ dân đến bậc nguyên thủ quốc gia, đều phải nhờ công ơn dìu dắt của những người thầy mới có thể trưởng thành. Hồ Chí Minh đã khẳng định nền giáo dục mới ở Việt Nam là nền giáo dục có mục đích “kép” - “một nền giáo dục nó sẽ đào tạo các em nên những người công dân hữu ích cho nước Việt Nam, một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em” [99, tr.34]. Nếu nền giáo dục phong kiến có mục tiêu tạo ra những người “làm quan” để hưởng vinh hoa, phú quý, nếu nền giáo dục thực dân có mục tiêu đào tạo ra những trí thức nô lệ để hầu hạ chúng thì nền giáo dục mới có mục tiêu đào tạo những người chủ tương lai của đất nước. Giáo dục do đó phải đào tạo ra lớp người biết hành động vì lợi ích dân tộc chứ không phải “đào tạo ra những con người thuộc sách lâu lâu, cụ Mác nói thế này, cụ Lênin nói thế kia, nhưng nhiệm vụ của mình được giao quét nhà lại để cho nhà đầy rác” [110, tr.668]. Có thể thấy, nhân cách của người học không tự hình thành mà chịu sự chi phối sâu sắc từ quá trình giáo dục, trong đó người thầy giữ vai trò trung tâm. Do đó, theo Hồ Chí Minh, sự trưởng thành của học sinh gắn chặt với phẩm chất và năng lực của đội ngũ nhà giáo.

Cùng với đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng *đổi mới giáo dục trước hết phải bắt đầu từ nhà giáo*. Theo Người, đổi mới không chỉ là cải tiến cơ sở vật chất hay chương trình giảng dạy, mà quan trọng hơn là đổi mới tư duy và tác phong của giáo viên. Người cảnh báo rằng nếu thầy cô vẫn giữ tư duy bảo thủ, thiếu sáng tạo, thì không thể đào tạo ra những thế hệ học sinh có tinh thần đổi mới. Vì vậy, giáo viên cần không ngừng học hỏi, cập nhật tri thức để đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội. Người từng nhắc nhở: “Các cô, các chú phải ngày càng tiến bộ để dạy cho con em ngày càng tiến bộ” [107, tr.266]. Khi Hồ Chí Minh còn sống, Việt Nam đã tiến hành hai cuộc đổi mới giáo dục vào năm 1950, 1956 và cải cách giáo dục thực chất là đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và người thực hiện sự đổi mới đó trước hết là những người thầy. Cho dù mỗi nhà giáo đều có phương pháp và phong cách giảng dạy riêng nhưng rốt cuộc, họ đều phải đạt được mục tiêu là “dạy sao cho học sinh mau hiểu, mau nhớ, lý luận đi với thực hành” [105, tr.389]. Do đó, người dạy phải không ngừng tìm tòi sáng kiến, cách thức để giúp người học thấu hiểu vấn đề một cách dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, sâu sắc nhất.

3.1.2. Nhà giáo góp phần đào tạo ra lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng và gánh vác tương lai của nước nhà

Lịch sử loài người suy cho cùng là sự chuyển giao thế hệ theo quy luật “tre già, măng mọc” nên một nhà chiến lược thiên tài phải quan tâm đến việc *đào tạo được thế hệ kế tục xứng đáng*. Hồ Chí Minh trao sứ mệnh đó cho đội ngũ nhà giáo: “Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú. Đó là một trách nhiệm nặng nề, nhưng rất vẻ vang” [106, tr.528]. Quan điểm này của Hồ Chí Minh có quan hệ chặt chẽ với quan điểm về vai trò con người trong lịch sử. Với Hồ Chí Minh, “vô luận việc gì, đều do *người* làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả” [100, tr.281] nên con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Tuy nhiên, không phải ai cũng là động lực cách mạng và không phải mọi *động lực* - *con người* đều có đóng góp như nhau. Con người “động lực” phải là con người được giáo dục, chuẩn bị kỹ lưỡng về phẩm chất và năng lực. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã có chỉ dẫn kỹ lưỡng về từng vai trò mà người thầy cần thực hiện.

Trước hết, *nhà giáo góp phần tạo nên những công dân có đạo đức tốt*. Hồ Chí Minh từng nói: “Trong giáo dục không những phải có tri thức phổ thông mà phải có đạo đức cách mạng. Có tài phải có đức” [105, tr.345]. Sau này, Người nhấn mạnh “có đức mà không có tài ví như ông Bụt không làm hại gì, nhưng cũng không lợi gì cho loài người” [106, tr.399]. Đối với Người, một nền giáo dục hiệu quả không chỉ tạo ra những con người giỏi chuyên môn mà quan trọng hơn, phải đào tạo nên những công dân có đạo đức tốt, có lòng trung thành với Tổ quốc và trách nhiệm đối với xã hội. Hồ Chí Minh cho rằng, bản chất mỗi con người khi sinh ra đều hướng thiện, nhưng chính môi trường sống và hoàn cảnh xung quanh đã dẫn tác động và làm thay đổi bản tính ấy. Vì vậy, vai trò của người thầy là vô cùng quan trọng. Đó là những người đảm nhận trọng trách “phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi” [110, tr.672]. Thanh thiếu niên nhi đồng ở lứa tuổi đang hình thành nhân cách nên nhà giáo chính là những “kỹ sư tâm hồn”, là người để lại dấu ấn trực tiếp đến nhân cách của thế hệ trẻ: “Óc những người tuổi trẻ trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì nó sẽ đỏ” [100, tr.120]. Vì thế, chiến lược *trồng người* đã được Người trù tính hết sức kỹ càng và cụ thể. Người nhấn mạnh: “Ta xây dựng con người cũng phải có ý định rõ ràng như *nhà kiến trúc*. Định xây dựng ngôi nhà như thế nào rồi mới dùng gạch, vữa, vôi cát, tre gỗ... mà xây nên” [110, tr.665]. Vì lẽ đó, “kiến trúc sư” của sự nghiệp trồng người không chỉ dạy cho học trò những kiến thức cần thiết cho cuộc sống và công việc tương lai, mà còn góp phần xây dựng những phẩm chất cần có của một công dân tốt như ý thức công dân, trách nhiệm xã hội và lòng yêu thương con người. Đây chính là tiền đề để xây dựng nên những con người mới cho một xã hội mới có kỷ cương, văn minh, nhân ái.

Nhà giáo đóng vai trò người truyền thụ tri thức cho người học

Hồ Chí Minh nhấn mạnh: So với chủ nghĩa tư bản thì chủ nghĩa xã hội không chỉ là bước tiến lớn về phương diện giải phóng xã hội khỏi sự áp bức, bất công mà còn phải là bước tiến trên phương diện sản xuất, năng suất lao động. Muốn thế thì chủ nhân tương lai của xã hội phải có nền tảng văn hóa và chuyên môn chắc chắn.

Người còn giải thích, trước đây ở Việt Nam làm việc theo lối thủ công, nhưng xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tiến hành công nghiệp hóa và do đó, việc sản xuất bằng máy móc tinh xảo đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn, nắm vững khoa học kỹ thuật. Hơn nữa, bối cảnh hiện nay là thời đại của vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh nên “trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hoá và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật” [110, tr.507]. Trong công cuộc truyền bá tri thức, nhất là tri thức khoa học thì đội ngũ nhà giáo có trách nhiệm “đứng mũi chịu sào”. Khi người thầy là người “hướng đạo” về mặt khoa học thì họ phải không ngừng học tập theo tinh thần “cán bộ giáo dục đều phải luôn luôn cố gắng học thêm” [105, tr.273]. Hồ Chí Minh căn dặn giáo viên “chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại” [107, tr.266] bởi tri thức khoa học là vô tận, bởi sự non yếu về tri thức của người thầy sẽ để lại di chứng tai hại cho các thế hệ học trò. Thực tế cho thấy, phải “học nhi bất yếm” (học không biết mỏi) thì mới có thể “hồi nhân bất quyện” (dạy không biết mệt). Là người “khai tâm, khai trí” cho học trò, sự ảnh hưởng sâu đậm của người thầy đến nhân cách học trò là điều không thể phủ nhận. Vì thế, Hồ Chí Minh kết luận: “Học trò tốt hay xấu là do thầy giáo, cô giáo tốt hay xấu” [107, tr.269].

3.1.3. Nhà giáo là những người chiến sĩ trên mặt trận giáo dục góp phần vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Thời Hồ Chí Minh sống là thời đất nước vừa kháng chiến, vừa kiến quốc nên nhà giáo có sứ mệnh đào tạo nên *những con người có khả năng hoàn thành bất cứ nhiệm vụ nào mà Tổ quốc giao phó*. Lúc này, đất nước cần những con người vững tay súng, chắc tay cày, tay búa nên Hồ Chí Minh căn dặn đội ngũ nhà giáo: “Trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy dạy là: chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà” [103, tr.448]. “Quân sự là việc chủ chốt trong kháng chiến” [102, tr.29] nên trong điều kiện đất nước có chiến tranh, việc xây dựng các trường quân sự để đào tạo sĩ quan, chỉ huy quân đội là ưu tiên hàng đầu.

Trường Võ bị Trần Quốc Tuấn, ra đời ngày 15/4/1946, là trường quân sự đầu tiên của nước Việt Nam mới, với nhiệm vụ đào tạo cán bộ nòng cốt để chỉ huy và lãnh đạo lực lượng vũ trang. Bên cạnh đó, cùng với sự lớn mạnh của các binh chủng trong Quân đội Nhân dân Việt Nam, các trường đào tạo cán bộ cho từng binh chủng cũng ra đời: Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Hậu cần, Học viện Quân Y, Học viện Hải Quân, Học viện Biên Phòng, Trường Sĩ quan Thông tin đã lần lượt được thành lập... Trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo trong các nhà trường quân đội là phải trang bị kỹ năng chiến đấu và giáo dục cho người học lòng trung thành tuyệt đối với Đảng và Tổ quốc, kiên định với lý tưởng cách mạng, ý thức kỷ luật cao, tinh thần “Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”... Nhờ sự cống hiến không mệt mỏi của các thầy cô giáo trong các trường quân đội, đã ra đời các thế hệ sĩ quan không chỉ có trình độ chuyên môn cao mà còn có bản lĩnh chính trị và tinh thần cách mạng vững vàng, góp phần to lớn vào các thắng lợi của dân tộc trong suốt thế kỷ XX.

Trong bối cảnh đất nước tiến hành hai cuộc cách mạng (cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc), nhà giáo có vai trò quan trọng trong việc *cải tạo con người cũ thành con người mới - con người xã hội chủ nghĩa*. Dưới chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân Việt Nam sống trong cảnh áp bức, nghèo đói, tư tưởng bảo thủ, lạc hậu và thiếu tinh thần đấu tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khát khao xây dựng một xã hội mới, lấy giáo dục làm nền tảng để hình thành “con người xã hội chủ nghĩa”, bởi theo Người, “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có người xã hội chủ nghĩa” [107, tr.123]. Người nhấn mạnh, quá trình hình thành con người mới là nhiệm vụ cốt lõi, phải bắt đầu từ giáo dục. Tuy nhiên, không thể ngay từ đầu tạo ra những “con người động lực” hoàn chỉnh mà cần xây dựng dần những con người tiên tiến, có ý thức tập thể, tinh thần làm chủ, sẵn sàng cống hiến. Theo Hồ Chí Minh, con người xã hội chủ nghĩa phải “đánh bại những tư tưởng công thần, địa vị, danh lợi của chủ nghĩa cá nhân, làm cho tư tưởng của chủ nghĩa tập thể thắng lợi” [107, tr.604], đồng thời đề cao tinh thần “mình vì mọi người”. Họ phải sống “cần kiệm liêm chính” để xây dựng đất nước, bởi theo Người, “đạo đức xã hội chủ nghĩa là cần

kiệm xây dựng nước nhà” [108, tr.542]. Ngoài ra, công dân xã hội chủ nghĩa cần có tinh thần quốc tế trong sáng và phương pháp làm việc khoa học. Những tiêu chí này trở thành kim chỉ nam để mỗi cá nhân tự rèn luyện, qua đó, góp phần xây dựng xã hội mới.

Bên cạnh vai trò giáo dục, nhiều nhà giáo còn *trực tiếp tham gia chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng kiến bao tấm gương của những người Thầy đã trở thành nhà cách mạng hay nhà hoạt động quân sự lỗi lạc. Cuộc đời của thầy giáo Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - lãnh tụ Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh của một người thầy chân chính. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh còn phát hiện và bồi dưỡng nhiều nhà giáo có tố chất quân sự, tiêu biểu là Võ Nguyên Giáp. Từ một giáo viên lịch sử, ông đã trở thành Tổng Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam, chỉ huy các chiến thắng vĩ đại như Điện Biên Phủ (1954) và Chiến dịch Hồ Chí Minh (1975). Nhiều nhà giáo khác cũng trở thành tướng lĩnh tài ba trong kháng chiến. Thượng tướng Trần Văn Trà, từng là một giáo viên, đã phát huy tư duy tổ chức, chiến thuật, đóng góp quan trọng vào chiến thắng mùa Xuân 1975. Thiếu tướng Hoàng Đan, xuất thân là thầy giáo, nhưng với lòng yêu nước mãnh liệt, ông đã nhanh chóng thể hiện tài năng quân sự, chỉ huy các chiến dịch quan trọng trên các mặt trận từ Nam chí Bắc. Trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ, thực hiện phong trào “xếp bút nghiêng lên đường chiến đấu”, không ít thầy giáo đã trở thành những chiến sĩ trực tiếp cầm súng bảo vệ Tổ Quốc. Những tấm gương này cho thấy: Những người Thầy là những người có tri thức và tấm lòng ái quốc nên họ có thể làm bất cứ việc gì khi Tổ quốc cần.

Trước sứ mệnh phải tuyên chiến với “giặc đói”, nâng cao dân trí, bảo vệ văn hóa dân tộc trước sự tấn công của văn hóa thực dân, đội ngũ nhà giáo đã thực sự là *người chiến sỹ trên mặt trận giáo dục*. Trong lịch sử của dân tộc “vốn xưng nền văn hiến đã lâu” như Việt Nam, tất yếu có nhiều người thầy được lưu danh sử sách nhưng chỉ có Hồ Chí Minh đã đưa đội ngũ giáo viên lên một địa vị chưa từng có - *người chiến sỹ trên mặt trận văn hóa giáo dục*.

3.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về yêu cầu đối với nhà giáo

3.2.1. Về phẩm chất, năng lực của nhà giáo

3.2.1.1. Phẩm chất đạo đức của nhà giáo

Nhận thức sâu sắc về những đóng góp thầm lặng nhưng vô cùng quan trọng, cũng như trách nhiệm nặng nề nhưng đầy tự hào của nghề giáo, Hồ Chí Minh gọi những người thầy chân chính là những “Anh hùng vô danh” [105, tr.126] vì họ đã âm thầm làm việc, cần mẫn hiến dâng, không màng danh hiệu, không có huân chương. Khác với những chiến sỹ trên các mặt trận sản xuất và chiến đấu - những người có thể có công trạng lớn, được thừa nhận ngay sau một trận đánh, một chiến dịch sản xuất, “sản phẩm” của người Thầy là những con người. Không thể ngay lập tức đo lường chất lượng của “sản phẩm người” do họ đào tạo và hơn nữa, sản phẩm người là sự kết tinh của nhiều chủ thể giáo dục khác (gia đình, đoàn thể, các thế hệ thầy cô) nên đội ngũ nhà giáo không dễ dàng có được “minh chứng” về thành tích của họ. Sứ mệnh “người lái đò”, “người kỹ sư tâm hồn”, “khai tâm, khai trí” thuộc về họ và họ âm thầm thực hiện với tất cả lương tâm nghề nghiệp. Với tất cả sự thấu hiểu công lao, nỗi vất vả, hy sinh của đội ngũ nhà giáo nên Hồ Chí Minh đã trân trọng gọi họ là những “anh hùng vô danh”. Sự tôn vinh và động viên của Người đã trở thành nguồn động lực mạnh mẽ, khuyến khích nhiều thế hệ thầy cô tận tâm cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Tuy nhiên, bên cạnh việc khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của người thầy, Hồ Chí Minh còn đặt ra những yêu cầu cao đối với nghề này đặc biệt về phẩm chất đạo đức bởi “muốn cho học sinh có đức thì giáo viên phải có đức” [107, tr.270]. Vậy nên, thầy cô giáo trước hết phải là những người thấm nhuần *đạo đức cách mạng*.

Phẩm chất người thầy là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa trí tuệ và phẩm hạnh. Theo Hồ Chí Minh, người thầy không chỉ đơn thuần là người dạy chữ, dạy nghề mà còn phải kết hợp hài hòa giữa trí tuệ và đạo đức, giữa lý tưởng cách mạng và trách nhiệm xã hội. Vì thế, người thầy phải có *bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng* và luôn hướng đến việc đào tạo thế hệ trẻ có lý tưởng sống cao đẹp, có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước. Hồ Chí Minh từng nói: “Thầy và trò phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng

cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho” [110, tr.507]. Người thầy trong thời kỳ cách mạng phải là tấm gương sáng về lòng hy sinh, kiên cường và sự tận tụy với công việc. Điều này không chỉ thể hiện trong việc giảng dạy mà còn trong các hành động cụ thể, như sự gắn kết giữa giáo dục và phong trào cách mạng, sự tham gia vào các hoạt động xã hội. Đặc biệt trong thời chiến, người thầy là người dám hy sinh, kiên định với lý tưởng cách mạng, luôn tận tâm phục vụ đất nước, giúp học trò hiểu sâu sắc hơn về trách nhiệm xã hội và sứ mệnh của mình trong xây dựng đất nước. Lý tưởng cách mạng mà Hồ Chí Minh đề cập không chỉ là lý tưởng chính trị mà còn là lý tưởng sống, lý tưởng đạo đức, gắn liền với lý tưởng của dân tộc và trách nhiệm xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng. Do đó, phẩm chất đạo đức của nhà giáo cần phải phản ánh sâu sắc tư tưởng này, khi mỗi người thầy không chỉ dạy học mà còn phải giáo dục các thế hệ học trò biết yêu nước, thương nòi, có trách nhiệm với cộng đồng và dân tộc.

Yêu nghề và yêu trò cũng là bổn phận của nhà giáo. Nghề nào trong xã hội cũng có những vất vả riêng nhưng nghề giáo có hoạt động trực tiếp liên quan đến con người, đến từng cá thể học tập. Khả năng tiếp thu tri thức và tâm tính của mỗi học trò là khác nhau nên người thầy phải quan tâm, thấu hiểu để tìm ra cách dạy, cách uốn nắn hiệu quả nhất đối với từng học trò. Nếu không có tình thương thật sự với học trò thì sẽ không tìm ra cách “mở” trái tim và khối óc của họ. Hồ Chí Minh kịch liệt phản đối lối giáo dục trẻ em bằng bạo lực nên Người đã từng viết cho một số chỉ huy quân đội: “Dạy dỗ, dìu dắt các em nhỏ là nhiệm vụ của những người anh lớn tuổi. Đánh đập, sỉ nhục cấp dưới là quân đội của thời trước. Nay các chú là quân đội của cách mạng rồi, cán bộ, chiến sĩ phải đoàn kết thương yêu đùm bọc nhau, coi như anh em ruột thịt một nhà. Bác cấm các chú từ nay về sau không được có hành động quân phiệt với các em nhỏ nữa” [100, tr.571]. Khi đất nước bị chia cắt, một số thiếu nhi miền Nam tập kết ra Bắc, sống trong sự đùm bọc, quan tâm của đồng bào miền Bắc. Hồ Chí Minh đã có thư căn dặn giáo viên ở các trường miền Nam là “phải thương yêu các cháu như con em ruột thịt của mình, không nên phân biệt bi

thử các cháu vùng này hay các cháu vùng khác. Cháu nào cũng là con em đại gia đình ta, cũng là do Đảng và Chính phủ giao cho các cô, các chú phụ trách nuôi dạy” [104, tr.499]. Tuy nhiên, yêu thương không có nghĩa là nuông chiều, bỏ mặc mà là sự quan tâm thực sự, đồng hành và hỗ trợ các em phát triển toàn diện. Người thầy phải biết lắng nghe, chia sẻ khó khăn với học trò, giữ mối quan hệ chặt chẽ với gia đình học trò để có sự phối hợp trong việc dạy học trò. Trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh ác liệt, điều kiện dạy học rất khó khăn, thiết bị dạy học hầu như không có nhưng nhà giáo phải biết tự khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ dạy tốt. Khi các trường học đi sơ tán, học sinh sống xa cha mẹ thì thầy cô giáo là những người gần gũi nhất và khi ấy, họ không chỉ là thầy cô giáo mà còn như cha mẹ học sinh, chịu trách nhiệm tổ chức cuộc sống cho người học. Nếu không có tinh thần “tất cả vì học sinh thân yêu” thì thầy cô không thể làm được những công việc đó.

Nói về sứ mệnh của nhà giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất” [109, tr.402]. Tuy nhiên, đằng sau sự vẻ vang đó là rất nhiều trách nhiệm và bồn phận mà nếu như không có tình yêu con người và sự ý thức sâu sắc về trách nhiệm “trồng người” thì người thầy không thể hoàn thành sứ mệnh của họ. Điều này cho thấy rằng, lòng yêu nghề và yêu trò không chỉ là một yêu cầu về mặt đạo đức mà còn là yếu tố quyết định đến chất lượng giáo dục.

3.2.1.2. Năng lực và trình độ của nhà giáo

Trong *Bài nói tại lớp học chính trị của giáo viên năm 1959*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chính trị là đức, chuyên môn là tài. Có tài mà không có đức là hỏng. Có đức mà chỉ i, tờ thì dạy thế nào?” [107, tr.269]. Do nội dung giáo dục mang tính toàn diện nên người dạy cũng phải nỗ lực phấn đấu để có tri thức toàn diện.

Trước hết, về *trình độ lý luận chính trị*.

Nói về tầm quan trọng của lý luận đối với nhận thức và hành động của con người, Hồ Chí Minh khẳng định: “Có học tập lý luận Mác - Lênin mới củng cố được đạo đức cách mạng, giữ vững lập trường, nâng cao sự hiểu biết và trình độ

chính trị, mới làm được tốt công tác Đảng giao phó cho mình” [106, tr.611]. Người còn khẳng định: Chính trị là linh hồn, chuyên môn là cái xác. Có chuyên môn mà không có chính trị thì chỉ còn cái xác không hồn. Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn. Nhà giáo là chiến sỹ tiên phong trên mặt trận văn hóa mà “văn hóa hiểu rộng cũng là chính trị. Chính trị hiểu sâu cũng là văn hóa” [75, tr.326]; cho nên, nhà giáo phải là người am hiểu về chính trị, có lập trường chính trị vững chắc. Người từng nhắc nhở rằng: “Nhiệm vụ của các cô giáo, thầy giáo rất nặng nề nhưng rất vẻ vang. Muốn làm tròn nhiệm vụ đó thì phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lập trường chính trị” [109, tr.747]. Sự hiểu biết về lý luận chính trị sẽ giúp mỗi thầy cô giáo hiểu và vận dụng đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giảng dạy, giúp học trò cũng có sự am hiểu về chính trị, thời cuộc. Vì thế, Hồ Chí Minh yêu cầu “cần phải tăng cường giáo dục chính trị kết hợp với văn hoá, làm cho mọi người có ý thức học để phục vụ chủ nghĩa xã hội” [107, tr.605]. Người cho rằng, khi có trình độ lý luận chính trị vững vàng, giáo viên sẽ dễ dàng nhận thức và giải quyết các vấn đề xã hội một cách đúng đắn, góp phần xây dựng thể hệ học sinh không chỉ giỏi về tri thức mà còn vững vàng về lý tưởng cách mạng, có lòng yêu nước, trách nhiệm với cộng đồng và có phẩm chất đạo đức tốt. Bên cạnh đó, nâng cao trình độ lý luận chính trị còn giúp nhà giáo không chỉ hiểu sâu sắc hơn về các chủ trương, chính sách của Đảng, mà còn tạo ra cơ sở vững chắc để họ giải thích, lý giải cho người học những vấn đề xã hội, những vấn đề lớn của đất nước một cách thuyết phục. Trong quá trình giảng dạy, nếu giáo viên có trình độ cao về chính trị, họ sẽ dễ dàng truyền tải các giá trị tư tưởng của Đảng đến học sinh, giúp các em nhận thức rõ ràng hơn về tình hình đất nước, về bổn phận của thế hệ trẻ đối Tổ quốc. Chính vì vậy, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ giáo viên là một yêu cầu quan trọng được Hồ Chí Minh đề ra.

Thứ hai, về kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm. Đội ngũ nhà giáo cần phải là những người có trí tuệ, tài năng, bởi chỉ khi đó họ mới có thể đào tạo ra những thế hệ công dân, cán bộ có năng lực, có ích cho xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, một người thầy giỏi không nhất thiết phải thông thạo tất cả các lĩnh

vực hay nắm bắt hết tri thức của nhân loại, vì kho tàng tri thức ấy vô cùng bao la. Tuy nhiên, người thầy cần không ngừng học hỏi, rèn luyện để nâng cao kiến thức, đặc biệt là phải giỏi chuyên môn, nghiệp vụ của mình, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Hồ Chí Minh cũng khuyên mọi người thực hiện lời dạy của V.I. Lênin: “Học, học nữa, học mãi”, nhằm không ngừng tự hoàn thiện bản thân. Đồng thời, Người cũng nhấn mạnh phương châm “học không biết chán, dạy không biết mỏi” của Khổng Tử như một kim chỉ nam trong công việc giảng dạy. Bản thân Hồ Chí Minh thì cho rằng: “Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình... Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất” [101, tr.356]. Vì thế Người yêu cầu: “Cán bộ và giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại” [107, tr.266]. Mỗi thầy, cô giáo luôn phải tìm ra “cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực” [100, tr.120]. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ giáo viên, chỉ một năm sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 194/SL vào ngày 08/10/1946, thành lập ngành sư phạm Việt Nam. Sắc lệnh này xác định rõ mục tiêu của ngành sư phạm là đào tạo đội ngũ giáo viên cho các cấp học cơ bản, trung học phổ thông, trung học chuyên khoa, thực nghiệm và chuyên nghiệp trên toàn quốc. Theo Sắc lệnh này, ngành sư phạm được chia thành ba cấp bậc đào tạo: sư phạm sơ cấp, sư phạm trung cấp và sư phạm cao cấp, nhằm cung cấp giáo viên cho các bậc học cơ bản. Hơn thế nữa, Người còn chủ trương để “trường này chẳng những là trường sư phạm mà còn là trường mô phạm của cả nước” [109, tr.404]. Tuy nhiên, những kiến thức mà giáo viên có được trong quá trình học ở trường sư phạm chỉ là bước đầu, là nền tảng cơ bản. Cuộc sống luôn sản sinh ra những tri thức mới và luôn đặt ra những vấn đề mới cần nhận thức nên người thầy phải không ngừng rèn luyện chuyên môn và trình độ sư phạm từ kinh nghiệm của các thế hệ đi trước và từ những trải nghiệm thực tế trong cuộc sống để hoàn thiện bản thân và nâng cao năng lực cá nhân vì sự non yếu về tri thức và nghiệp vụ sư phạm của người thầy sẽ để lại di chứng tai hại cho các thế hệ học trò.

3.2.2. Về nội dung giảng dạy

Nhiệm vụ chính của một người thầy luôn được xác định là dạy học. Nhưng “dạy cái gì?” luôn là câu hỏi chưa bao giờ dễ dàng để trả lời. Hồ Chí Minh đã đưa ra những chỉ dẫn hết sức căn cốt về nội dung giảng dạy để giúp đội ngũ nhà giáo có phương hướng hành động. Người khẳng định *nội dung giáo dục phải toàn diện*, bao gồm “Đức - Trí - Thể - Mỹ”. Người viết: “việc giáo dục gồm có:

- Thể dục: Để làm cho thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ gìn vệ sinh riêng và vệ sinh chung.

- Trí dục: Ôn lại những điều đã học, học thêm những tri thức mới.

- Mỹ dục: Để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp.

- Đức dục: Là yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu trọng của công” [105, tr.375]. Đây có thể được coi là những nội dung đầu tiên mà người dạy cần trang bị cho người học. Ở mỗi nội dung giáo dục, Hồ Chí Minh lại có những chỉ dẫn cụ thể.

Một là, về giáo dục đạo đức

Sinh thời, Hồ Chí Minh xem giáo dục đạo đức là cốt lõi và nền tảng trong công tác giáo dục. Người yêu cầu trong chương trình giáo dục thì “nội dung giáo dục cần chú trọng hơn nữa về mặt đức dục” [109, tr.746]. Quan điểm này đã thể hiện tầm nhìn vượt thời đại của Hồ Chí Minh, bởi không phải ai cũng có khả năng trở thành thiên tài, nhưng nếu nỗ lực, bất kỳ ai cũng có thể trở thành người tốt và người tốt thì luôn hữu ích cho xã hội. Hơn thế nữa, khi tâm trong sáng, trí tuệ mới minh mẫn; chỉ khi “thành nhân” mới có thể “thành công”. Quan tâm đến vấn đề đức dục nên Người chỉ dẫn rất cụ thể. Đầu tiên, cần phải giáo dục *đạo đức cách mạng*. Người đã lý giải về tầm quan trọng của đạo đức cách mạng như sau: “Đạo đức cách mạng là ra sức phấn đấu để thực hiện mục tiêu của Đảng, hết sức trung thành phục vụ giai cấp công nhân và nông dân lao động, tuyệt đối không thể lừng chừng... đạo đức cách mạng là vô luận trong hoàn cảnh nào, cũng phải quyết tâm đấu tranh, chống mọi kẻ địch... và thực hiện được nhiệm vụ cách mạng... Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng” [106, tr.605-609]. Nền giáo dục dân chủ hướng tới

việc đào tạo ra những con người phụng sự cách mạng, những con người xã hội chủ nghĩa nên thầy cô giáo phải chú trọng việc đào luyện cho người học đạo đức cách mạng vì “người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” [100, tr.292]. Tuy nhiên, đạo đức cách mạng không phải tự nhiên mà có. Nó được hình thành và phát triển nhờ quá trình đấu tranh, rèn luyện không ngừng mỗi ngày, giống như “ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong” [106, tr.612]. Vì vậy, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thường xuyên giáo dục đạo đức cách mạng cho người học.

Giáo dục đạo đức còn là giáo dục *lòng yêu nước, tinh thần dân tộc* cho mỗi người. Nội dung này được phản ánh trong hầu hết các bài phát biểu, bài viết, cũng như qua từng việc làm và hành động của Hồ Chí Minh. Đó là những tư tưởng về ý chí kiên cường trong đấu tranh vì độc lập, thống nhất đất nước và vì tự do, hạnh phúc của nhân dân lao động. Yêu nước chính là một truyền thống quý báu của dân tộc ta nhưng “tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý. Có khi được trưng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy... cũng có khi cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm” [102, tr.38]. Do đó, cần đặc biệt chú trọng việc bồi dưỡng tinh thần yêu nước cho mọi người và thúc đẩy tình cảm ấy thành hành động cách mạng cụ thể. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, “Nước” và “Dân” gắn liền làm một. Do đó, yêu nước thì phải yêu dân, “trung” với “nước” thì phải “hiếu” với “dân”. Nói cách khác, trọng dân, thương dân và phục vụ nhân dân là một sắc thái của lòng yêu nước. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Đạo đức cách mạng là triết để trung thành với cách mạng, một lòng một dạ phục vụ nhân dân” [109, tr.400]. Do đó, “các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo cán bộ cho dân tộc. Vậy giáo dục cần nhằm vào mục đích là *thật thà phụng sự nhân dân*” [102, tr.400]. Hồ Chí Minh xác định rõ, lợi ích của dân là mục đích tối cao của Đảng cách mạng, “sao cho được lòng dân” là biểu hiện rõ nét của đạo đức cách mạng nên Người nhắc nhở nhà giáo: “Các chú dạy các cháu rất nhiều điều, nhưng có một điều phải thật rõ: Làm cán bộ tức là suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân. Mấy chữ a, b, c này không phải ai cũng thuộc đâu, phải học mãi, học suốt đời mới thuộc được” [110, tr.669-670]. Do ở Hồ Chí Minh tinh thần yêu nước và tinh thần quốc tế luôn

gắn liền làm một, tình yêu đồng bào gắn liền với tình yêu đồng loại nên Người yêu cầu các thầy cô giáo dạy cho học trò tình yêu đối với dân tộc mình nhưng cũng có ý thức tôn trọng các dân tộc khác, yêu văn hóa của dân tộc mình và tôn trọng văn hóa của dân tộc khác. Người nói: “Tinh thần quốc tế là đoàn kết với các nước bạn và nhân dân các nước khác để giữ gìn hòa bình thế giới, chống chính sách xâm lược và chính sách chiến tranh của đế quốc” [103, tr.272]. Vì vậy, giáo dục lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và tinh thần quốc tế trong sáng theo nguyên tắc “Quan sơn muôn dặm một nhà/ Bốn phương vô sản đều là anh em!” [110, tr.670] đã trở thành một nội dung cốt lõi trong giáo dục đạo đức mà thầy cô giáo cần truyền dạy cho người học.

Giáo dục đạo đức cho người học thì thầy cô phải chú trọng giáo dục các phẩm chất *Cần, Kiệm, Liêm, Chính* - những phẩm chất được thể hiện rõ nét trong công việc và sinh hoạt hàng ngày. Cần, kiệm, liêm, chính là 4 “mỹ đức” của đạo làm người nên sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện: CẦN, KIỆM, LIÊM, CHÍNH” [99, tr.7]. Thế hệ trẻ - đối tượng giáo dục của các thầy cô còn ở lứa tuổi cống hiến, lập thân, lập nghiệp nên Hồ Chí Minh đã yêu cầu “các ngành giáo dục cần phải bồi dưỡng cho thanh niên thói quen tiết kiệm, bảo vệ của chung; chống lãng phí xa hoa” [104, tr.298].

Nói tới giáo dục đạo đức, Hồ Chí Minh còn chỉ rõ, phải giáo dục *tinh thần yêu lao động, quý trọng người lao động*. Lý do là bởi “xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở, là nhờ lao động” [100, tr.514] và “Nước ta còn nghèo. Muốn sung sướng thì phải có tinh thần tự lực cánh sinh, cần cù lao động. Phải cố gắng sản xuất” [108, tr.69]. Chính vì vậy, “muốn thật thà yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội thì phải yêu lao động, vì không có lao động thì chỉ là nói suông” [106, tr.401]. Dưới chế độ phong kiến đã có những nhận thức lệch lạc về lao động chân tay nhưng Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, rằng “lao động chân tay và lao động trí óc - đều là vẻ vang, đáng quý. Chúng ta phải chống tư tưởng xem khinh lao động” [105, tr.545]. Khi trao đổi với học sinh và giáo viên trường Phổ thông cấp III Chu Văn An, Hồ Chí Minh đã nêu rõ ý nghĩa quan trọng của lao động. Người nhấn mạnh rằng lao động giúp người trẻ biết tôn kính người lao động, rèn luyện đức tính cần kiệm và

tinh thần vượt khó. Đồng thời, lao động cũng giúp họ không trở thành người ỷ lại mà thay vào đó là những cá nhân có đóng góp tích cực cho xã hội. Người coi lao động là sự kết hợp giữa việc học và thực hành, qua đó vừa nâng cao tri thức, vừa củng cố sức khỏe. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn chỉ ra rằng lao động giúp thanh niên rèn luyện tính tổ chức, sự năng động, sáng tạo, cùng các đức tính như tỉ mỉ, kiên nhẫn và chịu khó. Lao động cũng loại bỏ những thói xấu như ích kỷ, cầu thả hay lười biếng. Vì vậy, trong chương trình giáo dục, Hồ Chí Minh yêu cầu phải đưa môn giáo dục lao động vào một cách cụ thể. Người nhấn mạnh: “Từ nay, các trường học cần phải giáo dục lao động một cách thiết thực, nó là nền tảng của giáo dục chính trị. Nó phải đi đôi với giáo dục chủ nghĩa yêu nước, ý thức cần kiệm để xây dựng nước nhà” [106, tr.213]. Người còn giải thích: “*Đẩy mạnh hơn nữa việc giáo dục lao động trong nhà trường* là một khâu chủ yếu trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục xã hội chủ nghĩa... nhằm đào tạo thế hệ trẻ đã có những kiến thức khoa học... lại có những kiến thức cơ bản về kỹ thuật sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, những thói quen lao động, sẵn sàng bước vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa” [108, tr.203]. Điều này giúp học sinh sau khi ra trường trở thành những người lao động thực sự, sẵn sàng tham gia vào công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh lòng yêu lao động cần được nuôi dưỡng từ nhỏ và duy trì bền bỉ. Trong *Di chúc* của mình, Người đã yêu cầu phải “sửa đổi chế độ giáo dục cho hợp với hoàn cảnh mới của nhân dân, như phát triển các trường nửa ngày học tập nửa ngày lao động” [110, tr.617].

Xưa nay “Kinh sư dĩ đắc, nhân sư nan tầm”, dạy kiến thức đã khó nhưng *dạy làm người* còn khó hơn. Cho nên, dù dạy môn học nào, đảm nhiệm công việc gì, người giáo viên trong nhà trường đều có nghĩa vụ kiên trì uốn nắn và giáo dục đạo đức cho học trò.

Hai là, về giáo dục trí lực

Nếu Hồ Chí Minh xem giáo dục đạo đức là nền tảng của quá trình giáo dục, thì giáo dục trí lực lại giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, bởi lẽ “dốt nát cũng là kẻ địch” [100, tr.469]. Vì vậy, việc bồi dưỡng năng lực nhận thức và phát triển trí tuệ trở thành nội dung cốt lõi của giáo dục. Nói đến giáo dục trí lực thì trước hết, phải

quan tâm tới *giáo dục trình độ văn hóa phổ thông*. Việc này phải bắt đầu từ công tác xóa mù vì “bất kỳ làm nghề gì, nếu không biết chữ thì khó tiến bộ” [105, tr.347]. Sau đó, thầy cô phải từng bước truyền dạy cho học sinh những kiến thức cơ bản gắn với chương trình của từng lớp và cấp học để khi tốt nghiệp phổ thông, người học đã có nền tảng tri thức cơ bản để tiếp nhận tri thức về chuyên môn, nghề nghiệp.

Cùng với giáo dục trình độ văn hóa phổ thông, *giáo dục chuyên môn nghiệp vụ* được xem là một nội dung thiết yếu, bởi mỗi người không chỉ cần nắm vững kiến thức chung mà còn cần hiểu rõ và thành thạo công việc để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hoá và *chuyên môn*” [110, tr.507]. Người yêu cầu việc nâng cao chuyên môn phải phù hợp với từng đối tượng: công nhân phải đạt trình độ kỹ thuật cao để vận hành máy móc tinh xảo; nông dân cần hiểu biết về trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng máy móc để tăng năng suất, giảm lao động nặng nhọc. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đề cao vai trò của trí thức, xem họ là nguồn lực cốt lõi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, nhấn mạnh việc áp dụng tri thức vào thực tiễn để nâng cao hiệu quả công việc. Người luôn chủ trương “Công nông trí thức hóa. Trí thức công nông hóa” [102, tr.73] và khẳng định mỗi người cần giỏi chuyên môn, thực hiện nguyên tắc “làm nghề gì phải giỏi nghề đó”, trở thành con người “vừa hồng, vừa chuyên”. Tư duy giáo dục chuyên môn của Hồ Chí Minh mang tính hiện đại, nhấn mạnh “thực dạy, thực học” để sau này “thực nghiệp” và góp phần xây dựng một nền giáo dục hiệu quả, thiết thực.

Bên cạnh đó, giáo dục trí lực còn được Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới việc bồi dưỡng lập trường, tư tưởng vững vàng nên Người chủ trương phải chú trọng tới *giáo dục lý luận chính trị*. Trong thư gửi Đại hội Giáo dục toàn quốc tháng 7/1951, Người viết: “Làm thế nào để phối hợp việc giáo dục của trường học với việc tuyên truyền và giáo dục chính trị chung của nhân dân” [102, tr.139]. Đây là nền tảng để giác ngộ cách mạng, nhận thức đúng đắn quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người. Đồng thời, lý luận còn là động lực tinh thần mạnh mẽ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đời sống mới và con người mới. Người chỉ rõ, Đảng ta có rất nhiều ưu điểm nhưng cũng còn có nhiều nhược điểm, “mà một trong những nhược

điểm lớn là trình độ lý luận còn thấp kém” [106, tr.90], cần khắc phục bằng cách nâng cao hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin - “Khoa học về các quy luật phát triển của tự nhiên và xã hội; khoa học về cách mạng của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột; khoa học về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở tất cả các nước; khoa học về xây dựng chủ nghĩa cộng sản” [106, tr.96]. Vì lẽ đó, người đã nhắc nhở thanh niên - thế hệ rường cột của đất nước: “Các cháu phải cố gắng học tập kỹ thuật, văn hoá, chính trị... Nếu không học tập văn hoá, không có trình độ văn hoá thì không học tập được kỹ thuật, không học tập được kỹ thuật thì không theo kịp được nhu cầu kinh tế nước nhà; nhưng phải chú ý học tập chính trị vì nếu chỉ học văn hoá, kỹ thuật mà không có chính trị thì như người nhắm mắt mà đi” [106, tr.384]. Người cũng chỉ dẫn các nguyên tắc trong học tập chủ nghĩa Mác - Lênin để củng cố lập trường tư tưởng như phải nắm lấy cái tinh thần xử trí mọi việc, là học tập những chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin để áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta và phòng tránh các căn bệnh giáo điều hay xét lại.

Là người có tinh thần đổi mới và đã trải nghiệm nền giáo dục nghiêng về khoa học kỹ thuật của phương Tây, Hồ Chí Minh nhấn mạnh, rằng giáo dục tri thức *khoa học - kỹ thuật* là nội dung trọng yếu trong chương trình giáo dục. Người giải thích, trước đây ở Việt Nam làm việc theo lối thủ công, nhưng xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tiến hành công nghiệp hóa và do đó, việc sản xuất bằng máy móc tinh xảo đòi hỏi người lao động phải có trình độ chuyên môn, nắm vững khoa học kỹ thuật. Hơn nữa, thời đại bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển rất mạnh nên “trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hoá và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật” [110, tr.507]. Người còn nhấn mạnh: “Chúng ta phải học nhiều, phải cố gắng học. Nếu không chịu khó học thì không tiến bộ được. Không tiến bộ là thoái bộ. Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu” [107, tr.333]. Do đó, giảng dạy tri thức khoa học - kỹ thuật không chỉ là nền tảng để phát triển kinh tế, mà còn tạo điều kiện để người học đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây

dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta vì “muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kỹ thuật cải tiến” [107, tr.361]. Người kêu gọi những người thầy, những trí thức “phải ra sức đem hiểu biết khoa học, kỹ thuật của mình truyền bá rộng rãi trong nhân dân lao động... Có như vậy nước mới giàu, dân mới mạnh và đời sống của nhân dân mới được cải thiện về mọi mặt” [109, tr.97].

Như vậy, quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục tri thức có tính toàn diện sâu sắc và ở đó coi sự gắn kết chặt chẽ giữ tri thức văn hóa phổ thông với tri thức chuyên môn nghề nghiệp, trình độ lý luận và khoa học kỹ thuật toàn diện. Chủ nghĩa xã hội phải có năng suất lao động cao nên không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ bằng nhiệt tình cách mạng. Do đó, việc giáo dục, bồi dưỡng cho thế hệ kế cận tri thức văn hóa toàn diện, tuyệt đối tránh việc đào tạo văn hóa một cách thiên lệch bởi thực chất, giữa các “mảng tri thức” luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và thực tiễn cách mạng cũng đòi hỏi phải có những con người có nền tảng tri thức văn hóa chắc chắn, toàn diện.

Ba là, về giáo dục thể lực

Nếu đạo đức và trí lực là tài sản tinh thần quý giá của mỗi con người, thì thể lực chính là nền tảng quan trọng để tạo nên những tài sản đó. Trong quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, lao động được xem là yếu tố cốt lõi cho sự tồn tại và phát triển, mà “muốn lao động sản xuất tốt, công tác và học tập tốt thì cần có sức khỏe” [107, tr.542]. Ngay từ năm 1941, khi xây dựng *Mười chính sách của Việt Minh*, trong đó, có chính sách xây dựng nền giáo dục quốc dân mới, Người đã đề cập tới việc phải giáo dục thể lực “khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh” [98, tr.631] và nhi đồng “được chính phủ săn sóc đặc biệt về thể dục và trí dục” [98, tr.631]. Đến năm 1945, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, Người tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của sức khỏe: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công. Mỗi một người dân yếu ớt, tức là cả nước yếu ớt, mỗi một người dân mạnh khỏe tức là cả nước mạnh khỏe” [99, tr.241]. Hồ Chí Minh coi việc rèn luyện thể dục, bồi bổ sức khỏe là trách nhiệm của mọi người yêu nước. Người nhấn nhủ: “Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong

đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. *Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập*” [99, tr.241]. Sức khỏe là điều kiện tiên quyết cho cuộc sống bình an, hạnh phúc, là yếu tố tác động đến sự phát triển của giống nòi nên thầy cô có trách nhiệm giáo dục cho người học ý thức rèn luyện thân thể để “tuổi trẻ” phải thực sự là “tuổi khỏe”. Quan tâm đến vấn đề giáo dục thể lực cho thế hệ trẻ, ngày 27/3/1946, Người ký sắc lệnh thành lập Nha Thanh niên và Thể dục thuộc Bộ Giáo dục quốc gia. Người cũng căn dặn thanh thiếu niên phải “siêng tập thể thao cho mình mấy được nở nang” [99, tr.15] và yêu cầu các ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch cụ thể để chăm lo, giáo dục trẻ em ngày càng khỏe mạnh để có cống hiến nhiều nhất cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều sâu xa hơn trong quan điểm của Hồ Chí Minh về giáo dục sức khỏe chính là: Người không chỉ quan tâm đến sức khỏe “cơ bắp” mà còn rất quan tâm đến sức khỏe tinh thần của nhân dân. Từ lối sống của bản thân, Hồ Chí Minh đã rút ra mối quan hệ giữa lối sống sinh hoạt và sức khỏe, rằng “sống quen thanh đạm nhẹ người/ Việc làm thảng rộng ngày dài ung dung” [103, tr.130]. Do đó, thầy cô giáo có trách nhiệm giáo dục cho thế hệ trẻ một lối sống chừng mực, không sa vào các tệ nạn và tinh thần lao động chăm chỉ.

Không chỉ bằng lời nói, Hồ Chí Minh còn giáo dục nhân dân ý thức rèn luyện thân thể qua tấm gương rèn luyện sức khỏe bền bỉ của Người. Những năm tháng lao động vất vả ở phương Tây và hai lần bị tù đầy đã làm sức khỏe của Người suy giảm nhưng ý chí rèn luyện sức khỏe của Người thì không bao giờ vơi cạn. Người yêu thích các hoạt động như đi quyền, chơi bóng chuyền, bơi lội và đặc biệt giỏi đi bộ. Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng kể rằng việc Hồ Chí Minh “đi bộ một ngày 50 cây số là chuyện thường” [40, tr.27]. Trong 9 năm kháng chiến, Hồ Chí Minh đã đi bộ gần 2000km (bình quân mỗi tháng hơn 20km) [70, tr.123], một quãng đường dài hơn cả chiều dài đất nước. Ngay cả khi tuổi cao, sức khỏe gặp khó khăn, Hồ Chí Minh vẫn kiên trì rèn luyện. Từ năm 77 tuổi, nửa người bên trái và tay trái của Người không còn được linh hoạt, Người kiên nhẫn lấy quả bóng quần vợt tập ném vào cái sọt nhỏ để xa 6m để luyện mắt, luyện tay [112, tr.55]. Nhờ việc tập thể dục đều đặn, dù bước vào tuổi “thất thập cổ lai hy”, Hồ Chí Minh vẫn giữ được

tinh thần minh mẫn, sáng suốt và điều đó thể hiện nghị lực rèn luyện sức khỏe phi thường của Người.

Bốn là, về giáo dục thẩm mỹ.

Song song với giáo dục đạo đức, trí lực và thể lực, Hồ Chí Minh từ rất sớm đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục mỹ lực, thể hiện tư duy giáo dục hiện đại và tiên bộ. Hồ Chí Minh cho rằng: “Mỹ dục: Để phân biệt cái gì là đẹp, cái gì là không đẹp” [105, tr.175]. Chữ “Mỹ” nghĩa là tốt đẹp mà “trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân” [105, tr.453]. Cho nên, giáo dục mỹ lực không chỉ dừng lại ở năng khiếu hay nghệ thuật mà còn là bồi dưỡng văn hóa thẩm mỹ, lối sống cao đẹp, tinh thần trách nhiệm và lòng yêu thương con người, giúp mỗi cá nhân hướng tới cái thiện và cái đẹp để tự hoàn thiện bản thân. Sâu xa hơn giáo dục thẩm mỹ còn là giáo dục khả năng phân biệt Chính - Tà, Thiện - Ác. Hồ Chí Minh đã chỉ ra: “THIỆN và ÁC là hai cái mâu thuẫn, luôn luôn đấu tranh gay gắt với nhau. Cuộc đấu tranh ấy phải trường kỳ và gian khổ, nhưng cuối cùng thì ÁC nhất định bại, THIÊN nhất định thắng” [105, tr.454]. Con người có biết phân biệt cái tốt - cái xấu và có tấm lòng hướng thiện thì mới không bị sa vào điều xấu. Do đó, giáo dục thẩm mỹ, hướng con người tới những giá trị cao đẹp chính là để họ tự điều chỉnh mình theo các chuẩn mực tốt đẹp.

Hơn tất cả, điều cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh là xây dựng một xã hội vì con người, nơi con người không chỉ được đáp ứng nhu cầu vật chất mà còn được nuôi dưỡng đời sống tinh thần. Người đã từng nói: “Cải thiện từng bước đời sống của nhân dân, làm cho đời sống vật chất ngày càng ấm no, đời sống tinh thần ngày càng thêm tiến bộ” [109, tr.321] mà “muốn nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân thì phải cải cách. Nếu ăn no mặc ấm mà không học thì cũng không được” [105, tr.309]. Trong đó, nhu cầu khám phá và thưởng thức vẻ đẹp của các loại hình nghệ thuật như “Cầm, Kỳ, Thi, Họa” để góp phần tạo nên sự nhạy cảm, tinh tế, tao nhã của tâm hồn là một đòi hỏi chính đáng. Tuy nhiên, để “cảm” được nghệ thuật thì con người phải được dạy kiến thức về nó. Ngược lại, nếu không có tri thức thì nghệ thuật chỉ là “Đàn gảy tai trâu” và con người thì bỏ qua bao “kho báu” nghệ thuật ở đời.

Giáo dục thẩm mỹ với sự tiệm cận, gần gũi nhất là hướng tới việc làm cho con người yêu thiên nhiên, có khả năng thụ cảm cái đẹp của thiên nhiên bởi những tình cảm trong lành đó chính là cội nguồn của tình yêu Tổ quốc. Thiên nhiên là một kho báu vô tận với vẻ đẹp huyền diệu, như Nguyễn Công Trứ từng viết: “Gió trăng chứa một thuyền đầy/ Cửa kho vô tận biết ngày nào vơi”. Tuy nhiên, không phải ai cũng nhận ra và trân trọng giá trị của kho tàng ấy, bởi “biết yêu thiên nhiên, biết gắn thiên nhiên với cuộc sống chiến đấu là một biểu hiện của sự tiến bộ văn hoá, của trạng thái quân bình trong tâm hồn” [47, tr.458]. Chính vì thế, Người đặc biệt khuyến khích nhân dân, cán bộ và thế hệ trẻ biết yêu và cảm nhận cái đẹp của thiên nhiên, bởi đó là nguồn sức mạnh tinh thần để vượt qua mọi khó khăn, thử thách trong cuộc kháng chiến gian khổ.

Cùng với các nội dung giáo dục khác, giáo dục thẩm mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhân cách, giúp con người mới của xã hội mới vươn tới một cuộc đời trọn vẹn, có sự hài hòa giữa vật chất và tinh thần, trí tuệ và tâm hồn. Có thể khẳng định rằng, cùng với các nội dung giáo dục khác, giáo dục thẩm mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình nhân cách, giúp con người hướng tới cái thiện, cái đẹp và không ngừng hoàn thiện bản thân.

Với tầm nhìn của một nhà giáo dục, nhà sư phạm lớn, Hồ Chí Minh luôn đặt ra yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo phải bảo đảm nội dung giáo dục mang tính toàn diện, qua đó đào tạo những con người phát triển đầy đủ về trí tuệ, đạo đức và năng lực, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng.

3.2.3. Về phương pháp giảng dạy

Hồ Chí Minh từng khẳng định, “Giáo dục nhi đồng là một khoa học” [101, tr.251]. Không chỉ là giáo dục nhi đồng mà giáo dục bất cứ ai cũng đều là một khoa học. Vì vậy, để hoàn thành sứ mệnh “khai sáng” cho thế hệ sau, ngoài việc sở hữu kiến thức chuyên môn và đam mê, người thầy còn cần phải thành thạo phương pháp giáo dục, nghiệp vụ sư phạm. Sự kết hợp giữa tri thức, tâm huyết và phương pháp, kỹ năng giảng dạy là yếu tố quan trọng giúp người thầy truyền đạt hiệu quả và tạo nên những thay đổi tích cực trong người học. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh đã có những chỉ dẫn vô cùng hữu ích cho đội ngũ nhà giáo về phương pháp giảng dạy.

Đầu tiên là, dạy cho học trò *kỹ năng tự học*

Trong tư tưởng giáo dục của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tư tưởng về tự học và tấm gương tự học của Người đã mang lại nguồn cảm hứng sâu sắc và sự thức tỉnh mạnh mẽ đối với các thế hệ người Việt Nam. Điều này xuất phát từ một thực tế, rằng không một hệ thống giáo dục nào, một người thầy nào có thể cung cấp đầy đủ tri thức cho mỗi cá nhân suốt cả cuộc đời. Vì vậy, điều quan trọng là phải hình thành và nâng cao ý thức tự học, cũng như khả năng học tập độc lập, ngay cả khi không có sự hướng dẫn của thầy cô. Để việc tự học trở thành nhu cầu tự thân của mỗi người học, trước hết, Hồ Chí Minh đã bắt đầu bằng việc trả lời cho câu hỏi: “Tự học là gì”? Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng tự học là “*tự động học tập*” [101, tr.360] - tức là tự mình lựa chọn phương pháp, hình thức, thời gian, địa điểm học tập sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất. Người giải thích: “Tự động là không phải tựa vào ai, là tự mình biết biến báo xoay xở, tự mình biết thực hành công tác theo nhiều hình thức mới mẻ, phong phú” [99, tr.44]. Vậy thì “tự động học tập” chính là sự tự nguyện, tự giác và tinh thần tự lực, phát huy tác phong độc lập trong suy nghĩ, dũng cảm đề xuất các vấn đề và thảo luận một cách rõ ràng, minh bạch. Sau khi hiểu được tự học là gì, Hồ Chí Minh tiếp tục chỉ ra tầm quan trọng của việc tự học. Năm 1947, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Người khẳng định: “Lấy tự học làm cốt. Do thảo luận và chỉ đạo giúp vào” [100, tr.312]. Tiếp đến, khi nói về công tác huấn luyện và học tập năm 1950, Người lại nhấn mạnh: “Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học” [101, tr.360]. Sau cùng, Người yêu cầu: “Phải nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng” [106, tr.98]. Thấy được việc tự học là hết sức cần thiết như vậy, cho nên Hồ Chí Minh luôn phê phán việc học thụ động, lười học, ỷ lại vào các thầy cô giáo và nhà trường. Người căn dặn: “Không phải có thầy thì học, thầy không đến thì đùa. Phải biết tự động học tập” [101, tr.360]. Phải nói rằng so với việc học trên lớp có giáo viên hướng dẫn thì việc tự học không chỉ khó khăn hơn trong việc tiếp thu tri thức mà còn đòi hỏi ở người học ý thức tự giác, tinh thần kỷ luật và sự bền bỉ thực sự. Muốn tự học thành công thì còn phải có phương pháp và tránh căn bệnh “lừa rơm”. Để giúp người học hình thành thói quen tự học, thầy cô phải thực hiện “quy trình học tập” gồm ba khâu: Đầu tiên, người học phải tự giác

đào sâu nghiên cứu, sau đó tiến hành thảo luận tập thể và cuối cùng là giáo viên củng cố thêm kiến thức. Hồ Chí Minh cũng khuyến khích thầy cô hướng dẫn các em chú ý học hỏi từ sách báo, từ thực tiễn, từ những người sống xung quanh vì tri thức rộng lớn nhất, chuẩn xác nhất chính là tri thức từ thực tiễn. Để tự học thành công, phải có kế hoạch, phải biết “sắp xếp thời gian và bài học..., phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau, mà không xung đột với nhau” [100, tr.312], biết tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để tự học và dần dần biến tự học thành một nhu cầu tự thân.

Hồ Chí Minh căn dặn nhân dân tinh thần tự học không chỉ bằng lời nói mà bằng chính tấm gương tự học của Người. Có thể khẳng định: Hồ Chí Minh là một trường hợp rất đặc biệt: Chỉ bằng con đường tự học mà trở thành danh nhân văn hóa. Trong những ngày tháng lênh đênh trên con tàu Latútso Torêvin, Người cũng tranh thủ học ngoại ngữ. Một thủy thủ cùng đi trong chuyến tàu đó kể lại: “Mỗi ngày, chín giờ tối, công việc mới xong. Anh Ba mệt lử. Nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm” [71]. Sau này những năm tháng sống, làm việc ở các nước, Người lại tiếp tục tranh thủ học từ những chuyến du lịch, những buổi tọa đàm... Vậy nên, đến năm 1935, khi tham dự Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản, thì trong bản lý lịch tự khai của Hồ Chí Minh lúc bấy giờ đã ghi: “Biết các thứ tiếng: Pháp, Anh, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga”. Trên thực tế Người còn biết thêm một số ngôn ngữ khác, như tiếng Xiêm (Thái Lan), tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ả Rập v.v. [2]. Bên cạnh đó, việc học viết báo và một số nghề khác cũng là một trong những minh chứng cho thấy nghị lực phi thường, lòng kiên nhẫn, quyết tâm học hỏi ở Hồ Chí Minh. Đồng thời, những gì mà Người đã đạt được chính là lời minh chứng thuyết phục nhất cho lợi ích mà tự học mang lại.

Là một con người với tầm nhìn xa trông rộng, Hồ Chí Minh đã căn dặn thầy cô giáo không chỉ dạy học trò về kỹ năng tự học mà còn phải rèn luyện cho người học *ý thức học tập suốt đời*. Nếu như V.I. Lênin đặt ra: “Một là học tập, hai là học tập nữa, ba là học tập mãi” [80, tr.444] thì tiếp thu tinh thần đó, tại *Lớp nghiên cứu chính trị khóa I, Trường Đại học Nhân dân Việt Nam* (ngày 21/7/1956) Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Học hỏi là một việc phải tiếp tục suốt đời” [105, tr.377],

“còn sống thì còn phải học” [110, tr.113]. Bởi lẽ, theo Người “thế giới ngày ngày đổi mới, nhân dân ta ngày càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân” [105, tr.377]. Chính vì thế, học tập trở thành một nhiệm vụ cách mạng, không học sẽ trở nên lạc hậu và sẽ bị xã hội đào thải. Mỗi người đều phải có trách nhiệm học tập và tu dưỡng suốt đời, không phân biệt nghề nghiệp, tuổi tác, giới tính, địa vị, xuất thân. Chỉ có không ngừng học tập, nâng cao trình độ thì mỗi cá nhân mới không ngừng tiến bộ, có như vậy thì mới thực hiện được mục tiêu: “Làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [99, tr.187]. Hồ Chí Minh, từng phê bình “có đồng chí mới 40 tuổi mà đã cho mình là già cho nên ít chịu học tập. Nghĩ như vậy là không đúng, 40 tuổi chưa phải là già” [110, tr.113]. Người còn rút ra chân lý: “Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ, càng thấy càng phải học thêm” [101, tr.61]. Điều này hoàn toàn đúng bởi càng học sẽ càng thấy sự thú vị của tri thức và dần dần việc học sẽ trở thành một nhu cầu mang tính *tự thân*. Muốn có ý thức học tập suốt đời thì phải giáo dục cho người học phòng tránh căn bệnh kiêu ngạo vì kẻ kiêu ngạo luôn cho rằng mình giỏi rồi, biết hết rồi, không cần phải học hỏi gì nữa và “nếu còn tự kiêu, tự mãn thì học biết nhiều chỉ thêm hại” [101, tr.359].

Tiếp đến là, dạy cho học trò ý thức *học đi đôi với hành, học tập kết hợp với lao động sản xuất*.

Hồ Chí Minh là người quán triệt sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn và nhận thức rõ điểm hạn chế của giáo dục phong kiến là thiên về sách vở, “tầm chương trích cú” xa rời thực tế. Vì thế, Hồ Chí Minh đã đưa nguyên tắc *lý luận phải gắn với thực tiễn* trở thành nguyên tắc hàng đầu của nền giáo dục mới. Khi đặt câu hỏi “Học để làm gì”, Người đã trả lời: “Học để hành: Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy” [101, tr.361]. Hồ Chí Minh yêu cầu “sản phẩm đầu ra” của giáo dục đại học không phải là “cái hòm đựng sách” [100, tr.274], tức những con người không chỉ giỏi lý thuyết mà phải là những con người có hoài bão hành động, có năng lực đem những điều đã học áp dụng vào thực tiễn.

Ngược lại, nếu chỉ học thuộc lòng mà không biết áp dụng, kiến thức trở nên vô nghĩa. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*, Hồ Chí Minh phê phán tình trạng học chỉ thiên về lý thuyết mà không có kỹ năng thực tiễn, gọi đó là “tri thức một nửa”. Người lấy ví dụ về một người có bằng cấp cao nhưng không biết làm việc thực tế. Từ đó, cho thấy rằng giáo dục không thể dừng lại ở việc truyền đạt lý thuyết suông mà cần hướng đến khả năng vận dụng vào cuộc sống và công việc.

Từ quan điểm này, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của giáo viên trong việc hướng dẫn học sinh kết hợp học tập với lao động sản xuất. Theo Người, học tập không chỉ diễn ra trong sách vở mà còn cần được thực hiện thông qua lao động, rèn luyện trong thực tế. Người từng khẳng định: Học tập phải kết hợp với đạo đức cộng sản và lao động chân tay, khiến cho thanh niên nam nữ khi ra khỏi nhà trường đã thành những người học hay, cày giỏi. Điều này cho thấy, giáo dục không chỉ nhằm đào tạo những người có trình độ văn hóa, khoa học mà còn giúp họ hình thành phẩm chất đạo đức, tư duy sáng tạo và khả năng lao động.

Hồ Chí Minh yêu cầu thầy cô giáo tuân thủ phương pháp giảng dạy sao cho *phù hợp với mục tiêu cách mạng, phù hợp với lứa tuổi và đặc thù của đối tượng*. Trước hết, việc giáo dục phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cách mạng, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng và bám sát mục tiêu phát triển đất nước. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bắt đầu, Hồ Chí Minh đã yêu cầu “phải sửa đổi triệt để chương trình giáo dục cho hợp với sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc” [100, tr.575]. Sau chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong khi miền Nam tiếp tục đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai. Để đáp ứng yêu cầu khôi phục kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước, Người nhắc nhở các nhà giáo: “Dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Nhà trường phải gắn liền với thực tế của nước nhà, với đời sống của nhân dân” [105, tr.185], “Dạy và học cần phải theo nhu cầu của dân tộc, của Nhà nước” [105, tr.291]. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng luôn nhấn mạnh rằng trong giảng dạy, các nhà giáo phải chú ý đến đặc điểm của từng đối tượng học sinh, phải “đóng giày theo chân” thay vì “khoét chân cho vừa giày”. Điều này yêu cầu người thầy

phải nắm vững và hiểu rõ đặc điểm của học sinh, từ đó lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, đảm bảo tính khả thi và tránh cách dạy máy móc, nhồi nhét kiến thức. Người kịch liệt lên án căn bệnh cứng nhắc, giáo điều trong giáo dục, theo kiểu: “đưa “thặng dư giá trị” nhồi sọ cho thanh niên và phụ nữ nông dân, đưa “tân dân chủ chủ nghĩa” nhồi sọ các em nhi đồng, ...đưa “biện chứng pháp” nhồi sọ công nhân đang học quốc ngữ” [100, tr.343]. Sự không phù hợp về đối tượng làm cho tri thức truyền tải không thấm vào người học, trở nên vô ích, thậm chí kệt còm. Tri thức có tính hệ thống và người dạy phải nắm vững “chuẩn đầu ra” của từng cấp học để sử dụng phương pháp giảng dạy phù hợp. Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn cho thầy cô cách dạy ở từng bậc học như sau:

“- Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.

- Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế.

- Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công. Cách dạy phải nhẹ nhàng và vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn. Phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khoẻ của các cháu” [105, tr.186].

Ở lứa tuổi mầm non, mẫu giáo, Hồ Chí Minh cũng coi là một cấp học - “cấp vỡ lòng”, Người rất coi trọng mà căn dặn: “Trẻ em như búp trên cành/ Biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan” [98, tr.240].

Hồ Chí Minh còn yêu cầu thầy cô “dạy dần dần từ ít đến nhiều, từ dễ đến khó, từ thấp đến cao” [103, tr.467] và ở mỗi lứa tuổi, cấp học khác nhau cũng phải lưu ý tránh tạo tâm lý sợ hãi, chán nản cho người học.

Như vậy, trong mỗi giai đoạn lịch sử với những mục tiêu khác nhau, đối tượng khác nhau thì đội ngũ nhà giáo cần linh hoạt tìm kiếm phương pháp dạy học sao cho phù hợp để từ đó góp phần đạt được kết quả tốt trong quá trình dạy và học, gắn chặt với kết quả cách mạng của dân tộc.

Trong chỉ dẫn của Hồ Chí Minh dành cho đội ngũ nhà giáo về phương pháp giảng dạy, Người còn đặc biệt nhấn mạnh tới việc thầy cô giáo phải chú ý *phát huy trí tuệ, tính chủ động, sáng tạo của người học* sau khi đã có một thời gian dài, nhân dân phải chịu “nền giáo dục nhồi sọ, chia rẽ, nô lệ của đế quốc phong kiến” [103, tr.54]. Dưới chế độ thực dân phong kiến, chúng đã dạy nhân dân ta bằng cách “gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá,... chỉ dạy cho họ một lòng “trung thực” giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một Tổ quốc không phải là Tổ quốc của mình và đang áp bức mình. Nền giáo dục ấy dạy cho thanh thiếu niên khinh rẻ nguồn gốc dòng giống mình” [96, tr.424]. Chính vì vậy, khi xây dựng nền giáo dục mới, Hồ Chí Minh đã yêu cầu: “tránh lối dạy nhồi sọ” [109, tr.746], thầy cô giáo phải làm sao cho người học được thỏa sức sáng tạo, phát huy tính chủ động. Trong *Diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I Trường Nguyễn Ái Quốc*, Người đã nhấn mạnh cần: “Nêu cao tác phong độc lập suy nghĩ và tự do tư tưởng. Đọc tài liệu thì phải đào sâu hiểu kỹ, không tin một cách mù quáng từng câu một trong sách, có vấn đề chưa thông suốt thì mạnh dạn đề ra và thảo luận cho vỡ lẽ... tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều” [106, tr.98-99]. Đồng thời, khi đã cho họ phát huy óc sáng tạo của mình rồi thì cũng phải “tin tưởng ở óc sáng tạo” [107, tr.147] của họ. Cho người học được tự do nói lên suy nghĩ của mình trước mọi vấn đề, được tranh luận, thảo luận để tìm ra kết quả cuối cùng và cho cơ hội để những sáng tạo của họ có thể được áp dụng vào thực tiễn cuộc sống. Chỉ khi ấy người học mới thực sự được làm chủ kiến thức của mình và việc học tập mới thực sự có ý nghĩa. Phương pháp này được Hồ Chí Minh chỉ ra đã đưa người học trở về với đúng vị trí “trung tâm” trong hoạt động dạy và học, biến quá trình giáo dục trở thành quá trình tự giáo dục.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn nhắc nhở các thầy cô khi giáo dục học trò thì phải chú trọng *sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và toàn xã hội*. C. Mác đã chỉ ra rằng: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội” [90, tr.11]. Nhà trường, thầy cô và người học cũng sống trong lòng xã hội chứ không phải ở trong “ốc đảo”. Do đó, thầy cô không thể một mình hoàn

thành sự nghiệp “trồng người” - một sự nghiệp hết sức công phu, bền bỉ, lâu dài và đầy khó khăn mà cần đến sự phối hợp của nhiều lực lượng để mang lại kết quả tốt nhất. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Giáo dục các em là việc CHUNG của gia đình, trường học và xã hội. Bố mẹ, thầy giáo và người lớn phải cùng nhau phụ trách” [105, tr.175]. Khi chỉ ra phương pháp giảng dạy này, thì trước tiên Hồ Chí Minh đã vạch ra cho thầy cô giáo thấy rõ được vai trò của từng thành tố. Về nhà trường, nhà trường có trách nhiệm “phải ra sức tẩy sạch ảnh hưởng giáo dục nô dịch của thực dân còn sót lại, như: Thái độ thờ ơ đối với xã hội, xa rời đời sống lao động và đấu tranh của nhân dân; học để lấy bằng cấp, dạy theo lối nhồi sọ. Và cần xây dựng tư tưởng: Dạy và học để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân” [105, tr.185]. Về gia đình, gia đình là nơi mỗi người được sinh ra, nuôi dưỡng và nhận những bài học đầu đời. Giáo dục trong gia đình dựa trên tình yêu thương và mối quan hệ huyết thống, nơi các thành viên luôn gắn bó với nhau suốt cuộc đời. Chính vì vậy, giáo dục gia đình mang tính nền tảng và bền vững nhất, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của mỗi cá nhân. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh mong muốn: “các gia đình liên lạc chặt chẽ với nhà trường, giúp nhà trường giáo dục và khuyến khích con em chăm chỉ học tập, sinh hoạt lành mạnh và hăng hái giúp ích nhân dân” [105, tr.186]. Về xã hội, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của các đoàn thể trong giáo dục. Theo Người, đoàn thể là tổ chức tập hợp quần chúng, hoạt động theo tôn chỉ và mục đích thống nhất, phù hợp với định hướng giáo dục của Nhà nước và nhà trường. Bên cạnh đó, Người cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp để cùng chung tay chăm lo và phát triển sự nghiệp giáo dục. Hồ Chí Minh nhắc nhở: “Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, các cơ quan chính quyền và các cấp ủy đảng phải thật sự quan tâm đến nhà trường, đến việc học tập của con em mình hơn nữa” [109, tr.747]. Do các đoàn thể hoạt động phù hợp với đặc điểm tâm lý và sinh lý của từng lứa tuổi, nên chúng có ảnh hưởng sâu sắc và tích cực đến người học. Sau khi làm rõ vai trò của từng lực lượng trong giáo dục, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cần phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội để đảm bảo hiệu quả trong quá trình giáo dục. Người viết: “Giáo dục trong nhà trường, chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc

giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt mấy nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn” [105, tr.591]. Như vậy, thầy cô giáo cần nắm chắc phương pháp phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đây là chiếc chìa khóa quan trọng để góp phần đào tạo nên những người công dân có ích cho xã hội.

Cuối cùng, để công tác dạy học thực sự có hiệu quả, nhà giáo phải phát huy tối đa *phương pháp dạy học thông qua những tấm gương người tốt việc tốt*. Hồ Chí Minh nhấn mạnh tầm quan trọng của phương pháp giáo dục bằng hình thức nêu gương vì “một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [96, tr.284]. Thông qua những tấm gương tiêu biểu, phương pháp này khơi dậy động lực, định hướng giá trị sống và thúc đẩy hành động tích cực cho người học. Đồng thời, nó giúp người học nhận thức rõ ràng hơn về chuẩn mực của cuộc sống và hình thành thói quen tốt cho bản thân mình. Sau khi chỉ ra tầm quan trọng của việc dạy học thông qua những tấm gương tốt, Hồ Chí Minh còn xác định rõ đối tượng làm gương sẽ là những ai. Người cho rằng mọi người đều có thể trở thành tấm gương cho trẻ em noi theo, nhưng quan trọng nhất và gần gũi nhất chính là thầy cô giáo. Trong giáo dục, thầy cô giáo đóng vai trò người dẫn đường, khai mở trí tuệ cho học sinh nên có một người thầy tốt là cơ hội để có lứa học trò tốt. Một người thầy tốt sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực và ngược lại, một người thầy không tốt có thể để lại hậu quả nghiêm trọng, không chỉ đối với cá nhân mà còn đối với nhiều thế hệ sau. Cho nên, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Thầy giáo, cô giáo phải gương mẫu, nhất là đối với trẻ con” [107, tr.270]. Để thực hiện tốt vai trò này, giáo viên cần trở thành hình mẫu về đạo đức, tri thức, chuyên môn nghiệp vụ, nói đi đôi với làm. Người giải thích: Vì trẻ em hay bắt chước nên thầy giáo, cán bộ phụ trách cần giáo dục học trò không chỉ bằng lời nói mà quan trọng hơn là phải thông qua tấm gương toàn diện của mình. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh cũng chỉ ra việc nêu gương không chỉ giới hạn trong môi trường nhà trường mà còn cần bắt nguồn từ chính gia đình. Ông bà làm gương cho con cháu, cha mẹ nêu gương cho con cái và anh chị cần làm tấm gương sáng cho các em noi theo vì “nếu nhà trường dạy tốt mà gia đình dạy ngược lại, sẽ có những ảnh hưởng không tốt tới trẻ em và kết quả cũng không

tốt” [107, tr.76]. Ngoài ra, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh rằng học trò cần học tập từ những tấm gương tốt trong nhân dân, quân đội, dân công và các lĩnh vực hoạt động khác, bởi theo Người nhận định rằng: “Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn” [110, tr.665]. Để phát huy điều này có hiệu quả, Người đã nhắc nhở thầy cô giáo chú ý tới các phong trào thi đua, đặc biệt là phong trào “Người tốt, việc tốt”. Bởi lẽ, việc nêu gương “Người tốt, việc tốt” đóng vai trò quan trọng trong giáo dục, tạo ra ảnh hưởng tích cực sâu rộng. Nhờ đó, mỗi cá nhân nhận thức được khả năng noi theo những tấm gương tốt, thực hiện việc tốt để trở thành người hữu ích cho xã hội. Mỗi người vừa có thể trở thành tấm gương cho người khác noi theo, vừa cần học hỏi từ những tấm gương “Người tốt, việc tốt”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rằng: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới” [110, tr.672]. Những tấm gương giản dị và gần gũi xung quanh đã giúp người học tiếp thu thêm nhiều giá trị tốt đẹp và hữu ích. Không tốn nhiều lời, nêu gương là con đường ngắn nhất để thu phục nhân tâm, truyền dẫn cảm hứng cho thế hệ trẻ nên thầy cô phải hết sức chú trọng phương pháp nêu gương khi thực hành công tác giáo dục.

Có thể thấy, Hồ Chí Minh, với tư duy của một nhà chính trị, một nhà giáo dục và một nhà sư phạm mẫu mực, đã rút ra những bài học sâu sắc từ chính trải nghiệm thực tiễn của mình. Nhờ đó, Người thấu hiểu sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề phương pháp giáo dục và dành cho đội ngũ nhà giáo những chỉ dẫn toàn diện, thấu đáo về cách dạy và cách học.

3.3. Quan điểm Hồ Chí Minh về biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo

3.3.1. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, đồng thời nâng cao ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi người

Trước hết, phải giáo dục để mỗi nhà giáo thấu hiểu sự *cần thiết phải học tập và rèn luyện suốt đời*. Hồ Chí Minh khẳng định, để thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo, thì người làm công tác này phải không ngừng học hỏi, trau dồi kiến thức

và năng lực của bản thân. Người nhấn mạnh: “Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình” [101, tr.356]. Đây là lời dạy hết sức sâu sắc, phản ánh tầm quan trọng của việc học tập suốt đời, đặc biệt đối với đội ngũ nhà giáo, những người trực tiếp đảm nhận trọng trách trồng người. Trước những mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng khác nhau cũng như sự ra đời không ngừng những tri thức mới, nhà giáo không thể chỉ dựa vào những kiến thức cũ mà phải thường xuyên cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giảng dạy, đồng thời hoàn thiện phẩm chất đạo đức, lối sống. Hồ Chí Minh đã từng chỉ ra rằng: “Người huấn luyện nào tự cho là mình đã biết đủ cả rồi, thì người đó dốt nhất” [101, tr.356]. Vì thế, Người nhắc nhở: “Các cô, các chú là những thầy giáo, những cán bộ giáo dục đều phải luôn luôn cố gắng học thêm, học chính trị, học chuyên môn. Nếu không tiến bộ mãi, thì sẽ không theo kịp đà tiến chung, sẽ trở thành lạc hậu” [105, tr.273-274]. Tri thức thì không ngừng nảy sinh; thầy cô là những người “hướng đạo” về tri thức nên tất yếu phải học tập suốt đời. Tự học hỏi, rèn luyện mình để làm tốt vai trò “trồng người” chính là một biểu hiện của đạo đức người thầy. Chỉ khi đội ngũ nhà giáo ý thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục và tự giáo dục mới có thể đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục, trở thành tấm gương sáng để học sinh noi theo.

Bên cạnh đó, *các chủ thể có chức năng liên quan cần làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo* một cách thường xuyên. Ở Việt Nam, Đảng đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo, tổ chức toàn diện nên trước hết, *Đảng và Nhà nước* phải có chiến lược đào tạo đội ngũ nhà giáo ở tầm vĩ mô để có sự thống nhất về chương trình bồi dưỡng, đào tạo và chế độ đãi ngộ. Ngay từ những năm đầu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong bối cảnh đất nước còn muôn vàn khó khăn, Hồ Chí Minh đã sớm đặt vấn đề về trách nhiệm của Nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo khi nhấn mạnh: “Khi nào nền tài chính dồi dào, chính phủ phải nghĩ ngay đến giáo viên” [62, tr.309-310]. Quan điểm này tiếp tục được thể hiện nhất quán trong các chỉ đạo của Đảng và Nhà nước sau đó. *Chỉ thị số 197-CT/TW* ngày 19/3/1960 của Ban Bí thư đã xác định rõ yêu cầu: “Cần đào tạo thêm cán bộ trong những cán bộ, đoàn viên thanh niên lao động tốt, những người đã từng sản xuất, những *nhà giáo*

yêu nghề và yêu trẻ” [18, tr.224]. Đặc biệt, đến năm 1968, trong *Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân, nhân viên, học sinh, sinh viên nhân dịp bắt đầu vào năm học mới* - tác phẩm được xem là “Di chúc dành riêng cho ngành giáo dục”, Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền khi yêu cầu: “Các ngành, các cấp đảng và chính quyền địa phương phải thật sự quan tâm hơn nữa... phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt” [110, tr.508].

Đó còn là trách nhiệm của *các trường sư phạm* - nơi được mệnh danh là “máy cái” để đào tạo ra đội ngũ giáo viên. Dạy học là một nghề và nghề nào cũng cần phải được học, rèn luyện. Vì thế, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến việc thành lập và hoạt động của các trường Sư phạm để đào tạo nên được những người “thầy giáo xứng đáng là thầy giáo”. Ngày 10/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 45, thành lập Ban Đại học Văn khoa tại Hà Nội - tiền thân của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Sắc lệnh này thể hiện tầm nhìn sâu sắc của Chính phủ trong việc coi giáo dục là nền tảng phát triển quốc gia. Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng đào tạo giáo viên trung học không chỉ cần thiết mà còn đóng vai trò quan trọng trong nâng cao dân trí, giúp Việt Nam xứng tầm với một nước độc lập. Tiếp nối tinh thần đó, ngành Sư phạm được thành lập năm 1946, tiếp theo là Trường Sư phạm Cao cấp năm 1951. Hồ Chí Minh xác định sứ mệnh của trường sư phạm không chỉ là đào tạo giáo viên mà còn là mô hình chuẩn mực cho cả nước. Theo Người, “học phải đi đôi với hành”, vì vậy các trường học không chỉ là nơi giảng dạy mà còn là môi trường thực tiễn để giáo viên rèn luyện chuyên môn, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn học hỏi từ thực tế giảng dạy, tương tác với học sinh, đồng nghiệp và xã hội.

Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh mục đích của giáo dục là để đào tạo ra những con người có tinh thần phụng sự nhân dân. Tuy nhiên, muốn phục vụ nhân dân được tốt thì phải gần dân, hiểu dân và học dân. Do đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh *vai trò của nhân dân trong việc bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo*. Người cho rằng giáo viên cần học từ thực tiễn, từ nhân dân vì nhân dân rất đông đảo, tri thức trong nhân dân là vô tận; nhân dân rất tài giỏi, “biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”

[100, tr.335]. Hơn nữa, “có biết làm học trò dân, mới làm được thầy học dân”. Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân; thầy giáo trong nhà trường là người phụng sự nhân dân nên nhân dân cũng có trách nhiệm giúp đỡ đội ngũ nhà giáo ngày càng tiến bộ. Vì vậy, việc gắn kết nhà giáo với cộng đồng là yếu tố then chốt để xây dựng một đội ngũ giáo viên giàu tri thức, gần gũi thực tế, đáng tin cậy để nhân dân gửi gắm con em mình.

3.3.2. Đẩy mạnh các phong trào thi đua trong các nhà trường và nhân rộng các điển hình tiên tiến

Là người khởi xướng và lãnh đạo phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định rằng phong trào thi đua chính là một trường học thực tiễn rộng lớn, nơi mỗi cá nhân có cơ hội rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành. Đây là nền tảng quan trọng để góp phần xây dựng một xã hội mới, tiến bộ, công bằng và văn minh, phù hợp với lý tưởng cách mạng và sự nghiệp phát triển quốc gia. Phong trào thi đua, dưới sự lãnh đạo của Người, đã trở thành một động lực mạnh mẽ, kết nối ý chí toàn dân tộc, đưa tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống. Với những giá trị hết sức to lớn như vậy thì đương nhiên để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo cũng không thể tách rời việc gắn với các phong trào thi đua. Hồ Chí Minh đã chỉ ra tầm quan trọng của việc thực hiện các phong trào thi đua trong công tác nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Trước hết, là tạo động lực cho các thầy, cô cố gắng, tích cực hơn. Đồng thời cũng là cơ hội để thầy, cô giáo có thể học hỏi lẫn nhau. Vì thế, Người đã phát động nhiều phong trào thi đua tạo “đà” cho các đội ngũ nhà giáo.

Năm 1947, khi đất nước mới bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vô cùng gian khổ, Hồ Chí Minh đã phát động phong trào *Đời sống mới* trong mọi giới, mọi ngành, trong đó có nhân mạnh phải thực hiện đời sống mới trong các nhà trường. Người nhấn mạnh: “Trong một trường học, các thầy nên thi nhau tìm cách dạy sao cho dễ hiểu, dễ nhớ, nhanh chóng và thiết thực” [100, tr.120]. Người còn mở rộng “biên độ” của thi đua khi yêu cầu “lớp này thi đua với lớp khác, trường này thi đua với trường khác” [104, tr.179] với mục đích cuối cùng là làm cho học trò hăng say học tập.

Thấu hiểu và tự hào về truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam, năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi thi đua ái quốc*, với mục tiêu huy động toàn bộ sức người, sức của phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Phong trào thi đua ái quốc dưới sự chỉ đạo của Người đã trở thành một động lực to lớn, lan tỏa khí thế thi đua sôi nổi trong toàn dân với tinh thần “người người thi đua, nhà nhà thi đua”. Trong bối cảnh đó, Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng, giáo dục phải được gắn kết chặt chẽ với phong trào thi đua đặc biệt là các thầy, cô giáo. Trong phong trào thi đua đấy: “Các cô giáo, thầy giáo thi đua dạy thật tốt” [109, tr.309], qua đó thúc đẩy mọi người đạt được những kết quả cao hơn, đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung của dân tộc.

Tại lễ khai mạc Trường Đại học Nhân dân Việt Nam vào năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của phong trào thi đua trong giáo dục. Người căn dặn: “Cùng thi đua học tập, thi đua tiến bộ, xung phong công tác xã hội, để góp phần vào công cuộc đấu tranh chung của nhân dân cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước, để xứng đáng là lớp đầu tàu của Trường đại học nhân dân, để rèn luyện thành chủ nhân xứng đáng tương lai của nước nhà” [104, tr.267]. Lời dạy của Người đã định hướng cho các thế hệ thầy, cô giáo ý thức trách nhiệm to lớn của mình trong sự nghiệp đào tạo nên những thế hệ phụng sự Tổ quốc.

Ngay cả khi đế quốc Mỹ đe dọa đưa Việt Nam trở về “thời kỳ đồ đá”, Hồ Chí Minh không chỉ dồn tâm lực cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước mà vẫn rất quan tâm đến giáo dục. Người đã phát động phong trào thi đua “Hai tốt” trong nhà trường, với nội dung “Dạy thật tốt, học thật tốt”. Đây là kim chỉ nam cho sự nghiệp giáo dục, khuyến khích thầy cô giáo không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời thúc đẩy học sinh tích cực học tập và rèn luyện. Những lời khuyên ấy không chỉ thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Hồ Chí Minh đối với đội ngũ nhà giáo, mà còn là kim chỉ nam để xây dựng một nền giáo dục gắn bó chặt chẽ với phong trào thi đua ái quốc, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hồ Chí Minh nói rõ, “công việc hàng ngày chính là nền tảng thi đua” [101, tr.169], tức là thi đua không phải là làm việc gì xa lạ, chúng ta vẫn làm công việc đó thôi, *có khác là khác ở thái độ, ý thức và sáng kiến thực hành công việc*. Thi đua dạy tốt và học tốt là hướng tới mục tiêu người dạy và người học đều thực hiện nhiệm vụ của mình một cách nghiêm cẩn nhất, sáng tạo nhất để đạt hiệu quả cao nhất. Người cũng yêu cầu công tác thi đua phải được tiến hành một cách bền bỉ theo phương châm đã nói phải làm, “đã phát phải động”, tuyệt đối không được “đánh trống bỏ dùi”. Quá trình thi đua phải có sự đôn đốc, hỗ trợ kịp thời và tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt để đánh giá kết quả. Người còn căn dặn rằng: Thi đua là gieo trồng, khen thưởng là thu hoạch nhưng điều quan trọng nhất là phải tôn vinh các *giá trị thật*. Do đó, các điển hình tiên tiến trong nhà trường phải thực sự là những tấm gương sáng về dạy và học để tạo ra sức lan tỏa trong toàn xã hội. Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, “Tiếng trống Bắc Lý” khởi nguồn từ Trường Phổ thông cấp II Bắc Lý, tỉnh Hà Nam đã trở thành một trong các phong trào thi đua tiêu biểu của ngành giáo dục giai đoạn 1954 - 1975 - thời kỳ cả miền Bắc vừa dồn sức xây dựng xã hội chủ nghĩa vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

3.3.3. Chú trọng việc nêu gương, thực hiện sự tôn vinh các nhà giáo tiêu biểu trong ngành giáo dục

“Nêu gương” được hiểu là việc tạo ra những chuẩn mực hành vi mẫu để người khác học tập và làm theo. So với các biện pháp khác, biện pháp nêu gương các điển hình giáo viên tiên tiến có ưu thế nổi bật ở tính trực quan, sinh động và sức thuyết phục cao, bởi đó là những con người cụ thể với những việc làm cụ thể trong thực tiễn. Những tấm gương này trước hết phải tiêu biểu về đạo đức nghề nghiệp, thể hiện ở lòng yêu nghề, mến trẻ, sự tận tụy và gắn bó với nghề dạy học. Đồng thời, đó cũng phải là những nhà giáo có trình độ chuyên môn vững vàng, giàu kinh nghiệm giảng dạy và có tinh thần trách nhiệm cao. Bên cạnh đó, họ còn phải là những tấm gương về ý chí không ngừng học tập, tự bồi dưỡng. Vì vậy, cần chú trọng phát hiện, lựa chọn và nhân rộng các nhà giáo tiêu biểu trong toàn ngành để tạo sức lan tỏa, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

Ở mỗi đơn vị giáo dục cũng cần tổ chức các kỳ thi dạy giỏi ở các cấp nhằm phát hiện, lựa chọn những nhà giáo có chuyên môn vững vàng, qua đó tạo sự lan tỏa tích cực trong đội ngũ, đúng với tinh thần “Học thầy không tày học bạn”. Hơn nữa, đối với những giáo viên cùng giảng dạy một môn học, việc dự giờ lẫn nhau, chia sẻ cách thức xử lý nội dung bài giảng, phương pháp sư phạm linh hoạt, sáng tạo sẽ giúp mỗi người rút ra những kinh nghiệm thiết thực, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp. Điều đó cho thấy, trong môi trường sư phạm, mỗi nhà giáo không chỉ là người truyền đạt tri thức cho học sinh mà còn là đối tượng để đồng nghiệp học tập và noi theo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh yêu cầu mỗi thầy cô giáo phải trở thành một tấm gương sáng trong tập thể, “phải làm kiểu mẫu về mọi mặt: tư tưởng, đạo đức, lối làm việc” [101, tr.356]. Qua đó, việc nêu gương và học tập lẫn nhau trở thành một phương thức quan trọng để xây dựng đội ngũ nhà giáo ngày càng vững mạnh.

Trong các đơn vị giáo dục, mọi tấm gương nhà giáo đều có ý nghĩa nhất định trong việc lan tỏa các giá trị tích cực; tuy nhiên, tấm gương của đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhà trường có sức ảnh hưởng đặc biệt mạnh mẽ và sâu rộng. Với vị trí là những người đứng đầu, trực tiếp quản lý, điều hành hoạt động giáo dục, hành vi, thái độ và phong cách làm việc của họ có tác động định hướng rõ rệt đối với đội ngũ nhà giáo. Chính vì vậy, nếu cán bộ lãnh đạo thực sự gương mẫu về tư tưởng, đạo đức, lối sống và phong cách công tác thì sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực, góp phần hình thành môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương và trách nhiệm. Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Trước hết, cán bộ và trí thức cao cấp nên làm gương mẫu” [106, tr.213]. Như vậy, trong xây dựng đội ngũ nhà giáo, việc phát huy vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo ngành giáo dục không chỉ mang ý nghĩa định hướng mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng và tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống giáo dục.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh nhắc nhở các thầy cô giáo còn cần học hỏi từ những tấm gương sáng trong truyền thống dân tộc - những thầy giáo đã cống hiến trí tuệ và đạo đức cho sự nghiệp giáo dục qua các thời kỳ lịch sử. Đặc biệt, Hồ Chí Minh khẳng định rằng nhân dân chính là “người thầy lớn nhất”, bởi thông qua sự tiếp xúc

với đời sống thực tiễn, nhà giáo sẽ thấu hiểu sâu sắc hơn những giá trị văn hóa, tri thức và nguyện vọng của nhân dân. Không chỉ vậy, những anh hùng hữu danh và vô danh trong quần chúng nhân dân, sự kiên cường, bất khuất, thông minh, sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc không chỉ là nguồn học liệu sống động mà còn là tấm gương, là động lực để đội ngũ nhà giáo không ngừng hoàn thiện mình nhằm mục đích phục vụ nhân dân được tốt hơn.

Bên cạnh đó, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, việc học hỏi không chỉ diễn ra ở mỗi cá nhân mà còn cần được mở rộng thành quá trình học hỏi lẫn nhau giữa các tập thể và các cơ sở giáo dục. Người đặc biệt coi trọng việc phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, gắn với phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”, coi đây là động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của giáo dục. Thực tiễn đã chứng minh hiệu quả của phương thức này thông qua những mô hình tiêu biểu, trong đó “tiếng trống Bắc Lý” - phong trào giáo dục xuất phát từ Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam) những năm 1960, với những đổi mới trong quản lý và phương pháp dạy học - đã trở thành một điển hình tiên tiến có sức lan tỏa rộng lớn. Từ một mô hình cụ thể, phong trào này nhanh chóng được phổ biến, trở thành kinh nghiệm để nhiều cơ sở giáo dục trong cả nước học tập, vận dụng và phát triển phù hợp với điều kiện thực tiễn. Qua đó cho thấy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, việc tổ chức thi đua, nêu gương và học tập các điển hình tiên tiến giữa các cơ sở giáo dục không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy học mà còn tạo nên sức mạnh lan tỏa, thúc đẩy sự tiến bộ chung của toàn ngành giáo dục.

Hồ Chí Minh vừa là người thầy thực thụ, vừa là người tạo dựng nền giáo dục dân chủ ở Việt Nam nên Người rất thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của những người thầy. Trong lúc đất nước còn khó khăn, điều kiện vật chất vô cùng thiếu thốn, Người vẫn luôn động viên, thăm hỏi trước hết là về mặt tinh thần đối với đội ngũ nhà giáo vì đó là những người “khai tâm, khai trí” và có ảnh hưởng sâu đậm đến nhân cách học trò. Thấu hiểu những cống hiến thầm lặng cũng như sứ mệnh nặng nề nhưng vẻ vang của nghề “trồng người”, Hồ Chí Minh thay mặt Đảng và Nhà nước tôn vinh những người thầy giáo tốt là những người chiến sĩ đánh bại “giặc đói”. Nhà giáo là những trí thức, họ hết sức nhạy cảm trước những gì xã hội dành

cho họ sau những cống hiến thầm lặng. Sự tôn vinh, niềm tin và sự động viên của xã hội chính là động lực nhiều khi còn có giá trị hơn cả những giá trị vật chất để đông đảo giáo viên hết lòng cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”, góp phần tạo ra tương lai tươi sáng cho dân tộc.

3.3.4. Thực hành dân chủ trong nhà trường và tăng cường đoàn kết

Hồ Chí Minh là người kiến tạo nền dân chủ mới ở Việt Nam với việc đề cao vai trò là chủ và làm chủ của người dân và nguyên tắc làm việc dân chủ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Nói về vai trò của dân chủ, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn” [110, tr.325] và “dân chủ, sáng kiến, hăng hái, ba điều đó rất quan hệ với nhau” [100, tr.284]. Trong điều kiện đất nước có chiến tranh, cơ sở vật chất nghèo nàn, mức sống của thầy cô và toàn xã hội đều rất thấp thì hoạt động giáo dục chắc chắn gặp muôn vàn khó khăn. Dạy học cũng là nghề sáng tạo nhất trong tất cả mọi nghề vì mỗi người học là một bản thể không lặp lại. Tất cả những khó khăn ấy sẽ được khắc phục, mọi sáng kiến sẽ được phát huy nếu nhà trường thực hiện nguyên tắc đoàn kết và dân chủ.

Dân chủ trong nhà trường trước hết thể hiện qua *cách dạy - cách học và mối quan hệ thầy trò*. Theo Hồ Chí Minh, dân chủ không làm mất đi truyền thống tôn sư trọng đạo mà thúc đẩy tinh thần bình đẳng về trách nhiệm và nghĩa vụ. Thầy và trò cần tương tác cởi mở, thảo luận, khuyến khích đặt câu hỏi và bày tỏ ý kiến. Thầy phải kiên nhẫn hướng dẫn, tạo môi trường học tập tích cực, giúp học trò chủ động, sáng tạo và có trách nhiệm hơn. Tuy nhiên, dân chủ trong giáo dục phải đi đôi với sự tôn trọng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Dân chủ nhưng trò phải kính thầy, thầy phải quý trò, chứ không phải là “cá đối bằng đầu”” [104, tr.266]. Dân chủ đúng nghĩa phải đảm bảo đối thoại nghiêm túc, công khai và khách quan, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển toàn diện trong nhà trường.

Cùng với đó, dân chủ cũng được thể hiện *trong mối quan hệ giữa những người thầy*. Hồ Chí Minh không chỉ đề cao dân chủ trong mối quan hệ giữa thầy và trò, mà còn nhấn mạnh rằng dân chủ phải được thực hiện ngay trong mối quan hệ giữa các nhà giáo với nhau. Họ phải cùng nhau bàn bạc để thống nhất chương trình giảng dạy,

có sự trao đổi giữa các thế hệ để có được sự tổng hòa giữa kinh nghiệm của người đi trước cùng sự mới mẻ sáng tạo của người đi sau; không ai có quyền “độc tôn chân lý”; người có uy tín là người thuyết phục được đồng nghiệp bằng sự uyên thâm về tri thức, nhuần nhuyễn về nghiệp vụ sư phạm. Đồng thời, trong mối quan hệ giữa giáo viên với giáo viên, còn phải thật thà tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ. Người phê bình với động cơ xây dựng, người tiếp thu phê bình cần hết sức tự giác, nghiêm túc, thành khẩn, từ đó xây dựng quyết tâm sửa chữa để tiến bộ. Không phê bình theo kiểu trù dập nhau, thành kiến với nhau, đem quan hệ cá nhân vào công tác phê bình, khiến cho nhận xét không khách quan và tính chiến đấu bị hạ thấp. Người luôn quan niệm rằng “Phê bình việc làm, chứ không phải phê bình người” [100, tr.272]. Khi làm tốt việc phê bình và tự phê bình sẽ làm tốt công tác dân chủ, kỷ luật.

Trong công tác quản lý, trong mối quan hệ giữa cán bộ lãnh đạo và đội ngũ giáo viên cũng cần có dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, để dân chủ trong công tác quản lý của nhà trường thì “phải bàn bạc dân chủ” [108, tr.436]. Bởi vì, Người thấu hiểu căn bệnh quan liêu, cửa quyền của không ít lãnh đạo, mà trong mỗi nhà trường thì lại có rất nhiều công việc. Những công việc đó dù lớn hay nhỏ đều đòi hỏi người lãnh đạo quan tâm giải quyết. Vì vậy, Người đã căn dặn: “Phải bàn bạc dân chủ. Có công việc gì, ban phụ trách trường bàn bạc với anh em, làm cho tư tưởng mọi người thông suốt, đồng viên mọi người cùng làm, chứ không nên ban phụ trách định kế hoạch rồi bắt mọi người làm” [108, tr.436]. Minh bạch, thảo luận chính là một biểu hiện của dân chủ và khi mọi điều đã được thông suốt rồi thì “mọi người đều hiểu mới vui lòng làm” [104, tr.466], tránh trường hợp “có người chưa hiểu, chưa vừa lòng, mà bắt họ làm thì hỏng việc” [104, tr.466].

Cũng cần phải hiểu thêm rằng, bàn bạc dân chủ không phải là sự ban ơn của cấp trên cho cấp dưới mà là yêu cầu nội tại của công tác lãnh đạo, là quan hệ hai chiều giữa cán bộ lãnh đạo và đội ngũ giáo viên. Bởi trong môi trường giáo dục, không một cán bộ quản lý nào có thể là chuyên gia ở mọi chuyên ngành mà nhà trường đào tạo. Đồng thời, bản thân người làm công tác quản lý cũng có giới hạn về hiểu biết và kinh nghiệm, nên “ngoài kinh nghiệm của mình, người lãnh đạo còn phải dùng kinh nghiệm của đảng viên, của dân chúng, để thêm cho kinh nghiệm của

mình” [100, tr.325]. Muốn quy tụ lòng người thì “người lãnh đạo không nên kiêu ngạo, mà nên khiêm tốn” [100, tr.325], tức là phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, không thành kiến, kỳ thị hay quy chụp vô tội về lập trường, quan điểm đối với những ý kiến trái chiều. Hồ Chí Minh đã đúc kết rằng “nếu ban phụ trách có sáng kiến, có dân chủ thì trường tốt” [108, tr.438] thực sự là một chân lý lớn của ngành giáo dục. Dân chủ ở đây đã không chỉ là nguyên tắc tổ chức mà còn thể hiện bản chất khoa học, nhân văn của môi trường giáo dục khi khuyến khích mọi người cùng tìm ra chân lý và tôn trọng quyền được lên tiếng của tất cả mọi người. Mọi sự dân chủ trong nhà trường sẽ làm cho thầy cô giáo có tâm lý thoải mái, phấn chấn khi đến trường. Tâm trạng tốt giúp họ “thăng hoa” với bài giảng của mình và người được thụ hưởng tất cả sự tinh anh, vui vẻ, nhiệt tình đó chính là người học. Không chỉ vậy, bằng việc ký *Sắc lệnh về việc thiết lập một Quỹ tự trị cho trường Đại học Việt Nam* vào tháng 10/1945, Hồ Chí Minh đã có ý tưởng về việc đảm bảo *quyền tự chủ* cho các trường Đại học - một định hướng mới cho giáo dục đại học nói riêng và toàn ngành giáo dục nói chung.

Ở Hồ Chí Minh luôn có tư duy xây và chống; nên và không nên. Song song với việc chỉ ra tác dụng và biểu hiện của dân chủ, Người cũng cảnh báo tác hại của cách làm việc phản dân chủ - điều mà nhiều khi Người gọi là “Quan chủ”. Người nhấn mạnh: nếu không bàn bạc dân chủ thì dễ dẫn đến căn bệnh chủ quan. Mà chủ quan là một con đường ngắn dẫn đến quan liêu, mệnh lệnh, bắt xén. Người kết luận: “Cũng ví như ở đây, nếu ban phụ trách có sáng kiến, có dân chủ thì trường tốt, nếu ban phụ trách lại quan liêu, mệnh lệnh, bắt xén, trường sẽ không ra gì hết” [108, tr.438].

Cùng với dân chủ, Hồ Chí Minh còn chủ trương *xây dựng nhà trường thành một tập thể đoàn kết, gắn bó với nhau* để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ rất nặng nề, nhưng cũng rất vẻ vang của nhà giáo. Hơn nữa, môi trường giáo dục là môi trường văn hóa nên các nhà trường phải chú trọng xây dựng văn hóa học đường; các thầy cô phải “thật thà đoàn kết” và tích cực tương trợ, học hỏi lẫn nhau để cùng tiến bộ. Năm 1964, trong dịp đến thăm trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Người căn dặn: “Trước hết là phải đoàn kết. Đoàn kết thật sự, giữa thầy và thầy,

giữa thầy và trò, giữa trò và trò, giữa cán bộ và công nhân. Toàn thể nhà trường phải đoàn kết thành một khối, đoàn kết phải thật sự trăm phần trăm chứ không phải chỉ là đoàn kết miệng” [109, tr.402]. Đến năm 1968, trong bức thư cuối cùng gửi ngành giáo dục, Hồ Chí Minh lại một lần nữa nhắc lại: “Cần phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ thật tốt, đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và nhân dân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó” [110, tr.508]. Muốn có đoàn kết thực sự thì “phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”, phải có sự cảm thông, chia sẻ và tôn trọng giữa lớp thầy cô lớn tuổi và thầy cô mới vào nghề. Do đó, cán bộ lãnh đạo nhà trường “phải khéo kết hợp cán bộ già với cán bộ trẻ” [110, tr.278] để họ bù đắp cho nhau những ưu khuyết mang tính đặc thù của tuổi tác. Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh: Người đi trước tuyệt đối không được có thái độ “nạnh kẹ”, kể công, so bì sượng khổ với cán bộ trẻ vì lẽ đơn giản: “Con hơn cha là nhà có phúc”; thế hệ trẻ phải sượng hơn, giỏi hơn thế hệ già thì mới tốt; nếu ngược lại là trái quy luật. Do đó, tuyệt đối không được o ép lớp trẻ, không được có bệnh công thần hay có thái độ “cha chú”, giáo viên trẻ nói gì cũng gạt đi, cho là “trúng khôn hơn vịt”, “măng mọc quá tre” [110, tr.278]. Coi thường lớp trẻ thực chất là coi thường chính bản thân mình, phủ nhận chính mình vì ai cũng từng có một thời tuổi trẻ. Không dừng ở sự phê phán, Hồ Chí Minh còn “cột chặt” trách nhiệm nâng đỡ, đào tạo cán bộ trẻ cho những cán bộ lớn tuổi khi nhấn mạnh rằng, yêu thương, độ lượng, dịu dặt đồng chí trẻ là một “tiêu chuẩn đạo đức cộng sản chủ nghĩa” [108, tr.272]. Ngược lại, người trẻ phải kính trọng lớp người đi trước và nỗ lực học tập kinh nghiệm của họ.

Tựu trung, muốn có môi trường làm việc tốt để tất cả các thầy cô giáo cảm nhận hạnh phúc khi đến trường và mang hết tâm lực của mình cho hoạt động dạy học thì phải xây dựng trong nhà trường môi trường văn hóa với các đặc tính là dân chủ và đoàn kết.

3.3.5. Thực hiện các chính sách ưu đãi đối với đội ngũ nhà giáo

Mặc dù luôn yêu cầu đội ngũ nhà giáo phải có tinh thần “tiên ưu hậu lạc” nhưng Hồ Chí Minh cũng hiểu rằng, nhà giáo không phải thánh nhân, họ cũng có

nhu cầu cá nhân và có gia đình nhỏ cần nuôi dưỡng. Vì thế, sự động viên, khích lệ về mặt tinh thần, dù quan trọng, vẫn chưa đủ để đảm bảo điều kiện cần thiết cho các thầy, cô thực hiện tốt nhiệm vụ nghề nghiệp của mình. Đội ngũ nhà giáo, cũng như mọi thành phần khác trong xã hội, trước hết cần được đảm bảo các điều kiện cơ bản của cuộc sống và hoạt động giáo dục. Chủ tịch Hồ Chí Minh, với tầm nhìn sâu sắc và thực tiễn, đã khẳng định chân lý “có thực mới vực được đạo”, nhấn mạnh rằng đời sống vật chất là nền tảng để con người thực hiện những nhiệm vụ cao cả hơn. Người từng chỉ rõ rằng, phải làm cho nhân dân “có ăn, có mặc, có chỗ ở” trước khi nghĩ đến việc “học hành”. Tương tự, đối với nhà giáo, việc đảm bảo một cuộc sống ổn định không chỉ là trách nhiệm của xã hội mà còn là điều kiện tiên quyết để họ yên tâm cống hiến trí tuệ và đạo đức cho sự nghiệp giáo dục, góp phần xây dựng tương lai của dân tộc.

Ngay từ năm 1941, trong *Mười chính sách của Việt Minh*, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ sự quan tâm tới nhà giáo khi chủ trương: “Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nhò” [98, tr.243]. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Người lại một lần nữa nhắc nhở Chính phủ phải nghĩ ngay tới đội ngũ nhà giáo khi điều kiện cho phép. Đặc biệt, trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* (1947), khi bàn về chính sách đối với cán bộ mà nhà giáo cũng chính là cán bộ của Đảng, của Chính phủ, Người khẳng định: “Phải cho họ điều kiện sinh sống đầy đủ mà làm việc. Khi họ đau ốm, phải có thuốc thang. Tùy theo hoàn cảnh mà giúp họ giải quyết vấn đề gia đình” [100, tr.316]. Điều kiện sinh sống đầy đủ là yếu tố căn bản, cốt yếu để nhà giáo yên tâm làm việc, cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Để làm được điều này trong thời điểm đất nước còn vô cùng khó khăn, thì đây là công việc chung của toàn xã hội mà trước hết đội ngũ nhà giáo phải chủ động, “phải cùng nhau tổ chức và quản lý đời sống vật chất và tinh thần ở các trường học ngày một tốt hơn” [110, tr.507]. Tiếp sau đó, trách nhiệm thuộc về Đảng và chính quyền các cấp. Trong “Di chúc” gửi cho ngành giáo dục, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Giáo dục nhằm đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta, do đó các ngành, các cấp đảng và chính quyền địa phương phải thật sự quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp này, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt” [110, tr.508]. Đây được coi là chỉ thị của Hồ Chí

Minh trong việc thực hiện chính sách đối với giáo dục nói chung và đội ngũ nhà giáo nói riêng.

Như vậy, Hồ Chí Minh cho rằng, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo cần được xây dựng một cách toàn diện, đảm bảo đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Điều này bao gồm việc thực hiện chính sách lương, phụ cấp, nhà ở phù hợp, nhằm đáp ứng các nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của nhà giáo, đồng thời cần chú trọng đến các hình thức động viên, khen thưởng kịp thời, nhằm khích lệ tinh thần, ghi nhận những đóng góp to lớn của họ cho sự nghiệp giáo dục. Chính sách toàn diện không chỉ tạo điều kiện để các nhà giáo yên tâm công tác mà còn góp phần nâng cao vị thế, vai trò của người thầy trong xã hội, thúc đẩy họ tiếp tục cống hiến vì sự nghiệp “trồng người” cao cả, vì tương lai của đất nước.

Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo mang tầm nhìn toàn diện và định hướng lâu dài. Người nhấn mạnh sự gắn kết giữa chăm lo đời sống nhà giáo, phát huy tinh thần học hỏi, kết hợp lý luận với thực tiễn và coi nhân dân là nguồn tri thức quý báu. Những chỉ dẫn này không chỉ là kim chỉ nam cho một nền giáo dục tiến bộ mà còn góp phần nâng cao vai trò của nhà giáo trong công cuộc phát triển đất nước.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án đã hướng tới nhiệm vụ làm rõ các nội dung phong phú trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến đội ngũ nhà giáo vì nhận thức rõ vị trí, vai trò của những người thầy đối với xã hội. Vì thế, luận án đi sâu phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò quan trọng của nhà giáo từ những góc độ khác nhau. Luận án khẳng định, Hồ Chí Minh đã coi thầy cô giáo tốt là những “anh hùng vô danh”, người chiến sỹ tiên phong trên mặt trận chống “giặc đói”. Nhà giáo không chỉ là người truyền thụ tri thức mà còn là nhân tố quyết định thành công của nền giáo dục, góp phần đào tạo thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Cách nhìn toàn diện của Hồ Chí Minh về vai trò của nhà giáo đã được nghiên cứu sinh nỗ lực đề cập.

Để chứng minh, Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng có tư duy logic chặt chẽ, song song với việc đề cao vai trò người thầy, luận án đã hệ thống hóa hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về phẩm chất và năng lực của nhà giáo, từ đạo đức cách mạng, lòng yêu nghề, trình độ chuyên môn đến nội dung, phương pháp giảng dạy sáng tạo, phù hợp với thực tiễn.

Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng của thực tiễn cách mạng; tư tưởng của Người luôn chứa đựng phương pháp, giải pháp nên luận án đã dành dung lượng tương thích để phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo mà tiêu biểu nhất là khuyến khích tự học, thực hành nguyên tắc học tập suốt đời, gắn lý luận với thực tiễn, tăng cường chất lượng các nhà trường Sư phạm, tổ chức phong trào thi đua, nêu gương, tôn vinh các điển hình tiên tiến, tăng cường tính dân chủ trong các nhà trường và thực hiện sự chính sách đãi ngộ hợp lý.

Tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện qua lời nói mà còn thể hiện qua công tác chỉ đạo các hoạt động giáo dục của Người. Vì thế, nghiên cứu sinh đã gắn kết lý luận và hoạt động thực tiễn, bao gồm thực tiễn làm thầy và thực tiễn chỉ đạo, rèn luyện những người thầy của Hồ Chí Minh với mong muốn “phục dựng” tối đa tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trong mối quan hệ với tư tưởng về giáo dục nói riêng và về cách mạng Việt Nam nói chung.

Chương 4. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ GIÁO

4.1. Giá trị lý luận

4.1.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã tiếp thu, phát triển và nâng lên tầm cao mới truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc

Tôn sư trọng đạo là một trong những giá trị đạo đức cốt lõi trong truyền thống văn hóa ngàn đời của dân tộc Việt Nam. Đây không chỉ là một chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội, mà còn là biểu hiện sinh động của tinh thần nhân văn, tôn trọng người thầy, đề cao tri thức, coi trọng giáo dục - nền tảng quan trọng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Tư tưởng “tôn sư” thể hiện lòng tôn kính, biết ơn đối với những người thầy - những người đã truyền thụ tri thức, dìu dắt các thế hệ học trò trên hành trình khám phá và chinh phục tri thức. Còn “trọng đạo” là sự đề cao giá trị của học vấn, đạo đức, đạo lý và những giá trị tinh thần mà con người tiếp thu được thông qua sự giảng dạy của thầy cô. Chính vì thế, từ bao đời nay, dù ở bất kỳ thời kỳ lịch sử nào, người thầy luôn được xã hội kính trọng, xem như biểu tượng của trí tuệ và đạo đức. Dù là thầy giáo trong chôn khoa bảng hay chỉ là thầy đồ nơi làng quê, họ đều là những người âm thầm cống hiến, như cây thông vững chãi trên sườn núi hay cây quế tỏa hương giữa rừng sâu, lặng lẽ truyền thụ tri thức, nuôi dưỡng tâm hồn và hun đúc ý chí cho bao thế hệ học trò. Từ xa xưa, ông cha ta đã đúc kết những lời răn dạy đầy ý nghĩa về truyền thống hiếu học và lòng tôn kính đối với người thầy. Câu nói “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” đã nhấn mạnh triết lý, người dạy một chữ hay nửa chữ cũng là thầy; người học một chữ hay nửa chữ cũng là trò và họ cần biết ơn, tôn kính và thủy chung với người đã dạy dỗ mình. Điều đó càng khẳng định rằng, nghề dạy học không chỉ là một nghề để “mưu sinh” mà là thực hiện một sứ mệnh cao quý trong sự nghiệp “trồng người” cho đất nước. Quan niệm coi trọng giáo dục và người thầy còn được thể hiện rõ nét trong kho tàng văn học dân gian, với những câu ca dao, tục ngữ quen thuộc nhưng đầy ý nghĩa: “Muốn sang thì bắc cầu Kiều/ Muốn con hay chữ phải yêu kính thầy”, hay: “Không thầy đố mày làm nên”... Những lời răn dạy ấy không chỉ là bài học đạo đức mà còn là kim chỉ nam cho mọi thế hệ, nhắc nhở mỗi người về giá trị của tri thức và sự cần thiết phải nuôi dưỡng lòng biết ơn đối với những người đã truyền thụ kiến thức, hun

đức nhân cách cho bao thế hệ học trò. Không chỉ vậy, trong bất kỳ giai đoạn lịch sử nào, những người thầy vẫn luôn là những “kỹ sư tâm hồn”, là nhân tố quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước phồn vinh, hưng thịnh. Mặt khác, văn hóa truyền thống cũng đặt ra yêu cầu cao đối với nhân cách người thầy, đặc biệt là nhân cách đạo đức. Ông cha ta có câu “Chọn người đức hạnh hiền hòa/ Tôn làm thầy dạy để mà noi gương”. Đề cao vị thế người thầy và đặt ra yêu cầu cao về phẩm hạnh người thầy là quan điểm rất logic được đúc kết từ truyền thống văn hiến lâu đời của dân tộc Việt Nam.

Bên cạnh những giá trị tốt đẹp, trong cách nhìn nhận về vai trò của người thầy và mục tiêu của việc học cũng còn tồn tại những hạn chế nhất định. Trong quan niệm xưa, người thầy chủ yếu được xem là người truyền thụ chữ nghĩa, giáo huấn đạo lý làm người, mà chưa thực sự đề cao vai trò của họ trong việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, hướng dẫn học trò áp dụng tri thức vào thực tiễn lao động, sản xuất. Chính vì thế, việc học trong xã hội phong kiến thường theo kiểu “tầm chương, trích cú”, ít gắn với thực tế, thiên về rèn luyện tư cách đạo đức và đào tạo nhân tài cho bộ máy quan lại, mà chưa chú trọng đến giáo dục nghề nghiệp, tri thức khoa học tự nhiên. Xuất phát từ quan điểm này, mục đích cao nhất của việc học trong xã hội xưa chủ yếu là để đỗ đạt, ra làm quan, tham gia vào bộ máy cai trị, mà chưa thực sự đề cao vai trò của giáo dục trong việc phát triển nguồn nhân lực đa dạng cho các ngành nghề khác. Chính điều này đã dẫn đến quan điểm cho rằng, nghề dạy học là một sự lựa chọn mang tính “tình thế” theo công thức “Tiến vi quan, thoái vi sư” cho những trí thức “bất phùng thời” nơi quan trường hay “bất đắc chí” với xã hội chứ không phải là một sự nghiệp độc lập có giá trị cao quý tự thân. Quan niệm này đã tạo ra cách nhìn nhận chưa thật sự đúng đắn về nghề giáo, khi có lúc nó bị xem là công việc mưu sinh đơn thuần, được ví von là nghề “gõ đầu trẻ kiếm cơm”. Những hạn chế này phản ánh một giai đoạn trong lịch sử giáo dục, khi tư tưởng trọng văn khinh công, đề cao học vấn nhưng chưa kết hợp chặt chẽ với thực tiễn lao động sản xuất, còn chi phối mạnh mẽ xã hội.

Hồ Chí Minh là con người xa quê hương tròn ba thập kỷ nhưng hồn cốt, văn hóa dân tộc luôn thấm sâu trong tâm tưởng của Người. Kế thừa truyền thống tôn sư, trọng đạo của văn hóa Việt Nam, Người đã dành sự trân trọng sâu sắc đối những

người thầy và khẳng định: “Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản?” [109, tr.402-403]. Không chỉ ca ngợi, Người đã phát triển và nâng truyền thống tôn sư trọng đạo lên một tầm cao mới khi đặt nhà giáo vào vị trí trung tâm của sự nghiệp “trồng người”. Người không chỉ khẳng định vai trò quan trọng của nhà giáo đối với sự hình thành nhân cách, tri thức của mỗi cá nhân mà còn nhấn mạnh trách nhiệm của đội ngũ này đối với tương lai của dân tộc và sự nghiệp cách mạng. Bằng việc coi giáo dục là một mặt trận, nhà giáo là người “đánh giặc dốt”, Hồ Chí Minh đã đưa những người thầy lên vị thế chưa từng có trong lịch sử dân tộc: Vị thế của người chiến sỹ trên mặt trận văn hóa. Vị thế cao thì trọng trách lớn nên Người cũng đặt ra những yêu cầu rất mới đối với nhà giáo về phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, năng lực chuyên môn và tinh thần tự học, tự rèn luyện, qua đó làm cho hình ảnh người thầy trong thời đại mới không chỉ là đối tượng được xã hội tôn trọng mà còn là chủ thể tích cực góp phần xây dựng con người và kiến tạo tương lai dân tộc. Đặc biệt, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh sự kính trọng đối với người thầy mà còn đặt ra yêu cầu chăm lo toàn diện cho đời sống của họ cả về vật chất lẫn tinh thần. Là nhà mácxít duy vật, kế thừa quan điểm của C. Mác, rằng “người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”” [90, tr.40]. Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa, Hồ Chí Minh rất quan tâm đến đời sống giáo viên. Điều đó cho thấy, sự quan tâm đối với nhà giáo không chỉ là trách nhiệm của ngành giáo dục, mà còn là nhiệm vụ chung của toàn xã hội, của Đảng và Nhà nước, nhằm tạo động lực để các thầy, cô giáo cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp trồng người, góp phần xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới. Từ vai trò, vị thế quan trọng của nhà giáo, Hồ Chí Minh đã đặt người thầy vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển giáo dục và rộng hơn là chiến lược phát triển đất nước. Điều này thể hiện tầm nhìn sâu rộng và tư duy toàn diện, tổng thể của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể thấy, điểm phát triển nổi bật của Hồ Chí Minh là đã đưa truyền thống tôn sư trọng đạo vượt ra khỏi khuôn khổ của đạo đức truyền thống để trở thành một chiến lược phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời đại mới.

4.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần bổ sung và phát triển sáng tạo tinh hoa giáo dục phương Đông, phương Tây và chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam

Tư tưởng của Nho giáo do Khổng Tử khởi xướng đã nhấn mạnh rằng, người thầy không chỉ đơn thuần là người truyền đạt tri thức mà còn là tấm gương đạo đức, chuẩn mực về nhân cách để học trò noi theo. Hồ Chí Minh được sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà Nho giàu truyền thống yêu nước, nơi Người sớm được tiếp thu nền giáo dục Nho học. Với tư duy độc lập, tự chủ và sáng tạo, Người đã không ngừng nghiên cứu, chọn lọc và vận dụng những giá trị tiến bộ của Nho giáo một cách linh hoạt, phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ kế thừa những giá trị tiến bộ trong quan niệm của Nho giáo mà còn thể hiện sự phát triển sáng tạo phù hợp với yêu cầu của thời đại mới. Nho giáo đề cao vị trí của người thầy trong xã hội, coi người thầy là tấm gương đạo đức, là chủ thể thực hiện chức năng giáo hóa thông qua việc truyền dạy tri thức và các chuẩn mực luân lý. Hồ Chí Minh đã tiếp thu sâu sắc quan niệm đó khi luôn nhấn mạnh vai trò nêu gương của nhà giáo, coi đạo đức là nền tảng của nghề dạy học và yêu cầu người thầy phải thường xuyên tu dưỡng phẩm chất, hoàn thiện nhân cách để giáo dục người học. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh không dừng ở đó. Người yêu cầu người thầy phải là tấm gương về mọi mặt: đạo đức, lý tưởng cách mạng, ý thức phục vụ nhân dân, năng lực chuyên môn, phương pháp làm việc khoa học. Nếu Nho giáo hướng tới việc duy trì xã hội phong kiến thịnh trị thì Hồ Chí Minh hướng tới việc xây dựng một chế độ mới - chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Do “xã hội bây giờ ngày một phát triển. Tư tưởng hành động cũng phát triển. Nếu cứ giữ lấy cái kẹp giấy cũ không thay đổi là không đi đến đâu cả” [106, tr.55] nên kinh viện, giáo điều, sùng tín mù quáng, coi sách “thánh hiền” là những chân lý bất biến là những điều Hồ Chí Minh hết sức đả phá. Người yêu cầu người học “tuyệt đối không nên nhắm mắt tuân theo sách vở một cách xuôi chiều” [109, tr.98], chỉ biết “học gạo, học vẹt”, nhồi nhét theo kiểu “chất vào kho” mà phải luôn đào sâu suy nghĩ, luôn so sánh, liên hệ với thực tế để thực hành nguyên tắc “Học đi đôi với hành”. Muốn người học làm được điều ấy thì người thầy phải chú trọng việc

trang bị cho người học năng lực phản biện tri thức có sẵn và khả năng sáng tạo ra những tri thức mới. Để không biến người học thành “cái hòm đựng sách” [103, tr.274], tức những con người chỉ giỏi lý thuyết không biết biến những điều đã học vận dụng vào thực tiễn, thì bản thân người thầy cũng phải là *tấm gương về tinh thần đổi mới, sáng tạo*. Đây chính là quan điểm mới của Hồ Chí Minh so với các quan niệm truyền thống về nhà giáo.

Trong giáo dục phương Tây, người thầy được nhìn nhận như chủ thể tham gia định hình tư duy, hệ giá trị và ý thức công dân, vượt ra ngoài phạm vi giảng dạy đơn thuần. Giáo dục, từ lâu, đã được xem như một công cụ quyền lực để duy trì các nguyên tắc của tự do, dân chủ và công bằng xã hội. Từ thời Hy Lạp cổ đại đến các nền dân chủ hiện đại, người thầy luôn được coi là một trụ cột quan trọng trong việc kiến tạo xã hội và thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại. Đây chính là tiền đề cho nhiều hệ thống giáo dục dân chủ ở phương Tây, nơi mà người thầy không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn khuyến khích học sinh tư duy phản biện và đặt câu hỏi về các vấn đề chính trị, xã hội. Trong các nền dân chủ hiện đại, vai trò của người thầy không chỉ giới hạn trong giảng đường mà còn mở rộng ra toàn xã hội. Họ là những nhà hùng biện, khởi phát tinh thần dân chủ, thúc đẩy sự hiểu biết về quyền và nghĩa vụ công dân, đồng thời giúp học sinh phát triển khả năng đánh giá thông tin một cách độc lập. Ở các nước phương Tây như Mỹ, Anh, Pháp hay Đức, hệ thống giáo dục đặc biệt khuyến khích tranh luận, tôn trọng sự đa dạng ý kiến và rèn luyện kỹ năng phân tích các vấn đề chính trị. Đây cũng là lý do tại sao các chính quyền có xu hướng độc tài hoặc chuyên chế thường tìm cách kiểm soát giáo dục, hạn chế quyền tự do giảng dạy của giáo viên nhằm ngăn chặn sự phát triển của tư duy phản biện và các phong trào phản kháng xã hội.

Việc sớm tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây và có thời gian rất dài sống ở phương Tây, đặc biệt là ở các nước Anh, Pháp, Liên Xô... đã cho Người thời gian để tìm hiểu, nghiên cứu và suy ngẫm về nền văn hóa phương Tây nói chung cũng như quan điểm của văn hóa phương Tây về người thầy nói riêng để từ đó, Người không chỉ tiếp thu mà còn phát triển, bổ sung những nội dung mới phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và nhu cầu cách mạng Việt Nam, góp phần làm phong phú thêm kho

tàng tri thức nhân loại. Kế thừa tư tưởng “Tự do, bình đẳng, bác ái” và tinh thần dân chủ trong giáo dục của văn hóa phương Tây, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền giáo dục dân chủ và thực hành dân chủ trong các nhà trường. Bản thân Hồ Chí Minh cũng là hình mẫu của tinh thần dân chủ trong giáo dục. Trong *Thư gửi các học sinh* nhân ngày khai trường đầu tiên của nền giáo dục mới, Người đã nói những lời chân thành, rằng “các em hãy nghe lời tôi, lời của một người anh lớn lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các em được giỏi giang” [99, tr.34]. Lúc này, vị thế của Người là Chủ tịch nước và người đứng đầu Chính phủ nhưng Người đã khiêm nhường chỉ coi mình là “người anh” để tạo sự gần gũi với học sinh. Người tuyệt đối không áp đặt, bắt học sinh phải “vâng lời” mà chỉ khuyên họ hãy “nghe lời”, tức là vẫn dành cho người nghe sự chủ động trong tiếp nhận là có làm theo hay không. Tinh thần dân chủ trong giáo dục đã được Hồ Chí Minh tiếp thu và thực hành một cách rất tự nhiên, thấm thía. Hồ Chí Minh nhận thấy rằng một nền giáo dục khai phóng, không bị ràng buộc bởi tư tưởng bảo thủ các triết gia như Rousseau, Voltaire đề cao, chính là công cụ quan trọng để nâng cao dân trí và xây dựng một xã hội tiến bộ. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh là người có tư duy cách tân, đổi mới. Do đó, nếu phương Tây coi người thầy là nhân tố quan trọng trong việc rèn luyện tư duy phản biện, hình thành công dân dân chủ và thúc đẩy tiến bộ xã hội, thì Hồ Chí Minh mở rộng vai trò đó với sứ mệnh cách mạng: người thầy không chỉ dạy kiến thức mà còn phải giáo dục đạo đức, lòng yêu nước và tinh thần phục vụ nhân dân. Từ sứ mệnh cao quý của người thầy, Hồ Chí Minh đặt ra yêu cầu cao với những người thầy. Xem giáo viên là người hướng dẫn tri thức và rèn luyện tư duy là quan điểm của phương Tây, thì ở Việt Nam Hồ Chí Minh yêu cầu người thầy phải là tấm gương sáng về đạo đức và lối sống. Người cho rằng “người thầy giáo tốt là người vẻ vang nhất” và họ không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải hun đúc tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường cho học sinh. Thay vì chỉ nhấn mạnh đến giáo dục cá nhân như quan điểm phương Tây, Hồ Chí Minh phát triển tư tưởng giáo dục theo hướng tập thể, phục vụ cách mạng và sự nghiệp giải phóng dân tộc. Quan điểm này xuất phát từ thực tế Việt Nam, nơi giáo dục không chỉ đơn thuần là công cụ nâng cao tri thức, mà còn là phương tiện đấu tranh giành độc lập, xây dựng một xã hội công

bằng, dân chủ. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh phát triển vai trò của người thầy gắn liền với tinh thần học tập suốt đời. Với các nước Tây Âu, giáo dục tập trung vào từng cấp bậc và có sự phân chia rạch ròi giữa học sinh và thầy giáo, thì Hồ Chí Minh lại nhấn mạnh rằng, ai cũng có thể học hỏi lẫn nhau. Người cho rằng “học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân” [101, tr.361], thể hiện một quan điểm mở rộng hơn về giáo dục, không chỉ giới hạn trong phạm vi nhà trường mà còn là một quá trình liên tục, gắn liền với thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, Hồ Chí Minh cũng bổ sung yếu tố cách mạng vào vai trò của người thầy. Trong xã hội phương Tây, giáo dục chủ yếu phục vụ mục tiêu cá nhân và sự phát triển xã hội nói chung, thì trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, giáo dục còn là vũ khí quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và xây dựng đất nước văn minh, hạnh phúc. Người nhấn mạnh rằng giáo dục phải đi đôi với lao động, học tập phải gắn với thực tiễn và người thầy không chỉ dạy lý thuyết mà còn phải hướng dẫn học sinh áp dụng kiến thức vào đời sống. Đây là sự mở rộng tư tưởng giáo dục, biến nó thành công cụ không chỉ để phát triển con người cá nhân mà còn để phục vụ cộng đồng và đặc biệt là để “kháng chiến tất thắng, kiến quốc tất thành”.

Tựu trung, Hồ Chí Minh đã kế thừa quan điểm giáo dục tiên bộ của phương Tây nhưng đồng thời bổ sung và phát triển theo hướng phù hợp với điều kiện Việt Nam. Người không chỉ coi người thầy là người truyền đạt tri thức, mà còn là người dẫn dắt về đạo đức, hun đúc tinh thần yêu nước và là anh hùng trên mặt trận giáo dục. Quan điểm này đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng một nền giáo dục Việt Nam mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng.

Các nhà mácxít luôn khẳng định vai trò quan trọng của nhà giáo trong sự nghiệp giáo dục và phát triển xã hội. Trong xã hội tư bản, giáo dục phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, duy trì sự bất bình đẳng và bóc lột. Ngược lại, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, giáo dục phải phục vụ nhân dân lao động, giúp họ nâng cao nhận thức, giải phóng bản thân và góp phần xây dựng một xã hội công bằng, bình đẳng. V.I. Lênin cũng nhấn mạnh rằng giáo dục phải kết hợp chặt chẽ với thực tiễn lao động sản xuất và đấu tranh cách mạng, nhằm đào tạo ra những con người có ý thức

chính trị cao, có tinh thần tập thể và sẵn sàng cống hiến cho xã hội. Vì vậy, lúc này, người thầy không chỉ là người giảng dạy tri thức mà còn là người chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, giúp thế hệ trẻ tiếp thu lý luận cách mạng, nâng cao nhận thức về cuộc đấu tranh giai cấp và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh không chỉ tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn phát triển, bổ sung để phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh tính giai cấp của giáo dục, thì Hồ Chí Minh đặt giáo dục trong bối cảnh rộng hơn, gắn với nhiệm vụ giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và nâng cao dân trí.

Trước hết, Người nhấn mạnh rằng giáo dục phải phục vụ lợi ích của toàn dân. Vì vậy, đối tượng giáo dục của nhà giáo không chỉ giới hạn trong phạm vi giai cấp công nhân mà còn phải hướng đến tất cả các tầng lớp nhân dân theo phương châm “ai cũng được học hành”. Theo Hồ Chí Minh, một dân tộc muốn phát triển thì trước tiên phải có một nền giáo dục mạnh, bởi vì dốt nát sẽ tạo thành trở lực trong tiến trình đi lên của đất nước. Chính vì vậy, Người chủ trương xây dựng một nền giáo dục đại chúng, đưa tri thức đến với mọi người dân, đặc biệt là nông dân, công nhân và phụ nữ - những đối tượng lâu nay bị tước đoạt cơ hội học tập.

Song song với trách nhiệm ngày càng nặng nề thì vị thế của đội ngũ nhà giáo cũng ngày càng được nâng cao. Nếu như trước cách mạng Tháng Mười, chế độ Sa hoàng phần nào coi rẻ giáo viên, thì sau cách mạng Tháng Mười, V.I. Lênin đã ký nhiều sắc lệnh quan trọng liên quan tới việc cải tạo và xây dựng đội ngũ giáo viên. Kết quả là trong 10 năm, số giáo viên được đào tạo mới đã tăng lên 2,5 lần, cụ thể là: 1930: 481.000 giáo viên; 1939: 1.027.164 giáo viên. Nhưng kết quả quan trọng hơn là ý thức giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa, nghệ thuật sư phạm của họ được tăng lên rõ rệt [132, tr.332-333]. Đúng như chỉ thị mà V.I. Lênin đã đưa ra: “Chúng ta phải nâng người giáo viên nhân dân ở nước ta lên một vị trí mà trước đây họ chưa từng có, hiện nay vẫn không có và không thể có được trong xã hội tư sản” [80, tr.418]. Hồ Chí Minh đã thực hiện một cách nghiêm cần và sáng tạo lời dạy đó trong hoàn cảnh đặc thù của Việt Nam, rằng người thầy là người chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa giáo dục.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh đặc biệt đề cao vai trò của đạo đức trong nội dung giảng dạy của nhà giáo và trong chính phẩm chất của người thầy. Ở V.I. Lênin nhấn mạnh vào việc đào tạo con người có ý thức chính trị, thì Hồ Chí Minh mở rộng hơn, coi giáo dục là quá trình rèn luyện toàn diện về “đức, trí, thể, mỹ”. Người thầy không chỉ truyền đạt tri thức mà còn phải giáo dục đạo đức, hun đúc tinh thần yêu nước, trách nhiệm với xã hội và lòng nhân ái. Người từng nói: “Dạy cũng như học phải biết chú trọng cả tài lẫn đức. Đức là đạo đức cách mạng” [109, tr.400].

Một trong những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là nhấn mạnh vai trò nêu gương của người thầy. Trong chủ nghĩa Mác - Lênin, giáo viên chủ yếu được nhìn nhận như một người truyền bá tư tưởng giai cấp, thì Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng người thầy phải là tấm gương sáng về mọi mặt, đặc biệt là về đạo đức, phong cách sống để học sinh noi theo. Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí của người thầy, coi đó là nghề nghiệp cao quý và vẻ vang, bởi họ không chỉ dạy chữ mà còn “dạy người” - con người mới xã hội chủ nghĩa.

Hồ Chí Minh cũng tiếp thu tư tưởng của V.I. Lênin về việc phương pháp giảng dạy phải gắn liền với thực tiễn sản xuất và đấu tranh cách mạng, nhưng bổ sung thêm rằng giáo dục phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của đất nước. Nếu ở các nước công nghiệp phát triển, giáo dục có thể gắn liền với công nghiệp hiện đại, thì ở Việt Nam, một nước nông nghiệp lạc hậu, giáo dục phải kết hợp chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và công cuộc kháng chiến. Vì thế, Người nhấn mạnh nguyên tắc “học đi đôi với hành”, “giáo dục phải phục vụ sản xuất và chiến đấu”. Do Việt Nam xây dựng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện khác với Liên Xô và Trung Quốc và “làm khác Liên Xô mới là mácxít” thì đội ngũ giáo viên phải giáo dục cho người học sự kiên định, trung thành về mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cả sự linh hoạt, sáng tạo trong bước đi, phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Một trong những điểm quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là khuyến khích tinh thần học tập suốt đời, không chỉ bó hẹp trong nhà trường. Người cho rằng mỗi cá nhân, đặc biệt là người thầy, phải luôn học hỏi, nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của cách mạng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Cán bộ và

giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ... phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội” [107, tr.266]. Điều này thể hiện quan điểm mở rộng hơn so với chủ nghĩa Mác - Lênin, khi Người xem giáo dục không chỉ là nhiệm vụ của nhà trường mà là trách nhiệm của toàn xã hội. Giáo viên không chỉ dạy cho học sinh mà cũng phải học từ thực tế, học từ nhân dân để hoàn thiện bản thân và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Như vậy, Hồ Chí Minh đã kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục và người thầy, nhưng đồng thời bổ sung, phát triển để phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu chủ nghĩa Mác - Lênin nhấn mạnh tính giai cấp của giáo dục, thì Hồ Chí Minh mở rộng ra phạm vi toàn dân, xem giáo dục là phương tiện giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước và phát triển con người toàn diện. Người thầy theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn phải dạy đạo đức, hun đúc tinh thần yêu nước, là tấm gương sáng cho học sinh noi theo. Với quan điểm tiến bộ và thực tiễn, tư tưởng của Hồ Chí Minh về người thầy đã trở thành nền tảng quan trọng trong việc xây dựng nền giáo dục cách mạng, nhân văn và toàn diện ở Việt Nam.

4.1.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo trong thời kỳ đổi mới

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là cơ sở lý luận, là ngọn cờ soi sáng để Đảng và Nhà nước ta đưa ra những đường lối, chính sách đổi mới và phát triển nền giáo dục Việt Nam nói chung và đề ra đường lối, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo nói riêng. Trong mỗi kỳ Đại hội Đảng, nếu vấn đề giáo dục luôn được đặc biệt chú trọng quan tâm và coi đó là quốc sách hàng đầu thì phát triển đội ngũ nhà giáo được coi khâu then chốt. Vì thế, để xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ cả “cái tâm” và “cái tầm” thực sự đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân luôn là nỗi trăn trở của Đảng ta xuyên suốt các kỳ đại hội. Thực tiễn đã chứng minh, từ quá khứ cho tới hiện tại, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo vẫn luôn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho Đảng và Nhà nước đề ra đường lối, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo trong mọi chặng đường cách mạng của dân tộc.

Sau khi khẳng định quyết tâm đổi mới và bước vào thời kỳ Đổi mới, Đảng đã khẳng định: “Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: *đổi mới tư duy*, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác” [19, tr.458]. Tuy nhiên, “muốn đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, kế thừa di sản quý báu về *tư tưởng* và *lý luận* cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh” [19, tr.459]. Do đó, *tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo tiếp tục là cơ sở để Đảng đánh giá chính xác vị trí, vai trò, tầm quan trọng của nhà giáo*. Kế thừa tư tưởng “Trồng người” và “Người trồng” của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao vị trí của nhà giáo, coi họ là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, vị trí của nhà giáo ngày càng được Đảng nhìn nhận một cách đầy đủ và toàn diện. Nếu tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960), Đảng xác định giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, đội ngũ nhà giáo là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp “trồng người” thì tư tưởng này tiếp tục được nhấn mạnh tại các kỳ Đại hội sau, đặc biệt từ Đại hội VI (1986), khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới. Cụ thể, Đảng khẳng định giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu và đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Phát triển tinh thần đổi mới của Đại hội VI, tại Đại hội VII của Đảng (1991) yêu cầu phải: “Tôn vinh nghề dạy học và các giáo viên dạy giỏi, mẫu mực” [22, tr.186]. Tiếp nối những chủ trương đã đề ra, tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã nhấn mạnh: “Đề cao vị trí của người thầy trong xã hội” [24, tr.467]. Đến Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương IX một lần nữa nhắc lại: “Đội ngũ nhà giáo là nhân tố quyết định sự nghiệp và chất lượng giáo dục” [27, tr.489]. Vào năm 2011, thời điểm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng ta đã đi tới khẳng định: “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu... phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý là khâu then chốt” [29, tr.130-131]. Đến Đại hội XIII (2021), Đảng tiếp tục đề ra các chủ trương, đường lối cụ thể nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo ngang tầm với yêu cầu phát triển

đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, khẳng định vị trí, vai trò không thể thay thế của nhà giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Gần đây nhất, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (2026), khi Đảng xác định mục tiêu “xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng “chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế” [33, tr.100] thì tất yếu đội ngũ nhà giáo cũng phải được đặt ngang tầm nhiệm vụ.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo là cơ sở để Đảng xây dựng tiêu chuẩn nhà giáo. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luôn chú trọng nhà giáo không chỉ giỏi chuyên môn mà còn phải có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng. Tại kỳ Đại hội mở đầu cho chặng đường đổi mới của đất nước - Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986), Đảng đã đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước những yêu cầu mới của lịch sử đặt ra, tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương VII, Cố Tổng Bí thư Đỗ Mười đã cụ thể hóa các tiêu chí đối với người thầy hơn nữa, đó là: “một đội ngũ giáo viên giỏi, có trách nhiệm, có lương tâm, có lòng tự hào về nghề nghiệp” [23, tr.352]. Đến ba năm sau, trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương VIII, đã quay trở lại với đúng tư tưởng Hồ Chí Minh để đưa ra một đúc kết hết sức ngắn gọn trong tiêu chí đối với người thầy: “Giáo viên phải có đủ đức, tài” [25, tr.733]. Đại hội IX (2001) và Đại hội XI (2011) tiếp tục nhấn mạnh việc hoàn thiện các tiêu chuẩn nhà giáo, đảm bảo không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tiên phong trong đổi mới phương pháp giảng dạy. Đến Đại hội XIII (2021), Đảng đề ra chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, phù hợp với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo qua các kỳ Đại hội đã tạo nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đội ngũ nhà giáo có phẩm chất, năng lực, uy tín, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Tại Đại hội XIV (2026), Đảng đặt ra yêu cầu: “Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ

nhân tạo trong giáo dục và đào tạo” [33, tr.102]. Chủ trương này không chỉ đặt ra yêu cầu đổi mới đối với hệ thống giáo dục mà còn mở ra những tiêu chí mới đối với đội ngũ nhà giáo trong bối cảnh phát triển của khoa học - công nghệ. Theo đó, nhà giáo không chỉ cần vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm mà còn phải có năng lực số, khả năng ứng dụng công nghệ và thích ứng với các phương thức dạy học hiện đại.

Không dừng lại ở đó, *tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo còn là cơ sở cho Đảng hoạch định chiến lược bồi dưỡng, giáo dục và đào tạo đội ngũ nhà giáo đáp ứng đòi hỏi của tình hình mới*. Xuất phát từ quan điểm của Hồ Chí Minh “Người huấn luyện phải học thêm mãi thì mới làm được công việc huấn luyện của mình” [101, tr.356], Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định bồi dưỡng, phát triển đội ngũ nhà giáo là nhiệm vụ cốt lõi, có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Bước vào thời kỳ Đổi mới, Đại hội VI (1986) đề ra chiến lược phát triển đội ngũ nhà giáo gắn với yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy để phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội: “Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất và năng lực cho cán bộ giáo dục và giáo viên” [19, tr.425] và “đặc biệt quan tâm bồi dưỡng nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm” [19, tr.527] cho họ. Đến Đại hội VII (1991), Đảng ta đã nhìn nhận ra vấn đề, muốn việc phát triển đội ngũ nhà giáo thực sự có chất lượng thì cần phải: “Nhanh chóng đổi mới hệ thống đào tạo giáo viên” [21, tr.478]. Tại Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VII sau đó đã đề cập rất nhiều tới vấn đề này khi đưa ra hàng loạt các chủ trương như: “Phải đổi mới hệ thống sư phạm, đào tạo lại và đào tạo mới một đội ngũ giáo viên giỏi, có trách nhiệm, có lương tâm, có lòng tự hào về nghề nghiệp” [23, tr.352] cũng như “phải đặc biệt coi trọng xây dựng các trường sư phạm, đầu tư cho một số trường sư phạm để có đủ phương tiện vật chất - kỹ thuật cho việc đào tạo đạt chất lượng cao, có chính sách học bổng khuyến khích để thu hút được những thanh niên giỏi theo nghề dạy học” [23, tr.466]. Sau 10 năm thực hiện công cuộc Đổi mới đất nước, công cuộc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo cũng có những nét khởi sắc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII năm 1996 yêu cầu cần tiếp tục “đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ

quản lý giáo dục” [25, tr.390]; Đồng thời, “hoàn chỉnh và củng cố các trường sư phạm về mọi mặt, khắc phục nhanh chóng tình trạng thiếu giáo viên và nâng cao chất lượng giáo viên ở tất cả các cấp học” [25, tr.467]. Cũng trong nhiệm kỳ Đại hội khóa VIII, Đảng ta đã có một tầm nhìn mới khi tiến hành “xây dựng và thực hiện chương trình cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước để nâng cao trình độ giảng dạy” [26, tr.213]. Trên cơ sở kết quả tích cực đạt được trong thực tiễn, Hội nghị sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã tái khẳng định sự cần thiết “tập trung vào việc đào tạo, bồi dưỡng và quản lý tốt đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục các cấp và các nhà giáo theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa” [27, tr.506]. Trong các kỳ Đại hội tiếp theo, đặc biệt là Đại hội XI (2011) và Đại hội XII (2016), Đảng tiếp tục nhấn mạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đến Đại hội XIII (2021), Đảng đề ra chủ trương: “Có cơ chế hỗ trợ xây dựng một số trường đại học lớn và đại học sư phạm trở thành những trung tâm đào tạo có uy tín trong khu vực và thế giới” [32, tr.234]. Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá triển giáo dục và đào tạo được Bộ Chính trị ban hành vào ngày 22/8/2025 bắt kịp xu hướng “cắt cánh” vào kỷ nguyên mới của đất nước cũng đã chỉ rõ cần: “Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; đẩy mạnh thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút học sinh giỏi theo học ngành sư phạm” [6]. Mới đây nhất, Đại hội XIV (2026) còn yêu cầu: “Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục,... đẩy mạnh việc đưa cán bộ... đi đào tạo ở nước ngoài” [33, tr.103]. Những quan điểm xuyên suốt của Đảng qua các kỳ Đại hội đã khẳng định tầm quan trọng của chiến lược bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo để nhà giáo không chỉ là người truyền thụ tri thức mà còn là lực lượng tiên phong trong công cuộc đổi mới mạnh mẽ, toàn diện của đất nước và góp phần xây dựng nền giáo dục Việt Nam hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo chính là cơ sở cho Đảng xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ nhà giáo. Từ khi đất nước còn trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, Hồ Chí Minh đã thấu hiểu rằng, muốn nâng cao chất lượng giáo dục, cần quan tâm đầy đủ đến đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ nhà

giáo, bảo đảm họ được tôn vinh xứng đáng, có điều kiện cống hiến lâu dài, từ đó họ mới có thể tận tâm tận lực góp phần đào tạo thế hệ cách mạng cho tương lai đất nước. Kiên quyết xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng ta đã chủ trương: “Nâng cao vị trí xã hội, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của những người dạy học” [19, tr.425]; “có chính sách bảo đảm đời sống cho đội ngũ giáo viên” [19, tr.527] và hành động cụ thể được đưa ra là: “Thiết thực chăm lo đời sống và điều kiện giảng dạy của giáo viên, dành tỷ lệ đầu tư thích đáng của ngân sách nhà nước cho giáo dục” [20, tr.522]. Đến Đại hội VII (1991), đây có thể được coi là một nhiệm kỳ đại hội dành rất nhiều sự quan tâm cho đội ngũ nhà giáo. Trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đã chỉ ra cần: “Thiết thực cải thiện đời sống giáo viên” [21, tr.478] và khi vạch ra *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Đảng ta đã nhấn mạnh: “Bằng vốn ngân sách và các nguồn khác, tăng kinh phí cho giáo dục và đào tạo. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ giáo viên” [22, tr.186]. Trong *Báo cáo của Bộ Chính trị* trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đảng (khóa VII) *Về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng* đã yêu cầu: “Nhà nước cần có chính sách ưu tiên đối với giáo viên, ưu đãi về lương và phụ cấp nhằm bảo đảm cho mỗi giáo viên sống bằng chính nghề dạy học có thu nhập ít nhất cũng ngang mức thu nhập trung bình trong xã hội” [23, tr.381]. Đến Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, Đảng đã tiếp tục đề nghị: “Thực hiện các chính sách tài trợ nhà trường, chính sách hỗ trợ giáo viên và các chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác để tăng số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ thầy giáo” [24, tr.467]. Đại hội IX (2001) nhấn mạnh việc nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường làm việc, bảo đảm quyền lợi của nhà giáo theo hướng phù hợp với xu thế phát triển. Đến Đại hội XI (2011) và Đại hội XII (2016), Đảng tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột của nhà giáo trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, từ đó đề ra nhiều chính sách đãi ngộ về tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao đời sống nhà giáo. Đặc biệt, tại Đại hội XIII (2021), Đảng xác định việc xây dựng cơ chế đãi ngộ hợp lý là giải pháp quan trọng để phát triển đội ngũ nhà giáo có chất lượng, đáp ứng yêu cầu của

nền giáo dục hiện đại, hội nhập quốc tế. Đồng thời, nhấn mạnh “Cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt” [32, tr.138]. Gần đây, *Luật Nhà giáo* được thông qua đã quy định, “lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp” [123]. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chính sách tiền lương, chế độ phụ cấp đối với nhà giáo nhằm hiện thực hóa luật đó. Theo dự thảo Nghị định, tất cả nhà giáo đều được hưởng “hệ số lương đặc thù”. Trong đó, giáo viên mầm non được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,25 so với hệ số lương hiện hưởng; các chức danh nhà giáo khác được hưởng hệ số lương đặc thù mức 1,15 so với hệ số lương hiện hưởng. Đối với nhà giáo giảng dạy tại trường, lớp dành cho người khuyết tật, trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, trường phổ thông nội trú vùng biên giới được cộng thêm 0,05 so với mức quy định. Đối với nhà giáo được bổ nhiệm chức danh giáo sư sẽ áp dụng bảng lương chuyên gia cao cấp. Theo đó, bảng lương gồm 3 bậc: 8,8 - 9,4 - 10,0. Việc tăng lương cho nhà giáo có giá trị không chỉ để cải thiện mức sống của họ, giúp họ yên tâm với công việc “trồng người” mà còn có giá trị tinh thần to lớn, thể hiện sự ghi nhận của xã hội đối với cống hiến của những người thầy và tạo điều kiện cho việc quy tụ được những người giỏi “đầu quân” cho ngành sư phạm. Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (2026), Đảng tiếp tục nhấn mạnh cần “có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội đối với đội ngũ nhà giáo, nhà khoa học và cán bộ quản lý giáo dục” [33, tr.101]. Như vậy, kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng luôn đề cao vị thế của nhà giáo, không ngừng hoàn thiện chính sách đãi ngộ để bảo đảm nhà giáo có điều kiện tốt nhất trong sự nghiệp giáo dục, đóng góp vào sự phát triển đất nước.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo định hướng cho công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo hiện nay. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng tới công tác kiểm tra, đánh giá cán bộ và đội ngũ nhà giáo cũng không ngoại lệ. Có thể thấy, công tác kiểm tra sẽ giúp cho các cấp, các ngành thấy rõ được ưu điểm, khắc phục được những sai lầm, khuyết điểm ngay từ lúc mới ban hành Chỉ thị, Nghị quyết. Người đã từng chỉ dạy: “Nếu tổ chức việc kiểm tra cho

chu đáo thì cũng như có ngọn đèn “pha”. Bao nhiêu tình hình, bao nhiêu ưu điểm và khuyết điểm, bao nhiêu cán bộ chúng ta đều thấy rõ. Có thể nói rằng: chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra” [100, tr.637]. Tiếp tục thực hiện những lời dẫn dắt của Người, trong những năm qua, Đảng ta luôn sát sao trong công tác chỉ đạo việc quản lý, kiểm tra cũng như là đánh giá đội ngũ nhà giáo. Khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới, Đại hội VI (1986) đã đề ra chủ trương đổi mới công tác quản lý giáo dục, trong đó công tác kiểm tra, giám sát đội ngũ nhà giáo được thực hiện theo hướng dân chủ, khách quan, bảo đảm chất lượng đào tạo. Đến Đại hội VII (1991) đã chỉ ra: “Tăng cường quản lý nhà nước của ngành giáo dục và đào tạo” [24, tr.218]. Đứng trước những vấn đề đặt ra trong công tác giáo dục của đất nước đặc biệt liên quan trực tiếp tới hoạt động dạy và học, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII yêu cầu phải: “Ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giảng dạy” [25, tr.390]. Tiếp thu tinh thần của Đại hội VIII, ngày 15 tháng 6 năm 2004, Đảng ta đã ban hành *Chỉ thị của Ban Bí thư Số 40-CT/TW Về việc xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục* trong đó nhấn mạnh cần: “Hoàn thiện các quy định về công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về giáo dục đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nhất là công tác thanh tra chuyên môn và quản lý chất lượng giáo dục” [28, tr.352]. Bước vào thế kỷ XXI, trước yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đại hội IX (2001) xác định rõ công tác đánh giá nhà giáo cần được thực hiện thường xuyên, công khai, minh bạch, gắn với hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Đại hội XI (2011) tiếp tục đề ra yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục, trong đó việc kiểm tra, đánh giá giáo viên phải bảo đảm công bằng, khách quan, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới phương pháp giảng dạy. Đại hội XII (2016) nhấn mạnh: “Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo... thực hiện giám sát của các chủ thể trong nhà trường và xã hội, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý các cấp, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch” [30, tr.116-117]. Đến Đại hội XIII (2021), Đảng đề ra chủ trương hoàn thiện cơ chế đánh giá giáo viên theo hướng đổi mới toàn diện, vừa phát huy tính chủ động, sáng

tạo của nhà giáo, vừa bảo đảm trách nhiệm, kỷ luật trong giảng dạy. Công tác kiểm tra, giám sát được đẩy mạnh, gắn với yêu cầu thực tiễn của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế, giúp đội ngũ nhà giáo không ngừng nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển nền giáo dục hiện đại, tiên tiến. Trên tinh thần đó, Đại hội XIV (2026), yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, thống nhất, có sự phân công, phân cấp, phân quyền hợp lý” [33, tr.102]. Như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành kim chỉ nam cho công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá đội ngũ nhà giáo, giúp Đảng hoạch định các chính sách phù hợp nhằm xây dựng một nền giáo dục chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong bối cảnh mới.

4.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo gợi mở những nội dung căn cốt để xác định triết lý giáo dục Việt Nam hiện đại

Thực tiễn cho thấy: Muốn “con tàu” giáo dục tiến lên thì trước hết cần phải có một *triết lý giáo dục phù hợp*. Vậy thế nào là triết lý giáo dục mà sự đúng sai của nó lại là nguyên nhân quyết định sự thành, bại của một nền giáo dục? Xung quanh khái niệm này có nhiều cách định nghĩa khác nhau nhưng nghiên cứu sinh cho rằng, triết lý giáo dục là những nguyên lý nền tảng chỉ đạo toàn bộ việc xác lập mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện hoạt động giáo dục được đúc kết bằng những câu nói ngắn gọn. Nói đơn giản thì triết lý giáo dục trả lời cho câu hỏi: Nền giáo dục đó muốn đào tạo ra ai và bằng cách nào? Theo cách hiểu này thì bất cứ nền giáo dục nào cũng có triết lý giáo dục của nó (cho dù đó là một luận thuyết hoàn chỉnh hay chỉ là những nguyên tắc chỉ đạo cơ bản) và triết lý giáo dục là một bộ phận cấu thành triết lý phát triển của đất nước. Trước thực trạng khó khăn của nền giáo dục Việt Nam, nhiều người cho rằng mọi bất cập của các cuộc cải cách giáo dục trong những năm qua đều xuất phát từ việc chúng ta đang thiếu một triết lý giáo dục đúng đắn để dẫn dắt. Bàn về triết lý giáo dục Việt Nam, Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã từng khẳng định rằng: “Triết lý giáo dục Việt Nam trước hết là triết lý xây dựng đất nước dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đó là xây dựng con người Việt Nam toàn diện, đức, trí, thể, mỹ, có tinh thần dân tộc, có lòng yêu nước và có trách nhiệm quốc tế” [84]. Điều đó cho thấy, Việt Nam không phải

không có triết lý giáo dục, mà vấn đề đặt ra là liệu triết lý giáo dục đó có còn phù hợp với sự phát triển của xã hội hay không. Khi giáo dục đã được Đảng ta xác định là vấn đề “quốc sách”, khi đổi mới toàn diện nền giáo dục Việt Nam đang là nhiệm vụ trọng yếu mà Đảng đã đặt ra, xây dựng một triết lý giáo dục phù hợp là nhiệm vụ cấp bách của nước ta hiện nay. Do tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng nên việc xác định triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập để làm cơ sở cho công cuộc cải cách giáo dục tất yếu phải gắn liền với việc khai thác, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Đây không chỉ là kim chỉ nam định hướng cho sự nghiệp giáo dục, mà còn là nền tảng quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ tri thức, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời đại.

- Về mục tiêu giáo dục: Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài và đặc biệt là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh đi đôi với bền vững của đất nước. Giáo dục Việt Nam hướng đến phát triển toàn diện con người, không chỉ bồi dưỡng tri thức, kỹ năng mà còn phải rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư tưởng chính trị và ý thức công dân. Mục tiêu quan trọng là đào tạo con người Việt Nam có đức, có trí, có thể, có mỹ; có tinh thần yêu nước, trách nhiệm đối với cộng đồng; có tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng thích ứng với những biến đổi nhanh chóng của nền kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế. Đồng thời, giáo dục phải góp phần xây dựng một xã hội học tập, trong đó mỗi người dân đều có cơ hội học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước để bước vào một kỷ nguyên vươn mình.

- Về nội dung giáo dục: Hệ thống giáo dục Việt Nam cần được xây dựng trên nền tảng phát triển toàn diện, kết hợp hài hòa giữa giáo dục tri thức khoa học đa diện với giáo dục đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống và tinh thần trách nhiệm xã hội. Nội dung giáo dục không chỉ trang bị kiến thức chuyên môn, mà còn chú trọng đến giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, pháp luật và trách nhiệm công dân. Bên cạnh đó, giáo dục Việt Nam đang từng bước đổi mới theo hướng tăng cường tính thực tiễn, nâng cao khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tế, khắc phục tình trạng học tập nặng về lý thuyết, thiếu thực hành. Chương trình giáo dục cần bảo đảm tính kế thừa,

phát triển, hiện đại, đồng thời phù hợp với đặc thù văn hóa dân tộc, gắn với nhu cầu thực tiễn của đất nước trong bối cảnh mới. Đặc biệt, trước tiến trình toàn cầu hóa hiện nay, còn cần nâng cao chất lượng dạy và học tin học, ngoại ngữ để công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn trở thành công dân toàn cầu và có thể tham gia vào thị trường lao động ở bất cứ đâu.

- Về phương châm, phương pháp giáo dục: Giáo dục Việt Nam cần lấy người học làm trung tâm, bảo đảm phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Trong thời đại thông tin, lượng tri thức tăng lên rất nhanh và cũ đi cũng rất mau. Tham vọng trang bị đầy đủ kiến thức cho người học rõ ràng là không thể và không cần thiết. Nếu không giáo dục cho người học tinh thần sáng tạo, sự độc lập trong suy nghĩ thì người học sẽ rơi vào tình trạng vừa thừa vừa thiếu tri thức vì trước mắt họ luôn có một khối lượng thông tin khổng lồ nhưng trong đó không ít “thông tin rác”. Việc thực hiện triết lý giáo dục khơi nguồn sáng tạo của Hồ Chí Minh sẽ làm cho việc học trở thành niềm hứng khởi của công cuộc khám phá tri thức và người học không phải chịu nổi nặng nhọc của một con tàu chở nhiều tri thức, trong đó không ít tri thức đã bị già cỗi cùng thời gian. Năng lực sáng tạo sẽ giúp con người trở nên tự do, không bị chới buộc vào những tín điều cũ kỹ. Thực hiện triết lý *học đi đôi với hành* của Hồ Chí Minh sẽ giúp chúng ta khắc phục tình trạng “thừa thầy, thiếu thợ”, “bằng thật - học giả” hiện nay và đào tạo ra những con người “thực học” để có “thực nghiệp” trong tương lai. Lúc này, giáo dục phải kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, tận dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy và chất lượng đào tạo.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo vẫn giữ nguyên giá trị thời sự và tiếp tục là nền tảng tư tưởng cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo Việt Nam - yếu tố then chốt quyết định tới tiến trình đổi mới căn bản và giáo dục ở nước ta, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Việc vận dụng tư tưởng của Người đòi hỏi phải quán triệt sâu sắc quan điểm: “Giáo dục cũng phải theo hoàn cảnh, điều kiện. Phải ra sức làm nhưng làm vội

không được... Làm phải có kế hoạch, có từng bước” [105, tr.345], “việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi, hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được” [100, tr.217]. Đây chính là định hướng quan trọng giúp giáo dục Việt Nam phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4.2. Giá trị thực tiễn

4.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần thực hiện thành công công cuộc xóa nạn mù chữ, từng bước nâng cao dân trí

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, các bậc tiền nhân chỉ gọi kẻ xâm lược là “giặc”; Hồ Chí Minh là người đầu tiên sử dụng cụm từ “giặc đốt” và coi nó nguy hiểm không kém gì “giặc ngoại xâm”. Với tinh thần cách mạng tiến công, Hồ Chí Minh khẳng định không thể chấp nhận chung sống cùng nó mà phải nhanh chóng tiêu diệt nó. Trên mặt trận chống “giặc đốt”, đội ngũ nhà giáo, nhất là đội ngũ nhà giáo tham gia phong trào bình dân học vụ là những người đóng vai trò tiên phong.

Ngay từ những ngày đầu của chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ vào ngày 8/9/1945, phát động phong trào toàn dân tham gia chống nạn mù chữ. Đáp lại lời hiệu triệu của Người, hàng vạn giáo viên, trí thức yêu nước, thanh niên tiên tiến đã tình nguyện tham gia giảng dạy, mở lớp học bình dân trên khắp cả nước. Những lớp học này không chỉ diễn ra ở thành thị mà còn len lỏi tới tận vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo. Trong điều kiện đất nước vừa giành độc lập, cơ sở vật chất vô cùng thiếu thốn, đội ngũ nhà giáo đã phải khắc phục mọi khó khăn, tận dụng mọi không gian có thể để làm lớp học: đình làng, nhà kho, thậm chí ngoài sân đình hay gốc cây đa. Họ dùng que tre vạch chữ lên nền đất, tận dụng giấy báo, vỏ lá chuối để làm tài liệu giảng dạy. Họ sáng tác ra những câu thơ có vần để con chữ dễ đi vào trí nhớ của người dân. Những câu thơ ấy đến giờ vẫn được nhớ đến vì chứa đựng ký ức đầy tự hào về mô hình “xã hội hóa” giáo dục một cách rất sáng tạo của Việt Nam trong giai đoạn đầy gian khó của Nhà nước cách mạng. Dù không có lương hoặc chỉ nhận được một phần hỗ trợ rất nhỏ, nhưng với tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm với dân tộc, những người

thầy vẫn ngày đêm bền bỉ truyền dạy con chữ cho đồng bào. Sau một năm thực hiện phong trào xóa nạn mù chữ, đã có 75.805 lớp học xóa mù chữ được tổ chức, với sự tham gia giảng dạy của 97.664 người. Có hơn 2.5 triệu học viên đã biết đọc, biết viết. Các trường học từ hệ tiểu học, trung học đến đại học bắt đầu được khai giảng trở lại. Năm học 1945 - 1946, chỉ tính riêng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, đã có 5.654 trường tiểu học được mở, với 206.784 học sinh và 25 trường trung học, với 7.514 học sinh. Ở bậc đại học và cao đẳng, các trường Y khoa, Dược khoa, Cao đẳng kỹ thuật, Cao đẳng công chính, Cao đẳng canh nông, Thú y được mở lại. Đồng thời, trường Đại học Văn khoa, lớp chính trị xã hội được mở thêm [57, tr.31-32]. Không chỉ dừng lại ở việc truyền dạy kiến thức, các nhà giáo còn là những chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào chính quyền cách mạng. Qua những bài học vỡ lòng, họ giúp nhân dân hiểu về quyền lợi, nghĩa vụ của công dân trong một nhà nước độc lập, từ đó khơi dậy lòng yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, sẵn sàng chung tay bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Công cuộc xóa nạn mù chữ sau Cách mạng Tháng Tám không chỉ là một nhiệm vụ cấp thiết mà còn là một trong những dấu ấn lịch sử thể hiện vai trò quan trọng của giáo dục và những người thầy đối với sự phát triển của đất nước. Sự hy sinh thầm lặng nhưng cao cả của đội ngũ giáo viên trong giai đoạn này đã góp phần đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp giáo dục nước nhà, tạo tiền đề cho công cuộc xây dựng một xã hội học tập, dân chủ và văn minh.

Khi tiếng súng của cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, chiến dịch xóa mù chữ đang rầm rộ phải tạm ngừng chuyển sang hình thức hoạt động mới thích hợp hơn. Bên cạnh nhiệm vụ đấu tranh quân sự, Đảng và Chính phủ ta vẫn luôn coi trọng công tác giáo dục, xem đây là yếu tố quan trọng để nâng cao dân trí, phát huy sức mạnh toàn dân và xây dựng hậu phương vững chắc cho sự nghiệp kháng chiến. Xuất phát từ tư tưởng Hồ Chí Minh: “Muốn giữ vững nền độc lập, Muốn làm cho dân mạnh nước giàu, Mọi người Việt Nam... phải có kiến thức... phải biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ” [100, tr.40], phong trào Bình dân học vụ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh trong kháng chiến, bất chấp những khó khăn, thiếu thốn do chiến tranh gây ra. Đội ngũ giáo viên đã không quản ngại hiểm nguy, bám dân, bám làng, mở

các lớp học dã chiến tại mọi địa bàn có thể: từ lán trại trong rừng sâu, hầm trú ẩn đến các mái đình, nhà kho hay thậm chí là ngoài trời dưới ánh đèn dầu. Dù phải đối mặt với bom đạn kẻ thù, thiếu thốn sách vở, bút mực, các nhà giáo vẫn tận tụy giảng dạy, tìm mọi cách khắc phục khó khăn. Họ sử dụng lá chuối, nền đất làm bảng viết, lấy que tre vạch chữ, tận dụng giấy báo cũ để làm tài liệu giảng dạy. Không chỉ truyền dạy con chữ, họ còn lồng ghép nội dung yêu nước, giáo dục ý thức cách mạng, giúp nhân dân hiểu rõ âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, từ đó nâng cao tinh thần đoàn kết, ý chí đấu tranh vì độc lập, tự do. Tổng kết năm 1948, có thêm 2 triệu 90 vạn người biết chữ, thực là một thắng lợi lớn. Năm 1949, phong trào càng lên mạnh. Lần lượt các tỉnh báo cáo kết quả thanh toán nạn mù chữ: Hà Tĩnh, Phúc Yên, Quảng Ngãi, Thái Bình, Ninh Bình... Trong gần 8 năm kháng chiến toàn quốc, đội ngũ nhà giáo đã có những cống hiến hết sức to lớn khi: 8 triệu người thoát nạn mù chữ trong hoàn cảnh vừa học vừa lo chống giặc, giữ nước; tổ chức được việc học sau xóa mù chữ với nội dung thiết thực, bổ ích; bước đầu xây dựng được trường lớp bỏ túi văn hóa tập trung và tại chức, góp phần đào tạo bồi dưỡng cán bộ công - nông cho kháng chiến [52, tr.74-77].

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong khi miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống Mỹ xâm lược. Trong bối cảnh đó, công tác xóa nạn mù chữ và nâng cao dân trí trở thành nhiệm vụ quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội và phục vụ công cuộc đấu tranh thống nhất đất nước. Đội ngũ nhà giáo chính là lực lượng tiên phong thực hiện nhiệm vụ cao cả này, góp phần quan trọng vào sự phát triển của nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Sau năm 1954, với mục tiêu xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ, Đảng và Chính phủ đã đề ra nhiều chính sách quan trọng để đẩy mạnh phong trào xóa mù chữ, phát triển giáo dục phổ thông và nâng cao dân trí. Dù gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất, thiếu thốn sách vở, tài liệu, đội ngũ giáo viên vẫn kiên trì, quyết tâm hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Tại các hợp tác xã nông nghiệp, nhà máy, công trường, các lớp học ban đêm được tổ chức nhằm giúp người lao động có thể vừa sản xuất, vừa học tập. Nhà giáo không chỉ đóng vai trò là người truyền dạy kiến thức mà còn là những cán bộ tuyên truyền, giúp nhân dân tiếp thu

chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức về xây dựng xã hội mới. Trong giai đoạn đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, giáo dục vẫn không ngừng phát triển. Dưới bom đạn kẻ thù, đội ngũ giáo viên vẫn kiên trì bám trụ, duy trì hoạt động giảng dạy trong hoàn cảnh khó khăn. Các lớp học được tổ chức dưới hầm trú ẩn, trong rừng sâu, đảm bảo cho phong trào học tập không bị gián đoạn. Ngày quốc khánh 02/9/1958, tỉnh Ninh Bình là tỉnh đầu tiên ở miền Bắc báo cáo hoàn thành kế hoạch thanh toán nạn mù chữ trước thời hạn 4 tháng. Ngày 09/11/1958, tỉnh Hà Tĩnh, rồi đến Hà Nội, Hưng Yên, Hà Đông, Thanh Hóa... thắng lợi dồn dập, đến cuối 1958 thì miền Bắc có 20 tỉnh, thành vùng đồng bằng và trung du thanh toán nạn mù chữ với trên 2 triệu người mãn khóa. Hà Nội có tỷ lệ biết chữ cao nhất là 97,5%, thấp nhất là Hồng Quang hoàn thành vào tháng 1/1959 và đạt kết quả là 90% [52, tr.82]. Với kết quả trên, Ban lãnh đạo Trung ương thanh toán nạn mù chữ đã tuyên bố: vùng đồng bằng và trung du miền Bắc đã căn bản xóa xong mù chữ. Sau khi miền xuôi đã căn bản xóa mù chữ, từ năm 1959 Ban lãnh đạo Trung ương thanh toán nạn mù chữ cho tiến quân lên miền núi và trong thời gian 5 năm, miền núi có thêm 10 vạn người được xóa mù chữ, trong đó 25.000 người là cán bộ, thanh niên [52, tr.84]. Có thể khẳng định: Một trong những thành tựu nổi bật của miền Bắc xã hội chủ nghĩa chính là công tác giáo dục đào tạo rất phát triển và nguyên nhân của thành tựu đó chính là vai trò của đội ngũ nhà giáo được xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở miền Nam “Thành đồng Tổ quốc”, dù trong bom đạn nhưng vào năm 1974, trong vùng giải phóng đã có trên 18.300 học viên xóa mù chữ - bổ túc văn hóa và 22 trường bổ túc văn hóa tập trung [52, tr.94].

Khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất thì vẫn có đến 3 triệu người mù chữ, chủ yếu ở các tỉnh, huyện miền núi, ở vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long [52, tr.94]. Trước thực trạng đó, đến ngày 17/6/1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra chỉ thị 221-CT/TW về giáo dục đã chỉ rõ: Trước mắt phải coi việc tích cực xóa mù chữ và bổ túc văn hóa là nhiệm vụ cấp thiết số một... Thực tế trong ngày bầu cử tháng 4/1976 có 5 vạn người mới biết chữ, tự tay viết lá phiếu đầu tiên trong đời. Đến tháng 6/1976, có 20 vạn người được xóa mù chữ. Cuối năm

1976, đã có 64 vạn người được xóa mù chữ [52, tr.95]. Tháng 01/1977 Long An là tỉnh đầu tiên hoàn thành kế hoạch xóa nạn mù chữ ở miền Nam, ngay sau đó là tỉnh Tiền Giang cũng đã thực hiện thành công kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, một tín hiệu đáng mừng hơn là các tỉnh miền núi Tây Nguyên, các huyện miền núi Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, phong trào xóa mù chữ lúc này đã khá phát triển. Giữa năm 1977, đã có 10 tỉnh hoàn thành xóa mù chữ [52, tr.96]. Đến cuối tháng 3/1978, Ban lãnh đạo thanh toán nạn mù chữ Trung ương và Bộ Giáo dục mở Đại hội mừng công cuộc diệt dốt, thông báo: Các tỉnh và thành phố miền Nam ở tất cả các tỉnh đồng bằng, miền núi, trung du đã căn bản xóa xong nạn mù chữ... Cùng với thắng lợi thanh toán nạn mù chữ ở miền Bắc trước đây, giờ đây chúng ta đã căn bản xóa nạn mù chữ cho đồng bào dân tộc trong cả nước.

Hiện nay, ở Việt Nam, theo thống kê, hiện vẫn còn trên 734.000 người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1, chiếm 1,15% và trên 1.731.000 người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 2, chiếm 2,71% (người đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 1; người đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: hoàn thành Chương trình xóa mù chữ giai đoạn 2) [81]. Vì thế, đội ngũ nhà giáo vẫn phải đứng trước nhiệm vụ hết sức khó khăn đó là thanh toán hoàn toàn nạn mù chữ. Với sự nỗ lực và tâm huyết, họ không chỉ nâng cao dân trí mà còn góp phần thúc đẩy bình đẳng trong giáo dục, tạo điều kiện cho mọi người dân tiếp cận cơ hội học tập và phát triển. Đồng thời, trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nhà giáo còn đảm nhiệm trọng trách giúp người dân tiếp cận với tri thức mới, nâng cao kỹ năng, đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng cao. Những chương trình phổ cập giáo dục, dạy học linh hoạt kết hợp với ứng dụng công nghệ số đã và đang được triển khai mạnh mẽ, đòi hỏi sự tận tâm, sáng tạo của đội ngũ nhà giáo. Chính họ là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng một xã hội học tập, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong thời kỳ hội nhập sâu rộng, giáo dục không chỉ hướng đến việc truyền đạt tri thức mà còn phải rèn luyện tư duy phản biện, sáng tạo, năng lực thích nghi với sự thay đổi và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Nghị quyết 26-NQ/TW của Đảng thừa nhận: “Nhiều cán bộ, trong đó có cả cán bộ cấp cao thiếu tính chuyên nghiệp, làm

việc không đúng chuyên môn, sở trường; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc của cán bộ trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế” [31, tr.47]. Nói đến “Làm việc trong môi trường quốc tế” là nói đến hoạt động tương tác giữa những con người thuộc nhiều quốc gia với sự đa dạng về tộc người, tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa. Điều đó đòi hỏi ở đội ngũ cán bộ những phẩm chất, năng lực, kỹ năng vượt trội về bản lĩnh chính trị, có vốn văn hóa, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, nắm vững luật pháp quốc tế, làm chủ ngoại ngữ và kỹ năng tin học thiết yếu. Chính vì vậy, người thầy không chỉ dừng lại ở vai trò truyền đạt kiến thức mà còn là người dẫn dắt, khuyến khích tinh thần tự học, nghiên cứu của mỗi người dân để góp phần đưa công dân Việt Nam trở thành những công dân toàn cầu.

Có thể khẳng định rằng, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, công cuộc xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí đã được triển khai một cách khá hiệu quả. Những thành tựu đạt được không chỉ góp phần nâng cao trình độ nhận thức của nhân dân mà còn tạo nền tảng vững chắc cho hai cuộc kháng chiến trường kỳ, đầy gian khổ của dân tộc. Chính nhờ đó, phương châm “Kháng chiến hóa văn hóa, văn hóa hóa kháng chiến” đã được thực hiện thành công. Để có được những kết quả to lớn như vậy, thì phải kể đến những cống hiến thầm lặng nhưng vĩ đại của các thầy, cô giáo, nhà giáo không chỉ là những người chèo lái con đò tri thức mà còn là nhân tố quyết định sự thành công của công cuộc xóa mù chữ, nâng cao dân trí và xây dựng một xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển trong thời đại mới.

4.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã đưa ra định hướng và góp phần thực hiện thành công các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam

Suốt cả một thời gian dài, dân tộc ta đã phải chịu một nền giáo dục mang tâm địa xấu xa của bọn thực dân: “Đối với cái giống nòi Annamít ấy, chỉ có một cách tốt để cai trị nó, - đó là ách thống trị bằng sức mạnh... Truyền học vắn cho bọn Annamít hoặc cho phép chúng tự chúng có học vắn, tức là một mặt cung cấp cho chúng những súng bắn nhanh để chống chúng ta, và mặt khác đào tạo những con chó thông thái gây rắc rối hơn là có ích...” [96, tr.11]. Vì thế, ngay tại Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5/1941), bên cạnh việc khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước

mất là giải phóng dân tộc, Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu rõ, phải tích cực chống văn hóa, giáo dục nô dịch của Pháp, Nhật, phải xây dựng nền văn hóa, giáo dục mới. *Chương trình Việt Minh* được thông qua tại Hội nghị ghi rõ: “1. Huỷ bỏ nền giáo dục nô lệ. Xây dựng nền quốc dân giáo dục. Củng bức giáo dục từ bậc sơ học. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ trong nền giáo dục dân tộc mình. 2. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài. 3. Khuyến khích và giúp đỡ các hạng trí thức được phát triển tài năng của họ. 4. Khuyến khích và giúp đỡ nền giáo dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh” [98, tr.630-631]. Muốn xây dựng nền giáo dục mới - nền giáo dục dân chủ, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa thì khâu bắt đầu phải là đổi mới đội ngũ nhà giáo chính vì vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo với việc chỉ dẫn phương châm hành động của đội ngũ nhà giáo các cấp - lực lượng trung tâm trong toàn bộ quá trình cải cách giáo dục, đã đóng vai trò quan trọng trong thành công của các cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam

4.2.2.1. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (1950)

Cải cách giáo dục lần thứ nhất năm 1950 là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử giáo dục cách mạng Việt Nam, được triển khai trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết liệt. Giáo dục là một lĩnh vực của văn hóa. Nhằm đáp ứng yêu cầu của chế độ dân chủ mới và sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tiến hành đổi mới toàn diện nền giáo dục theo phương châm của nền văn hóa mới của Việt Nam là “dân chủ, khoa học, đại chúng”, đặt nền móng cho sự phát triển bền vững của hệ thống giáo dục nước nhà. Trong quá trình đó, đội ngũ nhà giáo đóng vai trò nòng cốt, là lực lượng tiên phong trực tiếp thực hiện và hiện thực hóa các chủ trương, chính sách cải cách giáo dục. Chính vì vậy, đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam đã được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Nếu năm học 1945-1946, cả nước chỉ có 3.500 giáo viên tiểu học và 95 giáo viên trung học. Đến năm 1950, số lượng này tăng lên 10.500 giáo viên tiểu học, 584 giáo viên cấp II và 31 giáo viên cấp III [124, tr.310]. Trước sự nỗ lực, tâm huyết của những người thầy, nền giáo dục kháng chiến đã bước đầu đã đạt được những thành tựu không nhỏ:

Trước hết, với tinh thần tận tụy, trách nhiệm cao, đội ngũ nhà giáo đã chủ động tham gia xây dựng chương trình, nội dung giảng dạy phù hợp với điều kiện chiến tranh, đảm bảo tính thiết thực và gắn liền với yêu cầu của cách mạng. Các thầy, cô giáo đã nỗ lực xây dựng giáo trình giản lược nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, dễ tiếp thu, giúp người học không chỉ tiếp cận kiến thức phổ thông mà còn hiểu sâu sắc về tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường. Bên cạnh đó, việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng được chú trọng nhằm thích ứng với hoàn cảnh đặc thù của chiến tranh. Các thầy, cô giáo linh hoạt tổ chức lớp học trong nhiều điều kiện, từ các lán trại giữa rừng, hầm trú ẩn cho đến những vùng tự do, đảm bảo duy trì việc học tập liên tục. Chính nhờ những nỗ lực đó mà số lượng trường học và học sinh tăng nhanh trong giai đoạn này. Năm 1950, có 416.546 học sinh tiểu học, đến năm 1954 tăng lên 633.718 học sinh. Số trường cấp II tăng từ 79 trường năm 1950 lên 269 trường năm 1954, với số học sinh tăng từ 21.849 lên 63.209 [13].

Đồng thời, đội ngũ nhà giáo cũng góp phần củng cố và mở rộng hệ thống giáo dục từ mẫu giáo, vỡ lòng đến giáo dục phổ thông rồi đến trung học chuyên nghiệp, tạo cơ hội học tập cho đông đảo nhân dân. Về *giáo dục mẫu giáo, vỡ lòng*, tháng 7/1950 Bộ Giáo dục đã ký Quyết định thành lập Ban mẫu giáo Trung ương thay cho Phòng giáo dục ấu trĩ. Bắt đầu từ năm 1952 triển khai hệ thống giáo dục mới theo tinh thần của cải cách giáo dục - các lớp học trước khi vào lớp 1 đều gọi là vỡ lòng. Năm 1954 số trẻ vào lớp vỡ lòng lên đến 357.800 em tăng gấp 20 lần so với năm 1952. Số giáo viên dạy vỡ lòng cũng tăng lên 13 lần [67]. *Giáo dục phổ thông* được phát triển mạnh ở vùng tự do. Mạng lưới nhà trường được mở rộng về tận các xã, mỗi xã ở đồng bằng đều có một trường cấp I hoàn chỉnh, mỗi xã miền núi trung du và đông dân miền núi có những lớp đầu cấp. Các huyện đồng bằng xây dựng được trường cấp II. Một số thị xã miền núi cũng có trường cấp II. Cao Bằng, Bắc Cạn, Quảng Yên là những tỉnh miền núi đầu tiên ở phía Bắc đã mở được trường phổ thông cấp II tại thị xã từ năm 1952 và đến năm 1954 có trường cấp II hoàn chỉnh. Đồng thời, giáo dục phổ thông trong thời kỳ này đã tiếp quản thắng lợi hệ thống giáo dục vùng mới giải phóng vào các năm 1954, 1955. Bên cạnh đó, hệ thống các trường phổ thông nội trú dành cho con em cán bộ miền Nam tập kết ra

Bắc và một số học sinh vượt tuyển ra Bắc được thành lập và gọi là Trường học sinh miền Nam. Không chỉ vậy, *giáo dục trung học chuyên nghiệp* cũng được quan tâm nhiều hơn. Trong đó, chú trọng nhất vào việc đào tạo cán bộ trung cấp. Còn đối với *giáo dục đại học* cũng có những nét khởi sắc. Cuộc cải cách giáo dục năm 1950 đã tạo điều kiện cho giáo dục đại học có những điều chỉnh quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ phát triển, vượt qua những thiếu thốn gian khổ, giáo dục đại học hình thành ba trung tâm đại học. Đến tháng 11/1954 các trường đại học đã khai giảng trở lại như: Đại học Y dược khoa; Đại học sư phạm Văn khoa và Đại học Văn khoa (hợp nhất) có tên là Đại học Sư phạm khoa học.

Có thể khẳng định, đội ngũ nhà giáo đã có những đóng góp to lớn trong việc thực hiện thành công cải cách giáo dục năm 1950, đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển của nền giáo dục cách mạng Việt Nam. Chính nhờ tinh thần trách nhiệm, lòng yêu nước và sự tận tâm của họ, nền giáo dục mới đã thực sự trở thành một công cụ hữu hiệu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục. Những thành tựu đạt được từ cải cách giáo dục năm 1950 là cơ sở quan trọng để Việt Nam tiếp tục tiến hành các cuộc cải cách giáo dục sau này.

4.2.2.2. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai (1956)

Cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1956 diễn ra trong bối cảnh miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, đòi hỏi sự chuyển đổi mạnh mẽ về nội dung, phương pháp và tổ chức giáo dục. Với trọng tâm xây dựng một nền giáo dục phục vụ công cuộc kiến thiết đất nước, đội ngũ nhà giáo đã trở thành lực lượng nòng cốt, trực tiếp triển khai và hiện thực hóa các chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

Trước hết, đội ngũ nhà giáo đã đóng vai trò tiên phong trong việc xây dựng và thực hiện hệ thống giáo dục 10 năm, thay thế hệ thống giáo dục cũ vốn còn nhiều bất cập. Hệ thống giáo dục 10 năm lúc này gồm ba cấp:

- + Cấp I: 4 năm, từ lớp 1 đến lớp 4
- + Cấp II: 3 năm, từ lớp 5 đến lớp 7
- + Cấp III: 3 năm, từ lớp 8 đến lớp 10

Bên cạnh đó, vẫn có các lớp vỡ lòng tồn tại dưới hình thức bậc học mang tính chuẩn bị.

Đây là bước đi quan trọng nhằm chuẩn hóa và hiện đại hóa nền giáo dục nước nhà. Dưới sự hướng dẫn của các thầy cô, chương trình giảng dạy được thiết kế lại theo hướng khoa học hơn, giảm bớt ảnh hưởng từ hệ thống giáo dục thực dân cũ, đồng thời tăng cường các môn khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và giáo dục công dân. Đội ngũ nhà giáo không chỉ là người giảng dạy mà còn tham gia vào quá trình biên soạn giáo trình, xây dựng nội dung học tập phù hợp với thực tiễn đất nước, giúp người học vừa nắm vững kiến thức lý thuyết, vừa hiểu rõ trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng xã hội mới. Chưa đầy một năm, Nhà xuất bản Giáo dục đã phát hành tới 116 loại sách. Riêng sách giáo khoa đã in tới 1.746.614 bản, và được thường xuyên chỉnh lý và bổ sung kiến thức mới những năm tiếp sau đó [67].

Bên cạnh đó, trong giai đoạn này, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục kỹ thuật được chú trọng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của miền Bắc. Đội ngũ nhà giáo không chỉ đảm nhận nhiệm vụ truyền đạt kiến thức phổ thông mà còn hướng dẫn người học tiếp cận với các ngành nghề thiết thực, giúp họ có kỹ năng lao động ngay từ khi còn trên ghế nhà trường. Nhiều trường kỹ thuật, trung cấp chuyên nghiệp được thành lập, với sự tham gia giảng dạy tích cực của các thầy cô có chuyên môn cao, góp phần đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong giai đoạn này, đội ngũ nhà giáo còn đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hệ thống giáo dục đại học. Cải cách giáo dục năm 1956 đã đặt nền móng cho sự ra đời của các trường đại học chuyên ngành như Trường Đại học Chuyên nghiệp Bách khoa, Trường Đại học Y dược, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội... Các giảng viên đại học không chỉ truyền đạt tri thức mà còn là những người tiên phong trong nghiên cứu khoa học, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục bậc cao, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ công cuộc xây dựng đất nước.

Ngoài ra, các thầy cô giáo còn đóng góp lớn vào phong trào xóa mù chữ, nâng cao dân trí, giúp người dân miền Bắc có điều kiện học tập, tiếp cận tri thức mới. Đến ngày 22/01/1959, miền Bắc Việt Nam cơ bản hoàn thành việc xóa nạn mù

chữ, với 93,4% dân số từ 12 đến 50 tuổi biết đọc, biết viết và biết tính toán. Riêng Thủ đô Hà Nội đạt tỷ lệ cao nhất với 97,5% dân số từ 8 đến 50 tuổi biết chữ [17]. Với tinh thần tận tụy, trách nhiệm, đội ngũ giáo viên đã đến khắp các vùng nông thôn, miền núi, mở lớp dạy chữ, hướng dẫn sản xuất, góp phần cải thiện đời sống và thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, cải cách giáo dục năm 1956 không chỉ thay đổi về mặt tổ chức, nội dung mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với đội ngũ nhà giáo. Họ không chỉ là người truyền đạt tri thức mà còn là những nhà cải cách, những người đặt nền móng cho sự phát triển của nền giáo dục cách mạng Việt Nam, góp phần đào tạo nên những thế hệ công dân ưu tú, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Sản phẩm của văn hóa giáo dục, thành tựu của những người thầy chính là tạo ra lớp người đủ sức đương đầu với một siêu cường trên thế giới và giành được chiến thắng. Nói về sức mạnh của con người Việt Nam trong thế kỷ XX, thế giới phải thừa nhận: “Ai cũng biết rằng trong thế kỷ XX, chính vật chất là sức mạnh của thời đại chúng ta, thời đại có nhiều tên gọi: thời đại năng lượng nguyên tử, thời đại phản lực, thời đại điều khiển học, thời đại chinh phục vũ trụ, thời đại tin học... Dù là kẻ đến thiết bị nào thì Mỹ cũng đều có và người Việt Nam cũng đều không có. Sức mạnh duy nhất của họ là *sức mạnh của con người*” [53, tr.43] được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, dưới sự dìu dắt của những người thầy đã sống và làm việc theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến Pháp và chống Mỹ không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của *nền giáo dục, của đội ngũ nhà giáo được xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh*.

4.2.2.3. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba (1979)

Tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo nói riêng, không chỉ có giá trị lịch sử gắn với hai cuộc cải cách giáo dục khi Người còn sống mà còn có giá trị đương đại, tiếp tục soi đường cho tiến trình cải cách và đổi mới giáo dục ở Việt Nam ngay cả khi Người đã qua đời. Cuộc cải cách giáo dục lần thứ ba năm 1979 đã tạo ra một hệ thống giáo dục thống nhất trong cả nước. Trong tiến trình này, đội ngũ nhà giáo đã thể hiện vai trò then chốt, góp phần quyết định vào những thành tựu to lớn của nền giáo dục nước nhà.

Sau khi đất nước thống nhất, Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục. Nạn mù chữ lan rộng, cơ sở vật chất thiếu thốn, chương trình giáo dục chưa thống nhất giữa hai miền Nam - Bắc. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước đã khởi xướng cuộc cải cách giáo dục năm 1979 với mục tiêu xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học và thống nhất hệ thống giáo dục trên toàn quốc. Đội ngũ nhà giáo, với tinh thần trách nhiệm cao cả, đã tiên phong trong việc thực hiện các mục tiêu này.

Một trong những đóng góp nổi bật của đội ngũ nhà giáo là tham gia tích cực vào công tác xóa mù chữ. Hàng vạn giáo viên, sinh viên và học sinh đã tình nguyện đến các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số để giảng dạy, giúp đỡ người dân biết đọc, biết viết. Nhờ những nỗ lực này, đến tháng 6 năm 1976, tại miền Nam, đã có 200.000 người thoát khỏi mù chữ, tạo điều kiện cho họ tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội của đất nước. Đến cuối tháng 2/1978, toàn bộ 21 tỉnh, thành phố ở miền Nam đã cơ bản thanh toán nạn mù chữ. Đến năm 2000, tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước với 98,03% số quận, huyện và 98,53% số xã, phường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia xóa mù chữ. Tỷ lệ biết chữ trong độ tuổi 15-60 đạt 97,73% [134].

Bên cạnh đó, đội ngũ nhà giáo đã đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và triển khai chương trình giáo dục mới. Hệ thống giáo dục ở hai miền Nam - Bắc được thống nhất. Thay thế hệ thống phổ thông 12 năm ở miền Nam và hệ thống 10 năm ở miền Bắc bằng một hệ thống giáo dục phổ thông 12 năm mới, trong đó, trường cấp I và trường cấp II được sáp nhập thành trường phổ thông cơ sở (chín năm), đồng thời chuẩn bị phân ban ở trung học phổ thông. Chương trình học được đổi mới, chú trọng giáo dục toàn diện, kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Phương pháp giảng dạy cũng được cải tiến, khuyến khích học sinh chủ động, sáng tạo. Việc đầu tư xây dựng trường lớp, trang bị thiết bị dạy học cũng được đẩy mạnh. Nhiều loại hình trường lớp được mở ra, hệ thống dạy nghề chính quy được hình thành, nội dung giảng dạy và học tập có nhiều điểm sửa đổi. Ở các tỉnh miền Nam, việc xây dựng hệ thống trường học từ cấp cơ sở, đặc biệt ở vùng nông thôn, được đặc biệt quan tâm cùng với việc bổ sung đội ngũ giáo viên và thống nhất chương trình đào tạo.

Tóm lại, trong cuộc cải cách giáo dục năm 1979, đội ngũ nhà giáo đã thể hiện vai trò tiên phong và quyết định, đóng góp to lớn vào sự nghiệp giáo dục của nước nhà. Những nỗ lực và cống hiến của họ đã mang lại những thành tựu đáng tự hào, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới.

4.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo gợi mở giải pháp cho công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo trong kỷ nguyên phát triển mới

Trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đội ngũ nhà giáo đóng vai trò then chốt, có tính chất quyết định đối với chất lượng và hiệu quả đổi mới. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Đảng và Nhà nước luôn đặt trọng tâm vào công tác xây dựng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ này. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: nâng cao chất lượng giáo viên là yếu tố cốt lõi để thực hiện thành công công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Công cuộc đổi mới giáo dục của Việt Nam hơn một thập kỷ qua, đến nay, đan xen giữa thành công và hạn chế. Thực trạng đó gắn liền và phản ánh ưu điểm cũng như khuyết điểm đang tồn tại trong đội ngũ giáo viên.

Đầu tiên, có thể khẳng định rằng đội ngũ nhà giáo Việt Nam hiện nay đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong quá trình phát triển giáo dục và đào tạo.

Một là, *số lượng nhà giáo khá đông đảo, cơ bản đáp ứng nhu cầu*. Những năm qua, mạng lưới và quy mô đội ngũ nhà giáo đã không ngừng phát triển. Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tính đến năm học 2023 - 2024, cả nước có khoảng 1,6 triệu nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục [120]. Trong đó, giáo viên mầm non và phổ thông chiếm khoảng 1,1 triệu người [14, tr.892; 901], còn lại là giáo viên đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý giáo dục. Quy mô đội ngũ tăng lên đã góp phần cơ bản đáp ứng nhu cầu giảng dạy ở các bậc học trên phạm vi cả nước.

Hai là, *trình độ và năng lực chuyên môn của đội ngũ nhà giáo không ngừng được nâng cao*. Đa số giáo viên hiện nay đạt chuẩn hoặc trên chuẩn về trình độ đào tạo; năm học 2019 - 2020, tỷ lệ giáo viên phổ thông đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2005 đạt 99,7% [114]. Sau khi Luật Giáo dục 2019 nâng chuẩn trình độ tối thiểu,

ngành giáo dục đã tích cực bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ; đến năm 2023, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đạt 86,1% ở mầm non, 83,3% ở tiểu học, 90,3% ở trung học cơ sở và 99,9% ở trung học phổ thông [119]. Ở các trường đại học, giảng viên có trình độ từ đại học trở lên chiếm trên 98% [14, tr.930]. Cùng với đó, quy định mới từ năm 2018 về xét công nhận giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ yêu cầu có công bố quốc tế trong các tạp chí uy tín thuộc hệ thống ISI hoặc Scopus đã góp phần nâng cao trình độ học thuật của đội ngũ giảng viên. Bên cạnh bằng cấp, năng lực sư phạm của giáo viên cũng từng bước được cải thiện; nhiều thầy, cô chủ động đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt trong giai đoạn dạy học trực tuyến thời kỳ COVID-19. Những chuyển biến này đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và uy tín của giáo dục Việt Nam.

Ba là, *phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo được đánh giá cao*. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, đa số nhà giáo “có phẩm chất đạo đức và ý thức chính trị tốt; có lòng yêu nghề; có tinh thần trách nhiệm trong công việc; tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ” [68]. Nhiều thầy cô giáo đã không quản khó khăn, công tác tại vùng sâu, vùng xa, hết lòng vì học sinh, thể hiện lòng yêu nghề và tận tụy với sự nghiệp “trồng người”. Những tấm gương nhà giáo tận tâm đó đã góp phần củng cố uy tín của nghề giáo trong xã hội. Nhìn chung, đội ngũ nhà giáo Việt Nam luôn giữ vững phẩm chất nghề nghiệp, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Bốn là, *các thầy cô trong ngành giáo dục và đào tạo đã tiên phong trong việc chuyển đổi số*. Trong 3 năm 2022 - 2024, Việt Nam đã hoàn thành việc xây dựng 100% các cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục từ mầm non, phổ thông; lần đầu thực hiện thành công việc kết nối Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục với các Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo hiểm và thực hiện thanh toán 100% lệ phí xét tuyển đại học trực tuyến, thanh toán học phí không dùng tiền mặt. Cơ sở dữ liệu được đưa vào sử dụng đã giúp các cơ quan quản lý đưa ra các quyết định chính xác về chính sách để khắc phục tối đa những bất cập như thừa - thiếu giáo viên và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo.

Từ những thành tựu nêu trên có thể thấy rằng, sự phát triển của đội ngũ nhà giáo trong thời gian qua là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố khác nhau:

Thành tựu của công cuộc Đổi mới đã tạo ra những chuyển biến sâu sắc về kinh tế - xã hội, qua đó cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân và tác động tích cực đến đội ngũ nhà giáo. Khi mức sống chung của xã hội được nâng cao, đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên từng bước được cải thiện, tạo điều kiện để họ yên tâm công tác và cống hiến cho sự nghiệp giáo dục. Đồng thời, nhận thức xã hội về vai trò của giáo dục ngày càng được củng cố, các gia đình quan tâm hơn đến việc học tập của con em, qua đó tạo môi trường thuận lợi để nhà giáo phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp. Bên cạnh đó, sự phát triển của nền kinh tế và việc gia tăng nguồn lực của Nhà nước đã cho phép tăng cường đầu tư cho giáo dục - đào tạo, từ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đến các chính sách đối với đội ngũ nhà giáo. Những điều kiện đó góp phần cải thiện môi trường làm việc và thúc đẩy sự phát triển của đội ngũ nhà giáo trong giai đoạn hiện nay.

Một nguyên nhân quan trọng tạo nên những chuyển biến tích cực của đội ngũ nhà giáo hiện nay là *vị thế xã hội của người thầy ngày càng được khẳng định và thể chế hóa bằng pháp luật*. Giáo dục và đào tạo được xác định là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò quyết định đối với tương lai của dân tộc, còn nhà giáo được coi là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng giáo dục. Sự quan tâm đó không chỉ thể hiện ở chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn được cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật, với dấu mốc quan trọng là việc nghề dạy học lần đầu tiên được luật hóa thông qua Luật Nhà giáo. Từ chỗ chủ yếu được đề cao trong trên phương diện đạo lý, truyền thống và văn hóa xã hội với tinh thần tôn sư trọng đạo, vị thế của nhà giáo nay được bảo đảm bằng các quy định pháp lý về quyền, nghĩa vụ và các cơ chế bảo vệ, phát triển đội ngũ. Sự kết hợp giữa giá trị đạo lý và khuôn khổ pháp luật đã tạo nền tảng vững chắc cho nghề dạy học, đồng thời trở thành nguồn động viên để đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác và cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

Cùng với đó, *sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông* đã tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhà giáo học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn. Thông qua các nền tảng số và môi trường mạng, giáo viên có thể

nhANH chóng tiếp cận tri thức giáo dục hiện đại, tham khảo kinh nghiệm giảng dạy của các quốc gia trên thế giới và tăng cường trao đổi chuyên môn với đồng nghiệp. Nhờ vậy, quá trình tự học, tự bồi dưỡng được thúc đẩy, góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp, đổi mới phương pháp dạy học và thích ứng với yêu cầu phát triển của giáo dục hiện nay.

Cuối cùng, *các phong trào thi đua* được tổ chức trong ngành giáo dục cũng góp phần tạo nên những ưu điểm của đội ngũ nhà giáo hiện nay. Các phong trào như “dạy tốt - học tốt”, xây dựng văn hóa nhà trường, đề cao kỷ cương và trách nhiệm nghề nghiệp được triển khai thường xuyên, tạo động lực để giáo viên rèn luyện phẩm chất, tác phong và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Qua đó, các giá trị đạo đức nghề nghiệp của người thầy được củng cố và lan tỏa, góp phần nâng cao ý thức kỷ luật, uy tín xã hội và thúc đẩy đội ngũ nhà giáo tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

Bên cạnh những ưu điểm nổi bật, đội ngũ nhà giáo hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế, tồn tại cần khắc phục.

Đầu tiên, *cơ cấu và phân bổ đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ, xảy ra tình trạng thừa thiếu cục bộ*. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đến năm học 2022 - 2023 cả nước còn thiếu khoảng 118.253 giáo viên ở các cấp mầm non và phổ thông, tăng thêm hơn 11.308 người so với năm học trước. Tình trạng thiếu giáo viên nghiêm trọng nhất ở bậc mầm non và các môn học mới trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 như Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật; riêng năm 2023 bậc mầm non thiếu 7.887 giáo viên so với năm trước [125]. Sự mất cân đối còn thể hiện ở việc phân bổ giáo viên giữa các vùng miền chưa hợp lý: trong khi một số đô thị dư thừa giáo viên ở một số môn, nhiều vùng khó khăn lại thiếu giáo viên trầm trọng. Thực trạng này không chỉ ảnh hưởng đến việc bảo đảm số lượng giáo viên mà còn đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy, đặc biệt đối với các môn học mới như tiếng Anh, nơi năng lực chuyên môn của giáo viên có tác động trực tiếp đến chất lượng học tập của học sinh.

Bên cạnh đó, *một bộ phận nhà giáo còn hạn chế về chất lượng chuyên môn và kỹ năng, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Mặc dù mặt bằng trình độ

chung đã được nâng lên, vẫn còn một tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn theo quy định mới. Hiện nay khoảng 16,7% giáo viên tiểu học và 13,9% giáo viên mầm non chưa có bằng cấp đạt chuẩn đại học/cao đẳng theo Luật Giáo dục 2019 [119]. Ngoài ra, một số giáo viên chưa đáp ứng đầy đủ chuẩn nghề nghiệp sư phạm; phương pháp giảng dạy chậm đổi mới, vẫn thiên về lối dạy truyền thống, chưa phát huy tính chủ động và sáng tạo của học sinh. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học của nhiều giáo viên còn hạn chế, đặc biệt ở nhóm giáo viên lớn tuổi, gây khó khăn trong việc tiếp cận phương pháp giảng dạy hiện đại. Trong khi đó, một số giáo viên trẻ lại thiếu kinh nghiệm sư phạm và chưa vững vàng về chuyên môn. Những hạn chế này khiến chất lượng giảng dạy chưa đồng đều và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; thậm chí trong một số trường hợp cá biệt còn xảy ra vi phạm đạo đức nghề nghiệp, ảnh hưởng đến uy tín của đội ngũ nhà giáo.

Khó khăn còn nằm trong công tác quản lý khi *không ít người trong đội ngũ quản lý giáo dục không có chuyên môn về giáo dục*. Đây là vấn đề trở nên “nóng hổi” sau khi chúng ta thực hiện chủ trương xây dựng chính quyền hai cấp, các phòng giáo dục của các quận, huyện không còn tồn tại. Kết luận 137-KL/TW năm 2025 của Bộ Chính trị về tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, chỉ đạo giao chính quyền cấp xã quản lý các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trong khi hầu hết các chủ tịch xã, phường không có chuyên môn về giáo dục. Cán bộ văn xã ở cơ sở quá “mỏng” và chưa có kinh nghiệm quản lý giáo dục. Đây là một thực tế rất đáng suy ngẫm và cần được giải quyết một cách hợp lý.

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả yếu tố thuộc về cơ chế quản lý, chính sách giáo dục cũng như những tác động từ bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

Thứ nhất, *do công tác quy hoạch, quản lý và sử dụng đội ngũ nhà giáo còn bất cập*. Trong nhiều năm, chỉ tiêu tuyển sinh sư phạm chủ yếu dựa trên năng lực đào tạo của các trường, chưa gắn chặt với nhu cầu thực tế theo môn học, cấp học và địa phương. Hệ quả là xảy ra tình trạng đào tạo thừa giáo viên ở một số ngành trong khi nhiều môn học và vùng khó khăn lại thiếu giáo viên, tạo nên vòng luẩn quẩn “vừa thừa, vừa thiếu”. Bên cạnh đó, giai đoạn 2015 - 2021, việc thực hiện chủ

trương tình giản 10% biên chế trong khu vực sự nghiệp công khiến nhiều địa phương cắt giảm hoặc tạm dừng tuyển mới giáo viên, làm chậm quá trình bổ sung nhân lực cần thiết.

Thứ hai, *chính sách thu hút nhân lực ngành sư phạm còn hạn chế*. Thu nhập của giáo viên, từ mức lương khởi điểm đến thu nhập trong suốt quá trình công tác, nhìn chung thấp hơn so với mặt bằng chung của xã hội, khiến nghề giáo chưa có sức hút đối với người giỏi. Hệ quả là nhiều sinh viên có năng lực không lựa chọn ngành sư phạm và một bộ phận giáo viên trẻ, có năng lực dễ chuyển sang lĩnh vực khác có đãi ngộ tốt hơn khi có cơ hội. Bên cạnh đó, tại các thành phố lớn, chi phí sinh hoạt cao khiến thu nhập của giáo viên công lập khó cạnh tranh với khu vực tư thực và các ngành nghề khác; còn ở vùng sâu, vùng xa, chính sách hỗ trợ giáo viên vẫn chưa đủ để họ yên tâm gắn bó với nghề, với vùng đất còn nhiều khó khăn. Cùng với áp lực công việc ngày càng lớn trong khi chế độ động viên chưa tương xứng trở thành nguyên nhân quan trọng làm suy giảm nguồn nhân lực và ảnh hưởng đến chất lượng đội ngũ nhà giáo.

Thứ ba, *do những yêu cầu mới của ngành giáo dục và yếu tố khách quan xã hội tạo ra thách thức lớn cho đội ngũ nhà giáo*. Trong những năm gần đây, ngành giáo dục đồng thời triển khai nhiều đổi mới như áp dụng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với nội dung và phương pháp dạy học mới, mở thêm các môn học bắt buộc (Tin học, Ngoại ngữ ở tiểu học; Âm nhạc, Mỹ thuật ở trung học) và tổ chức dạy học hai buổi/ngày ở tiểu học. Những đổi mới này đòi hỏi tăng số lượng và nâng cao trình độ giáo viên, trong khi quá trình chuẩn bị nhân lực chưa theo kịp, làm phát sinh nhu cầu tuyển dụng lớn trong thời gian ngắn. Bên cạnh đó, biến động dân số và dòng di cư giữa các vùng cũng dẫn đến tình trạng nơi thừa, nơi thiếu giáo viên. Việc nâng chuẩn trình độ giáo viên theo Luật Giáo dục 2019 tuy cần thiết nhưng trước mắt lại thu hẹp nguồn tuyển dụng ở một số địa phương, đặc biệt tại vùng khó khăn. Ngoài ra, một bộ phận giáo viên còn chậm thích ứng với đổi mới, chưa chủ động nâng cao kỹ năng và đổi mới phương pháp dạy học. Những yếu tố này đã và đang tạo ra áp lực lớn đối với đội ngũ nhà giáo và ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

Thứ tư, *do những bất cập không nhỏ trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục*. Sau hơn một thập kỷ đổi mới giáo dục (2014), sự thiếu nhất quán, căn bệnh hình thức đang tồn tại trong một số “khâu” được coi là “then chốt” của công cuộc đổi mới: nguyên tắc “một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa” không được duy trì; việc dạy học tích hợp còn mang tính hình thức vì đội ngũ giáo viên vẫn được đào tạo theo chuyên ngành hẹp; yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học tích cực gặp rất nhiều khó khăn trong điều kiện sĩ số lớp học vẫn khá đông... Bên cạnh đó, việc điều chỉnh phương án thi tốt nghiệp trung học phổ thông và tuyển sinh đại học trong thời gian qua chưa thật sự ổn định, trong khi phương thức kiểm tra, đánh giá chưa theo kịp yêu cầu đổi mới. Những yếu tố này đã tạo thêm áp lực cho giáo viên trong quá trình thực hiện chương trình giáo dục mới và trở thành một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả đổi mới giáo dục hiện nay.

Trên cơ sở những phân tích về thực trạng và nguyên nhân nêu trên, có thể nhận thấy, đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam hiện nay đang đứng trước *nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết*.

Trước hết, là *sự thiếu tương thích giữa yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo với năng lực thực tiễn của một bộ phận nhà giáo còn hạn chế*. Việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đòi hỏi giáo viên không chỉ vững chuyên môn mà còn thành thạo kỹ năng sư phạm hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn một bộ phận giáo viên, nhất là ở vùng khó khăn, chưa theo kịp yêu cầu này; còn lúng túng trong tổ chức hoạt động giáo dục tích cực, hạn chế về kỹ năng công nghệ, ngoại ngữ và vẫn chịu ảnh hưởng của tư duy dạy học truyền thống. Sự vận động nhanh của chính sách giáo dục trong khi đội ngũ giáo viên thích ứng còn chậm đã tạo ra khoảng cách đáng kể giữa yêu cầu và thực tiễn. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, thiết thực và xây dựng môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo trong đội ngũ nhà giáo.

Tiếp theo, là sự *“lệch pha” giữa chuẩn giáo viên của Luật Giáo dục 2019 và thực tế nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn mới*. Việc nâng chuẩn trình độ giáo viên mầm non từ trung cấp lên cao đẳng, giáo viên phổ thông từ cao đẳng lên đại học,

giảng viên Đại học phải từ thạc sỹ trở lên là chủ trương đúng đắn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, điều này đang tạo áp lực lớn cho hàng vạn giáo viên, nhất là ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện học tập, tiếp cận cơ hội nâng chuẩn còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, công tác hỗ trợ, bố trí thời gian, tài chính cho giáo viên đi học nâng chuẩn vẫn còn lúng túng, thiếu đồng bộ. Nếu không giải quyết tốt mâu thuẫn này, nguy cơ mất ổn định đội ngũ, nhất là tại các địa phương khó khăn, là điều hoàn toàn có thể xảy ra.

Đó còn, là *mâu thuẫn giữa nhu cầu tuyển dụng giáo viên ngày càng lớn để đáp ứng yêu cầu chương trình mới, mở rộng quy mô giáo dục với sự hạn hẹp về tiêu chuẩn biên chế và nguồn lực tài chính*. Nhiều địa phương hiện nay đang thiếu hàng nghìn giáo viên, đặc biệt ở cấp mầm non, tiểu học và các môn học mới như Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật. Tuy nhiên, do vướng mắc về chỉ tiêu biên chế, ngân sách, quy định tuyển dụng và cơ chế phân cấp chưa hợp lý, việc bổ sung kịp thời giáo viên trở nên rất khó khăn. Thậm chí có nơi phải sử dụng giáo viên dạy chéo môn, hợp đồng ngắn hạn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dạy học. Mâu thuẫn này đặt ra yêu cầu phải đổi mới tư duy quản lý nhân lực ngành giáo dục, đồng thời xây dựng cơ chế tuyển dụng linh hoạt, chủ động hơn cho các địa phương, nhất là trong bối cảnh thực hiện chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Tiếp đến, là *sự không tương thích giữa kỳ vọng ngày càng cao của xã hội đối với nhà giáo với chế độ đãi ngộ, điều kiện làm việc còn thấp*. Xã hội luôn đòi hỏi nhà giáo phải mẫu mực về đạo đức, vững chuyên môn, tận tụy với học sinh; tuy nhiên đời sống vật chất và tinh thần của nhiều giáo viên vẫn còn khó khăn. Mức lương cơ bản thấp, phụ cấp chưa ổn định trong khi khối lượng công việc và áp lực nghề nghiệp ngày càng lớn khiến không ít giáo viên rơi vào tình trạng quá tải. Trong bối cảnh kinh tế thị trường và sự phát triển của truyền thông xã hội, hoạt động nghề nghiệp của giáo viên còn chịu nhiều áp lực từ dư luận. Sự chênh lệch giữa kỳ vọng xã hội và điều kiện bảo đảm cho nghề dạy học đã khiến một bộ phận giáo viên rời bỏ nghề. Nếu mâu thuẫn này không được giải quyết kịp thời, chất lượng nguồn nhân lực ngành giáo dục và mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện sẽ bị ảnh hưởng.

Vẫn tồn tại độ “vênh” giữa yêu cầu phát triển đồng đều đội ngũ giáo viên trên phạm vi cả nước và sự chênh lệch về trình độ giáo viên giữa các vùng, loại hình đào tạo. Trong khi thành phố, đô thị lớn có điều kiện thuận lợi để thu hút nhà giáo giỏi, thì các huyện miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa lại gặp nhiều khó khăn trong tuyển dụng, đào tạo và giữ chân giáo viên. Một số trường dân lập chưa thật chú ý xây dựng đội ngũ giáo viên của mình mà thường mời thỉnh giảng nên chất lượng giáo viên khó kiểm soát. Chất lượng đội ngũ không đồng đều dẫn đến sự bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục giữa các vùng miền, làm giảm hiệu quả triển khai các chính sách công bằng và hội nhập. Đây là mâu thuẫn mang tính hệ thống, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ của các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng chính sách đặc thù, có tính khuyến khích mạnh mẽ và lâu dài đối với giáo viên vùng khó.

Đó còn là bất cập giữa mong muốn phát triển nghề nghiệp suốt đời cho giáo viên và hệ thống khuyến khích, hỗ trợ của Nhà nước còn thấp. Trong điều kiện đổi mới giáo dục và chuyển đổi số, nhà giáo cần học tập thường xuyên, cập nhật tri thức và kỹ năng liên tục. Tuy nhiên, hệ thống bồi dưỡng hiện nay còn nặng hình thức, thiếu tính thực tiễn, thiếu sự phân hóa theo nhu cầu cá nhân và chưa gắn với động lực nghề nghiệp rõ ràng. Nhiều thầy, cô giáo tham gia các khóa bồi dưỡng chỉ để hoàn thành chỉ tiêu, “dán mác” mà ít vận dụng vào thực hành giảng dạy. Bất cập này đòi hỏi phải cải cách toàn diện nội dung, phương pháp, cơ chế đánh giá và công nhận kết quả bồi dưỡng, xây dựng một hệ thống phát triển nghề nghiệp liên tục (CPD) hiệu quả và bền vững.

Bên cạnh đó, là sự không tương thích giữa yêu cầu giữ gìn, nâng cao đạo đức nghề nghiệp của nhà giáo và sự suy thoái của đạo đức xã hội. Nhà giáo không sống trên “ốc đảo”. Sự “lên ngôi” của đồng tiền, khát khao làm giàu và sự thay đổi “thang giá trị” đạo đức đã làm cho một bộ phận giáo viên phân nào sao nhãng việc rèn luyện đạo đức. Trong khi đó, trong thời đại số và truyền thông mạng xã hội phát triển mạnh, hình ảnh người thầy bị soi chiếu từ rất nhiều phía. Áp lực giảng dạy, sự thiếu gắn kết chặt chẽ giữa nhà trường - phụ huynh - học sinh, cùng với những tiêu cực xã hội có nguy cơ ảnh hưởng đến tư tưởng, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận nhà giáo. Một số vụ việc vi phạm đạo đức sư phạm,

bạo lực học đường khi xảy ra đã để lại dư luận không tốt trong xã hội. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần nâng cao công tác chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức nghề nghiệp và xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường, củng cố niềm tin và uy tín xã hội đối với nhà giáo.

Cuối cùng, *sự bất cập giữa yêu cầu định hướng phát triển giáo dục rõ ràng với sự thiếu vắng một triết lý giáo dục nhất quán và hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị con người Việt Nam*. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, triết lý giáo dục trở thành vấn đề được quan tâm trong nhiều diễn đàn khoa học và chính sách. Tuy giáo dục Việt Nam đã xác định những mục tiêu và định hướng chiến lược, nhưng vẫn chưa hình thành một triết lý giáo dục mang tính nhất quán làm nền tảng cho các hoạt động giáo dục và đào tạo. Cùng với đó, việc xây dựng hệ giá trị văn hóa và hệ giá trị con người Việt Nam dù được đặt ra đã lâu nhưng vẫn chưa được hoàn thiện. Điều này khiến cho đội ngũ nhà giáo - lực lượng trực tiếp hình thành nhân cách người học, thiếu một “thang đo” giá trị đủ rõ ràng để làm điểm tựa cho hoạt động giáo dục.

Tóm lại, việc nhận diện và giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn trong đội ngũ nhà giáo là điều kiện quan trọng để xây dựng đội ngũ giáo viên đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Từ đó, yêu cầu bức thiết phải nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo - lực lượng giữ vị trí trung tâm trong sự nghiệp “trồng người” được đặt ra. Trong quá trình tìm lời giải cho yêu cầu đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo chính là kim chỉ nam có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Do đó, cần kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo để đề ra những giải pháp mang tính căn cơ, nhằm xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ phẩm chất, năng lực, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, từ đó thực hiện tốt các mục tiêu của kỷ nguyên “vươn mình”.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của toàn xã hội về tầm quan trọng của nhà giáo.

Nhận thức đúng là tiền đề quan trọng để hình thành thái độ đúng và hành động đúng trong việc trân trọng, bảo vệ đội ngũ nhà giáo. Thực tế cho thấy, trong xã hội vẫn còn tồn tại những cách nhìn phiến diện, chưa đầy đủ khi cho rằng lao

động sư phạm là lao động nhàn hạ, có nhiều thời gian nghỉ ngơi, đặc biệt là chưa thấy hết những áp lực nghề nghiệp, những khó khăn, vất vả và sự cống hiến thầm lặng của đội ngũ nhà giáo. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong toàn xã hội nhằm làm rõ vai trò, vị trí và những đặc thù của lao động sư phạm, qua đó tạo sự đồng thuận xã hội trong việc ban hành và thực thi các chính sách đãi ngộ, tôn vinh và bảo vệ nhà giáo. Chỉ khi nhận thức xã hội được nâng lên đúng mức, các chính sách đối với nhà giáo mới có cơ sở vững chắc để đi vào cuộc sống, góp phần xây dựng đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến cho sự nghiệp giáo dục.

Thứ hai, quán triệt quan điểm của Đảng và cụ thể hóa thành chính sách, luật pháp của Nhà nước về các ưu đãi dành cho nhà giáo

Quán triệt và luật hóa các quan điểm của Đảng về tầm quan trọng và chính sách ưu đãi đối với nhà giáo là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao vị thế, bảo đảm quyền lợi và trách nhiệm của đội ngũ giáo viên, góp phần phát triển nền giáo dục nước nhà. Đảng ta luôn khẳng định: Giáo dục là quốc sách hàng đầu và nhà giáo là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, do đó cần có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên yên tâm công tác, cống hiến lâu dài. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh vai trò nòng cốt của giáo viên trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo, đồng thời yêu cầu bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho nhà giáo. Vì lẽ đó, đến Hội nghị Trung ương 8 khóa XI, Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã được thông qua. Trong đó, đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, chỉ ra nhiệm vụ và giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định nhiệm vụ “cần đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ, chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là khâu then chốt” [32, tr.138]. Trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước ta đã thể chế hóa thành hệ thống pháp luật, tạo hành lang pháp lý

bảo vệ quyền lợi và trách nhiệm của nhà giáo. *Luật Giáo dục năm 2019* quy định rõ vị thế của nhà giáo, trong đó Điều 72 khẳng định nhà giáo có vai trò nòng cốt trong sự nghiệp giáo dục, được bảo đảm các điều kiện về đào tạo, bồi dưỡng, tiền lương và chế độ đãi ngộ. Điều 76 của Luật này quy định chính sách ưu đãi đối với nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hút nhân lực chất lượng cao đến giảng dạy tại các khu vực cần phát triển. Bên cạnh đó, Nghị định số 116/2020/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và sinh hoạt phí đối với sinh viên sư phạm cũng thể hiện sự quan tâm của Nhà nước trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực giáo dục. *Luật Nhà giáo* với nhiều ưu đãi đã được thông qua nhưng cần có các thông tư, nghị định để luật đi vào cuộc sống, nhằm tạo hành lang pháp lý ngày một đầy đủ hơn nhằm giúp cho đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác. Việc quán triệt và luật hóa các quan điểm của Đảng về nhà giáo không chỉ chứng minh đội ngũ nhà giáo thực sự được xã hội thực sự tôn vinh mà còn để thực hiện nguyên tắc “Nói đi đôi với làm” trong phương thức lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ, bảo đảm điều kiện làm việc và đời sống của nhà giáo, tạo động lực mạnh mẽ để đội ngũ này phát huy hết tài năng, trí tuệ trong sự nghiệp “trồng người.”

Thứ ba, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với tăng cường kiểm tra, đánh giá chất lượng đội ngũ nhà giáo

Đây được coi là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Trước hết, cần tập trung nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục sư phạm, bảo đảm chuẩn đầu vào, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại, thực tiễn và phù hợp với yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì thế, cần thực hiện hiệu quả các chương trình bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp, khuyến khích giáo viên tự học, tự nâng cao trình độ thông qua các khóa học trực tuyến, hội thảo khoa học và trao đổi chuyên môn. Bên cạnh đó, cần có cơ chế chính sách ưu đãi, thu hút nhân tài vào ngành sư phạm, tạo động lực để những người giỏi, có tâm huyết với nghề tham gia công tác giáo dục. Cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại cho các trường sư phạm để đội ngũ nhà giáo tương lai có phong cách, kỹ năng sử dụng các thiết bị hiện đại trong giáo dục.

Trên cơ sở đó, công tác kiểm tra, đánh giá cần được tăng cường nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Hồ Chí Minh luôn đánh giá rất cao tầm quan trọng của công tác kiểm tra cũng như việc đề ra cách thức tiến hành kiểm tra sao cho hiệu quả. Người đã chỉ ra rằng: “Không phải ngày nào cũng kiểm tra. Nhưng thường thường kiểm tra để giúp họ rút kinh nghiệm, sửa chữa khuyết điểm, phát triển ưu điểm” [100, tr.316]. Cho nên, trong công tác nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng cũng không phải là ngoại lệ và cần phải tiến hành một cách thường xuyên, có hiệu quả. Trước hết, cần xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm đánh giá khách quan, toàn diện về năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, phương pháp giảng dạy và trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo. Việc đánh giá phải dựa trên các tiêu chí cụ thể, gắn với chuẩn nghề nghiệp giáo viên và yêu cầu thực tiễn của đổi mới giáo dục. Đặc biệt, tại các cơ sở giáo dục dân lập, cần tăng cường thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất, bảo đảm các nhà trường thực hiện nghiêm túc quy định về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ nhà giáo. Cần có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp không đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng giảng dạy hoặc có vi phạm về đạo đức nghề nghiệp, đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn thông qua đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của các cơ quan quản lý giáo dục trong việc hướng dẫn, hỗ trợ các trường dân lập nâng cao chất lượng giảng dạy, đồng thời tạo cơ chế minh bạch để xã hội giám sát, đánh giá đội ngũ giáo viên. Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ngoài công lập, tạo sự công bằng trong hệ thống giáo dục quốc gia và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.

Thứ tư, tăng cường đầu tư cho giáo dục đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý giáo dục theo nguyên tắc dân chủ

Tăng cường đầu tư cho giáo dục nói chung là giải pháp quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngay cả trong những năm kháng chiến đầy “mưa bom, bão

đạo”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã không quên căn dặn: “chăm lo đến việc dạy và học và đảm bảo tốt phòng không an toàn cho các thầy giáo, cô giáo và các cháu” [110, tr.315]. Ngày nay, đứng trước những yêu cầu đặt ra của kỷ nguyên mới. Trước hết, Nhà nước cần ưu tiên bố trí nguồn lực hợp lý, tăng cường ngân sách đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động giảng dạy và học tập. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội trong việc đầu tư, hỗ trợ sự nghiệp giáo dục, đặc biệt trong các chương trình nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm.

“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc” [100, tr.309] nên việc đầu tư xứng đáng cho đội ngũ giáo viên phải song hành với việc sử dụng, quản lý họ sao cho hiệu quả. Trong đội ngũ nhà giáo, các cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục đóng vai trò là người định hướng, đưa ra các quyết định về giải pháp, bước đi để quá trình đổi mới giáo dục được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Họ có vai trò kiến tạo, tổ chức thực hiện nhiều “khâu” trong tổ chức hoạt động giảng dạy nên nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục chính là khâu đột phá để định hướng, tổ chức và phát triển nguồn nhân lực giáo dục. Đội ngũ này cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, tâm huyết với sự nghiệp trồng người, đồng thời phải có trình độ chuyên môn sâu, năng lực quản trị hiện đại, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Vì vậy, việc tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo giáo dục cần được thực hiện công khai, minh bạch, trên cơ sở tiêu chuẩn rõ ràng, chú trọng yếu tố “vừa hồng, vừa chuyên”. Bên cạnh đó, cần thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng toàn diện, từ lý luận chính trị đến kiến thức quản lý giáo dục tiên tiến, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành. Công tác giám sát, đánh giá cán bộ cần được tăng cường, bảo đảm chính xác, công bằng; kiên quyết sàng lọc, thay thế những cán bộ yếu kém, không đáp ứng yêu cầu đổi mới. Qua đó, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giáo dục đủ tâm - tầm - tài, góp phần hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững theo tư tưởng Hồ Chí Minh và định hướng chiến lược của

Đảng. Không chỉ vậy, trong từng cơ sở đào tạo, Ban lãnh đạo nhà trường cũng phải chỉ đạo, quản lý giáo viên theo tinh thần dân chủ. Thực tế cho thấy, lối chỉ đạo mệnh lệnh, áp đặt, ngẫu hứng và căn bệnh hình thức của người lãnh đạo sẽ làm cả người dạy và người học hết sức mệt mỏi. Từ lời dặn của Hồ Chí Minh về thực hành dân chủ trong nhà trường, lúc này cần xây dựng văn hóa trường học theo tiêu chí “*Học thuật - dân chủ - nhân ái - đoàn kết*”.

Thứ năm, đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương nhà giáo Hồ Chí Minh

Đúng như Giáo sư Trần Thanh Đạm đã nhận xét, rằng “con người của Bác là sản phẩm ưu tú của dân tộc, của thời đại. Cho nên đối với dân tộc, đối với nhân loại, Bác là một tấm gương để noi theo, là con đường để đi theo” [63, tr.249]. Đội ngũ nhà giáo rất vinh dự khi có một “Đồng nghiệp” vĩ đại nên học tập tấm gương Nhà giáo Hồ Chí Minh là giải pháp cần thiết, có sức cảm hóa và khích lệ đội ngũ giáo viên. Thực tiễn hoạt động sư phạm của Hồ Chí Minh đã thể hiện những chuẩn mực tiêu biểu của người thầy, kết hợp hài hòa giữa đạo đức nghề nghiệp, tinh thần tự học và năng lực sư phạm. Tại Trường Dục Thanh (1910), Người thể hiện phong cách giảng dạy tận tâm, gần gũi, gắn lý luận với thực tiễn và khơi dậy tinh thần yêu nước cho học sinh. Đồng thời, Người là tấm gương sáng về tự học, không ngừng nâng cao tri thức và gắn học với hành. Trong giai đoạn hoạt động tại Quảng Châu (1925 - 1927), với vai trò giảng viên huấn luyện cán bộ, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục thể hiện năng lực tổ chức đào tạo khoa học, kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, góp phần hình thành đội ngũ cán bộ cách mạng nòng cốt. Bên cạnh tấm gương nhà giáo dục Hồ Chí Minh, đội ngũ nhà giáo hiện nay còn được soi chiếu từ Người là một tấm gương về tinh thần đổi mới, sáng tạo. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh luôn thể hiện tư duy độc lập, tinh thần đổi mới không ngừng và khả năng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, vì vậy Người được đánh giá là một nhà mácxít sáng tạo tiêu biểu. Từ việc không ngừng học tập tri thức mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại đến việc tìm tòi những phương thức cách mạng phù hợp với thực tiễn dân tộc, Hồ Chí Minh đã để lại tấm gương mẫu mực về khát vọng đổi mới và năng lực thích ứng trước những

biến đổi của thời đại. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực quan trọng của sự phát triển, đặc biệt khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo không chỉ dừng lại ở việc truyền thụ tri thức mà còn phải truyền cảm hứng về tinh thần đổi mới, sáng tạo và năng lực thích ứng cho người học. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, mỗi nhà giáo trước hết phải là một chủ thể tích cực của quá trình chuyển đổi số, không ngừng cập nhật tri thức, làm chủ công nghệ và đổi mới phương pháp giáo dục. Việc học tập tấm gương Hồ Chí Minh về tư duy đổi mới và khả năng thích ứng với những biến đổi của thời đại không chỉ là yêu cầu về mặt nhận thức mà còn là động lực quan trọng để xây dựng đội ngũ nhà giáo vừa có đạo đức nghề nghiệp trong sáng, vừa có năng lực chuyên môn vững vàng, tinh thần tự học và phương pháp sư phạm khoa học; đồng thời phát huy vai trò nêu gương, tạo sức lan tỏa trong kỷ nguyên số. Đây không chỉ là giải pháp mang tính giáo dục tư tưởng mà còn là động lực quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Thứ sáu, đẩy mạnh tự chủ giáo dục kết hợp với tăng cường liên kết và hội nhập quốc tế trong đào tạo đội ngũ nhà giáo

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã ký *Sắc lệnh về việc thiết lập một Quỹ tự trị cho trường Đại học Việt Nam* vào tháng 10/1945. Như vậy, Người đã sớm có ý tưởng về việc đảm bảo *quyền tự chủ* cho các trường Đại học - một định hướng mới cho giáo dục đại học nói riêng và toàn ngành giáo dục nói chung. Hiện nay, đẩy mạnh tự chủ trong các cơ sở giáo dục, đặc biệt ở giáo dục đại học, là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trước hết, cần tăng cường tự chủ về chuyên môn, học thuật, cho phép các trường linh hoạt trong tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên theo chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, tự chủ tài chính cần đi đôi với cơ chế kiểm soát phù hợp nhằm bảo đảm nguồn lực đầu tư cho phát triển đội ngũ nhà giáo và cải thiện

điều kiện làm việc. Đồng thời, cần hoàn thiện hành lang pháp lý để quá trình tự chủ diễn ra minh bạch, hiệu quả; quyền tự chủ phải song hành với trách nhiệm giải trình nhằm tránh xu hướng thương mại hóa giáo dục. Việc thực hiện tự chủ hiệu quả sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và thu hút nhân tài vào đội ngũ nhà giáo, đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Trên nền tảng đó, việc tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo trong nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Từ Đại hội XI (năm 2001), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định Việt Nam phải hội nhập một cách toàn diện về mọi lĩnh vực và do đó, hội nhập về giáo dục là bước đi tất yếu. Các thầy cô giáo sẽ có nhiều cơ hội tu nghiệp ở nước ngoài hơn để từng bước tiệm cận với nền giáo dục tiên tiến và sự “cọ sát” trong môi trường quốc tế. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo sẽ buộc đội ngũ nhà giáo phải nâng cao trình độ ngoại ngữ, năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy hiện đại như phát hiện vấn đề, xử lý tình huống, đóng vai, thi biện luận, phản biện.... Hợp tác quốc tế làm cho đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam trở nên đa dạng hơn khi được bổ sung bởi đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy với vai trò giáo viên thỉnh giảng. Đồng thời, việc này cũng sẽ tạo cơ hội cho thầy cô, nhất là giảng viên đại học được tham gia các hội thảo, tọa đàm, trao đổi học thuật, chuyên môn với các chuyên gia nước ngoài để cập nhật tri thức mới và phương pháp, kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế và sau đó họ sẽ truyền dạy cho học trò của mình những gì tinh túy nhất mà họ đã lĩnh hội, tích lũy được.

Một dân tộc muốn trở nên thông thái và đứng trên đỉnh cao của văn minh nhân loại tất yếu phải quan tâm đến nhà giáo - lực lượng trung tâm của hoạt động giáo dục. Với một đất nước đã trải qua những năm chiến tranh ác liệt và khủng hoảng kinh tế thì khát vọng hùng cường là vô cùng mạnh mẽ. Tiếp tục khai thác tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo để tìm ra hệ thống giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo - “chìa khóa” để phát triển “quốc sách” giáo dục không đơn thuần là nhiệm vụ của cơ quan chủ quản, tức Bộ Giáo dục và Đào tạo mà là trách nhiệm chung của toàn hệ thống chính trị, trước hết là của Đảng và của những người làm công tác giáo dục ở nước ta hiện nay.

Tiểu kết chương 4

Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng khẳng định: Tư tưởng Hồ Chí Minh “là một kho tàng đầy của báu, là di sản chứa đựng bao giá trị, giá trị đó nói cho cùng là giá trị văn hóa mà chúng ta khai thác chưa được bao nhiêu” [41, tr.139]. Nhận định này hoàn toàn xác đáng đối với tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo. Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã được kiểm chứng bởi lịch sử và trong chương này, nghiên cứu sinh đã phân tích giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo trên hai bình diện là giá trị lý luận và giá trị thực tiễn.

Trên bình diện *giá trị lý luận*, nghiên cứu sinh đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã nâng tầm tư tưởng “tôn sư trọng đạo” trong văn hóa dân tộc lên một tầm cao mới và đã bổ sung, phát triển sáng tạo tinh hoa giáo dục phương Đông, phương Tây và chủ nghĩa Mác - Lênin để làm giàu cho kho tàng tri thức, lý luận về nhà giáo của nhân loại. Giá trị lý luận của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo còn nằm ở chỗ: Tư tưởng của Người chính là cơ sở lý luận và kim chỉ nam để Đảng, Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo trong mọi chặng đường lịch sử và còn là nền tảng tinh thần để xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay.

Trên bình diện *giá trị thực tiễn*, nghiên cứu sinh đã chứng minh: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã tạo nên đội ngũ giáo viên tâm huyết, góp phần quan trọng trong công cuộc xoá nạn mù chữ, nâng cao dân trí và thực hiện thành công các cuộc cải cách giáo dục. Qua ba cuộc cải cách giáo dục, đội ngũ nhà giáo đã khẳng định vai trò nòng cốt trong việc kiến tạo một nền giáo dục mới, đảm bảo chất lượng đào tạo và tạo ra những thế hệ cán bộ đủ sức đáp ứng các yêu cầu của thực tiễn cách mạng Việt Nam. Không chỉ có ý nghĩa lịch sử, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo còn có giá trị đương đại khi gợi mở hệ thống giải pháp hữu hiệu cho cuộc “chấn hưng” đội ngũ nhà giáo ở Việt Nam hiện nay.

Việc khẳng định giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo góp phần luận giải và tôn vinh sức sống bất hủ của tư tưởng Hồ Chí Minh và đó là điều nghiên cứu sinh hướng đến.

KẾT LUẬN

Hồ Chí Minh trở thành nhà tư tưởng là do nhu cầu dẫn dắt, lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo ra đời là để hướng tới nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo nhằm đưa dân tộc Việt nam từ sự tối tăm bước tới đài vinh quang để “sánh vai với các cường quốc năm châu”. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo không chỉ thể hiện qua các bài nói, bài viết mà Người đã dành cho đội ngũ giáo viên mà còn “lặn” vào hoạt động thực tiễn nhằm xây dựng nền giáo dục dân chủ ở Việt Nam. “Phục dựng” được tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo - sản phẩm tinh thần của một trí tuệ lỗi lạc và sự trải nghiệm thực tiễn của một người Thầy vĩ đại là điều không đơn giản. Trong luận án của mình, nghiên cứu sinh đã giải quyết ba nhiệm vụ.

Một là, *luận giải cội nguồn của việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo* từ ba góc độ là cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và nhân tố chủ quan của Hồ Chí Minh. Sau những gì đã phân tích, luận giải, nghiên cứu sinh thẩm thấu điều mà Cố Thủ tướng Phạm văn Đồng đã khẳng định, rằng tư tưởng Hồ Chí Minh là sự *kết tinh các giá trị văn hóa* nhưng đó không phải là tư tưởng chiết chung, sự lắp ghép hay số cộng của các tư tưởng mà là “một hợp chất mới, đầy sáng tạo” [40, tr.239], mang dấu ấn độc đáo của Hồ Chí Minh.

Hai là, *làm rõ các nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo*. Phải khẳng định rằng, tư tưởng của Người về nhà giáo không “nhất thành, bất biến” mà được hình thành, bổ sung, hoàn thiện cùng với thực tiễn phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Dù hình thành trong thời gian dài và không ngừng đổi mới, tư tưởng của Người về nhà giáo vẫn có tinh thần nhất quán cao độ. Đó là sự đề cao vai trò của đội ngũ nhà giáo trong công cuộc xây dựng một nền giáo dục mới ở Việt Nam. Đó là một loạt các yêu cầu về phẩm chất năng lực, về nội dung và phương pháp giảng dạy mà Hồ Chí Minh đã đề ra để hướng đạo sự phát triển của đội ngũ nhà giáo. Đó còn là hệ thống giải pháp đầy tính khoa học, cách mạng và nhân văn mà Hồ Chí Minh đã đề ra để nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo được diễn ngôn một cách giản dị, dễ hiểu, cô đọng theo lối “ý tại

ngôn ngoại” của nhà hiền triết Á Đông nhưng đã luận giải trọn vẹn một vấn đề là vị thế, phẩm hạnh và biện pháp nâng cao chất lượng của đội ngũ nhà giáo với suy tư sâu sắc của một người thầy, người kiến tạo nên giáo dục mới ở Việt Nam.

Ba là, *phân tích giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo ở góc độ lý luận và thực tiễn*. Nghiên cứu sinh đã chứng minh: Tư tưởng của Người về nhà giáo không chỉ làm giàu cho văn hóa dân tộc và nhân loại mà còn trở thành cơ sở lý luận, ngọn cờ soi đường, kim chỉ nam cho việc xây dựng đội ngũ nhà giáo của Đảng ta trong các chặng đường lịch sử. Giá trị của một tư tưởng suy cho cùng là đem lại những kết quả tích cực trên thực tiễn nên nghiên cứu sinh đã chứng minh: Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo đã tác động hữu ích đến thực tiễn giáo dục ở Việt Nam mà cụ thể là công cuộc xóa mù, nâng cao dân trí và các cuộc cải cách giáo dục. Đặc biệt, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo còn là “khuôn phép” để đánh giá thực trạng đội ngũ nhà giáo, các vấn đề đang đặt ra với đội ngũ nhà giáo và gợi mở hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo hiện nay.

Đất nước đang đứng trước vận hội và nguy cơ mới. Khi mà cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang phát triển với tốc độ chưa từng có thì cần phải có một thế hệ trẻ có đủ khát vọng, năng lực để làm chủ tương lai. Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh: “Thanh niên yêu nước thời đại mới là chinh phục đỉnh cao khoa học”. Khát vọng ấy, năng lực ấy không phải bỗng dưng mà có. Vì thế, trọng trách nặng nề lại một lần nữa đặt lên vai các nhà giáo và trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm trong đó động lực tinh thần cũng như những chỉ dẫn quý giá là việc làm hết sức cần thiết. Có thể thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo thực sự là “ngọn hải đăng” soi đường cho việc xây dựng đội ngũ nhà giáo với bốn trụ cột cơ bản: Đạo đức là nền tảng; chuyên môn là công cụ; dân chủ là phương pháp; sứ mệnh xã hội là động cơ.

Do tư tưởng Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về các vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; cho nên, chúng ta không vì những giá trị to lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo mà cho rằng Người đã để lại mọi giải pháp *trực tiếp* cho tất cả các *vấn đề cụ thể* trong công tác nâng cao chất lượng nhà giáo hiện nay. Đảng Cộng sản Việt Nam và toàn xã hội phải tiếp tục

vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà giáo để đội ngũ nhà giáo Việt Nam phát huy hết năng lực của mình trong việc thực hiện sứ mệnh tạo ra những con người “dám vươn mình”, “biết vươn mình” và đưa đất nước “sánh vai cùng các cường quốc năm châu” như mong muốn mãnh liệt của Hồ Chí Minh. Bản thân đội ngũ nhà giáo Việt Nam phải tìm thấy trong tư tưởng Hồ Chí Minh động lực, phương hướng và phương châm hành động để xứng đáng với niềm tin yêu, sự quan tâm, kỳ vọng của “người đồng nghiệp cao quý - người Thầy vĩ đại” mang tên Hồ Chí Minh./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thu Nguyệt (2023), “Từ truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc đến quan điểm Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của nhà giáo”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông* (1), ISSN: 1859-1485, tr.49-51.
2. Le Thu Nguyet (2023), “Quality and Competency of teachers: From Ho Chi Minh’s perspective to the application in the training of political theory lecturers in vietnam nowadays”, *Universum: Political Culture and Ideologies* (11/102), DOI - 10.32743/UniSoc.2023.102.11.16354, ISSN: 2311-5327, pp.55-58.
3. Le Thu Nguyet (2023), “Improving the quality of higher education lecturers - an important measure in training human resources for the sustainable development of Vietnam”, *Proceedings 2023 the international conference on human resources for sustainable development*, doi.org/10.51316/icpt.hust.2023.59, ISBNE: 978-604-316-371-1, pp.461-469.
4. Lê Thu Nguyệt (2024), “Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nội dung dạy học của nhà giáo - cơ sở để đổi mới nội dung giáo dục - đào tạo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (6), ISSN e - 2815-5831, tr.1-8.
5. Dang Van Khoa, Nguyen Huu Tho, Le Thu Nguyet (2024), “Ho Chi Minh Thought on Youth Education and Its Significance in Vietnam today”, *World Journal of Social Sciences and Humanities* (10/2), pp.25-29.
6. Lê Thu Nguyệt (2024), “Những yêu cầu về phẩm chất, năng lực và trình độ của giảng viên lý luận chính trị trong cách mạng công nghiệp 4.0 dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Dạy và học ngày nay* (12), ISSN 2815-5769, tr.3-4.
7. Lê Thu Nguyệt (2025), “Vận dụng nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lênin trong phương châm giáo dục của Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (1), ISSN 2734-9039, tr.12-14.
8. Lê Thu Nguyệt (2025), “Đẩy mạnh đầu tư cho phát triển giáo dục trong kỷ nguyên phát triển mới của đất nước”, *Tạp chí Quản lý nhà nước* (6), ISSN e - 2815-5831, tr.1-8.
9. Lê Thu Nguyệt (2025), “Từ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người đến công tác xây dựng con người mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia Lực lượng sản xuất mới xu hướng thế giới và thực tiễn Việt Nam*, Nxb Tài Chính, Hà Nội, ISBN: 978-604-79-5020-1, tr.199-208.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Hoàng Anh (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo Đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Kim Anh (2021), “Phương pháp học ngoại ngữ của Bác Hồ và tinh thần tự học”. link truy cập: <https://bqllang.gov.vn/tin-tuc/tin-tong-hop/11509-phuong-phap-hoc-ngoai-ngu-cua-bac-ho-va-tinh-than-tu-hoc.html>, ngày truy cập 20/10/2025
3. Nguyễn Thị Mai Anh (2020), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào quản lý giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, link truy cập <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoc-tap-va-lam-theo-tu-tuong-ao-uc-phong-cach-ho-chi-minh1/-/2018/820793/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-vao-quan-ly-giao-duc%C2%A0o-viet-nam-hien-nay.aspx>, ngày cập nhật 15/12/2020, ngày truy cập 20/10/2025.
4. *Bác Hồ thời niên thiếu* (2000), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
6. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Nghị Quyết Số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị Về đột phá phát triển Giáo dục Và Đào tạo*.
7. Đặng Quốc Bảo (2011), *Phát triển sự nghiệp giáo dục dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2016), “Vấn đề cốt yếu của triết lý giáo dục Việt Nam đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập quốc tế và các khuyến nghị”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông* (2), tr.3-7.
9. Nguyễn Thái Bình (2023), “Quan điểm Hồ Chí Minh về dân chủ trong giảng dạy và học tập - Định hướng đối với công tác giảng dạy và học tập ở các nhà trường hiện nay”, *Tạp chí Chính trị và phát triển* (4), tr.61-65.
10. Nguyễn Đức Bình (2014), *Chủ thuyết chính trị Việt Nam thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội.

11. Bí Ngô (Sưu tầm) (2012), “Những câu danh ngôn hay về người thầy”, link truy cập: <https://giaoduc.net.vn/nhung-cau-danh-ngon-hay-ve-nguoi-thay-post96367.gd>, ngày cập nhật 02/11/2012, ngày truy cập 17/7/2025.
12. Doãn Thị Chín (2024), “Quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo và những người làm công tác giáo dục”, *Tạp chí Thanh tra*, link truy cập: <https://thanhtra.com.vn/chinh-tri/noi-guong-bac/quan-diem-ho-chi-minh-ve-xay-dung-doi-ngu-nha-giao-va-nhung-nguoi-lam-cong-tac-giao-duc-230367.html>, ngày cập nhật 29/8/2024, ngày truy cập 13/11/2024.
13. Nguyễn Thị Thu Cúc (2015), *Cải cách giáo dục ở Việt Nam năm 1979*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
14. Cục Thống kê (2024), *Niên giám thống kê năm 2024*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
15. Danh ngôn (2025), link truy cập: <https://www.vietnammarcom.edu.vn/>, ngày truy cập 22/11/2025.
16. Nguyễn Thị Kim Dung (2013), *Bác Hồ với sự nghiệp giáo dục đào tạo*, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội.
17. Sơn Dương (2024), “Từ cái nôi bình dân học vụ đến trung tâm giáo dục đào tạo hàng đầu cả nước”, link truy cập: <https://nguoihanoi.vn/bai-1-tu-cai-noi-binh-dan-hoc-vu-den-trung-tam-giao-duc-dao-tao-hang-dau-ca-nuoc-86279.html>, ngày cập nhật 16/8/2024, ngày truy cập 12/2/2025.
18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 47, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 49, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 50, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 52, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 53, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 55, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 59, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 61, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 63, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng trung ương Đảng, Hà Nội.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Tập I, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Đoàn Nam Đàn (2018), “Quan niệm Hồ Chí Minh về giáo dục sức khỏe cho thanh niên”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông* (9), tr.41-44.
35. Nguyễn Hồng Điệp (2021), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục khai phóng và vận dụng trong đổi mới giáo dục”, *Tạp chí Lý luận Chính trị* (3), tr.73-78.
36. Trần Thị Điều (2020), “Giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản* (945/7), tr.30-34.
37. Phạm Văn Đồng (1970), *Công tác giáo dục và người thầy xã hội chủ nghĩa*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
38. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một sự nghiệp, một thời đại*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

39. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại và tương lai*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
40. Phạm Văn Đồng (2012), *Hồ Chí Minh - Tinh hoa và khí phách của dân tộc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Phạm Văn Đồng (2023), *Văn hóa và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội
42. Trần Đường (2008), *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
43. Furuta Motoo (1997), *Hồ Chí Minh giải phóng dân tộc và đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Vũ Văn Gầu - Nguyễn Anh Quốc (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp phát triển giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Võ Nguyên Giáp (1991), *Tư tưởng Hồ Chí Minh, quá trình hình thành và phát triển*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
46. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. *Giáo sư nhà giáo Trần Văn Giàu* (1996), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
48. Bùi Thị Thu Hà (Tuyển chọn) (2012), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với giáo dục nhà trường*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
49. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), “Những giải pháp chủ yếu để nâng cao đạo đức nhà giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Giáo dục* (3), tr.123-125.
50. Ngô Văn Hà (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy và việc xây dựng đội ngũ giảng viên đại học hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
51. Ngô Văn Hà (2021), “Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (976), tr.65-71.
52. Phạm Minh Hạc (2000), *Tổng kết 10 năm (1990 - 2000) xóa mù chữ và phổ cập giáo dục Tiểu học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
53. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển con người toàn diện trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
54. Đào Thanh Hải và Minh Tiến (Sưu tầm, tuyển chọn) (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục*, Nxb Lao động, Hà Nội.

55. Đỗ Thanh Hải (2020), “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với việc xây dựng đội ngũ nhà giáo Việt Nam giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (948/8), tr.32-36.
56. Nguyễn Minh Hải (2019), *Xây dựng đội ngũ giảng viên các trường Đại học Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
57. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (1998), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
58. Thu Hằng (2021), “Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và lớp huấn luyện chính trị trước khi về nước”, *Tạp chí Thanh tra* (2), tr.6-8.
59. Vũ Thị Hằng (2017), *Đội ngũ trí thức ở các trường Đại học trong quá trình xây dựng triết lý giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
60. Phan Hiền (2000), *Bác Hồ với sự nghiệp trồng người*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
61. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
62. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
63. Phan Văn Hoàng (2018), *Hồ Chí Minh chân dung và di sản*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
64. Nguyễn Xuân Hùng (2023), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy trong xây dựng đội ngũ nhà giáo quân đội”, *Tạp chí Lý luận chính trị chuyên đề* (11), tr.36-42.
65. Nguyễn Thị Thu Huyền - Lại Sơn Tùng (2025), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển đội ngũ nhà giáo và sự vận dụng của Đảng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, link truy cập:
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/hoc-tap-va-lam-theo-tu-tuong-ao-uc-phong-cach-ho-chi-minh1/-/2018/1185603/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-phat-trien-doi-ngu-nha-giao-va-su-van-dung-cua-dang-trong-giai-doan-hien-nay.aspx>, ngày cập nhật 10/12/2025, ngày truy cập 29/3/2026.

66. Phạm Thị Thanh Huyền (2021), “Tìm hiểu tư tưởng triết học giáo dục của Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Dạy và học ngày nay* (11), tr.15-16.
67. Hoàng Kim Hữu (2018), “Ba cuộc cải cách giáo dục ở Việt Nam cơ sở cho tư tưởng đổi mới giáo dục hiện nay”, link truy cập:
<http://thcschuvanan.mangyang.edu.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-chuyen-mon/nhin-lai-cac-cuoc-cai-cach-giao-duc-o-viet-nam-co-so-tu-tuon.html>, ngày cập nhật 22/10/2018, ngày truy cập 15/02/2025.
68. Linh Hương (2022), “Cả nước có hơn 1,4 triệu nhà giáo”, link truy cập:
<https://giaoduc.net.vn/ca-nuoc-co-hon-14-trieu-nha-giao-post230551.gd>, ngày cập nhật 21/10/2022, ngày truy cập 30/7/2025.
69. Lại Quốc Khánh (2023), “Thực trạng và giải pháp phát triển đội ngũ trí thức trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản chuyên đề* (8), tr.109-117.
70. Hồng Khanh (2020), *Chuyện ngày thường của Bác Hồ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Hoàng Kỳ (2023), “Học tập ý chí và phương pháp tự học của Bác Hồ”, link truy cập: <https://thpttaythanh.hcm.edu.vn/hoc-tap-va-lam-theo-bac/hoc-tap-y-chi-va-phuong-phap-tu-hoc-cua-bac-ho/ctmb/91734/472102>, ngày cập nhật 13/2/2023, ngày truy cập 29/10/2025.
72. Nguyễn Kỳ (2008), *Tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
73. Nguyễn Văn Lan (2020), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Ấn Độ và sự gắn kết tình hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ”, *Tạp chí Cộng sản*, ngày cập nhật 07/08/2020, ngày link truy cập 11/3/2026, link truy cập:
<https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quoc-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/817115/chu-tich-ho-chi-minh-voi-an-do-va-su-gan-ket-tinh-huu-nghi-viet-nam---an-do.aspx>
74. Đinh Xuân Lâm (2005), *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Khoan (2011), *Luật sư Phan Anh*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

76. Vũ Trọng Lâm (2022), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền giáo dục nhân bản, phát huy cao nhất mọi năng lực, phẩm chất vốn có của con người - Vận dụng cho đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản* (983), tr.28-35.
77. Nguyễn Lâm (1990), *Hồ Chủ tịch - Nhà giáo dục vĩ đại*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
78. V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
79. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, Tập 36, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
80. V.I. Lênin (2006), *Toàn tập*, Tập 45, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
81. Nguyễn Liên (2023), “Việt Nam vẫn còn trên 734.000 người chưa đạt chuẩn biết chữ mức độ 1”, link truy cập: <https://daibieunhandan.vn/viet-nam-van-con-tren-734-000-nguoi-chua-dat-chuan-biet-chu-muc-do-1-post350945.html>, ngày cập nhật 22/11/2023, ngày truy cập 12/2/2025.
82. Phan Ngọc Liên và Nguyễn An (Biên soạn) (2003), *Bách khoa thư Hồ Chí Minh, Tập 1: Hồ Chí Minh với Giáo dục - Đào tạo*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
83. Hà Linh (2025), “Bộ GD&ĐT chỉ nguyên nhân khiến giáo viên trẻ nghỉ hoặc xin chuyển việc”, *Báo Tiền phong*, link truy cập: <https://tienphong.vn/bo-gddt-chi-nguyen-nhan-khien-giao-vien-tre-nghi-hoac-xin-chuyen-viec-post1792685.tpo>, ngày cập nhật 02/11/2025, ngày truy cập 01/12/2025.
84. Thùy Linh (2016), “Triết lý giáo dục Việt Nam qua phân tích của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam”, link truy cập: <https://giaoduc.net.vn/triet-ly-giao-duc-viet-nam-qua-phan-tich-cua-pho-thu-tuong-vu-duc-dam-post172529.gd>, ngày cập nhật: 17/11/2016, ngày truy cập 29/10/2025.
85. Lê Thị Thùy Linh (2018), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy trong sự nghiệp giáo dục”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông* (4), tr.12-15.
86. Võ Văn Lộc (2011), *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dân chủ trong giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
87. Trần Văn Lực (2025), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức nhà giáo”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, link truy cập: <https://tapchilichsudang.vn/quan-diem-cua-ho-chi-minh-ve-dao-duc-nha-giao.html>, ngày cập nhật 30/9/2025, ngày truy cập 29/3/2026.

88. C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
89. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
91. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 16, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
92. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 19, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
93. Bùi Văn Mạnh (2024), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, nhiệm vụ và những yêu cầu đối với đội ngũ nhà giáo trong xã hội mới ở Việt Nam*”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, link truy cập: <https://tcnn.vn/news/detail/66178/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-vai-tro-nhiem-vu-va-nhung-yeu-cau-doi-voi-doi-ngu-nha-giao-trong-xa-hoi-moi-o-Viet-Nam.html>, ngày cập nhật 24/6/2024, ngày truy cập 06/10/2025,
94. Hồ Chí Minh (1972), *Bàn về công tác giáo dục*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (1971), *Về vấn đề học tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
99. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
102. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
103. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
106. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
107. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

108. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
109. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
110. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
111. Nguyễn Thị Bình Minh (2021), *Xây dựng hình ảnh nhà giáo trong sinh viên sư phạm qua hoạt động rèn luyện đạo đức nghề nghiệp*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
112. *Mười bảy năm chụp ảnh Bác Hồ* (2009), Nxb Kim Đồng, Hà Nội.
113. Lê Đình Năm (2021), “Xây dựng đội ngũ giáo viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông* (11), tr.27-30.
114. Thống Nhất (2024), “Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn theo quy định mới tăng mạnh”, link truy cập: <https://hanoimoi.vn/ty-le-giao-vien-dat-chuan-theo-quy-dinh-moi-tang-manh-659504.html>, ngày cập nhật 29/2/2024, ngày truy cập 30/7/2025.
115. Trần Qui Nhơn (2006), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
116. Nguyễn Thị Ngọc (2021), “Quan điểm của Hồ Chí Minh về một nền giáo dục công bằng”, *Tạp chí Dạy và học ngày nay*, số 11/2021, tr.13-14.
117. Trịnh Thị Phương Oanh (2021), “Phong cách Hồ Chí Minh và định hướng xây dựng phong cách cho giảng viên trẻ hiện nay”, *Tạp chí Sinh hoạt lý luận*, số 2/2021, tr.11-15.
118. Hoàng Phê (Chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
119. Minh Phong (2023), “Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo”, link truy cập: <https://giaoducthoidai.vn/ty-le-giao-vien-dat-chuan-trinh-do-dao-tao-post651894.html#:~:text=GD%26T%C4%90%20,99%2C9>, ngày cập nhật: 24/8/2023, ngày truy cập: 30/7/2025.
120. Trung Phương (2024), “Chăm lo, xây dựng đội ngũ nhà giáo”, link truy cập: <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/cac-van-de/cham-lo-xay-dung-doi-ngu-nha-giao-792208>, ngày cập nhật 03/9/2024, ngày truy cập 30/7/2025.

121. Lý Việt Quang (Chủ biên) (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục với vấn đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Lý Việt Quang, Đỗ Văn Trung (2019), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đội ngũ nhà giáo”, *Tạp chí Khoa học chính trị* (3), tr.23-27.
123. Quốc hội (2025), *Luật Nhà giáo*, link truy cập: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-Nha-giao-2025-so-73-2025-QH15-621345.aspx>, ngày cập nhật 16/6/2025, ngày truy cập 20/10/2025.
124. Trần Hồng Quân (1995), *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945 - 1995)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
125. Xuân Quý (2023), “Cả nước thiếu tới 118.253 giáo viên, số lượng ngày càng tăng”, link truy cập: <https://daibieunhandan.vn/ca-nuoc-thieu-toi-118-253-giao-vien-so-luong-ngay-cang-tang-10317322.html>; ngày cập nhật 18/8/2023, ngày truy cập 30/7/2025.
126. Trần Minh Siêu (Biên soạn) (1996), *Những người thân trong gia đình Bác Hồ*, Nxb Nghệ An, Nghệ An.
127. Đinh Quang Thành (2018), *Xây dựng đội ngũ giảng viên trong thời kỳ đổi mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
128. Song Thành (Chủ biên), (2006), *Hồ Chí Minh Tiểu sử*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
129. Song Thành (2018), *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924-1927)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
130. Mạch Quang Thắng (2010), *Hồ Chí Minh - con người của sự sống*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. Đinh Văn Thụy (2022), “Triết lý giáo dục của Hồ Chí Minh với đổi mới giáo dục và đào tạo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Triết học* (371), tr.22-29.
132. Nguyễn Đăng Tiến (Chủ biên), Nguyễn Phú Tuấn (2011), *Danh nhân giáo dục Việt Nam và thế giới*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
133. Trần Dân Tiên (2015), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

134. Nguyễn Văn Toàn (2023), “Thành tựu ngành giáo dục Việt Nam sau ngày thành lập nước”, link truy cập: <https://susta.vn/giao-duc-dao-tao/thanh-tuu-nganh-giao-duc-viet-nam-sau-ngay-thanh-lap-nuoc-28210?>, ngày cập nhật, 17/9/2023, ngày truy cập 13/02/2025.
135. Vương Kiệm Toàn (1986), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp chống nạn thất học, nâng cao dân trí*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
136. Trần Đình Tuấn (2022), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về người thầy giáo”, *Tạp chí điện tử Giáo chức Việt Nam*, link truy cập, <https://tapchigiaochuc.com.vn/tu-tuong-ho-chi-minh-ve-nguoi-thay-giao.html>, ngày cập nhật 14/11/2022, ngày truy cập 13/11/2024.
137. Nguyễn Trãi (1428), Bùi Kỳ (Dịch), *Bình Ngô đại cáo*, [https://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%ACnh_Ng%C3%B4_%C4%91%E1%BA%A1i_c%C3%A1o_\(B%C3%B9i_K%E1%BB%B7_d%E1%BB%8Bch\)](https://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%ACnh_Ng%C3%B4_%C4%91%E1%BA%A1i_c%C3%A1o_(B%C3%B9i_K%E1%BB%B7_d%E1%BB%8Bch))
138. Thu Trang (2000), *Nguyễn Ái Quốc ở Pari*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Trần Thị Minh Tuyết (2018), “Vận dụng tư tưởng “trồng người” của Hồ Chí Minh vào việc giáo dục đào tạo”, *Tạp chí Khoa học chính trị* (2), tr.14-18.
140. Trần Thị Minh Tuyết (2018), “Triết lý giáo dục Hồ Chí Minh - cơ sở lý luận của việc cải cách giáo dục Đại học ở Việt Nam”, *Tạp chí Triết học* (9), tr.10-17.
141. Trần Thị Minh Tuyết và Nguyễn Thị Phương Thảo (2020), “Tầm nhìn thời đại của Hồ Chí Minh về giáo dục”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (9), tr.106-113.
142. Tuệ Nguyễn (2024), “Hơn 7.000 giáo viên nghỉ việc trong 10 tháng”, *Báo Thanh niên*, link truy cập: <https://baogialai.com.vn/hon-7000-giao-vien-nghi-viec-trong-10-thang-post276825.html>, ngày cập nhật 08/05/2024, ngày truy cập 06/11/2025.
143. Phạm Thị Thúy Vân (2019), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò người thầy vào việc bồi dưỡng đội ngũ giảng viên Đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo hiện nay”, *Tạp chí Lý luận - Khoa học giáo dục - Bộ Giáo dục và đào tạo* (450), tr.1-5.

144. Vũ Quang Vinh (2023), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và đào tạo*”, *Tạp chí Chính trị và phát triển* (1), tr.38-43.
145. Đức Vương (2015), *Hồ Chí Minh đào tạo cán bộ và trọng dụng nhân tài*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
146. V.A. Xu Khômlinxki (1981), *Giáo dục con người chân chính như thế nào: Lời khuyên của các nhà giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
147. Vũ Kim Yến và Nguyễn Văn Dương (Sưu tầm, biên soạn) (2017), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề học tập*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

Tiếng Anh

148. Anderson, Mark E, (1991), *Principal: How to train, recruit, select, induct and evaluate leaders for America's schools*, ERIC Clearinghouse on Educational Management, College of Education, University of Oregon.
149. Bain, Kenneth (2004), *What the Best College Teachers Do*, Harvard University Press.
150. David Halberstam (1971), *Ho*, Random House, New York.
151. William Joseph Duiker (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, Hyperion, New York.
152. Education International & UNESCO (2019), *Global Framework of Professional Teaching Standards*, UNESCO Publishing, Paris.
153. Goh, Chor Boon, & Tan, Jason (2019), *Education leadership in Singapore*, Springer, Singapore.
154. Hargreaves, Andy. (2006), *Teaching in the knowledge society: Education in the age of insecurity*, Teachers College Press, New York
155. Marr, David George. (1981), *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*, University of California Press, Berkeley, California.
156. Sophie Quinn-Judge (2002), *Ho Chi Minh: the Missing Years 1919 - 1941*, University of California Press, Berkeley Los Angeles.
157. Tatto, Maria Teresa (2020), “Teacher Education, Teacher Professionalism and Research: International Perspectives”, *European Journal of Teacher Education*, 43(5), Taylor & Francis Group.
158. UNESCO & ILO (1966), *Recommendation concerning the Status of Teachers*, UNESCO Publishing, Paris.